Sống Nửa Cuộc Đời

Trên Đất Mỹ

Hướng Dương TxĐ

2005

Bản Mục Lục

Chương Một: Mùa Thu tại Nữu Ước 3

Chương Hai: Chạm Trán với Thực Tế 24

Chương Ba: Mùa Đông tại Nữu Ước 46

Chương Bốn: Mùa Xuân tại California 70

Chương Năm: Sống lại Đời Sinh Viên 92

Chương Sáu: Gia Đình Đoàn Tụ 115

Chương Bảy: Nỗ Lực và Thành Công 136

Chương Tám: Những Chuyện Xuân Tàn 150

Chương Chín: Về Một Cuộc Ra Đi 166

Chương Mười: Lịch Sử Đã Soay Vần 189

Chương Chót: Vài Giòng Kết Luận 201

Chương Nhất

Mùa Thu Tại Nữu Ước

Hoàng đến đất Mỹ, mảnh đất sẽ dung thân trong phần còn lại của cuộc đời anh, vào tháng mười năm 1981. Số anh năm đó gặp nhiều may mắn. Anh đã thoát chết bên Kămpuchia. Anh đã được chấp nhận vào Mỹ mặc dù trước đó đã được nhận vào Pháp. Anh đã bị đẩy đi Alabama, nhưng sau đấy đã tranh đấu để được đi Nữu Ước và đã được toại nguyện. Trên con đường dài đưa anh từ Saigon thân thương đến bao nơi xa lạ trên đất khách quê người, anh đã gặp nhiều người giúp đỡ, từ Lon, người dẫn đường Miên trung thành đã đưa anh vượt qua cái chết để tìm đến một cuộc sống mới, cho đến bao nhiêu người anh đã gặp tại các trại tị nạn và những người anh đã quen biết vẫn còn nhớ đến anh sau bẩy năm lay lứt sống trong quên lãng dưới chế độ Cộng Sản.

Từ phi trường JFK, anh đã được ngồi trên chiếc Cadillac của Seymour, chồng của Florence để đi về nhà họ ở Merrick, một thành phố nhỏ nằm trên bán đảo Long Island, ở miền nam thành phố Nữu Ước. Chiếc xe chạy giữa một rừng xe hơi trên những xa lộ rộng thênh thang, anh chưa từng bao giờ được thấy trong đời. Hôm ấy là chiều thứ sáu, trời đã xẩm tối và những chiếc đèn pha chói sáng làm lóa đôi mắt nhà quê của anh. Bẩy năm sống trong thiên đường Xã Hội Chủ Nghĩa, anh đã quên đi cuộc sống văn minh. Anh đã quên đi cả những cái gì tầm thường nhất như chiếc xe hơi, bộ đồ complet và chiếc cravate, bao thuốc lá thơm và ly rượu cognac. Nay anh đã rời vùng âm u của một quá khứ đen tối để trở lại với ánh sáng của văn minh, anh đã lại được ngồi trên chiếc xe hơi, đi trên những xa lộ thênh thang, nhìn những ánh đèn xe soi sáng cả một vùng trời bao la. Ngày mai đây, anh sẽ trở lại sống cuộc sống mà anh đã sống trước ngày bọn Cộng Sản tràn vào miền Nam thân yêu. Anh sẽ bỏ hút thuốc rê để trở lại với những bao thuốc thơm Pall Mall đỏ. Anh sẽ giã từ rượu đế rẻ tiền để trở lại với những ly Cognac và Scotch Whisky thơm ngạt ngào. Anh sẽ lại bận đồ lớn, đeo cravate, mang kính gọng vàng để lại trở thành một ông thày. Anh sẽ không chút thương tiếc quên đi cuộc đời cu li xích lô mà anh đã phải sống bao năm tháng, quên đi những câu chửi thề, quên đi những hành động vũ phu mà anh đã học được khi lăn lộn trong giới đạp xích lô nhà nghề. Ôi những ngày đau thương ấy nay đã trôi qua, những ngày tới tuy sẽ còn nhiều khó khăn nhưng sẽ không còn đau thương nữa.

Ngày anh đến Merrick, trời đã về Thu, không còn cái nóng bức của mùa hè của Nữu Ước mà chỉ còn là cái khí hậu mát rười rượi. Quang cảnh mua Thu sao đẹp lạ lùng. Lá cây đã ngả màu vàng đỏ và đã bắt đầu rụng đầy đường.

Trời Thu âm u và nhưng cơn gió thổi đã làm làn da anh nổi gai ốc. Năm ấy anh ba mươi chín tuổi nhưng bỗng nhiên anh cảm thấy trẻ đi mười tuổi, và nhìn cuộc đời màu hồng. Hay ít ra anh cũng đã trẻ đi bẩy tuổi, vì bẩy năm sống với Cộng Sản tại quê nhà anh đã không sống, anh đã chết, hay anh đã ngủ một giấc dài, nay chẳng còn cái gì đáng để giữ lại trong tiềm thức. Sáu tháng trên con đường đi tị nạn, anh đã sống một mình, anh đã trở nên một thanh niên lăn lộn bên những thanh niên khác mà anh đã làm quen. Anh đã hành động như họ và có thể anh cũng đã suy nghĩ như họ. Bạn anh là những thanh niên độc thân xa nhà, nhớ mẹ và nhớ người yêu. Anh cũng nhớ mẹ già nhưng chẳng còn người yêu nào để nhớ. Nhiều lúc anh đã quên đi rằng anh đã lập gia đình, đã có vợ và bốn đứa con nhỏ. Hoàn cảnh độc thân đã làm anh nhiều khi lầm tưởng rằng mình chưa có vợ con. Vả lại, tình thế lúc đó làm cho anh nghĩ rằng khó có ngày anh đươc gập lại gia đình hay nói cho đúng hơn, ngày anh được gập lại gia đình còn xa vời lắm. Ý tưởng đó càng làm cho anh cảm thấy rằng mình sẽ phải sống cô độc, và vì không còn bị ràng buộc nên anh càng thấy mình trẻ trung.

Merrick là một tỉnh nhỏ, một trạm dừng của chiếc xe lửa chạy dọc con (bán) đảo dài để đưa những người dân trên vùng đảo này đến Manhattan, tức là trung tâm Nửu Ước. Tuy tỉnh nhỏ nhưng thời gian anh sống ở đó, anh cũng không đi đâu xa hơn là quanh quanh nơi anh ở nên anh cũng chẳng biết hết Merrick. Căn nhà của gia đình Hellman, một gia đình người do thái đã bảo trợ cho anh đến tị nạn tại đất Mỹ, nằm ở khu vực sang trọng, nơi có những căn nhà đẹp nhất và nơi những gia đình sang trọng nhất tỉnh cư ngụ.

Khi về đến Merrick, Seymour đậu chiếc xe nơi phía sau nhà rồi dẫn anh ra phía trước để cho anh vào bằng cổng chính. Florence ra cửa đón anh và mừng rỡ dang tay ra ôm anh vào người, đón anh theo kiểu Mỹ. Anh không quen ôm đàn bà lạ, nhất là đàn bà lớn hơn anh hai chục tuổi, nên anh cảm thấy bỡ ngỡ, khó chịu. Nhưng rồi cũng xong, Florence cũng nhận ra rằng anh là thằng nhà quê, không biết ôm phụ nữ nên rồi cũng buông anh ra. Bà hỏi anh, "Thế nào, anh thấy nước Mỹ ra sao? Anh có thích không?" Anh chỉ cười ruồi, gật đầu không nói gì. Anh mới đến Mỹ được có bốn ngày, đã biết gì đâu để mà trả lời? Rồi bà dẫn anh lên lầu chỉ cho anh căn phòng nhỏ mà bà dành cho anh. Bà bảo anh bỏ chiếc sách tay mà anh đã ôm đến đất Mỹ từ những trại tị nạn bên đất Thái và Nam Dương. Trong cái sách tay, của cải của anh không có gì hơn là dăm ba cái quần sà lỏn, áo maillot đã ngả màu cháo lòng, cái khăn quàng cổ, kỷ niệm duy nhất còn lại từ cuộc băng rừng Kămpuchia để đến biên giới Thái, vài ba giấy tờ chứng minh tư cách tị nạn của mình, và ít đồ dùng cá nhân như xà bông, khăn mặt, bàn chải và kem đánh răng. Sau đó bà dẫn anh xuống trở lại dưới nhà và đưa anh đi một vòng xem căn nhà. Anh ngớ ngớ ngẩn ngẩn đi theo bà, nghe bà nói nhưng chẳng hiểu được cho hết những gì bà kể cho anh nghe vì anh chưa quen tiếng Anh. Anh chỉ mỉm cười gật đầu để tỏ vẻ sung sướng đã được chấp nhận vào gia đình Hellman.

Rồi Florence dẫn anh đi ra sân sau nơi có kê một chiếc bàn nhỏ và bốn cái ghế có nệm, loại ghế có thể kéo dài ra để làm thành ghế nằm chơi. Anh thấy Seymour đang ngồi nơi đây và bên cạnh ông là một thằng bé con khoảng 13 tuổi trông mặt láu lỉnh dễ ghét. Sau này anh sẽ khổ vì nó. Florence ngồi xuống bên Seymour và bảo anh ngồi bên cạnh thằng nhóc con. Bà giới thiệu anh với nó, "Robbie, đây là Hoàng, người mà con trông đợi muốn gặp từ mấy tháng nay." rồi bà quay sang anh, "Đây là Robbie, đứa nhỏ nhất nhà. Ba anh chị nó đều đi làm ở xa. Randy đang dạy học ở Stanford, California. Bruce đang ở bên Đức. Nó làm cho một hãng truyền thông. Còn Tally làm y tá ở New Jersey." Lúc nãy bà đã chỉ cho anh những tấm hình gia đình treo trên tường trong phòng khách, cả mấy chục tấm hình to nhỏ chụp từ bao nhiêu năm trước và đã nói cho anh nghe về từng người, nhưng anh đâu có tai đâu mà nghe? Tâm trí anh còn ở đâu đâu. Vả lại anh còn lạ nước lạ cái, anh còn bỡ ngỡ, chẳng biết mình đang ở đâu, đang làm gì nơi đây.

- Anh uống một ly Manhattan với chúng tôi nghe!

Anh chẳng biết Manhattan là cái gì nhưng anh cũng trả lời đại, "Vâng!" Seymour lấy cái ly pha lê đổ rượu đã pha sẵn từ một cái bình cũng bằng pha lê đưa cho anh. Sau này anh được Seymour giao cho cái nhiệm vu pha Manhattan vào mỗi chiều cuối tuần: một phần whisky Mỹ hai phần vang bourbon ngọt và cả đống nước đá đã say nhỏ, cho vào bình pha lê rồi lấy chiếc muỗng dài mà khuấy cho đều. Thời gian anh ở với gia đình Hellman, anh đã uống không biết bao nhiêu ly Manhattan, uống riết đâm nghiện. Một chai whisky Mỹ có ba bốn đồng bạc, chai bourbon có một hai đồng, tha hồ uống cho say say, để thấy lâng lâng như mình đang bay bổng trên không trung. Vì rượu ngọt nên uống không say liền, uống chừng mười lăm phút nửa giờ sau đó mới thấy thấm. Anh không thích Manhattan bằng cognac, nên khi ở trong phòng một mình, anh thường hay tu cognac. Chẳng cần đổ ra ly, cứ cầm nguyên chai mà uống cho say mèm, say để rồi đi ngủ như chết, để quên đi bao nỗi buồn cứ xen vào tâm hồn mình.

- Anh uống đi rồi cho tôi biết anh có thích không.

Anh nhấc ly rượu lên môi làm một ngụm. Cái vị ngọt ngọt thấy cũng dễ chịu, Anh nói:

- Ngon lắm. Tôi thấy thích thứ này!

Seymour nhìn anh gật gù rồi với tay lấy chiếc lọ thủy tinh chứa những nắm gì trăng trắng hình bầu dục ngâm trong nước trong vắt tựa như nước lã, trông giống những nắm giò nấu canh rau đay mà mẹ anh thường nấu ở bên nhà nhưng to hơn nhiều. Ông cắm chiếc nĩa vào và vớt ra hai miếng, một

miếng cho Florence và một miếng cho anh. Anh hỏi Florence nó là cái gì thì bà nói đó là một món cá nắm đặc biệt của người Do Thái. Anh dùng niã đưa miếng cá vào mồm cắn một miếng, rồi nhai. Anh thấy món cá Do Thái này chẳng ngon lành gì vì nó lạt lẽo, vô vị mà lại không dòn dai như miếng giò trong canh rau đay. Cả Seymour lẫn Florence đều nhìn để xem phản ứng của anh ra sao. Anh bèn làm ra vẻ thú vị và nói, "ngon đấy chứ!" Florence nói, "Anh thích món cá này hả? Anh vội trả lời, "Vâng, tôi thích lắm, nó không có mùi tanh của cá!" Bà mỉm cười sung sướng. Hôm ấy là lần đầu tiên trong đời anh được nếm những món ăn lạ của dân Do Thái, những miếng bánh lạt, những hạt đậu luộc, cottage cheese… Người Do thái họ không ăn jambon súc xích như người Pháp nên những món anh thèm từ lâu thì không có. Họ cũng ít ăn bơ mà lại ăn margarine nên anh thấy chán đời làm sao!

Chiều về trời hơi lành lạnh mà anh chẳng có áo ấm mà mặc. Gió thu thổi hiu hiu làm anh nổi da gà. Những chiếc lá to của giống cây Maple rơi rụng khắp sân, dẫm lên nghe rào rào. Florence ngồi một lúc rồi đi vào nhà làm bếp chuẩn bị cho bữa ăn tối. Thằng nhóc con đã trốn đi chơi đâu lúc nào anh cũng chẳng hay. Chỉ còn anh và Seymour ngối uống Manhattan và nói chuyện. Seymour hỏi anh đủ thứ chuyện về cha mẹ anh, anh em anh, về cuộc sống lúc nhỏ, lúc lớn, đi học, lấy vợ đẻ con. Ôi đủ thứ chuyện, trả lời bằng tiếng Anh mỏi cả quai hàm vì anh đâu đã quen nói tiếng Anh? Đến khi trời xẩm tối và cả Seymour lẫn anh đã ngà ngà say, hai người đứng dậy để vào nhà trong. Seymour ôm mấy gói bánh và mấy lọ đồ ăn, còn anh lo dọn đĩa, ly, dao, nĩa và cái bình đựng rượu nay đã cạn. Đã quá nửa năm anh không có cái cảm giác sung sướng do rượu say mang đến vì kể từ ngày ra đi khỏi Battambang anh đâu có rượu mà uống? Những ngày ở trại tị nạn, thiếu gì rượu bán lén nhưng anh đã chẳng có tiền mà mua. Những đứa bạn trong trại có bà con ở ngoại quốc gởi tiền cho đều đều tha hồ ăn uống, thuốc lá cà phê, và cả bia rượu lẫn gái nữa. Còn anh chẳng có ai gởi cho đồng xu nào ngoại trừ 50 đô la do một người cô bên Pháp gởi cho vào cái lúc anh chuẩn bị lên máy bay ở Singapore để đi Mỹ. Anh đã dùng số tiền ấy để mua một chiếc sơ mi cụt tay và một đôi giầy vải, vì suốt thời gian lăn lộn ở các trại tị nạn trước đó anh chỉ đi dép mủ và mặc áo thun. Không gì sung sướng hơn là lại được nuốt những ngụm rượu để cảm thấy cái cảm giác nong nóng nơi cổ họng và sự ngây ngất trong lòng. Cả đời anh, anh đã uống rượu để quên những ưu tư cấu xé tâm óc anh. Anh không hiểu vì sao anh có bao nhiêu buồn phiền, có lẽ bởi vì anh đa cảm mà lại ôm đồm nhiều ước vọng, không những những ước vọng vị kỷ, vì ai là người không vị kỷ, nhưng cả những ước vọng bất vụ lợi nữa. Anh đã quá mê say với cuộc đời, với con người mà thấy mình không làm được những gì mình muốn. Thân làm tội đời, anh đã khổ sở không ít. Và rượu đã là phương thuốc giải sầu, làm cho anh quên đi ưu tư phiền muộn.

Hai người vào đến nhà bếp, Seymour bảo anh để những đồ anh ôm trên tay vào chậu rửa bát còn ông cất những thức ăn vào tủ lạnh hay nơi tủ góc nhà bếp. Sau đó Seymour chui vào trong một căn phòng nhỏ nơi có những kệ chứa sách, mấy ghế bành, và một máy truyền hình. Ông vặn chiếc truyền hình lên và ngồi đó xem. Anh đã theo chân ông vào nơi đó và cũng ngồi xuống một ghế bành nghỉ ngơi. Anh chưa quen xem truyền hình, nhất là truyền hình Mỹ nên chẳng buồn theo dõi trận banh mà Seymour đang xem một cách thích thú. Vả lại nếu có coi, anh cũng sẽ chẳng hiểu gì vì người Mỹ họ không chơi túc cầu như mình. Họ chơi banh bầu dục giống như rugby, nhưng không phải là rugby. Sau này anh được biết đó là túc cầu Mỹ, và chỉ có Mỹ và Nhật Bản là hai nước chơi loại thể thao này.

Anh đang nhắm mắt để tâm hồn lơ lửng bay về nơi đâu đâu thì bỗng nhiên anh thấy có ai vỗ nhẹ vào vai. Anh mở mắt ngước nhìn lên phía sau thì thấy thằng nhóc Robie nó vẫy vẫy tay ra hiệu cho anh theo nó. Anh bèn miễn cưỡng đứng dậy đi ra ngoài và theo Robie lên trên lầu. Nó đưa anh vào trong căn phòng riêng của nó, ngay cạnh căn phòng dành cho anh. Căn phòng của Robie bừa bộn dơ dáy, quần áo, chăn mền, đồ chơi, sách vở vất bừa bãi khắp nơi. Robie bảo anh ngồi xuống chiếc giường rồi nó hỏi anh có biết chơi dungeon and dragons hay không. Anh chẳng hiểu nó nói cái gì và trả lời, "không!" Nó nhìn anh như nhìn một thằng mọi và nói, "Sao mày lại không biết chơi dungeon and dragons? Bộ ở xứ mày không ai chơi trò chơi này hay sao?" Rồi nó kể cho anh nghe rằng bên này ai cũng chơi trò chơi dungeon and dragons và rằng đó là một trò chơi thông minh không phải ai cũng chơi được. Anh nghe nó nói tướng nói gió cũng hơi thấy khó chịu. Anh nghĩ thằng nhóc này được bố mẹ nuông chiều nên hư. Sau này quả nhiên là đúng như vậy. Robie là một thằng bé cứng đầu, ương ngạnh, lười biếng và ham chơi hơn ham học, thích ăn nói khoác lác. Sống bên nó anh gặp bao cảnh chướng tai gai mắt, bực mình mà phải cắn răng chịu không làm gì được. Anh nghĩ chỉ cần đá đít hay quất cho nó chục lần là đâu vào đó, hết mất dạy.

Nhìn thằng Robie, anh chợt nhớ đến những đứa con của anh, nhất là đứa con trai lớn hiện vẫn còn nằm trong khám Chí Hoà, nhà tù lớn ở Saigon. Tự dưng anh cảm thấy đau nhói trong tim. Con anh cũng lớn gần bằng thằng Robie này, chỉ thua nó có một tuổi, nhưng đã phải trải qua bao nhiêu kinh nghiệm đau thương do thời cuộc đưa đến. Mới mười hai tuổi đầu mà nó đã phải sống bẩy năm trời trong sự đói khát nghèo nàn của xã hội Xã Hội Chủ Nghĩa, trong ách bức của chế độ Cộng Sản. Nó đã trưởng thành mau chóng trong hoàn cảnh của đất nước và đã sớm hiểu và chấp nhận những gay go của cuộc sống cả vật chất lẫn tinh thần. Trong khi đó thì thằng Robie chỉ biết sung sướng, chỉ sống trong no ấm, hạnh phúc và lại được cha mẹ nuống chiều. Thật là hai thái cực.

Robie kéo một bàn cờ từ gầm giường và rủ anh đánh cờ với nó. Anh không biết đánh cờ tây nhưng cũng phải tập chơi với nó để lấy lòng. Nó chỉ cho anh cách chơi, nhưng vì không biết kiên nhẫn nên la hét inh củ tỏi làm anh bực mình khó chịu. Cũng may mà lúc anh bắt đầu muốn bợp tai nó thì Florence kêu xuống ăn cơm tối. Bà đứng chờ ngay nơi chân cầu thang và khi vừa thấy mặt thằng Robie bà lên tiếng hỏi nó:

- Sao con chơi với Hoàng có thích không?
- Nó không khôn tí nào hết! Nó không biết chơi Dungeons and Dragons mà cũng chẳng biết đánh cờ.
- Con không được nói thế. Hoàng là người lớn. Con phải kính trọng ông ấy.
- OK. Nhưng nó ngu mà con phải nói là nó khôn vì nó là người lớn hay sao?
- Mày câm miệng lại đi. Đừng có hỗn với ông Hoàng!

Hoàng cảm thấy bực bội nhưng anh không nói gì. Chẳng gì thì anh vẫn còn là người lạ trong gia đình Hellman. Dần dần anh sẽ phải tập quen đi với những chướng tai gai mắt để có thể trải qua thời gian đầu trên đất lạ quê người một cách suông sẻ. Nếu không anh sẽ cảm thấy khó khăn hơn và sẽ không hội nhập được dễ dàng vào xã hội mới. Lối sống Mỹ không giống lối sống Việt chút nào, mà anh lại mới trải qua bẩy năm trong sự cùm kẹp của một chế độ độc tài, khép kín và thiếu văn minh. Phải một thời gian nữa thì đầu óc anh mới lại làm việc một cách bình thường và thuần thục với những tập quán văn minh của xã hội Tây phương. Ngay cả việc tầm thường như dùng dao nĩa lúc ăn đối với anh cũng xa lạ bởi vì anh đã quen ăn nhậu theo lối cu li, dùng tay nhiều hơn là đũa chứ đừng nói đến dùng dao nĩa. Tuy nhiên cái dĩ vãng sang trọng, thích ăn ngon mặc đẹp của anh vẫn còn đó. Anh vẫn thích ăn cơm tây, uống cognac, hút Pall Mall và ngậm pipe. Anh vẫn thèm ăn pâté, xúc xích, bơ và phô mai.

Hoàng ngồi vào bàn ăn mà lòng thấy bâng khuâng, ngỡ ngàng. Đầu óc anh nghĩ mung lung. Đây là lần đầu tiên trong đời anh ngồi ăn với một gia đình xa lạ nhưng anh nghĩ rồi thì anh cũng sẽ phải quen đi vì anh đã chọn nhà ông bà Hellman làm nơi tạm trú, đã chấp nhận gia đình Hellman là gia đình đỡ đầu cho mình. Florence ngồi bên anh và bà đã tỏ ra ân cần với anh. Bữa cơm tối hôm đó, bữa ăn đầu tiên của anh tại gia đình người đỡ đầu, có súp cá, có gà quay, có bành mì bơ, anh ăn cũng thấy ngon miệng. Trong bữa ăn đó Florence kể lại chuyện Randy, người con gái lớn của bà, đi sang Việt Nam vào đầu nhưng năm 70, khi mà cuộc chiến vẫn còn ác liệt. Randy đã được học bổng của Stanford để đi làm một cuộc nghiên cứu nhân chủng học nơi đồng bằng sông Cửu Long. Cô đã sinh sống với những người dân quê nơi những làng mạc xa xôi và đã học nói tiếng Việt. Ngày cô trở về Hoa Kỳ, cô đã mang theo một đứa con lai xin từ một viện mồ côi về làm con nuôi.

Hoàng đã không hiểu tại sao một người con gái Mỹ chưa chồng lại đi xin con nuôi, nhất là đứa con nuôi ấy lại là con một người lính Mỹ da đen và một người đàn bà Việt.

Ăn xong bữa cơm tối, Seymour và anh đã làm cái công việc dọn bàn và rửa nồi niêu soong chảo bát đĩa. Hoàng làm cái công việc mở vòi cho nước nóng chảy xuống bát đĩa, muỗng dao niã để làm trôi đi những thức ăn còn dính nơi đó rồi đưa cho Seymour để ông bỏ vào máy rửa chén. Lần đầu tiên trong đời anh được thấy chiếc máy tân tiến đó và Seymour đã cặn kẻ chỉ cho anh cách xử dụng máy. Sau đó, Seymour và anh phải cọ cho sạch những nồi niêu soong chảo mà Florence đã dùng để nấu bữa cơm hôm ấy. Seymour đã chỉ cho anh cách dùng bùi nhùi và bột Ajax để đánh cho bóng nhoáng những chiếc nồi, soong, chảo bằng nhôm rồi rửa cho sạch trước khi lấy khăn bông chùi cho khô và cất đi. Đối với anh đó là một cực hình mà sau này anh đã phải làm mỗi chiều tối sau khi cơm nước xong.

Florence đã vào căn phòng gia đình để nằm đọc sách và sau đó Seymour cũng vào đó ngồi coi truyền hình. Thằng nhóc Robie ngay sau khi ăn cơm xong đã trốn lên căn phòng riêng của nó. Hoàng cảm thấy mệt mỏi sau một ngày vất vả. Sáu giờ sáng hôm đó anh đã đáp xe buýt cùng với những người tị nạn khác ra phi trường San Francisco đáp chuyến máy bay dài sáu tiếng đồng hồ đến New York. Anh đã phải chờ gần ba tiếng tại phi trường New York đợi Seymour ra đón, trong khi tất cả những người đồng hành đã đi hết. Anh đã sống ba tiếng chờ đợi đó trong lo âu hồi hộp vì anh đã chẳng biết phải làm gì nếu người bảo trợ không ra đón anh.

Hoàng lên phòng mình nằm nghỉ và chẳng mấy chốc, anh đã ngủ thiếp đi. Trong cơn ngủ, anh đã mơ thấy mình còn đi trên những con đường rừng khiếp đảm bên Kămpuchia, nơi anh đã bi lạc bẩy ngày đêm trước khi tìm được lối thoát. Lúc ba giờ sáng, anh đã tỉnh dạy trong cơn hoảng hồn để thấy rằng đó chỉ là một cơn ác mộng. Để rồi anh không tìm lại được giấc ngủ và nằm thao thức mãi dưới ánh trăng chiếu qua khung cửa sổ nhỏ trổ ra mái nhà.

Sáng hôm sau, một buổi sáng thứ bảy, anh đã tỉnh dạy trễ. Khi anh bước xuống nhà dưới, sau khi đã rửa mặt đánh răng trong căn phòng tắm trên lầu, thì Seymour và Florence đã ăn sáng xong và đang ngồi đọc báo nơi bàn ăn. Anh ngước mắt nhìn chiếc đồng hồ treo trên tường và thấy đã gần mười giờ. Vừa trông thấy anh, Florence thốt lên:

- Anh đây rồi, anh Hoàng! Đêm qua anh ngủ hẳn là ngon giấc! Chúng tôi để anh ngủ vì biết rằng anh đang mệt mỏi.

Seymour cũng nói phụ vào:

- Chúng tôi vừa ăn sáng xong! Anh hãy ngồi vào bàn đi! Anh uống gì? Nước cam? Cà phê?
- Cám ơn! Cho tôi cà phê.

Seymour lấy bình cà phê từ chiếc máy lọc cà phê rót cho anh một tách lớn. Bên Mỹ, người ta uống cà phê như uống nước vì cà phê pha rất loãng mà lại uống với sữa tươi, không dùng đường. Hoàng thấy thèm một cốc cà phê phin uống với sữa đặc con chim, nhưng tìm đâu ra? Và lần đầu tiên trong đời anh ăn muffins với cottage cheese. Người Mỹ ăn cereal với sữa tươi và chuối tiêu còn xanh vào buổi sáng. Họ uống nước trái cây hoặc sữa tươi trước rồi mới uống cà phê. Người Việt sáng ăn bánh cuốn, xôi, ăn bánh mì thịt, ăn phở hay hủ tiếu Mỹ Tho, hủ tiếu Nam vang. Hoàng thèm một bát phở hay một tô hủ tiếu nhưng anh đang ở xứ người, thèm thì cứ thèm làm sao có được?

- Anh ăn English muffins nghe! Để tôi nướng cho anh?
- Cám ơn Seymour! Tôi có thể tự làm được mà!
- Không sao. Để tôi phục vụ anh. Anh là khách quí của chúng tôi.

Seymour tỏ vẻ rất lịch sự với anh, anh không hiểu tại sao. Ông lấy hai cái bánh màu trắng bệch từ một cái hộp giấy dài. Hoàng chưa ăn cái thứ bánh này bao giờ nên chẳng biết nó ngon lành hay không. Anh nghĩ thời xưa khi quê hương anh chứa chấp nửa triệu lính Mỹ thì những thứ này cũng có ở Saigon nhưng anh vốn nhà quê hay sao đó nên không hề biết đến những đồ ăn Mỹ ngoại trừ kẹo, bánh, rượu, và thuốc lá. Nay sang đến đất Mỹ cái gì đối với anh cũng là mới lạ. Anh nhớ hồi ấy, anh có một số học trò con nhà giàu mà anh đã dạy kèm để chuẩn bị thi tú tài. Bố mẹ chúng có nhà lầu cho Mỹ thuê nên chúng chơi với bọn Mỹ con, nói tiếng Anh như gió, nhai chewing gum suốt ngày và ăn đủ thứ đồ ăn Mỹ. Tất nhiên là đối với chúng chắc hẳn là chẳng có thức ăn Mỹ nào mà chúng không biết, từ hot dogs đến pizza, hamburger, hay fried chicken. Sau này chúng đi Mỹ du học từ cuối những năm 60, khi đất nước chưa có dấu hiệu gì là sẽ bị rơi vào tay Cộng Sản, trong khi anh còn là một anh thày giáo quèn ở tỉnh lẻ, chỉ biết ăn hủ tiếu uống cà phê bí tất.

Seymour bẻ hai chiếc bánh đã cắt sẵn ra làm đôi rồi nhét nó vào chiếc toaster, lấy tay ấn cái nút xuống cho bánh chui tọt xuống dưới cái lỗ nướng của lò. Hoàng chăm chú nhìn từng hành động của Seymour vì anh biết kể từ bấy giờ trở đi cái gì anh cũng phải học cho biết. Ngày anh ở quê nhà, anh đun bếp bằng mùn cưa hay củi, rửa chén hay giặt bằng tay; nay sang đến Mỹ cái gì cũng làm bằng máy, nấu cơm bằng lò ga hay bếp điện, làm sao anh biết cho được? Anh phải học từ cách bật cái lò ga, nhấn cái nút điện, hay cài then cái máy rửa chén. Anh đâu dám thú nhận với Seymour là anh nhà quê không biết xài những máy tân tiến đó vì anh sợ Seymour sẽ cười. Do đó

anh phải chăm chú học dần. Anh cứ để Seymour làm rồi anh quan sát và tìm cách lo liệu. Được cái anh nhanh trí và khá thông minh nên anh soay sở tương đối dễ dàng.

Seymour đã lại ngồi xuống ghế, cầm lại tờ báo mà ông đang đọc dở. Ông đưa những trang báo chứa mục thể thao cho anh đọc. Hoàng cầm lấy, liếc mắt nhìn hình những những tay chơi thể thao nổi tiếng in trên đó và gắng đọc những lời chú thích in dưới những tấm hình đó nhưng anh chẳng hiểu tí gì hết. Thứ Anh văn mà anh học được là thứ Anh văn trong những cuốn Anglais Vivant mà anh đã được phát cho khi còn đi học ở Trung học. Sau đó anh có học thêm tí Anh văn trên Đại học nhưng chỉ là thứ Anh văn văn chương mà anh phải tập dịch sang tiếng Việt. Anh nhớ mỗi tuần anh đã phải đến cái Trung Tâm Anh Ngữ ở góc đường Thành Thái để tập nghe những băng cassette tiếng Anh và tập nói dăm ba câu Anh ngữ tầm thường. Nay anh sẽ phải đối đầu với một thế giới Anh ngữ, nói đọc viết và suy nghĩ. Vì anh nghe nói muốn giỏi một thứ tiếng ngoại quốc thì học viên phải tập nghĩ bằng thứ tiếng mà mình học. Thật là khốn nạn cho anh, vì nay anh đâu còn thanh niên để mà học? Thêm vào đó những năm sống dưới chế độ Cộng Sản anh đã mụ người, anh đâu có dịp nào sử dụng bộ óc của anh đâu? Bẩy năm anh đã sống trong ngu muội, đầu óc anh đã bị tê liệt, thêm vào đó anh đã bị đầu độc bởi sự tuyên truyền ngu xuẩn của Cộng Sản, đã bị tẩy não, nên đã trở nên ngu xi đần độn. Nay Seymour nói với anh về những trận đấu banh football và baseball và những tay chơi banh nổi tiếng. Anh cứ ngớ ra vì có hiểu gì đâu, biết gì để mà góp chuyện hay trả lời những câu hỏi của Seymour?

Anh đang lớ ngớ thì cũng may chiếc lò nướng bánh kêu cái tạch và bốn miếng bánh muffin tung lên trên và hiện ra nơi cái lỗ lò. Seymour bỏ tờ báo xuống bàn và đứng dạy. Tay ông vớ lấy từng miếng bánh còn nóng bỏng và nhanh chóng ông phết magarine lên trên mặt từng miếng bánh rồi liệng nhanh xuống cái đĩa trước mặt Hoàng để tránh bị bỏng tay. Seymour nói:

- Bánh nóng dòn, anh ăn đi! Phết thêm Strawberrry jam hay Cottage cheese nếu anh muốn!
- Cám ơn Seymour! Hoàng trả lời

Hoàng ăn mấy miếng English muffins và thấy nó cũng ngon ngon vì nó dòn và có mùi bơ. Seymour mời anh uống thêm cà phê nhưng anh từ chối. Ăn xong anh đứng dậy tính dọn bàn nhưng Florence bảo anh cứ từ từ vì thằng oắt Robie vẫn chưa ngủ dạy và tất nhiên phải để mọi thư ở đó, đợi nó xuống ăn.

Suốt thời gian anh ăn sáng, Florence ôm chiếc điện thoại nói chuyện với những ai anh chẳng biết. Anh chỉ thấy Florence cứ nói hết với một người thì

lại bấm bấm những nút trên cái điện thoại rồi lại réo lên "Hello, how are you my dear?" Anh thấy tập tục tại gia đình Hellman cũng hơi quái lạ. Seymour và Florence cứ như là hai người xa lạ, ngồi trước mặt nhau nhưng cứ coi nhau như là nơ pa, mỗi người làm một việc riêng, không nói gì với nhau. Sau này anh mới hiểu được cái tính cách sống độc lập của người Mỹ, ngay cả trong cùng một gia đình. Hơn nữa Mỹ họ tôn trọng quyền cá nhân của con người và cái mà họ gọi là privacy hay cái riêng tư của mỗi người. Con người được tự do tối đa và cuộc sống cá nhân của mỗi người được cói là tối thiêng liêng. Do vậy mà vợ chồng sống với nhau khi thấy bị mất tự do thì họ ly dị, con cái tới tuổi 18 là rời mái gia đình để đi tìm tự do.

Seymour đã lại chui vào căn phòng gia đình ngồi coi truyền hình. Sau này Hoàng mới nhận thức rằng trước đây căn phòng này là cái gara, nay đã được sửa lại thành phòng ngồi chơi, đọc sách hay coi truyền hình cho cả gia đình. Căn phòng này rất ấm cúng vì trần thấp, diện tích thì nhỏ mà lại chứa nhiều kệ sách, và nhiều ghế đệm dài êm ái để tiện cho mọi người ngồi chơi thoải mái. Trên tường xung quanh phòng có treo nhiều khung ảnh trưng bầy bao nhiêu là bằng cấp trung học, đại học và những bằng tưởng lệ của tất cả mọi người trong gia đình Hellman. Ngoài ra, còn năm sáu bức hình chụp Florence hay Seymour hay cả hai đang đứng bên cạnh những nhân vật mà anh đoán là những tai to mặt lớn ở địa phương, hình nào cũng cho thấy mọi người cười tươi như hoa.

Florence vẫn ngồi bên bàn ăn trong nhà bếp và bà vẫn bận nói chuyện điện thoại với những ai Hoàng chẳng biết. Đối với anh, nói chuyện hàng giờ trên điện thọai như thế là một chuyện lạ anh chưa từng chứng kiến. Sau này anh mới thấy rằng đó là chuyện thông thường trên đất Mỹ, nhất là đối với phụ và thiếu nữ. Điện thoại là một phương tiện tiêu khiển khi người ta khi không có việc gì làm. Người ta dùng điện thoại để cà kê dê ngỗng với các bạn bè mà không phải tốn một khoản tiền nào hết trừ phi người nói chuyện với mình ở xa, trường họp đó phải trả thêm chi phí gọi viễn liên.

Khi thấy không ai để ý đến anh, Hoàng bèn lẳng lặng lên lầu. Anh chẳng biết phải làm gì để giết thời giờ. Anh nằm xuống giường để tâm trí đi ngược về quá khứ. Thấm thoát đã hơn sáu tháng trôi qua kể từ ngày anh rời Saigon trốn đi vượt biên. Hai mươi bẩy ngày đêm anh đã sống trong kinh hoàng để đến được biên giới Thái, rồi sau khi nằm tù tám ngày tại trại lính Paras ở Nong Chan, anh đã được Hồng Thập Tự Quốc tế đến giải cứu và đưa vào trại ti nạn NW9 dành cho người vượt biên đường bộ. Anh đã lê thân qua các trại tị nạn bên Thái Lan để rồi được đưa đến đảo Galang bên Nam Dương trước khi lên máy bay đi đến đất Mỹ. Anh đã sống vô tư lự những ngày đó, chỉ ăn ngủ, chơi rong, chờ ngày được đi định cư. Nay đã định cư, anh sẽ bắt đầu phải lo lắng, phải chuẩn bị tư tưởng để đương đầu với những khó khăn ắt phải có trong lúc đầu, khi mà anh chưa thuần thục với xã hội Mỹ mà anh mới

hội nhập. Không phải anh sợ, không phải anh không chịu được khổ, vì có cái khổ nào mà anh chưa trải qua đâu? Anh chỉ mong muốn sớm đi vào nề nép, sớm sắp đặt cho cuộc đời mình đi vào ngăn nắp, vào khuôn khổ. Ở cái tuổi của anh, anh thấy mình phải tranh thủ, phải giành lại được những cơ hội đã mất, bù lại được khoảng thời gian đã để qua đi phí phạm. Bảy năm trời chứ đâu có ít. Bảy năm của cái tuổi mà anh sung sức nhất, bảy năm anh có thể gặt hái được những kết quả tốt đẹp nhất trong cuộc đời mình. Nghĩ đến đây, anh thấy buồn cho thân phận mình, anh cảm thấy bất hạnh, thấy sự phi lý của cái hoàn cảnh đã chi phối cuộc đời anh. Nhưng rồi anh tự an ủi: "Không sao! Mình vẫn còn trẻ, mình vẫn còn sức. Mình còn ý chí và cam đảm chịu đựng thì mình sẽ vẫn thành công. Trễ còn hơn không. Với nghị lực và lòng hăng say, mình sẽ vượt nhanh qua những khó khăn, mình sẽ mau chóng đạt tới cái đích mà mình muốn. Sợ gì!" Thế rồi anh nghĩ đến cái đích mà anh muốn đạt tới. Trước 75, anh đã tranh đấu không ngừng để cố ngoi lên từ một anh thày giáo lương ba cọc ba đồng, không địa vị xã hội. Anh đã dành tám năm để học luật, để cố lấy cho xong cái bằng tiến sĩ luật, và trở nên một giáo sư đại học, và từ đó mở rộng con đường tương lai. Anh sẽ sinh hoạt trong môi trường cao của xã hội, sẽ có nhiều hy vọng để đạt được những mục tiêu mà anh muốn là góp phần gây dựng một xã hội công bằng và phát triển. Đó là ước mơ của anh. Anh không mơ đến tiếng tăm hay địa vị. Anh chỉ mơ làm được một cái gì để anh tự hào, để anh không thấy mình tầm thường, mình không chỉ là một con người nhỏ nhoi, ích kỷ sống cho riêng mình. Nhưng trớ trêu thay cho số phận của anh, chế độ Saigon xụp đổ, Cộng Sản tràn vào miền Nam, anh chưa xong cái tiến sĩ thì đã trở thành cu li đạp xích lô. "Nhưng tiếc mà làm gì?" anh lại tự nhủ. "Có lấy xong cái bằng tiến sĩ thì cũng vậy thôi. Ở Việtnam với bọn Cộng Sản, tiến sĩ cũng như không mà mang sang đất Mỹ này thì cũng chẳng dùng được."

Cứ như thế trong đầu óc Hoàng quay cuồng những ý tưởng đâu đâu. Anh nhìn về quá khứ để thấy rằng anh còn may mắn rất nhiều. Anh đã chạy thoát được ra nước ngoài, nay tất cả tùy thuộc ở anh, tất cả sẽ tùy vào việc anh xếp đặt thế nào cho cuộc đời mình. Muốn hay là không muốn và muốn đến đâu đó là cả vấn đề. Ngay lúc này anh chưa có thể quyết định điều gì được vì còn quá sớm, anh chưa có đủ dữ kiện, anh chưa biết sẽ phải làm gì và làm thế nào. Ít nhất thì cũng phải vài tháng nữa khi anh đã có những khái niệm chín chắn về hoàn cảnh, về những điều kiện chi phối cuộc sống mới của anh. Và anh sẽ phải thăm dò, sẽ phải hỏi ý kiến người này người nọ. Thế rồi anh nghĩ đến những ngày tới đây anh sẽ phải làm gì. Cái đầu tiên mà anh phải làm liền là đi kiếm việc để sinh sống và nhất là để có tiền giúp đỡ gia đình còn kẹt lại bên nhà. Anh đã chấp nhận làm bất cứ việc gì để có tiền, dù có nặng nhọc khổ cực đến đâu. Anh nhớ những ngày còn ở Saigon, anh chỉ mơ ước đi được sang xứ ngoài để làm phu quét đường hay làm lao công. Do đó mà anh đâu có quản ngại gì, miễn sao kiếm được vào trăm mỗi tháng. Anh mong sớm có ngày anh có thể tự lập, không còn phải nhờ vả gia đình đỡ

đầu của anh. Anh sẽ thuê một căn phòng nhỏ, sẽ sống một mình không phải lệ thuộc vào ai cả. Anh sẽ có toàn tự do, muốn làm gì thì làm, đi đâu thì đi, ăn gì thì ăn, uống gì thì uống. Hoàng bỗng cảm thấy một niềm hạnh phúc dâng lên trong lòng. Anh mỉm cười sung sướng. Rồi đây anh sẽ như là con chim đại bang tự do tung cánh bay trong vùng trời mênh mông, muốn bay lên núi thì bay, muốn bay ra biển thì bay. Anh cảm thấy bảy năm sống tù túng dưới chế độ Cộng Sản anh đã khổ siết bao. Anh đã không còn tự do để suy nghĩ, không còn tự do để mà mơ ước, không còn tự do để mà quyết định làm một cái gì. Những năm đó, anh đã sống như loài thực vật, chỉ ăn ngủ không suy tư. Đau đớn tinh thần thì có nhiều vô cùng nhưng suy tư một cách xây dựng thì không. Chỉ là đầy đoạ, đau thương của tâm hồn. Nghĩ đến đây, Hoàng rùng mình. Anh đã liều mạng trốn đi và đã thoát. Nhưng bao nhiêu người đâu có may mắn như anh? Ngay trong nhóm của anh đi băng Kămpuchia cũng đã có hai người toi mạng và ba người bị bắt lại. Thật là khiếp khủng.

Có tiếng Florence gọi anh từ dưới nhà. Anh thoát ra khỏi giòng suy tư và uể oải đứng dạy bước xuống lầu dưới.

- Chúng tôi đi ra ngoài. Robie ở nhà với anh. Anh bảo nó đưa anh đi một vòng phố cho biết. Chừng 5 giờ chúng tôi sẽ về.

Hoàng đi theo Florence ra cửa. Anh đứng nhìn Seymour và Florence vào xe rồi chiếc xe từ từ lăn bánh. Anh bước ra phía trước căn nhà và quan sát một vòng vùng xung quanh. Căn nhà của gia đình Hellman ở ngay góc phố trên một con đường chính của Merrick. Lá khô rải đầy mặt đường và những cơn gió nhẹ làm chúng quay tròn hay bay bổng lên rối lại rớt xuống, trông thật vui mắt. Thỉnh thoảng một chiếc xe chạy qua, ngoài ra con đường vắng tanh, không một bóng người qua lại. Tỉnh nhỏ bên Mỹ vào một buổi trưa thứ bảy là như vậy hay sao? Anh quen sống trong sự nhộn nhịp của những đường phố Saigon rồi, nay đứng trước sự im lìm của một con đường nơi đất khách quê người, anh cảm thấy lòng lâng lâng buồn. Hoàng đi một vòng quanh khu vực, anh thấy nhà nào cũng cửa đóng then cài, trước sân có một hai chiếc xe hơi bong loáng đậu. Những bải cỏ xanh mướt và những hàng rào cây cao đến đỉnh đầu tạo nên một quang cảnh xa lạ đối với anh. Không có tường ngăn chia nhà này với nhà kia như ở quê nhà, không có hàng rào song sắt như trước những biệt thự nhà giầu ở Saigon.

Anh vừà bước trờ vào nhà thì thấy thằng Robie xồng xộc chạy từ trên lầu xuống.

- Mày ở đâu vậy? Tao kiếm mày mà không thấy! Mày hãy đi theo tao. Mình đi chơi banh.
- Chơi ở đâu?

- Chơi ở sân banh chứ chơi ở đâu. Tao sẽ đi bằng xe đạp còn mày sẽ chạy theo tao.
- Tao không đi đâu. Tao không thích chơi banh!
- Tại sao mày lại không thích chơi banh? Mày không biết chơi bóng rổ hay sao?

Quả thật anh không biết chơi bóng rổ. Hay nói cho đúng hơn, anh không biết chơi một môn thể thao nào cả. Không bóng rổ, bóng truyền, bóng đá. Không quần vợt, không bơi lội, không đua xe. Những ngày anh còn ngối ghế nhà trường, anh rất ghét những giờ thể dục. Lớn lên, anh chỉ chú tâm vào việc học rồi sau đó việc làm, ít dành thì giờ để giải trí. Lâu lâu, khi nào có phim xi nê hay lắm thì anh mới đi coi. Nhưng Hoàng là một con người đa cảm. Anh thích đọc tiểu thuyết, làm thơ, viết lách. Anh đả làm hang trăm bài thơ ca tụng tình yêu. Anh mê thơ của Rimbaud, Baudelaire, và Verlaine. Phần lớn anh làm thơ tiếng Pháp nhưng đôi khi cũng dùng tiếng Việt. Khi còn thanh niên anh hay mơ mộng vơ vẩn và hay buồn không cớ. Bạn, anh không có nhiều nhưng anh có vài người rất thân, những người bạn cùng chí hướng, những người để chia xẻ những ước vọng hay để tâm tình. Những ngày đen tối sau năm 1975, anh đã có những người bạn ấy để nương tựa vào nhau, để chia sẻ những ưu tư hay để bàn tính chuyện ra đi. Những người bạn của anh nay vẫn còn kẹt lại. Anh thương nhớ họ như thương nhớ những người thân yêu trong gia đình vì ho đã phải chịu cùng những đớn đau do thời cuộc gây ra.

Robie đã chạy đi tìm banh. Nó kéo Hoàng ra phiá nhà sau để lấy chiếc xe đạp rồi hai người ra đi. Robie đưa trái banh cho anh cầm. Nó đạp xe lòng vòng chạy tới rồi lại vòng trở lài trong khi anh cố gắng theo nó đến sân banh. Cũng may mà sân banh không cách nhà bao xa. Khì đến nơi, Robie quẳng ngay chiếc xe đạp xuống đất, chạy lại nơi Hoàng đứng dành lại quả banh và bắt đầu chơi liệng banh vào rổ.

- Hoàng! Mày lại đây chơi với tao. Để xem mày có nhanh hơn tao không nào!

Cả buổi trưa hôm ấy, anh đã chơi banh với Robie, anh đã giành giựt trái banh với nó và đã quen quen với việc liệng trái banh vào trong cái rổ ở trên cao.

- Ê! Mày liệng banh cũng khá đấy chứ! Sao mày nói mày không biết chơi banh?

Hoàng cũng chẳng hiểu tại sao anh lại chịu chơi banh với thằng Robie mặc dù anh không có cảm tình với nó cho lắm. Có thể vì anh không còn cách nào hơn mà cũng chẳng có việc gì làm. Ngồi không cũng buồn, anh đã chịu chơi

với thằng Robie như thể anh cùng lứa tuổi với nó, cũng lăng xăng chạy, cũng giành giựt, cũng la hét như nó. Dường như anh đã quên đi con người thật của anh và sống một con người khác. Nhưng không phải lúc nào cũng vậy. Những lúc cô đơn, anh lại trở về với con người cũ, lại buồn, lại lo, lại nghĩ vơ vẩn, không vô tư lự như lúc này. Những năm tháng đầu trên đất Mỹ anh vẫn sống như thế, hai con người trái ngược nhau, một trẻ trung vui sướng, một già dặn đầy ưu tư. Phải chăng Lon, người dẫn đường Miên đã đưa anh qua cái chết để tìm cái sống biết trước như thế nên đã nói với anh khi anh đến được biên giới Thái : "Mày đã được tái sinh, mày sẽ được hạnh phúc, không còn khốn khổ nữa!" Điều chắc chắn là anh sẽ không còn khốn khổ như những ngày dài lê thê anh sống tại Saigon, những ngày tinh thần căng thẳng mơ đến một ngày thoát được ra nước ngoài. Tâm hồn anh không còn bị dằn vặt bởi một cuộc sống trong vô vọng nữa. Nhưng anh sẽ vẫn còn buồn đôi khi, anh biết thế, vì anh còn nửa cuộc đời còn lại để xây dựng lại từ con số không, với đôi bàn tay trắng. Mà lại phải đơn độc làm cái công việc to lớn đó, thế mới khó. Anh không có gì để sưởi ấm tâm hồn, để an ủi, để nương tựa khi mệt mỏi. Anh không còn đối tượng để phấn đấu. Những người thân yêu của anh nay xa anh vạn dặm, anh phải đi một mình trên con đường thênh thang đầy bất trắc, anh phải vượt bao trở ngại trong sự cô đơn và vô tình. Nhưng anh đã sẵn sàng chấp nhận. Anh đã sẵn sang chấp nhận hết, kể từ ngày anh quyết định bỏ nước ra đi.

- Mày ở đây, tao chạy đi nơi này một chút xíu nghe!

Robie nói với anh rồi lấy chiếc xe đạp đạp đi. Anh chẳng biết nó đi đâu và anh cũng chẳng buồn thắc mắc. Anh vừa nện trái banh xuống sàn sân, vừa chạy theo, rồi khi đến gần cột banh, anh tung trái banh lên trời cho nó rơi trúng vào cái rổ, nhưng cứ ba bốn lần như thế anh mới ném được trúng. Anh cứ chới như thế cho quên thời gian và đến khi anh cảm thấy mệt, anh ngồi xuống một bệ xi măng chờ thằng Robie. Khi Robie trở lại, anh thấy nó cầm trong tay chai Coca uống dở, anh biết nó đi mua nước uống nhưng vẫn giả vờ hỏi nó:

- Mày đi đâu mà lâu quá vậy? Tao đã tính đi về nhà một mình!

Tuy nói thế nhưng thật ra anh cũng chẳng biết đường mà về một mình. Anh chưa quen với những đường phố nơi đây và tuy sân banh rất gần nhà anh cũng vẫn không nhớ được lối về. Bên Mỹ nhà nào cũng giống nhà nào, phố nào cũng giống phố nấy, anh chưa biết phân biệt đâu với đâu.

- Tao đi mua nước uống, gập mấy đứa bạn đứng chơi với chúng nó một lúc!
- Tao chán chơi rồi! Tao muốn đi về nhà! Mày có về không?

- Sao mày mau chán quá vậy? Thôi về thì về. Tao không muốn ở lại đây một mình.

Robie lại chạy xe đạp phiá trước, anh chạy bộ theo nó. Cứ chốc chốc nó lại vòng xe lại để cho anh bắt kịp, và chừng mươi phút sau thì hai người về đến nhà. Robie chạy vòng ra phía sau nhà để cất xe, còn Hoàng ôm trái banh đi thẳng vào nhà bếp mở vòi lấy nước uống. Anh thèm uống một chai coca nhưng không mở tủ lạnh lấy uống. Có lẽ anh chưa quen coi căn nhà này là nhà anh và chưa muốn tự tiện dùng những đồ có trong nhà. Sau này khi đi làm có tí tiền, anh thường mua các thứ cần riêng chứa trong phòng anh để tiện dùng khi muốn. Con người anh như thế, anh không muốn tự tiện dùng đồ của người khác, anh cũng chẳng hiểu tại sao.

Hoàng tính lên nhà thì nghe tiếng Florence kêu từ phía cửa vào nhà:

- Hoàng! Robie! Các anh đang ở đâu? Hello!

Sau này Hoàng thấy rằng Florence có thói quen kêu lên như vậy mỗi khi đi đâu về, bước chân vào nhà. Nhiều khi anh đang đang bận trên lầu nghe Florence kêu như vậy cũng phải chạy xuống. Thằng ranh con Robie thì không như thế. Nghe mẹ nó gọi, nó cứ lờ đi không thèm trả lời. Nhiều khi Florence kêu lên "Robie! Con đâu? Hello! Hello!" cả ba bốn lần mà nó cũng vẫn cứng đầu không thèm đáp lại. Florence gọi chán rồi cũng phải thôi. Hoàng nghĩ "Gia đình này thật cũng lạ! Mẹ con chẳng coi nhau ra gì!" Nhưng rồi anh cũng quen đi với những cái mà lúc đầu anh coi là bất thường. Sống mãi trong xã hội Mỹ anh từ từ hội nhập và chấp nhận lối sống cá nhân của người Mỹ. Anh không biết rồi anh có như thế không. Có lẽ không, vì anh đã là con người Việt quá nửa đời người rồi.

- Tôi đây! Bà đã về đến nhà rồi đấy ư? Sao bà đi chơi có vui không?
- Anh Hoàng! Anh có đi đâu chơi không đấy? Robie đâu?
- Có chúng tôi có đi chơi banh. Robie đang ở trên lầu!
- Ồ! Thế tốt! Anh chơi có vui không?
- Cám ơn! Vui lắm!

Có tiếng Seymour từ nơi chiếc xe hơi đậu:

- Anh Hoàng! Ra đây phụ tôi một tay mang đồ vào!

Seymour và Hoàng lễ mễ mang những túi thực phẩm vào trong nhà. Thì ra Seymour và Florence đã đi chợ. Sau này anh mới hiểu rằng sống bên Mỹ bận rộn, người ta thường đi chợ vào cuối tuần và mua thức ăn về chứa trong tủ lạnh để ăn trong nhiều ngày. Không như ở bên nhà, người ta không đi chợ mỗi ngày, và do đó thường không được ăn đồ tươi. Mỹ ăn đồ đông lạnh, thịt

cá, đồ nấu sẵn, cái gì cũng chứa trong tủ đông lạnh, khi ăn lấy ra, xả đá trước khi nấu nướng hay hâm lại.

Hoàng giúp Seymour cất những gói thực phẩm vào tủ lạnh hay tủ chứa thức ăn. Anh ngạc nhiên thấy rằng phần lớn thức ăn Florence mua là những gói thực phẩm nấu sẵn mà bà mang về bỏ vào tủ đá và phần lớn những món ăn là cá, gà, và thịt bê. Sau này anh mới hay rằng người Do thái không ăn thịt heo và thịt bò. Họ đôi khi ăn thịt cừu non hay tôm cua, nhưng suốt thời gian anh ở trong gia đình bảo trợ Hoàng không hề được ăn tôm cua là hai thứ mà anh ưa thích. Hơn nữa, thức ăn họ ăn lạt lẽo vì không có gia vị, không mặn ngọt chua cay như thức ăn Việt. Anh thèm được ăn canh chua hay thịt kho dưa chua và một hôm một người bạn tìm ra anh và đưa anh về nhà cho ăn một bữa cơm thường có tí canh chua, thịt kho dưa giá, anh thấy sao hạnh phúc quá. Sống xa gia đình, xa người thân yêu, ngoài sự thiếu thốn tình cảm, còn cả sự thiếu thốn vật chất tầm thường, nhưng làm sao được? Số anh như vậy anh phải sống xa nhà, xa quê hương, anh phải cô đơn, và anh phải chấp nhận. Những ngày anh còn ở bậc Trung học, anh đã được giảng dạy về thuyết stoicisme. Anh đã như được sáng mắt và đã chấp nhận thuyết đó. Sau này những ngày anh thấy đau đớn, anh đã tập cắn răng chịu đựng mà không than thở. Thêm vào đó anh tin ở tiền định và chấp nhận thuyết Jansénisme. Anh coi cuộc đời con người do số trời, có người sinh ra để được sung sướng nhiều, có người sinh ra để phải chịu khổ nhiều. Vả lại trong một đời người ai chẳng có thời kỳ may mắn, thời kỳ bất hạnh? Chẳng thế mà bạn anh, anh Hoằng, một tay coi tử vi xiêu đảng, chẳng nói với anh rằng con người có đại vận tốt và đại vận xấu, và riêng anh, anh đang phải trải qua một đại vận xấu là gì? Vì thế mà anh đã đi tù vì vượt biên, đã đi đạp xích lô để sinh sống, và đã suýt nữa thì bỏ mạng bên Kămpuchia. Nhưng đại hạn đó đã sắp chấm dứt. Sau cơn bão tố thì trời lại nắng đẹp, anh sẽ bước qua một đại hạn tốt, cuộc đời anh sẽ từ từ đi từ khổ đến sung sướng, từ thất bại đến thành công. Và anh tin là như thế. Nhờ lòng tin ấy mà anh mới có ý chí khuất phục mọi khó khăn để tiến tới, để tìm con đường vẻ vang cho chính mình.

Đi chợ về Florence không phải làm cái công việc tầm thường là xếp dọn, cất đồ mua về. Florence không sinh ra để làm những công việc tầm thường. Trong nhà đã có Seymour, và người đàn bà ấy đã giao cho ông chồng những công việc như là đổ rác, hút bụi, rửa chén, hay cắt cỏ. Seymour còn phải làm một công việc tầm thường nữa là dắt chó đi đái đi ỉa. Nhưng kể từ ngày Hoàng du nhập vào gia đình Hellman thì Seymour đã được giải cứu. Ông đã trao lại những nhiệm vụ đó cho Hoàng, và anh đã phải bất đắc dĩ chấp nhận. Ít ra là cho đến ngày anh đủ lông đủ cánh bay đi, tìm cho mình một cuộc sống tự lập. Do đó về đến nhà là Florence lại vào trong căn phòng gia đình, nằm dài trên chiếc ghế nệm êm ái, nói chuyện điện thoại với những người bạn của bà.

Florence là một người đàn bà giỏi. Bà lấy chồng từ khi mới mười tám và trong khi chồng bà đi làm những công việc tầm thường để sinh sống và nuôi bà thì bà đã đi học đại học. Với ý chí bất khuất, bà đã thành công và đã đậu bằng tiến sĩ tâm lý học. Ba đã hành nghề bác sĩ tâm lý và đã có phòng mạch riêng, có nữ trợ tá và hàng ngàn bệnh nhân. Trong cái xã hội máy móc, đầy ganh đua kèn cựa, không tình cảm, khi mà cái lý ăn cái tình và đồng tiền là trên hết thì con người dễ bị khủng hoảng tinh thần và cần sự chăm sóc của những nhà phân tâm học như là Florence. Do vậy mà Florence đã kiếm được nhiều tiền và gia đình bà đã biết được sự phú qúi. Từ một gia đình do thái di cư sang Mỹ với bàn tay trắng, bà và Seymour đã vươn lên và gia nhập vào giai cấp thượng lưu của xã hội. Bạn bà là những nhà tỉ phú, những chủ ngân hàng, những nhà buôn bán dầu hỏa, những chủ công ty hàng hải, và những nhà chính trị có quyền lớn ở Nữu Ước. Cũng nhờ thế mà bà đã dễ dàng xin cho Hoàng nhập cảnh vào Mỹ mặc dù anh chẳng có tí ưu tiên nào để xin đi Mỹ cả. Anh không có anh em bà con gần sống bên Mỹ, anh không làm việc cho các cơ quan hay công ty Mỹ ở Việt nam trước đây, anh đã không đi du học bên Mỹ. Vì vậy mà đơn xin đi Mỹ tị nạn của anh đã bị bác lúc đầu. May mà Florence đã ra tay cứu anh chứ không giờ này anh đâu có nằm ở Nữu Ước?

Sau khi giúp Seymour cất dọn đồ đi chợ về, Hoàng lại lên lầu chui vào căn phòng của mình. Bấy giờ là gần sáu giờ chiều và anh đã bắt đầu thấy đói. Cũng phải hai tiếng nữa mới đến bữa cơm tối và anh chẳng biết phải làm gì trong khi chờ đợi. Anh ngồi xuống giường, lấy từ chiếc túi sách tay của anh, bó thư mà Nga, vợ anh đã viết cho anh trong thời gian hơn sáu tháng vừa qua. Những lá thư đó đã mất cả tháng trời mới đến được tay anh. Vì Cộng Sản Việt Nam không có liên lạc ngoại giao với những nước trong phe Tự Do ngoại trừ nước Pháp nên muốn biên thư cho anh Nga đã phải gởi qua Pháp rồi nhờ anh em bà con gởi tới trại tị nạn cho anh. Còn nếu gởi thẳng thì thư sẽ phải qua Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế và bị ứ đọng tại đó và như thế sẽ lâu đến tay anh hơn nữa. Vả lại, thư gởi đi hay gởi về đều bị chính quyền Việt Nam giữ lại một thời gian để kiểm duyệt cho nên càng chậm trễ. Suốt trong sáu tháng trời anh chỉ nhận được bảy lá thư mặc dầu nàng đã viết hơn hai chục lá. Như vậy là hai phần ba những thư nàng gởi cho anh đã bị giữ lại hoặc đã thất lạc dọc đường. Thật là một chuyện khó tin nhưng nó đã xẩy ra tại tất cả các nước Cộng Sản.

Hoàng giở bức thư đầu tiên ra đọc lại. Anh đã đọc những bức thư của vợ cả chục lần rồi, nhưng những lúc rảnh rỗi, những lúc anh nhớ gia đình nhất, anh thường lấy bó thư ra đọc. Nhiều lúc tay cầm là thư, anh nhắm nghiền mắt cố hình dung ra bức hình ảnh Nga ngồi viết thư cho anh và cố hình dung ra những cảm giác của nàng vào những lúc ấy. Ngoài việc kể lại những sự thể đã xẩy ra trong gia đình hay những công việc nàng đã làm, Nga còn kể

lể những cảm nghĩ của nàng về sự thể anh đã ra đi một mình để lại các con cho một mình nàng phải trông coi dạy dỗ. Những lời trách móc cay đắng Nga thường dùng trong lúc đó làm cho Hoàng buồn và nhiều khi cảm thấy đau đớn trong lòng. Anh vẫn có cảm tưởng rằng không khi nào Nga có thể hiểu rằng anh đã hy sinh ra đi để cứu gia đình ra khỏi ngỏ bí. Mặc dù có nhiều khó khăn trước mắt nhưng anh luôn luôn tin tưởng rằng rồi sẽ có một ngày anh sẽ đón được vợ con sang và gia đình sẽ lại được xum họp trong hạnh phúc tràn đầy. Đôi khi đọc thư vợ, anh thấy thương nàng đến chảy nước mắt nhưng cũng có khi anh thấy giận vợ và bực thái độ vô tâm của nàng. Nàng không thông cảm nỗi khổ tâm của anh khi phải sống đơn độc xa những người thân thương, không ý thức được những khó khăn mà anh cũng đang phải đối đầu. Trong trạng thái này anh cũng cảm thấy bất lực và chẳng biết phải làm gì hơn là khuyên răn vợ phải kiên tâm chờ đợi cái ngày tươi sáng sẽ đến với gia đình mình.

Bỗng nhiên Hoàng sực nghĩ đến việc anh phải sớm làm giấy tờ bảo lãnh cho vợ con. Công việc này anh làm càng sớm càng tốt vì sau này anh sẽ bận bịu hơn với cuộc sống. Vả lại anh nghe nói làm giấy tờ xong cũng phải năm bảy năm sau mới được đoàn tụ vì chính phủ Mỹ mỗi năm chỉ cấp giấy nhập cảnh cho một số gia đình xin đoàn tụ nhất định mà thôi. Anh lo lắng nhiều vì anh mong mỏi các con anh được sang Mỹ kịp thời để đi học ít ra là bậc đại học ở đây. Có thế chúng mới có được một cuộc sống vững chãi trong tương lai. Các con anh cũng đã lớn, đứa nào cũng đã trên mười tuổi, cái khổ tâm là ở chỗ ấy!

Hoàng nằm nghĩ liên miên như thế. Gió thu thổi nhè nhẹ qua cửa sổ làm anh thấy cũng hơi lành lạnh. Anh không có một chiếc áo ấm nào, không biết rồi sẽ xoay sở ra sao, vì càng cuối thu trời càng lạnh và sang đến mùa đông thì sẽ băng giá khủng khiếp. Nghĩ đến đó anh rùng mình lo lắng. Anh đứng giậy đi ra khép cánh cửa sổ lại. Ngoài kia trời đã tối đen lúc nào anh không hay. Chắc cũng sắp đến giờ cơm, anh nghĩ thế và quyết định đi xuống dưới nhà.

Quả nhiên anh thấy Florence đã chuẩn bị xong bữa cơm và Seymour đang đặt đĩa dao và muỗng niã lên bàn. Anh nói:

- Tôi có thể làm gì để giúp ông?
- Anh hãy phụ với Florence mang thức ăn ra bàn.

Bữa cơm tối thứ nhì anh ăn với gia đình người bảo trợ trôi qua trong vòng ấm cúng. Trong lúc ăn Florence dặn anh là sáng hôm sau, sáng chủ nhật, anh phải dạy sớm để cùng đi nhà thờ. Hoàng nói anh theo Phật Giáo nên anh không đi nhà thờ, nhưng Florence bảo anh phải đi để bà giới thiệu với cộng đồng do thái của bà.

- Tất cả mọi người trong giáo xứ đều đã biết chuyện anh sẽ đến Nữu Ước và họ trông mong ngày được gập anh!

Thế là Hoàng hết cách trốn chạy. Trong bụng, anh cũng thấy hơi ngài ngại vì anh không biết họ sẽ đối đãi với anh ra sao. Nhưng chuyện phải làm thì phải làm, anh tự nhủ. Vả lại anh cũng phải tập hoà đồng trong môi trường xã hội Mỹ, phải làm quen với những phép tắc xã giao và học cách giao thiệp với người Mỹ. Anh còn mong sẽ gập được một người giúp anh kiếm việc làm, chứ tự anh làm sao anh kiếm được ra việc?

Sáng chủ nhật, anh còn đang ngủ ngon giấc thì Florence gõ cửa buồng anh kêu anh giậy đi nhà thờ. Sau khi ăn sáng, cả nhà lên chiếc Cadillac và Seymour mở máy chạy. Chiếc xe chạy trên xa lộ về hướng Manhattan khoảng nửa tiếng thì Seymour quẹo vào một con đường nhỏ. Đi chừng vài phút thì Hoàng thấy một tòa nhà đồ xộ xây theo lối kiến trúc tân tiến với những dạng hình học trông rất đẹp mắt. Seymour quẹo vào một bãi đậu xe rộng lớn nơi đây đã có mấy chục chiếc xe đậu thành một hàng ngăn nắp. Thấy Seymour, Florence và Robie xuống xe, Hoàng cũng xuống. Anh bước theo Florence, Seymour và Robie dọc một hành lang dài bóng loáng đưa một căn phòng rộng thênh thang trong đó đã có cả trăm người, đàn ông đàn bà, già trẻ lớn bé tụ tập nói chuyện, cười đùa vui vẻ. Nhiều người thấy Florence đến, reo lên vui mừng và dang tay ra ôm bà. Seymour cũng ôm hôm đôi ba người đàn bà xồn xồn, ăn mặc rất sang trọng, trông quí phái. Hoàng và thằng Robie cứ thộn mặt ra đứng đó cho đến khi người ta thấy anh và nhìn về phiá anh chỉ chỉ chỏ chỏ. Florence liền gọi anh lại gần và lần giới thiệu anh với những người quen của bà. Và cứ như thế, bao nhiêu câu "how do you do" được anh lí nhí nói ra khi dang tay bắt tay những người mà lần đầu tiên trong đời anh phải làm quen. Anh cố tạo ra cho mình một vẻ mặt sung sướng và một nụ cười tươi xã giao.

Florence đi môt vòng căn phòng rộng thênh thang đó, và lẽo đẽo phiá sau bà là Hoàng. Đi đến đâu bà cũng nói đôi ba câu với những người bà quen biết rồi giới thiệu với họ người thanh niên Việtnam mà bà mới bảo lãnh. Hoàng tự hỏi sao mà bà quen nhiều người đến thế và sao ai bà cũng nhớ tên, cũng ân cần, cũng ôm hôn. Anh cảm thấy dường như việc đi chào hỏi làm quen này của anh không bao giờ chấm dứt. Nó cứ kéo dài mãi cho đến lúc gần như tất cả những ai trong căn phòng đều đã biết mặt Hoàng, đều đã bắt tay anh, đều đã nói với anh đôi ba câu xã giao và lúc đó là lúc đã đến giờ tất cả mọi người phải chuyển qua giáo đường để dự buổi giảng lễ. Ai nấy chầm chậm bước qua bốn cánh cửa mở rộng, đi vào ngồi những hàng ghế giống như những hàng ghế trong một rạp xi nê sang trọng. Seymour và Robie lúc nãy đã biến đi đâu mất tiêu, bấy giờ đã xuất hiện và lại ngồi cạnh Florence. Hoàng cảm thấy hơi hoang mang, ngại ngùng. Anh không biết phải làm gì,

ngồi đấy nghe buổi thuyết giảng đạo hay chuồn ra ngoài kia ngồi chờ. Anh còn đứng đó tàn ngần thì Florence kêu anh:

- Anh Hoàng! Lại đây! Anh hãy ngồi cạnh Robie! Đây, anh hãy đôi cái này lên đầu.

Bà đưa cho Robie một cái nón con con để nó chuyền tay lại cho anh. Cả Seymour và Robie đã cùng đội nón của họ trên đỉnh đầu. Anh cầm chiếc nón vải tròn con con để nó lên đầu mình, nhưng nó cứ tụt xuống. Dường như chiếc nón biết anh không phải là dân do thái và không chịu nằm yên một chỗ. Thằng ranh con Robie nhìn anh vật lộn với chiếc nón. Nó nhe răng ra cười đểu và kêu lên:

- Mẹ ơi! Thằng Hoàng không biết đội nón!

Florence bèn mở ví lấy hai ba cái kẹp giấy đưa cho nó và nói:

- Con hãy dùng cái này để ghim cái nón vào tóc anh Hoàng!

Thằng Robie cầm mấy chiếc kẹp, đứng dạy bên cạnh anh. No la lớn:

- Mày phải ngồi yên đừng ngó ngoáy thì tao mới ghim được!

Nó loay hoay kẹp cái nón vào đám tóc của Hoàng nhưng chiếc kẹp cứ lại tụt ra và phải mất vài phút sau nó mới làm xong được cái công việc mà mẹ nó trao phó. Nó nói thêm:

- Rồi xong! Nhưng mày đừng có làm tụt nó ra! Tao sẽ không làm lại đâu đấy!

Florence từ nãy đến giờ đã nhìn thằng nhóc con hì hục mân mo đầu Hoàng. Bà nói:

- Anh Hoàng! Trông anh cũng được lắm! Từ nay trở đi anh là người Do thái! Anh là người Do thái gốc Việt đầu tiên, anh biết không?

Hoàng đang bực bội vì thái độ của thằng Robie nên chẳng buồn nói câu gì.

Thế rồi buổi giảng đạo bắt đầu. Có tiếng nhạc trổi lên, rồi ông Rabbi, một ông người Do thái để râu lồm xồm đen hoắc hiện ra trên bục giảng đạo. Ông nói luyên thuyên những gì, Hoàng nghe chẳng hiểu được bao nhiêu. Có một lúc, Hoàng thấy Seymour đứng dạy đi lên phía bục giảng. Seymour mở một cuốn sách to lớn bằng mười lần cuốn tự điển của Hoàng Xuân Hãn, rồi đọc cái gì đó từ những trang giấy, có lẽ là những lời Thánh Kinh hay những câu

chuyện trong Thánh Kinh, anh không biết rõ. Anh tò mò theo rõi buổi giảng đạo này và liên tưởng đến những ngày anh lên chùa nghe các thày giảng kinh Phật. Đôi lúc anh đưa mắt nhìn xung quanh, anh nhìn những con chiên ngoan đạo nhắm mắt nghe ông rabbi, nhìn những đứa bé con ăn mặc sang trọng nô đùa bên mẹ chúng, nhìn những cô gái mơn mởn đào tơ và anh nhớ Nga, vợ anh. Anh không biết giờ này nàng đang làm gì, có lẽ đang ngủ, vì anh nhớ loáng thoáng sáng bên Mỹ là tối bên nhà. Rồi anh nghĩ đến các con anh. Không biết chúng có nhớ anh nhiều hay không?

Đang nghĩ miên man, thì bỗng nhiên anh nghe thấy những tiếng rục rịch đứng lên, những tiếng người nói chuyện, cười đùa vui vẻ. Anh như hoàn hồn, mở mắt nhìn xung quanh. Mọi người đang lục đục đi về. Buổi lễ đã tan. Thằng ranh Robie la lớn:

- Mày ngồi đó làm cái gì vậy? Không muốn ra về hay sao?

Anh vội vàng đứng dạy. Chiếc nón con trên đầu anh rớt xuống, anh vội chụp lấy nó. Florence nhìn anh nói:

- Sao anh Hoàng? Anh thấy thế nào? Anh có thích buổi giảng đạo này không!
- Khá hay, thưa bà! Tôi thán phục ông rabbi! Ông ấy giảng rất hay!

Hoàng nói để lấy lòng Florence. Kỳ thực anh có hiểu ông rabbi nói gì đâu? và lại, gần như suốt buổi anh đã mơ mộng, có nghe gì đâu?

- Anh hãy theo tôi đến gập ông ta! Tôi sẽ giới thiệu anh với ông ấy!

Thế là lại bắt tay, lại vài lời nói xã giao, vài nụ cười trao đổi giữa hai bên. Nhìn vóc dáng người rabbi, anh nghĩ, "Không biết đầu tóc râu ria bù xù như thế này, có khó chịu không há? Ăn uống tha hồ mà dính đồ ăn vào râu!"

Sau khi nói chuyện với ông rabbi, Florence nói với anh:

- Ông ta sẽ bảo mọi người trong giáo xứ mang cho anh quần áo giầy dép! Như thế anh khỏi tốn tiền mua! Áo ấm mùa đông rất mắc tiền! Anh cần để dành tiền, không nên tiêu hoang!

Hoàng chợt nghĩ Florence nói với anh như thể một người mẹ khuyên con. Florence không nói tuổi bà cho anh biết, nhưng anh đoán bà hơn anh chắc cũng phải hai chục tuổi! Florence có thể là mẹ anh chứ không phải là không.

Thế rồi cả nhà lại lên xe. Trên đường về, Seymour ghé lại một tiệm donuts, mua một chục bánh. Về đến nhà, Seymour pha cà phê và mọi người ngồi vào bàn ăn, ăn donut uống cà phê thay vì ăn trưa. Lần đầu tiên trong đời

Hoàng ăn cái thứ bánh đó. Anh nhìn những cái bánh tròn tròn trông tựa như những cái xăm xe hơi nhỏ, ngoài phủ đường mật, hay chocolat, hay những hạt đường vàng xanh đỏ đủ mầu mà không biết thứ nào ngon. Cuối cùng anh nhắm mắt chọn đại một cái phủ chocolat, đưa lên miệng cắn một miếng và thấy cũng ngon ngon. Sau này anh được biết, nhiều người Mỹ thích ghé tiệm donuts ăn thứ bánh này uống cà phê vào buổi sáng sớm, trước khi đi làm, nhất là bọn cảnh sát.

Seymour ăn ba cái bánh rất nhanh, uống cà phê xong lại chui vào phòng gia đình xem truyền hình. Hoàng thấy ông xem banh suốt ngày không chán. Florence không ăn, chỉ uống tách cà phê rồi đi vào phòng gia đình nằm dài gọi điện thoại. Thằng ranh con Robie đã lấy mấy chiêc bánh và chai coca trốn lên lầu ngay từ đầu. Ăn xong hai cái donut và uống xong cà phê, Hoàng lại lên phòng mình chui vào giường, đắp mền ngủ. Anh không hiểu tại sao hai ba hôm nay anh cứ buồn ngủ suốt ngày. Có thể tại anh không có việc gì làm. Có thể tại anh buồn tình, anh không rõ.

Trong bữa ăn tối chủ nhật, Florence hẹn anh sáng hôm sau, sáng thứ hai, bà sẽ đưa anh đi xin thẻ an sinh xã hội để anh có thể đi làm. Bên Mỹ, không giống như bên nhà, muốn đi làm phải có số an sinh xã hội. Mỗi người sống bên Mỹ đều có một số an sinh xã hội khác nhau và do đó chính phủ Mỹ dựa vào con số này để đánh thuế lợi tức người đi làm. Hoàng lúc đầu đâu có biết điều ấy. Có bao nhiêu điều mới lạ mà anh phải mất bao lâu sau mới hiểu ra vì có ai giải thích cho anh đâu. Anh cứ như thằng nhà quê ngu si dốt nát và anh không có can đảm hỏi Florence vì sợ bị chê cười, chẳng gì xưa kia bên nhà anh cũng là giáo sư, mặt mũi đâu mà dám hỏi những câu mà Florence cho là tầm thường, những điều mà ai nấy sống bên Mỹ đều biết. Florence đâu có biết rằng những cái đó không có bên Việt Nam và xã hội, lối sống ở hai nơi khác nhau. Sau này sống ở Mỹ lâu, anh mới hiểu rằng đối với người Mỹ không có câu hỏi nào là ngây ngô, nếu mình có điều gì mình không hiểu thì mình cứ hỏi không sợ người ta cười. Nhưng mặc dù biết thế, bản chất anh vẫn không cho anh mở miệng hỏi những câu hỏi ngây ngô ấy. Thà anh mất chút thì giờ tự tìm hiểu còn hơn để người ta nhìn anh với một con mắt ngạc nhiên.

Sáng sớm thứ hai, Seymour đã thức dạy pha cà phê uống, rồi rời nhà đi ra trạm xe lửa để đi lên Manhattan làm việc. Ông làm cho một nhà in chuyên ấn hành báo dành cho phụ nử và ông phụ trách công việc cắt xén, sắp xếp lại các bài báo trước khi cho lên khuôn. Ông đã làm cái công việc này hai mươi lăm năm, ông kêu nó nhàm chán nhưng không biết làm cái gì khác. Ông nói ông không thích công việc ông làm nhưng cũng chẳng sao, cần gì phải thích? Miễn sao có lương hàng tháng và không lo mất việc. Ông có dăm ba người bạn cứ lâu lâu lại đến chơi, ngồi uống manhattan với ông, nói chuyện diễu cho bớt buồn đời. Nhưng ông không bao giờ đến chơi nhà họ mà

cũng không đi đâu ra ngoài với họ. Seymour là con người hiền lành, dễ tính, không đòi hỏi, không có những nhu cầu phức tạp. Ông không đi coi hát, chỉ lâu lâu theo vợ đi coi opera hay ballet, nhưng mỗi khi đi như thế, ông thường năm ngủ nửa chừng trong rạp, chờ đến khi hết cho Florence đánh thức dậy ra về.

Hoàng biết là ngày thứ hai là ngày làm việc, không nên ngủ trễ nên anh đã thức dạy từ sáu giờ sáng và không dám ngủ lại. Khi anh thấy Seymour, Florence, rồi đến Robie lục đục trong nhà tắm, anh biết là một ngày làm việc đã bắt đầu. Anh đợi cho Robie ra khỏi nhà tắm để chui vào đánh răng rửa mặt. Không như những người kia, anh không đi tắm vào buổi sáng. Anh thấy người Mỹ có tục lệ cứ sáng sớm ngủ dạy là chui vào tắm nước nóng rồi mới làm gì thì làm.

Khi Hoàng xuống đến nhà dưới thì Seymour đã đi khỏi và Robie đang chuẩn bị đi học. Florence thúc nó năm lần bẩy lượt nó mới chịu rời nhà, như thể đối với nó đi đến trường học là đi ra pháp trường cát. Thấy anh, Florence nói:

- Anh Hoàng, có cà phê, bagels và cream cheese. Anh ăn đi rồi tôi sẽ đưa anh đi đến sở an sinh xã hội. Hôm nay tôi phải nghỉ ở nhà để đi lo giấy tờ cho anh đó!
- Cám ơn Florence! Tôi rất biết ơn bà!

Trong khi Florence lên lầu thay quần áo, anh ngồi vào bàn uống cà phê. Anh nướng một chiếc bagel, phết cream cheese lên rồi ngồi ăn. Sau đó anh dọn bàn rồi lên lầu thay quần áo. Lúc trở xuống nhà, Florence vẫn chưa chuẩn bị xong, Trong khi ngồi chờ, anh dở tờ báo ra xem nhưng anh chưa quen đọc báo Mỹ nên nhìn vào chỉ thấy hoa mắt. Chắc còn phải khá lâu nữa thì anh mới quen đọc báo Mỹ, anh tự nhủ.

Florence đưa anh sang tỉnh bên vì Merrick không có văn phòng của sở an sinh xã hội. Bà lái xe qua những đường phố mà anh thấy lạ mắt, những dãy cửa tiệm trông không giống như ở Saigon. Đôi khi anh đi qua những toà nhà to lớn, anh thấy nhửng bảng hiệu với những cái tên lạ hoắc như Bloomingdale, Macy's, J.C. Penny's, Merrills. Đường xá cũng rộng lớn hơn ở Saigon và xe hơi chạy như mác cửi. Florence cứ chạy một đọan đường lại ngừng xe, nhìn phải nhìn trái rồi mới lại đi. Sau này anh mới hiểu rằng luật giao thông bên Mỹ buộc phải dừng xe mỗi khi có bảng Stop. Ở Saigon có đèn xanh đèn đỏ nhưng đâu có bảng Stop? Lần đầu tiên Seymour cho anh lái xe, qua bảng Stop anh cứ đi như thường, ông la tóang lên. Mãi sau này mỗi lần nói chuyện lái xe Seymour lại nhắc cái vụ anh chạy xe mà không chịu dừng lại ở bảng Stop này.

Sau khi điền đơn và ngồi cả tiếng đồng hồ, Hoàng đã nộp được đơn xin thẻ an sinh xã hội. Người đàn bà nhận đơn nói với anh rằng anh sẽ nhận được chiếc thẻ qua bưu điện. Trên đường ra về, anh nói Florence đưa anh đến sở Social Welfare để anh xin tiền trợ cấp tị nạn nhưng Florence trợn mắt nói với anh rằng anh là một nhà trí thức, một giáo sư đại học, không thể ngửa tay đi ăn xin xã hội được. Bà nói sáng hôm sau, anh sẽ theo Seymour đi lên Manhattan xin việc. Giỏi như anh thiếu gì việc cho anh làm, kiếm đồng tiền một cách tự hào, không thể bỉ mặt đi ăn welfare được. Nghe bà nói, anh cũng chẳng biết làm sao hơn. Anh được biết khi mới đến tị nạn, ai cũng được chính phủ Mỹ trợ giúp trong vòng một năm để người tị nạn có thể đi học tiếng Anh hay học nghề. Số anh khốn nạn, chui vào gia đình Hellman nên không được phép xin trợ giúp của chính phủ, vì xin như thế là hèn hạ.

Đêm hôm ấy anh nằm lo lắng miên man. Anh đang tính nếu nhận được tiền trợ cấp tị nạn thì anh sẽ gởi về cho bên nhà một nửa, chỉ giữ một nửa để chi dùng thêm khi cần. Nay việc đi tìm việc làm càng cấp kíp hơn, nếu không anh sẽ không có một đồng xu nào trong túi, muốn tiêu gì riêng cũng không được chứ đừng nói đến việc cứu giúp gia đình. Anh cầu trời ngày hôm sau đi lên Manhattan anh sẽ kiếm được việc làm liền, việc nào cũng được, miễn sao kiếm được ra tiền. Trong cơn ngủ chập chờn, anh thấy hình ảnh Nga vợ anh và các con đang vui mừng khi nhận được quà anh gởi về.

(còn nữa)

Chương Hai

Chạm Trán Với Thực Tế

Từ lúc anh tỉnh dạy giữa đêm khuya, khoảng bốn giờ sáng, Hoàng không còn ngủ lại được. Anh bèn ra bàn ngồi viết thơ về cho vợ con. Trong thơ anh kể những chuyện đã xẩy đến cho anh kể từ giờ phút anh đặt chân lên chiếc máy bay chở những người tỵ nạn Đông Dương từ Singapore đến San Francisco. Trên chuyến máy bay chuyên chở gần hai trăm người tỵ nạn này anh đã chứng kiến vụ một nữ tiếp viên hàng không da trắng miệt thị người tị nạn vì họ không nói được tiếng Anh, anh đã bất mãn và phản đối. Sau khi đến sân bay San Francisco, cả bọn đã được đưa đến Camp Hamilton, một căn cứ Không Quân Hoa Kỳ bỏ hoang ở Novato, ở cách SFO khoảng một giờ xe chạy, nơi đây anh phải tạm trú ba ngày đêm chờ được đưa đi nơi định cư. Anh đã được chỉ định trên giấy tờ bảo lãnh đi Nữu Ước nhưng không hiểu sao nơi đây họ lại tính đưa anh đi Alabama. Sau khi anh phản đối dữ dội, anh được chấp nhận cho đi Nữu Ước, tuy nhiên cơ quan USCC chơi xấu anh, không thông báo cho người bảo lãnh anh biết ngày giờ anh sẽ đến để ra đón nên anh bị một vố đau nhớ đời tại phi trường New York khi phải ngồi chơ vơ tại đó nửa ngày trời chờ thân nhân ra tiếp nhận. Anh cũng tả trong thơ sự tiếp đón tử tế của người bảo trợ và những ngày đầu anh sinh sống trong gia đình Hellman. Cuối thư anh nói đến việc anh không được Florence chấp nhận cho anh xin welfare và do đó anh sẽ phải đi kiếm việc làm liền, anh hứa với Nga và các con là ngay khi anh lãnh được lương anh sẽ mua quà gởi về liền.

Khi viết những hàng thơ chót, Hoàng đã xúc động mạnh, tim anh đã phập phồng và anh đã ứa nước mắt. Mới sang đến Mỹ anh đã chạm trán với cái thực tế phũ phàng, từ sự khinh miệt người tị nạn của cô tiếp viên người Mỹ trên chuyến máy bay, cho đến sự coi thường anh của tên nhân viên USCC ở camp Hamilton khi anh đến xin đổi đi New York. Tên này cũng là người Việt như anh, chỉ có cái khác là y đã đến Mỹ trước anh và sống ở đây được ít lâu. Y đã tỏ ra phách lối đối với anh; thay vì ăn nói từ tốn lịch sự, tên này đã quát tháo và tỏ ra mình hơn những người tị nạn mới chân ướt chân ráo tới đây, dốt nát, chưa biết gì. Anh đã chửi thề và đòi đánh nhau với y, và sự hùng hổ của anh đã làm cho y xun vòi, hết dám bắt nạt anh. Sau đến là sự ngăn cấm của Florence không cho anh lấy tiền trợ cấp mà bắt anh phải đi

làm liền. Anh cũng chẳng sợ, đi làm thì đi làm. Chỉ có điều anh e ngại là liệu anh có kiếm được việc làm hay không thôi.

Chẳng mấy lúc anh nghe có tiếng rục rịch bên phòng lớn bên cạnh là căn phòng của Seymour và Florence. Anh vội bước ra khỏi phòng mình, chui vào phòng tắm đánh răng và rửa mặt. Vừa đúng lúc anh ra, Seymour xuất hiện ở khung cửa phòng ông. Hai người chào nhau "good morning!", Seymour đi vào phòng tắm, còn anh trở vào phòng mình. Anh mặc quần áo rồi đi xuống nhà dưới.

Đúng 7 giờ Florence, còn trong chiếc áo ngủ, đi xuống nhà bếp pha cà phê cho chồng. Lát sau, Seymour xuống. Ông đã bận đồ, sẵn sàng đi làm. Florence nói:

- Hôm nay anh Hoàng sẽ đi theo ông lên Manhattan. Ông chỉ cho anh ấy cách mua vé xe lửa khứ hồi. Khi đến Manhattan, ông nhớ hẹn giờ để chiều anh ấy về cùng với ông.

Rồi bà quay sang Hoàng nói:

- Anh đi lên Manhattan thử đi vào các đại học xin việc. Anh nhớ tự giới thiệu là Giáo sư Luật ở Saigon. Có như thế anh mới xin được việc tốt! Anh có tiền đi xe lửa chưa?
- Chưa.
- Tôi cho anh mượn $10.00. Khi anh lãnh lương anh sẽ trả lại tôi.
- Thưa vâng!

Florence đưa cho anh một tờ giấy mười đô la. Anh cám ơn bà rồi ngồi vào bàn cùng Seymour uống cà phê và ăn một cái donut còn lại từ hôm trước. Đúng 7 giờ 45 hai người đi bộ ra ga xe lửa để kịp đi chuyến 8 giờ. Ra đến sân ga, Seymour gới thiệu Hoàng với người bán vé và chỉ cho anh cách xử dụng máy bán vé để mua vé khứ hồi. Vừa lấy được chiếc vé từ máy ra thì xe lửa tới. Seymour bảo anh theo ông ta bước ra bến xe đậu rồi bước vào toa xe lửa. Chuyến xe tương đối còn trống nên hai người tìm được chỗ ngồi dễ dàng. Chiếc xe lao đi vùn vụt nhưng chỉ mươi phút sau lại dừng ở trạm kế tiếp cho hành khách lên. Như thế chiếc xe lửa dừng ở gần hai chục trạm trước khi đến Pennsylvania Station tại trung tâm Manhattan. Hàng ngàn người tuôn ra từ những chiếc xe lửa mới đến bến chót này. Hoàng chạy theo Seymour để thoát ra khỏi nhà ga. Nữu Ước là thế giới của những kẻ cuống cuồng, ai nấy đều đi như ma đuổi. Hoàng không hiểu tại sao ai cũng đều phải vội vã như thế. Trên hai vỉa hè, anh thấy hàng ngàn khách bộ hành ai nấy đều cắm cổ đi như chạy, không ai còn để ý đến gì hơn là bước cho nhanh và tránh những người đi ngược chiều với mình.

Seymour hẹn sẽ gặp lại anh vào lúc 5 giờ chiều trước Penn Station, rồi ông tiến về phía bến xe buýt. Hoàng đứng nhìn ông leo lên chiếc xe đầy nhóc

người. Anh tàn ngần một lúc trước khi bước đi. Anh đi một vòng Penn station để nhớ vị trí nơi này. Chiều nay anh sẽ phải trở lại đúng nơi đây và anh mong sẽ không đi lạc để rồi đến nơi hẹn trễ. Bỗng anh nảy ý lấy cuốn sổ nhỏ mà anh luôn mang theo trong người và cái bút. Anh vội vẽ sơ đồ nơi anh đang đứng và ghi rõ những tiêu mốc dễ nhận ra như tiệm Bloomingdale trước mặt và tên những tiệm ăn gần nơi đó. Sau khi yên tâm rồi, anh mới quyết định đi nơi khác.

Suốt ngày hôm đó anh đã lê chân đi qua những khu phố thênh thang của thành phố Nữu Ước. Anh đã đi qua Times Square mà không biết rằng đấy là nơi nổi tiếng nhất Manhattan, nơi mà hàng vạn người tu tập ăn chơi vui vẻ mỗi cuối năm để chờ giao thừa. Anh đã ngồi nghỉ chân trên băng ghế dài trong khu vườn Central Park nổi tiếng toàn nước Mỹ. Anh đã đi cho đến khi kiệt sức, cho đến khi chân mỏi không còn lê đi được nữa, đi hết khu phố này đến khu phố kia mà không còn biết phải làm gì. Anh nhìn anh trong những tấm kính to lớn của những cửa hàng và tự hỏi mình đang làm gì nơi đó, tại sao mình lại đi một mình trên con đường dài vô tận này. Anh tự nhiên thấy sự vô lý của cuộc đời, sự bất hạnh của mình, và anh cảm thấy chán chường, buồn bực. Anh đã đi vào hai bệnh viện, hỏi xin làm thông dịch viên vì nghĩ rằng sau ba năm dạy danh từ y khoa tại trường Y nha Saigon anh khá thông thạo ngôn ngữ bệnh tật và cách chữa trị; nhưng anh đều bị từ chối. Anh đành xin làm lao công thì người ta nói anh overqualified. Anh chẳng hiểu overqualified là cái gì nhưng vẫn phải tui ngủi ra về. Tại một bệnh viện thứ ba, một người Đại hàn trước kia chiến đấu ở Việt nam nghe anh kể chuyện vượt biên băng Kămpuchia gian khổ và suýt chết, thương tình cho anh uống cà phê, hút thuốc lá và hỏi anh có muốn làm security không. Dù không biết làm security là làm gì, anh vẫn vui vẻ nói có và người kia đưa cho anh một đống hồ sơ về điền, bảo anh điền xong thì mang lại nộp. Lúc khoảng 3 giờ trưa, anh đói lả đi qua mấy tiệm bánh mì anh thấy ghi 1 đô la rưỡi một ổ tính vào mua ăn, xong lại thôi. Trong túi anh chỉ có vỏn vẹn 10 đồng bạc mà anh đã để dành từ khi lên máy bay ở Singapore, 10 đồng mà anh giữ phòng thân, không dám lấy ra tiêu bậy. Sau đó anh tìm đường trở về khu Penn station và khi về đến nơi, anh cứ ngồi ở đó chờ cho đến lúc Seymour xuất hiện và hai người lên xe lửa ra về. Trên chuyến xe lửa chiều không còn chỗ chen chân, cả anh lẫn Seymour phải đứng lắc lư với con tàu cho đến khi gần về đến Merrick mới tìm được chỗ ngồi. Seymour lúc đó mới tò mò nhìn anh và hỏi:

- Sao? Một ngày trời anh có làm được việc gì nên chuyện không?
- Tôi kiếm được job security tại một bệnh viện gần Chinatown.
- Security job? Tôi không nghĩ là Florence sẽ đồng ý để cho anh nhận công việc ấy!
- Tại sao vậy?

- Tôi để cho Florence giải thích cho anh nghe. Tôi không muốn dính dáng vào vấn đề này.

Thế là Seymour đã gây hoang mang cho anh. Anh chẳng hiểu tại sao ông ta lại nói thế. Anh cảm thấy vừa khó chịu vừa tức tối. Chuyện đi làm là chuyện của anh, mắc mớ gì đến Florence mà bà ta lại cấm cản? Có việc làm là may rồi, còn đòi hỏi gì thêm nữa cơ chứ!?

Khi Seymour mở cửa vào nhà, ông kêu lên, "Hello Florie! I'm home!" rồi leo thẳng lên gác. Thấy thế anh cũng làm theo, và khi vào đến phòng mình, anh liệng đống hồ sơ lên bàn và nằm ngả lưng xuống giường. Kể từ ngày rời Kămpuchia, anh chưa bao giờ đi bộ nhiều như hôm đó. Anh cảm thấy mệt lả và chẳng còn thấy đói khát gì nữa. Trong đầu anh vẫn quay cuồng câu nói của Seymour và anh muốn biết tại sao người ta lại không muốn cho anh làm cái việc security đó.

Hoàng mới nằm nghỉ được mươi mười lăm phút thì có tiếng Seymour gọi anh từ dưới nhà:

- Anh Hoàng! Xuống đây chuẩn bị ăn cơm!

Anh uể oải đứng dậy đi xuống chiếc cầu thang gỗ. Khi vào đến nhà bếp, anh thấy Seymour lum khum đang dọn bàn còn Florence đang làm bếp. Anh thắc mắc không biết Seymour đã nói gì với vợ về cái vụ anh tính làm security hay chưa. Thấy anh, Florence mỉm cười hỏi:

- Sao? Anh đi được những đâu? Anh thấy Manhattan có đẹp không?
- Đẹp lắm nhưng thành phố rộng lớn quá, tôi đi chẳng được bao nhiêu.
- Anh có lấy xe buýt không?
- Không. Tôi chỉ đi bộ. Tôi đi đến gần Chinatown lận. Tôi cứ đi vòng vòng mà chẳng biết đi đâu.
- Để tôi đưa cho anh bản đồ Nữu Ước cho anh nghiên cứu. Lần sau anh đi, anh xem bản đồ thì biết rõ hơn.

Seymour làm như không nghe câu chuyện anh nói với Florence. Ông lẳng lặng rời nhà bếp đi vào căn phòng gia đình, chắc hẳn lại để coi truyền hình. Hoàng lấy sẵn những đĩa lớn để lát nữa đây Florence để thức ăn. Cứ chốc chốc anh lại thấy bà mở cửa lò nướng nhìn, rồi lại đóng lại. Ngứa miệng anh hỏi:

- Hôm nay bà có đi làm không?
- Có chứ! Không đi làm sao được? À lúc anh chưa về, có một người đàn bà gọi điện thoại muốn nói chuyện với anh.
- Ai vậy?

- Bà ấy làm cho IRC.
- IRC là cái gì vậy?
- International Rescue Committee. Đó là một cơ quan lo giúp người tị nạn.
- Họ hỏi tôi cái gì?
- Tôi không biết nhưng tôi bảo bà ta sáng mai 10 giờ gọi lại thì có anh tiếp chuyện.

Bữa cơm tối hôm ấy, anh nói với Florence hay anh xin được việc security tại một bệnh viện ở Manhattan. Anh nhờ bà lúc nào rảnh giúp anh điền đơn xin việc và hồ sơ lý lịch. Florence không nhìn anh mà chỉ nói:

- Anh là giáo sư đại học ở Việt nam, anh không thể làm cái công việc tầm thường đó được!
- Như vậy bà muốn tôi làm việc gì? Anh hỏi lại

Florence lúc đó mới nhìn anh với một ánh mắt pha trộn sự ngạc nhiên với sự phật lòng. Chắc bà không dè anh lại hỏi vặn lại bà như thế. Bà không trả lời thẳng câu hỏi của anh:

- Anh chưa hiểu xã hội Mỹ. Ở đây có nhiều người không tốt. Họ sẵn sàng giết người chỉ vì mấy đồng bạc. Làm cái nghề bảo vệ an ninh đó rất nguy hiểm, anh không làm nổi đâu. Thôi đừng nghĩ đến việc đó nữa. Để tôi xin tạm cho anh vài công việc lặt vặt xung quanh đây cho anh làm đỡ. Tiền không nhiều nhưng việc làm không có gì là khó khăn cả. Nhất là không nguy hiểm.
- Việc gì? Hoàng hỏi
- Tôi chưa biết. Cứ từ từ để cho tôi kiếm! OK?

Sáng hôm sau anh ngủ dậy trễ. Lúc anh bước xuống dưới nhà, thì cả Seymour lẫn Robie đều đã đi khỏi. Florence thì đã chuẩn bị xong và sắp sửa rời nhà đi làm. Bà nói:

- Anh ăn sáng đi. Lát nữa khi nói chuyện với người đàn bà ở IRC anh có thể hỏi xem họ có thể kiếm việc gì giúp anh được không. Họ có thể có job developer như mọi cơ quan tị nạn khác.
- Vâng, tôi sẽ hỏi.

Florence lái xe đi. Hoàng uống tách cà phê, rồi anh lo dọn bàn. Anh chẳng muốn ăn bagel nữa. Anh tính làm trứng ăn nhưng sau lại thôi. Từ nhà bếp, anh nhìn qua cửa sổ ra phiá sân ngoài sau nhà. Lá cây khô đổ đầy vườn và hôm nay trời âm u bất thường. Anh đứng tần ngần một lúc rồi quyết định ra sân quét dọn lá đổ dưới đất. Anh mở cánh cửa nhỏ đưa ra gara để tìm chổi quét và đồ xúc rác. Nửa giờ sau sân đã sạch sẽ, không còn lá khô. Sau đó

anh đi vòng phiá bên hông nhà tính ra phiá trước đứng chơi. Vừa ló mặt ra, anh gặp ngay người hàng xóm, một người đàn ông lớn tuổi, đang đứng tưới cỏ. Lịch sự, anh chào ông ta "Good Morning!" Người đàn ông chào lại rồi ông dừng tay; ông lại gần phiá bên kia hàng rào gợi chuyện nói với anh. Ông ta tự giới thiệu tên và nói ông sống có một mình, vợ ông đã qua đời, ông nay đã về hưu. Ông nói Florence đã nói về anh với tất cả những người hàng xóm xung quanh từ lâu rồi và ai cũng biết anh đã đến từ hôm thứ bẩy. Ông mời khi nào rảnh anh sang bên ông chơi, cần ông giúp gì anh cứ nói. Hoàng cám ơn ông ta và hứa sẽ sang thăm ông.

Lúc đó đã gần 10 giờ, anh bèn xin lỗi người hàng xóm trở vào nhà, ngồi ở ghế salon chờ điện thoại. Quả nhiên đúng 10 giờ thì chuông điện thoại reo. Người đàn bà nơi đầu giây bên kia tự giới thiệu, xong hỏi thăm anh xem việc định cư của anh có vấn đề gì không. Anh trả lời rằng mọi chuyện đều tốt đẹp. Bà nói có một số giấy tờ cần chữ ký của anh, bà sẽ gởi bằng bưu điện đến cho anh; ký xong anh gởi trả lại cho bà ta. Bà cũng cho anh hay là anh sẽ nhận được một tấm chèque khoảng hơn 300 đồng; tiền định cư dành cho mỗi người tị nạn. Nghe thế, anh thấy vui vui trong lòng. Như vậy là anh sẽ có một số tiền nho nhỏ bỏ túi giữ phòng thân. Trước khi ngưng, bà hỏi anh có muốn nói gì với bà hay không, anh liền nhờ bà tìm việc cho anh. Bà ta trả lời rằng rất tiếc chỗ bà không có ai phụ trách tìm việc nên không thể giúp anh được, nhưng bà cho anh địa chỉ một cơ quan giúp đỡ người tị nạn đông dương ở tỉnh bên cạnh và bảo anh đến đó thì sẽ được giúp đỡ. Hoàng ghi địa chỉ và số điện thoại vào trong cuốn sổ nhỏ của anh để khi có dịp anh sẽ đến đó.

Nói chuyện điện thoại xong thì anh chợt nhớ anh có cái thơ viết cho vợ đêm hôm trước chưa đem đi bỏ. Anh quyết định đi ra phố, vừa đi chơi một vòng, vừa đi ra bưu điện bỏ thơ. Anh lên lầu thay quần áo, rồi cầm chiếc thơ đi ra cửa. Anh mở cừa bước ra rồi khép cánh cửa lại mà không khóa. Merrick là một thành phố an ninh, không có trộm cắp nên Florence nói đi đâu cứ việc khép cửa lại mà khỏi cần khóa cửa. Như vậy cũng tiện, khỏi phải lo mất chìa khóa, đi về chỉ việc vặn quả đấm mở cửa đi vào. Lúc đầu, anh rất lấy ngạc nhiên; nhà có bao nhiêu đồ qúi giá mà chủ nhà không sợ ai vào lấy mất. Nhưng sau này anh nghĩ, khi mà ai cũng no ấm thì không ai nghĩ đến chuyện lấy đồ của người khác. Xã hội giầu có là như thế.

Hoàng đi dọc theo những nhà ở, qua chục con đường ngang thì đến khu buôn bán. Anh thấy những cửa tiệm nhỏ đủ loại, từ tiệm ăn đến những tiệm may, tiệm bán quần áo giầy dép, tiệm tạp hóa, tiệm sách, tiệm thuốc tây, những nhà sửa xe hơi, trạm bán xăng, ôi đủ loại cửa hàng. Đi một lúc, anh thấy một nhà bưu điện nhỏ xíu, trông tựa như một cửa hàng thường, chỉ khác là đằng trước có treo một lá cờ Mỹ lớn. Anh bước vào, hỏi mua một chục con tem; anh lấy một con dán lên phong thơ và bỏ vào thùng thơ. Sau

đó anh còn đi lòng vòng chơi, đi đến đâu cũng dừng lại ngắm nghiá, dòm ngó cả mấy phút đồng hồ. Anh bước vào một tiệm sách nhỏ, đi quanh quanh cầm những cuốn sách lên, mở ra đọc vài giòng rồi lại bỏ xuống. Anh cũng đi vào một thư viện nhỏ ngồi đọc báo Time và Newsweek cho đỡ mỏi chân.

Trên đường về nhà, anh ghé vào một công viên nhỏ, anh đi băng qua cánh đồng cỏ, dẩm chân lên những lá cây và cành cây khô để nghe tiếng xột xoạt và tiếng cành cây gẫy. Tình cờ anh bắt gặp nơi một bụi rậm ba chai bia còn nguyên xi chưa đụng đến. Anh kiếm một túi giấy, bỏ những chai bia vào, lặng lẽ cầm đi theo. Khi về đến nhà, thấy chiếc Cadillac đậu bên đường, anh biết Florence đang ở nhà. Anh vội giấu mấy chai bia ngoài vườn, mở cửa bước vào. Florence đang ngồi nơi phòng khách mở thơ ra đọc. Bà đã ghé thùng thơ trước cửa nhà lấy thơ mới giao sáng hôm đó. Thấy anh, bà ngước mắt lên nhìn rồi nói:

- Anh đi chơi về hả. Tôi sợ anh ở nhà một mình anh buồn, tôi ghé về. Sao sáng nay, anh đã nói chuyện với người đàn bà ở cơ quan IRC chưa?
- Thưa rồi! Không có chuyện gì quan trọng. Bà ấy muốn biết tôi có gặp trục trặc gì trong việc định cư hay không. Tôi nói mọi chuyện đều êm đẹp. Bà ấy sẽ gởi tới cho tôi một số giấy tờ cho tôi ký rồi gởi trả lại.
- Thế anh có nhờ vụ kiếm việc hay không?
- Bà ấy cho tôi địa chỉ một cơ quan giúp người tị nạn Đông Dương, nhưng tôi không biết sao đi đến đó được.
- Anh đưa cho tôi coi địa chỉ nơi đó!

Hoàng mở cuốn sổ con, đưa cho Florence xem địa chỉ anh mới ghi buổi sáng. Florence nói:

- Chỗ này ở Hempstead, ngay gần phòng làm việc của tôi. Sáng mai anh đi theo tôi. Lúc về anh có thể lấy xe buýt đưa anh về đến gần nhà. Tôi sẽ chỉ cho anh nơi anh lấy xe buýt.

Florence ra đi, anh đi đến chỗ giấu mấy chai bia lấy vào nhà. Anh đem lên phòng mình để rồi đi trở xuống lấy một ly lớn nước đá. Anh vặn nút mở một chai bia, rót vào ly rồi đưa lên miệng làm một hơi. Anh cảm thấy thật khoan khoái, hơi bia bốc lên, đi vào mũi anh, thơm ngát. Đã lâu lắm anh không uống bia. Giá mà có thêm con mực nướng hay miếng khô bò thì hay biết mấy! Nhưng không có cũng chẳng sao. Những hớp bia sủi bọt trắng dính vào môi anh, anh cứ đưa ly lên miệng. Chẳng bao lâu anh uống hết cả ba chai bia và thấy hơi say say. Anh vội chạy xuống nhà liệng vỏ chai vào thùng rác, rồi anh vào bếp rửa cái ly, chùi khô, cất lại vào tủ. Anh có cảm giác như anh đang làm lén điều gì, và thấy tim đập nhanh hơn. Anh nhìn lên đồng hồ. Đã 4 giờ chiều. Anh chột dạ. May mà thằng Robie chưa về. Nó mà bắt gặp thì có

thể có chuyện. Nó sẽ bảo anh làm chuyện lén và mách cha mẹ nó. Uống bia chứ có gì đâu, nhưng sao lại không uống dưới nhà mà lại uống trong phòng? Anh thấy dại và tự nhủ lần sau phải cẩn thận hơn, phải suy nghĩ trước khi làm điều gì.

Vừa nghĩ đến thằng nhóc Robie thì nó mở cửa cái xầm bước vào. Thấy anh nó la lớn:

- Ê Hoàng! Mày đi ra sân banh chơi banh với tao không?

Anh còn đang ngà ngà say nên không muốn đi đâu. Anh đã tính lên lầu nằm nghỉ. Anh đã quen với cái thói ăn không ngồi rồi tại các trại tị nạn. Những ngày tháng cuối, anh ở trên đảo Ga Lăng bên Nam Dương, anh chỉ ăn rồi ngủ. Mỗi ngày anh đã đi làm một vài giờ cho cơ quan Save The Children để lấy một đôla mua thuốc hút. Ngoài ra chẳng có việc gì làm, mà cũng chẳng có cách gì để giải trí ngoài việc đi ra biển tắm hay xem người ta tắm. Chiều tối khi những quán cóc mở cửa để cho dân trên đảo vào uống cà phê nghe nhạc vàng, đôi khi anh cũng tới đó cho đỡ buốn. Ba tháng nằm chờ ngày đi dài hơn ba năm, thời gian ở đảo anh chưa bao giờ thấy chán hơn.

- Tao không muốn đi đâu hết! Mày đi một mình đi!
- Đi một mình thì chơi với ai?
- Thì mày kêu bạn bè mày đi theo!

Robie nghe bùi tai. Nó nhấc điện thoại kêu bạn, trong khi anh rút lên lầu nằm nghỉ. Mươi phút sau đó, anh thấy Robie lạch cạch bên phòng của nó. Anh biết nó không rủ được đứa bạn nào đi chơi banh hết.

Sáng hôm sau Florence đưa anh đến cái cơ quan giúp người tị nạn ở Hempstead. Từ nhà đến cơ quan này Florence đã phải lái hơn hai mươi phút. Bà đậu xe trước cơ quan đó cho anh biết chỗ, xong lái quành ra đằng sau để chỉ cho anh cái bến xe buýt rộng thêng thang, nơi các xe buýt từ khắp nơi đến tụ lại. Bà nói:

- Khi ra đây, anh hỏi thăm chuyến xe nào đi Merrick thì leo lên. Lên xe anh mới phải trả tiền. Mỗi chuyến đi là 35 xu. Khi về đến Merrick, xe sẽ đậu dọc theo con đường chánh xong xong với đường nhà mình. Anh hãy xuống trạm nào gần nhà nhất rồi đi bộ về.
- Thưa vâng!
- Anh muốn xuống đây hay muốn tôi đưa trở lại trước cửa cơ quan?
- Thôi tôi xuống đây cũng được.

Hoàng xuống xe và anh đi bộ vòng trở lại tòa nhà lớn bốn từng nơi anh thấy có cái bảng bằng đồng nhỏ nơi cửa ghi tên cơ quan: "Indochinese Refugee

Resettlement Center.” Anh đẩy cánh cửa bước vào một hành lang rộng, hai bên là những cánh cửa kính rộng lớn dẫn vào những cơ sở thương mãi hay những cơ quan hành chánh của quận. Anh đi một vòng mà chẳng tìm thấy lối vào cái cơ quan mà anh muốn đến. Thấy anh cứ lớ ngớ đi đi lại lại, một người Việt tị nạn đi qua hỏi anh:

- Anh người Việt hả? Đi xin việc làm hả? Anh đi theo tôi!

Hoàng như người chết đuối vớ được phao. Anh liền bước theo người đàn ông trẻ tuổi, đi đến cuối hành lang thì thấy hai cánh cửa kính lớn trên có sơn tên cơ quan tị nạn. Người thanh niên kia đẩy cửa bước vào, chào người thư ký Việt ngồi ngay lối ra vào, rồi đi thẳng vào bên trong. Trên bàn người thư ký anh thấy một bảng gỗ dài trên có ghi giòng chữ “Receptionist”. Thấy anh, cô ta hỏi người thanh niên:

- Anh này đi với anh hả anh Liêm?

Người thanh niên tên Liêm trả lời:

- Mỹ Linh đưa hồ sơ cho anh ấy điền. Điền xong cho anh ấy vào gặp tôi.

Người thư ký tên Mỹ Linh đưa cho anh một tấm bìa gặp đôi, trong có mấy tờ đơn in sẵn và bảo anh ra nơi có mấy cái bàn học trò ngồi điền. Anh hỏi mượn bút để viết thì cô ta chỉ vào một cái lọ nơi có cắm chục cái bút đủ loại nói:

- Bút đấy, anh thích cái nào cứ lấy! Dùng xong để trở lại vào đó cho em nghe anh!

Nghe người đàn bà trẻ nói ngọt ngào, Hoàng thấy hứng chí. Anh hỏi:

- Em sang đây lâu chưa?
- Dạ thưa cũng gần ba năm rồi thưa anh!
- Ở vùng này có nhiều người Việt không em?
- Chắc cũng khoảng vài trăm, một ngàn người, nhưng ở rải rác thưa anh.
- Anh thấy tên cơ quan có chữ Indochinese. Chắc có người Miên nữa?
- Người Miên thì ít thôi, nhưng nhiều người Lèo lắm anh à.
- Nhiều hơn người Việt mình không?
- Em cũng không biết rõ. Lát nữa anh hỏi anh Liêm đi.

Hoàng cầm hồ sơ lại chiếc bàn nhỏ, ngồi xuống đó điền đơn. Chừng mươi phút sau anh trở lại bàn người thư ký, đưa cho cô ta rồi lại về nơi chiếc bàn con ngồi chờ. Chừng mười lăm phút sau, Mỹ Linh đưa anh vào gặp Liêm. Trong một căn phòng to lớn có những cửa sổ kính nhìn ra đường và ra vườn sau, Liêm ngồi sau một trong ba cái bàn lớn dành cho những nhân viên làm

việc xã hội. Hoàng thấy những hàng chữ loằng ngoằng ghi trên những tấm bảng để trên mặt hai bàn kia, anh đoán chừng đó là bàn dành cho hai chuyên viên người Miên và người Lào. Khi anh đến gần, Liêm ngước mắt nhìn anh rồi mời anh ngồi. Hoàng ngồi xuống một trong hai cái ghế đặt trước bureau của Liêm. Trước mặt Liêm là mấy tờ giấy anh vừa khai lý lịch và tờ đơn anh đã ký xin Văn Phòng Giúp Người Tị Nạn Đông Dương giúp đỡ. Anh biết Liêm đã đọc và biết rõ lý lịch của anh trước khi mời anh vào nói chuyện.

- Chào Giáo Sư! Trước 75, em cũng học trường Luật. Em đang học năm thứ hai thì mất nước.
- Anh đừng gọi tôi giáo sư. Tôi có dạy anh ngày nào đâu. Xin anh cứ gọi tôi bằng anh. Thế anh sang Mỹ lâu chưa?
- Em đến Mỹ năm 78. Đến tháng Giêng là đúng ba năm rồi. Thế anh cũng vượt biển đến Thái Lan?
- Không tôi đi đường bộ. Tôi đi băng Kămpuchia.
- Trời anh đi nguy hiểm quá há?
- Thì cũng thế thôi! Đi lối nào chẳng gặp chết? Anh đi đường biển?
- Vâng, em đến Song Khla. Em may mắn đi có bốn ngày là đến nơi. Có bị cướp nhưng may mắn chúng chỉ lấy vàng bạc rồi cho nước và chỉ đường cho bọn em đi.
- Số anh thật có phúc!

Liêm dừng lại một lúc nghĩ ngợi như thể anh nhớ lại chuyện gì trong quá khứ chưa lâu lắm. Chắc chắn anh chưa quên hết được những gì đã xẩy ra trong cuộc đời anh. Nhìn Liêm anh đoán anh ta chỉ nhỏ hơn mình chừng năm tuổi. Những đau đớn của cuộc sống vẫn còn hằn trên nét mặt anh. Ba năm sung sướng chưa đủ để xoá đi những nhục nhằn đến với con người.

- Thế anh sang đây một mình hay với cả gia đình?
- Em đi với một đứa em trai. Ba má em vẫn còn ở Saigon. Em đã làm giấy bảo lãnh nhưng không biết bao giờ mới được đoàn tụ gia đình. Anh cũng đi có một mình?
- Vâng, đi Kămpuchia tôi đâu dám đưa vợ con đi theo. Anh có thể giúp tôi làm giấy bảo lãnh được không?
- Ở đây không lo vụ bảo lãnh thưa anh. Để em giới thiệu anh đến USCC ở Manhattan. Ở đây chỉ lo giúp đỡ người tị nạn tìm nhà ở, đi bệnh viện khi ốm đau, tìm lớp học nghề hay tìm việc. Thế hôm nay anh đến đây có việc gì?
- Tôi muốn kiếm việc gì làm.
- Ở đây chỉ giới thiệu việc làm tay chân, làm trong các công xưởng thôi anh à. Không có việc cho anh đâu.
- Không có việc gì nhẹ, tôi có thể làm được? Tôi mới sang đây chưa tới một tuần, chưa đi học nghề. Tôi chỉ muốn kiếm chút đỉnh tiền…
- Anh có thể xin đi học Anh văn và ăn welfare một thời gian.

- Tôi không muốn xin trợ cấp xã hội. Tôi muốn đi làm liền.
- Vậy anh chờ lát nữa đây anh gặp bà Dolbrin. Bà là job developer ở đây. Chừng 11 giờ bà ấy mới đến. Sáng ra, bà đi đến các xưởng nói chuyện với những chủ nhân có việc làm cho người tị nạn.

Ngày đó anh mới tới Mỹ, anh chẳng hiểu cái nghề job developer là nghề gì. Anh đoán thử bằng cách dịch từ chữ ra tiếng mẹ đẻ và hiểu nó là "phát triển viêc làm", nhưng như vậy nó không có ý nghĩa nào hết. Sau này, anh muốn xin việc, người ta bảo anh đi gặp job developer thì anh mới biết đó là người liên lạc với chủ nhân những hãng xưởng để đưa người vào làm, ăn tiền hoa hồng. Hoàng bèn ra đợi nơi chỗ dành cho người ngồi chờ. Để giết thì giờ, anh mở những trang tuần báo ra đọc. Anh ra nơi bảng có ghim những mảnh tin tức loan báo cho các cộng đồng người tị nạn đứng đọc. Bỗng mắt anh sáng lên. Trên bảng có ghim một trang quảng cáo một lớp huấn luyện ba tháng về social work dành cho người tị nạn. Học viên được trợ cấp 300 đồng mỗi tháng. Nơi ghi danh và học là tại trường Adelphi ở Manhattan và lớp học sẽ bắt đầu vào đầu tháng sau. Anh định bụng sáng hôm sau anh sẽ lên Manhattan xin ghi tên tham dự khoá học này. Luôn thể, anh sẽ đến USCC xin bảo lãnh gia đình. Nghĩ thế anh đến nhờ Liêm giới thiệu với USCC. Anh thấy Liêm quay điện thoại nói chuyện với một người đàn bà Việt chị chị em em rất thân tình. Liêm đã nói đến anh trong câu chuyện và giới thiệu anh là giáo sư trường Luật Saigon với bà ấy. Sau một hồi vâng vâng dạ dạ, Liêm dừng máy và quay sang anh, Liêm nói:

- Anh sẽ đến gặp Tiến Sĩ Mai. Bà ấy sẽ làm mọi chuyện cho anh. Bà Mai rất tốt, anh khỏi lo. Em đã nói với bà ấy là anh muốn làm thủ tục bảo lãnh cho gia đình. Để em ghi địa chỉ văn Phòng USCC cho anh, và cả số điện thoại của Tiến Sĩ Mai nữa, trường hợp anh cần liên lạc.
- Cám ơn anh nhiều!
- Anh đừng cám ơn. Đó là một trong những dịch vụ trong văn phòng mà em phải làm thôi.

11 giờ hơn bà Dolbrin tới. Bà là một phụ nữ da trắng, tuổi khoản 35, 40. Thấy bà vào, Liêm đứng dạy chào rồi giới thiệu Hoàng với bà. Bà đưa tay ra cho Hoàng bắt, nói "Hello!" rồi mời anh vào phòng riêng, một trong hai căn phòng nhỏ hơn sát bên. Căn phòng lớn bên ngoài, nơi các social workers làm công việc phỏng vấn/điều tra gọi là "intake", ăn thông với hai phòng nhỏ, một là của bà Dolbrin, căn phòng kia là của viên giám đốc.

Dolbrin mời anh ngồi rồi hỏi anh muốn kiếm loại việc gì. Anh nói anh biết chữ nhưng không có nghề, anh muốn làm một công việc gì không đòi hỏi hiểu biết chuyên môn, như dọn dẹp, bán hàng, hay sắp xếp đồ trong những của hàng lớn.

Bà nói anh đâu chịu làm những công việc tay chân, lương trả từng giờ ba bốn đô la một giờ. Anh nói "ai am hăng gơ ry, ai nít ê ni dốp tu ghết mo mo ni", bà nhìn anh với đôi mắt đầy thiện cảm vì bà thấy anh đâu có câu nệ. Ở Saigon anh là giáo sư, ở Hempstead anh là cu li, có chết ai đâu? Vả lại, ai biết anh đã làm giáo sư trừ bà, vì anh đã lỡ để bà đọc resume của anh. Đã có lần anh xin việc làm janitor mà lại khai có bằng đại học ở Việt Nam, người ta lắc đầu không cho, bảo rằng anh "ô vơ qua li phai", lúc ấy anh không hiểu, anh cứ nằng nặc nói rằng ở Saigon anh đã từng đạp xích lô, làm cu li quét nhà có gì khó, anh dư sức làm. Người ta cứ ngoan cố nói " iu a ô vơ qua li phai pho dít dốp" làm anh tức điên người lên. Sau này gặp bạn cũ, qua đây đã năm bẩy năm rồi, giải thích cho anh rằng đi xin việc tay chân thì khai mình chỉ học đến trung học đệ nhất cấp thôi. Khi đó anh mới hiểu đất Mỹ có những quan điểm khác bên mình. Dolbrin nói để bà xem nơi nào cần người, bà sẽ cho anh hay. Sau đó Hoàng chào Liêm rồi ra về. Liêm nói khi nào rảnh, mời anh trở lại.

Hoàng quay ra bến xe buýt và đi dọc theo cái bến dài hai ba trăm thước tìm nơi xe buýt đi Merrick đậu. Vì có cả hai chục bảng xe buýt khác nhau, mỗi bảng chỉ một nơi đến, đọc tên địa danh nghe lạ hoắc, anh cứ vừa đi vừa ngước mắt lên trời tìm kiếm mà không ra. Sau đó anh phải hỏi thăm và được người ta chỉ cho. Anh leo lên xe buýt ngồi chờ cho đến giờ xe chạy. Khi xe đã chạy được khoảng hai mươi phút rồi, anh cứ thấp thỏm, đứng lên nhìn đường rồi lại ngồi xuống. Thấy anh như gà mắc đẻ, người đàn bà ngồi bên cạnh biết anh không quen đi xe buýt nên hỏi anh muốn xuống đâu. Anh nói Merrick thì bà bảo ba trạm nữa thì tới nơi, anh có thể xuống. Anh cám ơn người đàn bà ấy và thấy yên bụng hơn. Sau khi xuống xe, anh lững thững đi bộ về nhà, đi qua một căn nhà có trồng nhiều cây táo tây, anh thấy trái rụng đầy vườn, rụng cả ra ngoài vệ đường. Trông những quả táo to lớn còn tươi tốt, anh nhìn trước nhìn sau không thấy ai, cúi xuống lượm dăm quả dấu vào trong áo nơi bụng. Anh hơi thấy mắc cở khi lượm đồ không ai nhặt, nhưng anh còn là dân tị nạn, đâu có nhiều tiền? Vả lại, anh vẫn thích ăn táo tây, kể từ những ngày anh còn nhỏ khi bố anh mua từng thùng về, mỗi quả táo được bọc trong một tờ giấy màu đỏ và được để trong mùn cưa hay sợi gỗ bào nhỏ cuốn tròn để khỏi bị dập. Bẩy tám năm rồi anh chưa được ăn miếng táo tây, kể từ ngày Cộng Sản cướp miền Nam. Cơm còn không có mà ăn, nói gì đến những đồ xa xỉ như táo hay nho? Sau này, mỗi lần đi qua căn nhà đó anh đều lượm dăm trái về ăn. Anh nghĩ trong khi ở bên nhà chết đói thì ở đây đồ thừa đổ đi, trái cây rụng hàng trăm trái không ai buồn nhặt, để cho thối rồi quét vứt đi. Mang về nhà anh phải dấu diếm, không muốn cho Florence hay.

Trưa hôm đó về nhà anh thấy có lá thơ của cơ quan IRC. Mở ra anh thấy có đôi ba tờ giấy mà anh sẽ phải đọc, điền vào những chỗ trống, và ký vào đó rồi gởi trả lại. Anh cũng thấy có tấm chèque hơn ba trăm mà anh đã nghe nói qua cuộc nói điện thoại hôm trước. Cầm tấm chèque trong tay, anh thấy

lòng hân hoan. Anh tự nhủ hôm sau anh lên Manhattan, anh sẽ đến ngân hàng lãnh tiền. Anh chưa đến ngân hàng lãnh tiền bao giờ, nhưng anh nghĩ sẽ không có gì khó khăn hết.

Hôm sau, đúng theo dự tính, Hoàng đợi cho cả nhà đi rồi anh mới bước ra khỏi nhà. Anh đến trạm xe lửa lúc 10 giờ sáng. Giờ đó chỉ còn lác đác dăm ba người chờ đi. Anh bỏ tờ 10 đồng vào máy, nhấn mấy cái nút để chọn nơi đến và mua vé khứ hồi. Cầm tấm vé trên tay, anh ung dung bước ra nơi xe lửa sẽ tới đậu. Nhìn trời mây một lúc thì xe lửa tới, anh bước vào toa xe gần như trống không, vô số ghế tha hồ muốn ngồi đâu thì ngồi. Anh nhìn qua chiếc cửa sổ, quang cảnh những tỉnh nhỏ ở Long Island không có gì thay đổi trong suốt chuyến đi. 45 phút sau xe lửa vào đến Penn Station. Không còn cảnh huyên náo như lần trước anh đến đó. Những người ra khỏi xe lửa cũng không còn vội vã, họ khoan thai bước, không chạy như ma đuổi. Hoàng đi vòng vòng một lúc cho biết rõ Penn Station. Bước qua một tiệm bán thuốc, anh dừng lại nhìn những hộp xì gà Cuba trông mà thèm. Anh ngắm những cây pipe và những bao thuốc pipe. Anh định bụng khi có việc làm ra tiền, anh sẽ mua một cây pipe. Những năm trước 75, anh đã ngậm pipe và mê cái mùi thơm ngọt lịm của thuốc Seventy Nine. Anh thấy thèm hút lại thứ thuốc ấy để ngửi lại mùi thơm của nó và để nhớ lại những ngày xa xưa, khi anh bắt đầu bước chân vào cuộc đời dạy đại học.

Anh đi ra khỏi Penn Station, đi dọc theo đường số 7 về phía Nam. Khi đi qua một chi nhánh nhỏ của ngân hàng Citibank, anh rẽ vào để lãnh tiền. Đứng trong hàng người chờ đợi, anh thò tay vào túi móc tấm ngân phiếu ra, nắm nó trong tay. Lần đầu tiên trong đời, anh đi lãnh tiền từ ngân hàng. Vào những năm 70 ngân hàng mọc lên như nấm ở Saigon, nhưng anh còn nghèo, đâu cò tiền bỏ ngân hàng? Anh chỉ nghe nói đến việc mở trương mục và xử dụng chèque nhưng có trương mục bao giờ đâu mà xử dụng chèque. Những ngày đó anh đến thăm những người bạn làm thanh tra hay chuyên viên ngân hàng nhưng chỉ đến để rủ đi chơi. Tất nhiên anh đã học những lớp kinh tế tài chánh trong chương trình cử nhân Luật và biết tất cả những khái niệm về hoạt động ngân hàng nhưng đó chỉ là lý thuyết. Nay đến Mỹ, anh mới bắt đầu thực hành. Anh thấy hơi bỡ ngỡ, không biết phải làm gì, thủ tục lãnh tiên như thế nào, anh không hay.

Khi đến phiên anh tiếp xúc với người thư ký ngân hàng, anh bước đến gần quầy, chìa tấm chèque ra mà không biết phải nói gì. Người đàn bà hỏi anh muốn bò vào trương mục hay muốn lãnh tiền, anh không hiểu cứ ngớ người ra. Anh chẳng hiểu tiếng account chỉ chương mục và tiếng cash nghiã là lấy tiền. Sau một lúc anh đành nói: "I want money!" và người đàn bà hiểu ý. Nhưng bà đòi anh đưa giấy tờ chứng minh như thể căn cước hay bằng lái xe. Anh nói anh là tị nạn anh không có và bảo anh đưa thẻ xanh. Anh lại bảo anh chưa có thẻ xanh, anh chỉ có tờ I 94 chứng minh anh là tị nạn. Bà bảo

đưa cho bà xem, anh chìa nó ra nhưng không có hình anh trên đó nên bà không biết phải làm sao, bà gọi manager ra, Người manager hỏi anh đến Mỹ bao giờ, anh nói mới 1 tuần, ông nhìn tấm chi phiếu của cơ quan International Rescue Committee, ông biết đó là cơ quan tị nạn nên ông đồng ý cho anh lãnh. Tất cả câu chuyện rắc rối xây ra trong vòng mươi phút đồng hò, nhưng anh thấy ruột gan anh nóng như lửa. Anh đã tưởng nguội điện, không lấy được tiền, đã bắt đầu thấy buồn. Khi người đàn bà đếm những tờ giấy bạc trước mặt anh, anh mới hoàn hồn, anh mới thấy vui trở lại. Anh cầm những tờ giấy bạc trong tay đi ra khỏi ngân hàng lòng thấy hân hoan nhẹ nhõm. Ra dến cửa anh mới sực nhớ ra rằng cầm tiền trong tay có thể bị bọn bất lương giựt mất, anh vội gặp những tờ giấy bạc làm đôi bỏ vào túi. Anh cứ để tay trong túi như vậy cho đến lúc anh rút tay ra lúc nào anh không hay. Anh nghĩ bây giờ anh phải đi ghi danh học khoá huấn luyện về dịch vụ xã hội taị Adelphi University
và đi đến nơi đó. Đêm qua anh đã nghiên cứu bản đồ nên nay anh chỉ việc theo tên đường ma đi. Đi bộ chừng nửa tiếng thì anh đến nơi. Anh thấy một toà nhà bốn từng, trông chẳng có vẻ gì là đại học hết. Anh đứng trước toà nhà dăm ba phút nghĩ ngợi chưa biết có nên vào cái nơi trông giống như nhà thường dân ấy hay không thì anh thấy một nhóm thanh niên Kămpuchia nam có nữ có đi ra cười cười nói nói bằng cái thứ tiếng mẹ đẻ của họ mà anh đã quá quen thuộc vì đã nghe nó trong suốt gần một tháng trời bên ấy. Anh liền tiến tới hỏi thăm và được cho biết đúng nơi đó là trường Adelphi. Thì ra nhà trường chính ở Garden City đã mướn một phần căn nhà đó để làm nơi huấn luyện chương trình Social Worker. Anh mở cửa bước vào gặp người phụ trách. Cô ta đưa cho anh xấp hồ sơ bảo anh đem về nhà điền vào rồi đem lại. Nhưng anh mang sang một trong những phòng học trống bên cạnh đó, ngồi vào nơi bàn thầy giáo điền đơn và ký tên. Mười lăm phút sau anh mang trở lại văn phòng nộp, người đàn bà nhận đơn nhớ ra anh nói:

- Ông làm nhanh quá há! Ở Saigon ông làm gì?
- Tôi là Luật gia. Trước 1975, tôi là phụ giảng tại Đại Học Luật Khoa Saigon.

Bà trố mắt nhìn anh, không hiểu vì ngạc nhiên hay vì cho rằng anh khôi hài. Bà hỏi anh:

- Thật đấy à?
- Thưa bà tôi không biết nói dối bao giờ. Anh trả lời.

Người đàn bà lật những trang giấy ra xem lại, thấy anh đã điền đầy đủ, gặp hồ sơ lại cất sang một bên rồi nói:

- Chương trình huấn luyện sẽ bắt đầu vào đầu tháng tới. Học viên sẽ họp mặt nơi đây. Ông sẽ nhận được thơ báo chính thức và sẽ biết

chương trình học, thời khắc biểu, phòng học và tên giảng viên phụ trách mỗi lớp. Ông cũng sẽ nhận được danh sách những bạn cùng học một khoá. Đến cuối mỗi tháng ông sẽ nhận được tiền học bổng là 300 đồng. Ông có cần hỏi điều gì hay không?

- Có người Việt nam nào khác trong khóa học không thưa bà?
- Tôi không biết rõ. Những khóa trước đều có người Việt. Nhận được thơ ông sẽ hay.
- Cám ơn bà.
- Thưa không có chi!

"*Thế là xong được một việc*" anh thầm nghĩ. Anh nhấc tay lên ngang tầm mắt, vén tay áo nhìn chiếc đồng hồ Seiko Five mà anh đã mua lại của một người tị nạn khác khi người này được chuyển trại hồi anh còn ở Thái Lan. Lúc đó đã quá 12 giờ. Anh nghĩ anh còn phải đến USCC làm giấy tờ bảo lãnh cho gia đình. Nhớ đến đó anh lật đật lấy cuốn sổ nhỏ ra trong đó anh đã ghi số điện thoại của Tiến sĩ Mai. Anh quyết định điện thoại cho bà ta để báo cho bà hay là anh đã đến Manhattan và xin gặp bà vào lúc 1 giờ 15. Anh tiến đến một phòng điện thoại công cộng, móc túi lấy mười xu để bỏ vào máy trước khi quay. Nhưng khốn nạn cho anh, anh cứ loay hoay mãi vì anh chưa biết phân biệt đồng một xu với đồng mười xu, cứ bỏ lầm đồng một xu vào trong máy để rồi đồng xu lại chui tọt xuống dưới hộp trả lại. Mãi sau anh mới vớ được một đồng mười xu và kêu được cho tiến sĩ Mai. Bà vui vẻ nhận gặp anh vào lúc 1 giờ 15 phút. Anh đặt ống nghe trở lại mở cửa phòng điện thoại bước ra. Anh đi bộ về hướng đại lộ số một trên đó có trụ sở của cơ quan USCC. Anh đi như vậy một tiếng đồng hồ thì đến vừa đúng giờ hẹn với tiến Sĩ Mai. Khi gõ cửa bước vào, anh gặp một người đàn bà khoảng 50 tuổi trông rất đẹp tướng. Bả đang ngồi sau một cái bàn lớn đánh vernis nâu xậm bóng loáng. Trên bàn là hai bàn máy điện thoại, hàng chồng giấy tờ hồ sơ, và một khung ảnh khá lớn mang hình mấy đứa thiếu niên mà Hoàng đoán là con trai bà. Anh thấy bên Mỹ có tục lệ để ảnh gia đình, con cháu nơi làm việc, một tuc lệ không thấy có ở Việt Nam. Trông thấy anh bước vào, bà đứng dậy mời anh ngồi rồi dang tay cho anh bắt. Bà nói:

- Anh kiếm địa chỉ này có khó không?
- Thưa chị không khó gì. Tôi đã xem bản đồ trước khi đi.
- Anh tới đây bằng gì?
- Tôi đi bộ. Tôi chưa quen đi xe lửa ngầm hay xe buýt.
- Ở Nữu Ước anh phải tập đi xe lửa ngầm chứ đi bộ vừa mất thì giờ vừa chết chân.
- Thưa tôi đi quen nên cũng không thấy mệt chân lắm.
- Anh ở Long Island, tỉnh nào?
- Merrick thưa chị.
- Thế anh đến Merrick được bao lâu rồi?
- Mới được một tuần thôi.

- Chắc anh nhớ nhà dữ há? Vừa đến Mỹ đã xin làm đơn đón gia đình.
- Thưa lúc này tôi rảnh rỗi, công việc nào làm được thì làm cho xong.
- Thế anh trước làm Luật, anh có biết anh Luân không? Anh Luân làm Luật sư ở Saigon, nay làm văn phòng biện lý ở đây.
- Thưa chị tôi không rõ.

Ngồi nói chuyện một chập xong thì tiến Sĩ Mai đưa cho anh một tờ đơn và cây bút bảo anh điền. Khi anh đưa lại cho bà, bà cầm tơ đơn đi ra ngoài. Khi trở vào bà nói:

- Tôi cho đánh máy lại cho rõ. Sau đó, anh chỉ ký vào đấy là xong. Tôi sẽ gởi sang văn phòng ODP bên INS. Họ sẽ gởi thơ thông báo việc họ đã nhận được đơn của anh và cho anh case number. Sau này có liên lạc với họ, anh sẽ phải ghi case number thì họ mới tìm được hồ sơ.

Chừng năm phút sau, người thư ký mang tờ đơn vào, tiến sĩ Mai đưa cho anh ký. Ký xong anh đưa lại cho bà rồi cám ơn bà và xin kiếu từ.

Anh đi trở lại đại lộ số 7 băng qua Broadway nơi anh thấy những nhà hát lớn mà anh đã từng nghe tiếng. Anh đi qua Avenue of the Americas thì biết đường tới là đại lộ số 7. Đến nơi anh dừng ở một trạm xe buýt đi về hướng Bắc và khi xe đến anh leo lên. Anh trở lại Penn Station lúc hơn hai giờ, lấy xe lửa trở về Merrick. Anh muốn về sớm để tránh giờ tan sở, xe sẽ đông người, không có chỗ ngồi. Anh về đến Merrick lúc chưa tới 3 giờ và khi vào đến nhà chưa có ai về, kể cả thằng Robie.

Tuần thứ nhất tại Merrick đã trôi qua, thứ bẩy lại tới. Sáng thứ bẩy vào khoảng 11 giờ, anh đang ở trong phòng mình nằm mơ mộng thì có tiếng Florence gọi anh từ dưới chân cầu thang:

- Anh Hoàng, có điện thoại của anh!

Anh chạy vội xuống cầm ống nghe và allo thì một giọng nói quen thuộc nói với anh bằng tiếng Việt:

- Allo anh Hoàng! Anh nghe có biết tiếng ai không?
- Thi chứ còn ai nữa!

Hoàng không sao quên được giọng nói của người con gái ấy, mặc dù đã hơn mười năm rồi anh không có dịp nào nói chuyện với cô ta. Giọng Thi có vẻ vừa thân thiện vừa sốt sắng:

- Anh vẫn mạnh khoẻ chứ?
- Tôi vẫn bình thường. Mà làm sao Thi biết được tôi ở đây mà gọi?

- Vậy tôi mới hay chứ! Anh thấy tôi có hay không?
- Cô lúc nào chẳng hay!

Anh bỗng nhớ lại những ngày anh học Đại Học Sư phạm Saigon. Ngày ấy anh thương em trong chiếc áo dài mầu vàng nhạt, anh đã làm thơ tặng em, em cũng xúc động, nhưng không hiểu vì lý do gì em không đáp lại mối tình chớm nở của anh. Anh cũng đã khổ vì em, không phải vì thương em nhiều, mà vì bị chạm tự ái, hồi ấy anh đẹp trai, thông minh, và được bao nhiêu nàng thương thầm, chỉ mong được anh vời tới. Anh chưa bị ai chê ngoại trừ Thi, cho nên anh tức lắm, anh càng cố gắng tấn công em thì em lại càng làm cao, anh lại càng tức mình, càng cố. Thật là cái vòng lẩn quẩn không đưa anh đến đâu, trái lại đã làm anh khổ sở một thời. Về sau này anh được biết Thi đi lấy chồng, chồng em làm kỹ sư ở Pháp về, em cũng được đi Mỹ tu nghiệp, khi về nước em cũng làm lớn ở bộ Giáo Dục, chánh sở hay giám đốc gì đó. Cuộc đời em lên hương, nếu không có cái gọi là "cách mạng" ấy, thì em đã sung sướng hạnh phúc nhất đời. Nhưng mỗi người đều có số mạng và có những đại hạn, tiểu hạn sướng và khổ. Do vậy sau một đại hạn đưa hai vợ chồng em lên như diều, là tiểu hạn xấu, gia đình em đi vượt biển, chồng em bị hải tặc giết, em may mắn thoát chết nhưng thành góa phụ, em ở thế nuôi con.

Nay anh đến Mỹ như một anh tị nạn khố rách áo ôm, anh không hiểu làm sao em biết, em tìm được cả số điện thoại của nơi anh ở, em gọi cho anh hỏi thăm. Anh cảm động về lòng ưu ái của em, có lẽ em thông cảm cái khổ của những kẻ phải ra đi khỏi quê hương, đến xứ người lập lại cuộc đời. Thi nói hôm nào em sẽ đến đón anh về nhà em chơi. Anh nghĩ em chỉ nói cho vui, nhưng vẫn cám ơn em; trước khi kết thúc câu chuyện điện thoại, em dặn anh cố gắng can đảm, không được yếu đuối, phải phấn đấu vì cuộc sống mới sẽ có nhiều khó khăn bước đầu. Em nói em tin tưởng rằng anh sẽ vượt qua được mọi trở ngại, vì em biết tính anh là người không chịu đầu hàng. Nhưng vì em đã từng thấy anh khóc trong những lúc anh yếu lòng, em mới khuyên anh phải can đảm. Anh đã lại phải cám ơn em.

Rồi đến sáng chủ nhật, trong lúc ăn sáng, Florence nói với anh:

- Tôi đã tìm được việc làm tạm cho anh. Anh sẽ làm cashier ở Walbaum's, một siêu thị gần nhà. Lương là 5 đồng một giờ. Mỗi ngày làm vài tiếng. Thời khoá biểu sẽ mềm dẻo, anh muốn làm giờ nào thì làm. Tôi đã nói chuyện với Frank người manager. Lát nữa tôi đưa anh đến gặp ông ta.

Nghe nói làm cashier, anh thấy lòng hơi lo lo. Làm sao anh biết xử dụng cái máy tính điện tử đó? Anh đâu có đánh máy giỏi đâu? Đánh lộn, mất tiền phải đền là bỏ cha! Nhưng anh không nói ra nỗi lo lắng của mình vì anh nghĩ để

từ từ xem sao. Làm được thì làm, không làm được thì nghỉ. Kiếm việc thì khó chứ bỏ việc thì dễ, bỏ lúc nào mà chẳng được. Nay có được việc làm, anh sẽ phải cố gắng, không biết thì học chứ có sao đâu?

- Cám ơn Florence. Bà thật là tuyệt vời!

Thế là sau khi ăn xong, Florence lái xe đưa anh đến siêu thị. Walbaum's cách nhà khoảng hai cây số, đi xe hơi thì chưa tới năm phút, nhưng đi bộ cũng phải nửa tiếng. Vưà bước chân vào, anh thấy một hàng dài đến một tá quầy tính tiền, đứng nơi mỗi quầy là một cô gái tuổi chừng mười tám hai mươi làm người thu tiền. Nhìn họ lanh lẹn, nhấn những nút trên máy tính nhanh như cắt, anh bỗng thấy chột dạ. Họ đếm tiền thâu vào, trả tiền thối lại cũng lẹ làng. Anh bỗng thấy hoang mang và khi Florence giới thiệu anh với Frank người manager, đầu anh để đâu đâu. Frank hỏi anh có biết tiếng Anh không, anh trả lời có biết. Ông hỏi có biết xử dụng cái cash register là cái máy tính tiền hay không thì anh nói không nhưng anh thêm rằng nếu được chỉ cách xử dụng thì anh sẽ thấy không có gì khó khăn. Frank đưa anh đến gặp Pauline, người xếp của cả toán nhân viên thâu ngân và bảo Pauline huấn luyện anh. Như thế là cả trưa chủ nhật, anh đứng bên một em thâu tiền người Mỹ học nghề. Thỉnh thoảng em lại để cho anh tính tiền cho một người khách và những gì anh không biết thì em chỉ bảo. Lúc vắng khách, em giảng giải cách nhìn bảng giá, cách phân biệt từng món hàng khi hai món hàng giống nhau, và cách tính những coupons mà khách hàng có. Lúc đầu anh chẳng hiểu coupons là gì, nhưng sau khi đứng nhìn người thu ngân tính tiền một lúc anh hiểu đó là những mảnh giấy cho phép khách hàng được bớt tiền. Hôm ấy, mặc dù anh chỉ đứng học việc thôi nhưng anh vẫn được trả lương. Lúc ra về Pauline hỏi anh chừng nào muốn bắt đầu, anh nói ngay ngày hôm sau là thứ hai. Nàng hỏi anh muốn làm giờ giấc thế nào, anh xin được làm vào buổi chiều tối. Pauline cho anh làm từ năm giờ chiều đến 10 giờ đêm, ngày nào cũng vậy, bẩy ngày một tuần. Nàng nói ngày nào muốn nghỉ, anh phải báo trước 24 tiếng để nàng tìm người thay thế.

Những ngày anh làm ở Walbaum's cũng có nhiều kỷ niệm vui buồn. Vui khi anh được mấy em Mỹ nhí quây quần sung quanh nói chuyện, hỏi anh đủ mọi câu hỏi, từ những câu vô thưởng vô phạt như quê hương anh nơi đâu, tại sao anh lại bỏ xứ ra đi, nơi anh sanh ra có nhiều cảnh đẹp không, món ăn ngon của người Việt là những món nào, vân vân… cho đến những câu độc địa như con gái Việtnam bắt đầu làm tình từ mấy tuổi, con trai Việt có mạnh về sinh lý hay không, anh có biết cách làm cho người tình sướng nhiều không, anh đã đi qua bao nhiêu người đàn bà, vân… vân… Nhiều em có vẻ khoái rủ anh đi chơi, anh cũng đi ăn, đi vào quán ca phê nhưng không dám tấn công vì còn ngu ngơ, không biết phải làm sao. Chỉ buồn là khi anh phải đi bộ vào mùa đông lạnh căm căm về nhà vào lúc mà ai nấy đã lên giường ấm áp chuẩn bị đi ngủ. Vào những ngày có tuyết đổ, anh phải dẫm lên tuyết hai

mươi phân cao mà đi trong bóng tối, anh bỏ hai tay vào trong túi áo ấm mà sao vẫn thấy lạnh. Anh lủi thủi đi một mình trên đường phố vắng người, như một bóng ma, đầu óc tê tái, tê vì lạnh thì ít mà tê vì nỗi buồn của kẻ cô đơn thì nhiều. Vào cái tuổi chưa già nhưng hết còn thanh niên, những lúc cô đơn như thế, anh thấy cuộc đời vô vị, chẳng có lẽ sống cho ra hồn. Vì thế trên con đường đi về nhà, anh đã đốt hết điếu thuốc này lẫn điếu thuốc khác và đôi khi anh có trong túi áo ấm chai cognac nhỏ, lấy ra tu cho thêm ấm lòng và đỡ buồn bực. Hình như đời anh chỉ còn cognac và thuốc lá cho bớt cay đắng, bớt chua sót. Nửa giờ đi trong bóng đêm lạnh lẽo đủ để gieo vào đầu anh bao hình ảnh, hình ảnh thật của quá khứ có, hình ảnh do trí óc tưởng tượng của anh tạo nên cũng nhiều. Những lúc ấy, sao anh mơ đến bóng giáng một người yêu nhiều đến thế. Nhưng mơ để mà mơ, tưởng để mà tưởng, vì tìm đâu ra được điều anh mơ ước?

Một cuối tuần, anh cũng nhận được cú điện thoại của Dân, một người bạn cũ từ những ngày anh còn đi học trường Luật Saigon. Những năm đó sinh viên thường họp nhóm này nhóm nọ để bàn về tinh hình nhiễu nhương của đất nước. Những người còn tuổi thanh niên tràn đầy nhiệt huyết và khí phách hay tỏ thái độ, hay tìm cách nói lên những mơ ước thầm kín của mình. Mơ ước một xã hội công bình, mơ ước mang đến sự no ấm cho những kẻ nghèo đói, mơ ước làm sạch một xã hội đang đầy thối nát tham nhũng, và đôi khi mơ ước chiến thắng và hoà bình. Còn biết bao mơ ước khác, nay anh đã quên. Sau bẩy năm trầm mình trong một trạng thái tê liệt về tâm trí, bởi vì anh đã sống trong một chế độ chuyên chế có chính sách đàn áp tư tưởng con người và thống trị duy tâm bằng những giải pháp gây khủng hoảng tinh thần, khủng bố tâm trí, và diệt trừ suy tư. Nhớ đến Dân, là nhớ lại nhóm bạn tranh đấu xưa kia của anh. Nay những người bạn tâm huyết đó đang ở nơi nào, anh cũng chẳng biết. Kể từ những ngày sinh viên ấy đến nay cũng đã gần hai chục năm rồi. Thời gian và hoàn cảnh đã chia cách nhau, lịch sử đã đổi thay, nay tất cả chỉ còn là dĩ vãng.

- Dân đây, chắc bạn còn nhớ chứ?
- Quên sao được mà bạn hỏi.
- Hôm trước tình cờ đọc được danh sách tị nạn do cơ quan xã hội đia phương công bố, tôi thấy tên bạn có cả địa chỉ lẫn số điện thoại để liên lạc tôi mừng quá. Tính gọi hỏi thăm liền nhưng lại phải đi công tác xa. Nay vừa về, gọi cho bạn ngay đây.
- Cám ơn Dân còn nhớ đến thằng này. Nghe giọng bạn tôi thấy sung sướng làm sao!
- Tôi cũng vậy. Thấm thoát mình đã không gặp lại nhau mười năm rồi đấy. Tôi đi du hoc măn 71, về lại năm 75 để rồi lại ra đi ngay. Đâu đã kịp tìm lại bạn đâu?

- Ừ nhỉ. Tôi cũng không còn nhớ rõ nữa. Nhanh thế đấy! Bạn không nói ra, tôi cũng không ý thức được rằng thời gian đã trôi nhanh như thế!

Hai người tâm sự với nhau một lúc rồi Dân hẹn sáng thứ bẩy đến đón anh về nhà chơi. Như thế cuối tuần đó, anh lại được trải qua một buổi chiều êm đềm bên gia đình người bạn. Dân đến đón anh và đưa anh về nhà mình ở Queensborough. Đêm hôm ấy anh ngủ lại nhà Dân để sáng hôm sau, ăn sáng xong, Dân đưa anh đi thăm một người bạn khác ở Garden City. Nhưng khi đến nhà người bạn đó thì anh không có nhà, Dân đành đưa anh về Merrick. Gặp lại Dân, anh được Dân cho một chiếc áo lạnh bằng vài bông khá dầy, bọc vải Nylon bên ngoài, có phần phủ đầu, đi mưa hay tuyết rất tiện. Dân nói chiếc áo do một người đến chơi nhà anh để quên, mà anh không biết ai để trả lại. Nó hơi lớn nhưng mặc rất ấm và Dân biết, do tiên đoán thời tiết, mùa Đông năm đó sẽ rất lạnh và sẽ đổ tuyết nhiều, nên anh đưa cho bạn chiếc áo đó dùng tạm. Hoàng cám ơn Dân về lòng tốt và cả về sự thành thật của anh. Sau này vì ai nấy phải lo kiếm sống nên Hoàng cũng không còn dịp nào để gặp lại Dân nữa. Tuy nhiên anh vẫn ghi ơn bạn trong lòng vì anh nghĩ sống ở xứ này ít ai còn cái tâm để nghĩ đến những người khác, nhất là đến những người không có ích gì để mà nghĩ đến.

Đầu tháng mười một năm đó Hoàng bắt đầu tham dự khóa huấn luyện của Đại Học Adelphi. Anh đã nhận được thơ xác nhận anh được ghi tên, và trong thơ có thời khoá biểu và danh sách học viên. Anh sẽ phải học từ thứ hai đến thứ năm mỗi ngày từ 9 giờ sáng đến ba giờ chiều. Chương trình học có những môn Anh Văn, Tâm Lý Thực Hành, Công Tác Xã Hội, Nhu cầu Của Người Mới Di Dân, và đi thăm những người tị nạn cần được giúp đỡ. Học viên trong lớp anh là những thanh niên tuổi từ 25 đến 30, phần lớn chưa học Đại Học. Ngồi chung với họ trong lớp học anh thấy buồn cho thân phận mình, nhưng vì cần số tiền 300 đồng hàng tháng anh phải chịu. Những môn học cũng thật dản dị, anh không cần ngồi trong lớp học cũng biết được. Anh chỉ cần có những tài liệu để tự đọc lấy, chẳng cần đến giảng viên. Những giảng viên khi nghe anh tự giới thiệu và nghe anh nói cũng biết anh thuộc loại nào. Họ kính nể anh và đối xử với anh khác những học viên khác.

Thế rồi một hôm, anh nhận được một tấm giấy nhỏ do người phụ trách chương trình huấn luyện đưa tay cho anh. Mở ra đọc anh mới hay người nữ giáo sư trưởng bộ môn của trường muốn gặp anh nói chuyện. Khi anh lên gặp Tiến Sĩ Polansky tại văn phòng bà, bà nói một giảng viên trong chương trình anh đang theo học đã nói chuyện với bà về anh và bà muốn nghe chuyện anh bỏ gia đình lại, liều mình đi băng Kămpuchia tìm tự do. Bà nói năm 1945, bà cũng đã phải trải qua bao nhiêu nguy hiểm mới trốn được khỏi Ba Lan. Và khi anh kể những gian nguy anh đã gặp trên đường rừng bên Kămpuchia, sự mất liên lạc với đứa con trai đầu lòng bị bắt lại gần biên giới Thái, bà đã chăm chú nghe và vì bị xúc cảm, bà đã để rơi nước mắt. Bà nói:

- Tôi rất thông cảm với anh vì số phận của tôi khi tôi còn trẻ cũng giống số phận của anh. Câu chuyện của anh làm cho tôi nhớ lại câu chuyện của tôi. Cuộc đời của anh cũng giống cuộc đời của tôi. Chúng ta là nạn nhân của thời thế. Cũng như anh, tôi đã bị buộc phải bỏ quê hương thân yêu ra đi. Là một trí thức như anh, tôi muốn làm một cái gì mà tôi có thể làm được để giúp anh. Khóa huấn luyện mà anh đang tham dự thật vô nghiã đối với anh. Anh đã là một giáo sư đại học, anh không làm những công việc tầm thường đó! Anh cho tôi ít ngày, tôi sẽ tìm cách giúp đỡ anh.

Nghe bà nói, Hoàng rất cảm động. Anh nói:

- Thưa giáo sư, tôi cảm thấy thật may mắn được gặp một người tốt như giáo sư. Có thể thượng đế đã thương tôi và xui khiến tôi gặp giáo sư, chứ có lẽ nào hai người có hoàn cảnh tương tự như giáo sư và tôi lại có thể gặp nhau?
- Anh nói có thể đúng. Nhưng dù sao thì chúng ta cũng đã biết nhau. Tôi nghĩ nêú anh muốn tiếp tục đi dạy ở đại học thì tôi có thể xin cho anh một fellowship để anh làm PhD tại trường tôi đây. Nhưng cái gì cũng phải từ từ, anh cho tôi ít lâu để tôi suy nghĩ.
- Cám ơn giáo sư. Tôi có thể chờ bao lâu cũng được. Tuy nhiên tôi cần cái stipend đang có để tạm sinh sống…
- Anh cứ tiếp tục chương trình huấn luyện đó cho đến khi tôi tìm được cho anh một việc làm khác khá hơn. 300 đông một tháng chắc không đủ cho anh tiêu.

Khi Hoàng trở xuống lớp học, đầu óc anh cứ luẩn quẩn những lời nói của Tiến sĩ Polansky. Anh mong sớm được bà giúp đỡ kiếm cho anh một việc gì làm kha khá đồng lương để anh có thể có tiền gởi về giúp vợ con. Nghĩ đến Nga, anh chợt nhớ ra rằng có đến cả tháng nay, anh chưa biên thư cho nàng. Thế rồi óc anh bay bổng về Saigon, anh tưởng tượng ra vợ anh vẫn đi làm cho cái nhà thuốc dân tộc ấy, con anh vẫn ở với bà nội của chúng, vẫn ngày ngày đạp chiếc xe đạp nhỏ xíu đi qua cầu Thi Nghè, đến trường Trần Quí Cáp. Thế rồi anh nghĩ đến Trường Luật, ngay gần nơi con anh đang đi học, cái trường anh đã theo đuổi tám năm trời vô tích sự, để rồi bao kiến thức về Luật của anh đã bị chế độ Cộng Sản xóa mờ đi trong tâm trí. Bởi vì giờ đây anh còn nhớ gì bao nhiêu, mớ kiến thức về Luật Học đó? Và cứ như thế từ hình ảnh này kéo theo hình ảnh khác, cuốn phim quá khứ diễn ra trong đầu óc anh làm anh quên đi thực tại, quên đi rằng anh đang ngồi trong một lớp học ở Manhattan. Cho đến lúc Hương, một học viên đồng khoá người Việt vỗ nhẹ vào tay anh nói:

- Kià anh Hoàng! Anh làm gì mà thờ người ra thế? Bà Mary kêu anh kia kià!

Anh giựt mình tỉnh mộng và nói:

- Yes madam?
- Are you daydreaming, Mr. Hoàng?
- Perhaps, I was. I am sorry!
- That's Okay.

Khi anh ngồi trên chuyến xe lửa để về Merrick, đầu anh nặng như cái cùm, anh thấy mệt mỏi tinh thần và buồn ngủ. Anh ngồi trên con tầu lắc lư ngủ được một giấc ngắn và thấy khoan khoái hơn khi tỉnh dạy. Trên đường về nhà từ trạm dừng, anh nghé lại một quán rượu uống chai bia.

Cuộc đời Hoàng dần dần đi vào nề nếp. Cuối tháng Mười Một anh tìm được thêm một việc làm nữa. Nhân đi qua một tiệm bán trái cây của người Đại Hàn cách nhà chừng một cây số, anh thấy một biển nhỏ ghi tìm người giúp việc. Anh vào hỏi và được nhận vào làm ngay từ ngày hôm sau. Công việc của anh là khiêng những thùng rau và trái cây từ xe chuyên chở vào kho hay từ kho chứa ra kệ để bầy bán. Anh cũng phải lựa những trái cây hay rau hư thối bỏ đi. Sáng sớm bốn năm giờ sáng anh đã phải đi khiêng những thùng trái cây hay rau nặng hai ba chục kí, nhiều lúc muốn trẹo xương sống lưng. Anh làm ngày hai ba tiếng được mươi mười lăm đô la; sau đó anh lấy xe lửa lên Manhattan theo khoá huấn luyện Social Work. Gái Đại Hàn không xinh như gái Nhật, khi anh ra về họ đến làm công việc tính tiền cho khách. Thấy anh các em chào hỏi, có em muốn tìm hiểu anh hơn, nhưng anh không thấy hứng, anh chỉ hello. Chiều về từ năm giờ đến mười giờ tối anh làm cashier tại Waldbaum's, khi đến anh phải hello cả chục em Mỹ non, tuổi chưa quá hai mươi, các em khoái exotic nên giờ break cứ sán vào anh hỏi đủ thứ chuyện. Nhưng hồi ấy anh còn nhát, chưa dám làm gì bậy. Sau này, khi anh thấu hiểu lối sống và tục lệ Mỹ, thì anh đâu còn ở trong môi trường đó nữa? Anh cứ tiếc hùi huị.

Tối một hôm thứ năm, Thi lại gọi điện thoại cho anh. Em nói vắn tắt rằng đến chiều thứ bẩy em sẽ đến đón anh về nhà em chơi. Thế rồi cuối tuần em đón anh về nhà em ăn cơm thật, ăn cơm với thịt kho nước dừa, dưa giá, chỉ đơn giản như thế thôi mà anh ăn sao thấy ngon miệng đến thế, có lẽ vì suốt gần năm tháng ở các trại tị nạn và hai tháng ở Mỹ, anh không được ăn thứ thức ăn đó. Ở tị nạn bên Thái thì cơm chỉ ăn với cá hộp, cá nấu với nước muối tanh ghê gớm nhưng cũng phải nuốt. Nhưng so với năm bẩy bẩy, bẩy bẩy tám ở Saigon ăn mì sợi làm bằng bột mì có bọ, bo bo, khoai lang hà, hay khoai mì thối còn sướng chán! Sang đến Mỹ thì tha hồ thịt bơ sữa bánh mì, ăn hoài cũng ngán, nay được ăn tí thịt kho mằn mặn ngọt ngọt, phảng

phất mùi nước mắm và nước dừa, hương vị quê hương, thấy sao nhớ Saigon ơi là nhớ!

Thế rồi đến cuối tháng mười một, anh nhận được giấy của tiến sĩ Polansky kêu anh lên gặp bà. Vừa thấy anh, bà nói:

- Tôi có tin mừng cho anh! Tôi kiếm ra được một việc anh có thể làm tạm trong lúc tôi tìm cho anh cái fellowship.
- Việc gì vậy, thưa Giáo Sư?
- Sinh viên cao học ở đây mỗi tuần một lần phải đi thực tập. Họ phải đi tiếp xúc với những người tị nạn để về viết case study. Trong số những dân tị nạn, có người Haiti. họ nói tiếng Pháp. Chúng tôi cần người làm công việc thông dịch. Anh rành tiếng Pháp, anh có thể đi theo những sinh viên đó để giúp họ. Anh chịu không?
- Thưa làm như vậy full time?
- Theo nguyên tắc thì full-time, nhưng thực tế anh không phải làm mỗi ngày đâu. Chỉ khi nào người tị nạn là dân Haiti nói tiếng Pháp thì mới cần đến anh.
- Dạ thưa Giáo Sư, tôi sẽ được lãnh lương tháng?
- Vâng, tôi không biết chắc bao nhiêu, nhưng anh sẽ nhận được khoảng sáu bẩy trăm một tháng. Công việc làm sẽ dễ chịu, vì anh sẽ làm việc với sinh viên Cao Học.
- Thế tôi sẽ làm việc ở Manhattan?
- Không đâu. Nhà trường có mở văn phòng giúp người tị nạn ở Hempstead. Tiến Sỉ Kerpen là giám đốc cơ quan này. Anh sẽ làm dưới quyền bà với tư cách một interpreter (Thông dịch viên). Thứ sáu này, anh đến gặp Tiến sĩ Kerpen. Tôi đã nói chuyện với bà ấy về anh. Bà ta sẽ cho anh biết thêm những chi tiết anh cần biết. Đây là giấy ghi địa chỉ và số điện thoại nơi đó.

Tiến Sĩ Polansky đưa cho anh một tờ giấy, anh cầm và nói:

- Thưa Giáo Sư, tôi đã đến nơi đó một lần, nhờ vậy mà tôi được biết chương trình huấn luyện…
- Thế thì tốt! Hempstead gần nơi anh ở, đi lại sẽ thuận tiện cho anh.

Khi trở lại cơ quan giúp đỡ người tị nạn ở Hempstead vào hôm thứ sáu, anh rất vui mừng gặp lại Liêm. Anh kể hết mọi chuyện cho Liêm nghe, từ chuyện anh thấy được tin thông báo chương trình huấn nghiệp cho đến việc gặp Giáo Sư Polansky, và kết thúc bằng việc anh được nhận làm thông địch viên trong văn phòng. Liêm mừng rỡ nói:

- Em chào đón anh đến nơi đây làm việc. Có thêm anh sẽ thật là vui. Để em báo tin này cho Mỹ Linh nghe.

Liêm đi ra phiá trước nơi Mỹ Linh ngồi và vài phút sau cả hai người trở lại, Mỹ Linh chìa bàn tay cho anh bắt và niềm nở nói:

- Anh Hoàng! Có thêm anh trong văn phòng, "đời càng dễ thương"
- Mỹ Linh trước ở Pleiku phải không?
- Sao anh biết?
- Anh nhớ một bài hát có câu "Em Pleiku, má đỏ môi hồng" rồi "May mà cò em, đời càng dễ thương"
- Trời! Anh Hoàng cũng nghệ sĩ một cây!

Liêm nhìn hai người nói chuyện tủm tỉm cười. Hôm ấy, Hoàng đã vào gặp viên giám đốc và đã nhận việc. Đến đầu tháng mười hai anh thôi không tham dự khóa huấn luyện ở Manhattan nữa và bắt đầu đi làm hàng ngày từ 9 giờ sáng đến 4 giờ chiều tại Hempstead. Anh được một bàn làm việc nhỏ ngồi gần bàn của Liêm. Những bữa anh không đi theo sinh viên cao học, anh chỉ ngồi chơi suốt ngày. Đôi khi anh giúp Liêm phỏng vấn người tị nạn Việt hay đi theo Liêm khi anh đi công tác. Những lần đó anh đều phải được phép của tiến sĩ Kerpen. Nhưng cũng nhờ vậy mà anh quen biết thêm một số người Việt định cư tại Long island, trong đó có Hùng, một anh thợ sửa xe có giấy phép, tuổi chưa đến 30. Hùng đôi khi đưa anh về nhà ăn nhậu. Mỗi lần như thế vợ Hùng lại làm cơm cho anh và chồng ăn. Sau này, khi Thi xin được cho anh một chiếc xe Ford Pinto cũ của một gia đình Việt Nam, ở cách Merrick khoảng 20 miles, chính Hùng đã đưa anh đi lấy xe về. Vì chiếc xe để lâu không chạy nên Hùng phải thay bình điện và hí hoáy mãi mới cho được xe nổ máy. Sau đó anh để đèn cấp cứu và chạy xe anh đằng trước chầm chậm còn Hoàng lái chiếc Pinto theo sau. Đi như thế mà anh đâu đã có bằng lái Mỹ đâu. Nghĩ lại anh đã quá liều, nếu mà chẳng may bị cảnh sát chặn lại thì anh đã bị nguy to. Mang được chiếc xe về đến nhà, Seymour cứ lắc đầu, kêu xe người ta vứt đi mà sao anh còn nhặt về? Thân phận tị nạn là thế. Khi ấy anh quá nghèo, được người khác cho chiếc xe anh khoái quá quên tất cả. Mà nghĩ lại, thì quả thật nếu không lấy chiếc xe ấy thì còn lâu anh mới có một chiếc xe để đi làm. Để có bằng lái Mỹ, Hùng đã đưa anh đi đổi bằng lái xe cũ của Saigon lấy bằng lái xe mới của tiểu bang Nữu Ước, nhờ thế mà anh không phải thi lại phần lái xe mà chỉ phải thi phần viết về luật đi đường mà thôi.

Sau khi làm việc một thời gian ở văn phòng, anh hiểu rõ hơn về những người anh thường gặp tại nơi anh làm việc:

Ngoài bà Dolbrin làm Job developer mà anh đã kể đến trên đây còn có:

- Liêm, người social worker Việt là một thanh niên còn trẻ, dưới ba mươi chưa có vợ. Anh đã làm cho văn phòng được một năm. Anh sang Mỹ tị nạn cũng đã gần ba năm, và lúc ấy đang đi học ở Hoffstra University để lấy BS về Computer Science. Liêm có chiếc xe station wagon cũ, mỗi ngày phải đưa những người tị nạn đi kiếm nhà thuê, đi kiếm việc làm, đi bệnh viện khám sức khỏe, đi khai giấy tờ lung tung đủ thứ. Trông anh ngon hơn Hoàng vì anh mặc đồ xỉn hơn, và trong túi luôn luôn có tiền. Anh cũng đôi khi đưa Hoàng đi uống bia vào buổi chiều thứ sáu và tỏ ra thân thiện. Nhưng anh rất bận vì phải vừa đi làm vừa đi học. Làm cái công việc công tác xã hội này, anh quen biết hầu hết mọi người trong cộng đồng việt ở địa phương.

- Souvanovong và Socheung, là hai social workers người Lào và Miên làm công việc tương tự như Liêm, tuy hiền lành nhưng cũng ít giao thiệp với Hoàng. Họ chỉ lo làm công việc của họ, và vì hai cộng đồng Lào và Miên khá đông nên họ cũng bận. Chỉ có Souvanovong lâu lâu nói chuyện với anh bằng tiếng Pháp khi đi ra ngoài, như khi đi ăn cơm trưa với cả nhóm, cô ta cũng tránh nói tiếng Pháp trong văn phòng, có lẽ để không làm phiền tiến sĩ Kerpen và bà Dolbrin. Sau này Hoàng mới biết rằng người Mỹ họ không thích mình dùng một thứ tiếng mà họ không hiểu trước mặt họ trừ phi bất đắc dĩ, như trong trường hợp các người tị nạn đến xin giúp đỡ, không biết tiếng anh phải dùng tiếng mẹ đẻ. Souvanovong người mập mạp nhưng không đến nỗi béo, có đôi mắt lá dăm, nhiều lúc nhìn anh như ngây ngất, làm cho anh thấy hơi khó chịu làm sao ấy trong lòng…

- Còn tiến sĩ Kerpen, giám đốc văn phòng, kiêm giáo sư thực tập cho các sinh viên cao học của trường công tác xã hội này, là một người đàn bà Mỹ trắng lầm lì, khó tính, ít khi vui vẻ với nhân viên. Bà chỉ biết làm cho hết công việc, phần lớn chỉ ngồi trong căn phòng riêng dành cho bà, ít khi đi ra ngoài trừ phi có việc cấp kíp. Thường thì các nhân viên muốn liên lạc với bà phải vào trong đó và khép cửa lại, làm cho Hoàng có cảm tưởng như đang làm việc trong cơ quan FBI hay CIA chứ không phải là làm cho một văn phòng thiện nguyện.

Thời gian trôi đi, khí thu dần dần biến đổi, trời ngày càng lạnh và những cây cối đã mất hết lá chỉ còn trơ trụi những cành đen thui thui. Nắng cũng tan biến đi đâu chỉ lâu lâu mới lại xuất hiện. Mùa đông đã bắt đầu vì đã đi vào tháng 12 hai tuần rồi. Hôm Seymour và anh ra đường chờ chiếc xe chở dầu đến, anh biết chẳng bao lâu nữa hệ thống sưởi trong nhà sẽ phải chạy hết ga, 24 giờ một ngày, tháng này sang tháng kia. Anh chuẩn bị tư tưởng để ứng phó với cái lạnh ghê hồn của Nữu Ước.

Chương Ba

Mùa Đông Tại Nữu Ước

Mùa thu Nữu Ước đã trôi qua, những lá cây đã rụng hết, bầu trời không còn là một mầu đỏ của những lá úa mà nay đã là một mầu xám xịt với cảnh những cây trơ chụi. Hai bên đường thành phố Merrick không còn lá khô để mà dẫm lên nữa, không khí đã bắt đầu lạnh lẽo từ từ. Khi ra đường Hoàng đã phải mặc ba bốn lớp áo, anh chưa bao giờ thấy lạnh như thế trong đời mình. Một hôm vào đầu tháng 12, anh đang ngồi trong văn phòng thì có tiếng người reo lên:

- Nhìn kià, nhìn kià! Tuyết đã bắt đầu rơi!

Anh đứng lên, đi ra cửa sổ nhìn ra sân sau. Bầu trời xanh biếc như thể là mùa hạ, chỉ khác cái là những cây trơ trụi hiện ra trên nền trời với nhưng cành cong queo đen xịt. Anh giương mắt ra nhìn mà chẳng thấy tuyết đâu cả. Anh nghĩ người vừa kêu lên câu nói kia đã tính gạt gẫm người nghe, đã làm một trò đùa, đã muốn được chú ý không chừng. Làm gì có tuyết rơi như trong phim xi nê mà anh đã được xem từ khi còn bé đâu? Nếu tuyêt rơi thì anh phải thấy chứ! Mắt anh đâu có mù? Và anh cứ đứng đó, cố giương mắt lên mà nhìn vì anh thèm được nhìn tuyết rơi. Anh đã mong mỏi từ cả tuần nay được xem tuyết rơi. Báo chí đã loan báo mỗi ngày là sẽ có thể có tuyết, nhưng những nhà tiên đoán thời tiết là một đám nói láo ăn tiền, anh nghĩ thế. Nói mưa mà đâu thấy mưa, nói có tuyết rơi mà đâu thấy tuyết rơi? Thế rồi anh thấy quả nhiên có những gì giống như những sợi bông gòn bay bay theo gió. Không phải là những nhúm bông gòn dày đặc từ trên trời đổ xuống đất. Chỉ là ít sợi thưa thắt bay lơ lửng theo gió. Sao lại bảo đó là tuyết? Nhưng quả nhiên đó là tuyết đổ, vì chỉ chừng năm mười phút sau thì những sợi tơ càng ngày càng nhiều, và dần dần được thay thế bởi những cụm bông gòn trắng tinh từ trên cao đổ thẳng xuống đất, không còn bay lơ lửng trên không nữa. Mặt đất chẳng bao lâu được phủ một mầu trắng xoá. Tuyết hôm ấy đổ không bao nhiêu, chỉ một hai phân. Nhưng tuyết đã đổ, và đối với Hoàng, mùa đông đã bắt đầu tại Nữu Ước.

Hoàng không thích mùa đông, nhất là mùa đông tại Nữu Ước vì nó lạnh quá mà anh thì không chịu được lạnh, anh mặc bao nhiêu lớp áo vẫn thấy lạnh,

vẫn run lên cầm cập. Ngồi trong nhà có lò xưởi ấm thì không sao nhưng bước chân ra ngoài thì chết cóng. Tuy nhiên mùa đông tại Nữu Ước cũng là một kinh nghiệm cho anh. Ít ra anh cũng được thấm mùi lạnh và được coi tuyết rơi phủ trắng tất cả thiên nhiên, bước trên tuyết dày hai ba chục phân để cảm thấy như chân mình lún xuống, và hà hơi để thở ra khói, từng làn khói dài như thể mình đang hút thuốc. Ước gì anh có người yêu để đi sát bên em, để mường tượng rằng hơi ấm từ thân em quấn vào mình làm cho mình bớt lạnh.

Tháng mười hai, gần đến ngày Noel và Tết Tây, những cửa hàng, đường phố đã giăng đèn hoa trông thật vui mắt. Càng gần đến ngày Giáng Sinh, không khí ngày hội càng náo nhiệt, lòng người càng thấy háo hức. Riêng Hoàng, trong lòng còn cảm thấy buồn vì nhớ nhà hơn. Tuy nhiên, anh có hai kỷ niệm đẹp về mùa đông năm ấy, hai kỷ niệm đó đã làm cho anh ấm lòng mỗi khi nghĩ đến thời gian anh ở Nữu Ước vì chúng liên quan đến ba người con gái mà anh đã thương: Bình Chấn, Thi và Thảo.

Hoàng gặp Bình Chấn trong một buổi liên hoan mừng lễ Giáng Sinh năm đó tại Garden City một thành phố nhỏ ở Long Island, New York. Buổi liên hoan này do ba cộng đồng Việt Miên Lào ở vùng đó tổ chức, với mục đích nối nhịp cầu thân hữu giữa những người tị nạn thuộc ba dân tộc này. Bình Chấn mang hai giòng máu Lào và Việt nhưng em không nói được tiếng Việt trừ vài tiếng thông dụng như "Chào anh", "Cám ơn", và quan trọng nhất là "Em yêu anh". Vì anh không phát âm được tên em theo tiếng lào nên anh gọi em là Bình Chấn, cái tên Việt mà anh thương anh đặt cho em. Tối hôm ấy, Bình Chấn mặc một áo dài Lào sặc sỡ, trông rất lộng lẫy. Em không đẹp nhưng trông em hấp dẫn vì đôi mắt lá dăm, nụ cười rất lẳng và bộ ngực đầy đặn.

Anh là dân tị nạn mới qua được hơn hai tháng, hãy còn chân ướt chân ráo, chưa quen với lối sống bên đây, nên chỉ ngồi một chỗ uống bia và hút thuốc. Mặc dù bữa đó có rất nhiều thức ăn, anh không thấy đói và không ăn gì cả, có thể vì anh còn nhớ nhà và còn buồn vì thấy mình cô đơn. Liêm, anh social worker, đưa anh đến đấy để anh tập hội nhập vào cái xã hội mới. Liêm bỏ anh ở đó rồi đi đâu mà không nói cho anh hay. Nhìn bao nhiêu người cười cười nói nói, ăn hút nhẩy múa vui vẻ, anh thấy chóng mặt. Anh vốn dĩ là một con người không thích xã giao cho lắm, nên anh thấy anh đã đến không đúng chỗ, anh khác thường, không giống ai, và cảm giác ấy làm anh càng thêm khó chịu. Giá mà Liêm còn ở đó anh đã bảo Liêm chở anh về, nhưng anh ta đã đi rồi thành thử anh không biết làm gì hơn là ngồi trong một só uống bia và hút thuốc.

Anh uống chắc cũng đã ba hay bốn chai gì đó rồi, thì bỗng nhiên anh nghe Khánh Ly hát bài Saigon Niềm Nhớ Không Tên. Anh chưa bao giờ được nghe bài ấy, nhưng nghe Khánh Ly hát anh thấy sao nó buồn đến thế, hay có lẽ

vì anh đang có tâm trạng của kẻ mới ly hương, anh hãy còn quá nhiều gắn bó với Saigon, và hơn nữa anh lại là con người giầu tình cảm, dễ bị giao động, dễ buồn dễ khóc. Do đó, anh ngồi hút thuốc uống bia, mà nước mắt anh cứ trào ra, những lời Khánh Ly hát cứ như mũi dao đâm vào con tim anh, anh cảm thấy đau đớn, không sao chịu đựng nổi. Anh ngồi khóc trong yên lặng và trong bóng tối nên anh nghĩ cũng chẳng sao, chẳng ai để ý, cho nên anh cứ để cho nước mắt tuôn ra, anh biết có như thế thì anh mới hết buồn, hết khổ. Khóc chán rồi thì cái đau đớn cũng trôi qua, vì mấy ai có thể chịu được khổ triền miên?

Nhưng anh đã lầm. Mặc dù anh ngồi trong một só xỉnh, trong bóng tối, nhưng em vẫn thấy, em thấy anh buồn từ lúc anh uống bia liên miên, anh hút thuốc liên miên và em đã chạnh lòng, em đã thấy em không chịu nổi, em không thể để anh ngồi yên đấy uống bia hút thuốc và chảy nước mắt. Lòng em sao xuyến, em không biết người thanh niên xa lạ ấy là ai, ai mà em chưa thấy bao giờ, vì em cũng quen biết nhiều người trong cộng đồng Việtnam chứ đâu có phải là không? Vì vậy em đi tìm Liêm, em đi vòng vòng mãi mà không thấy, đầu óc em bị ám ảnh bởi hình ảnh của anh còn ngồi đó khóc. Nhưng không, sau khi Khánh Ly hát hết bài hát buồn tê tái ấy, thì lòng anh đã trở nên trống rỗng, bao nhiêu cái đau, cái buồn đã trôi theo giòng nước mắt hết rồi. Khi em quay lại chỗ anh ngồi thì em thấy anh đã không còn khóc nữa, em biết anh là người Việt, và có thể anh nói được tiếng Pháp nên em mạnh dạn lại gần anh, cúi xuống nói với anh một câu tiếng Pháp, giọng rất đầm "Pardon! Tu parles Français?" (Xin lỗi, anh nói được tiếng pháp chứ?). Anh ngẩng đầu lên nhìn em, thấy em thật khêu gợi với nụ cười tươi, đôi mắt rất lẳng, và nhất là em đã cúi người xuống phiá anh để nói chuyện và đã phơi bầy ra cả một bộ ngực đầy ắp làm anh mê mẩn cả người. Anh vừa nhìn chỗ ấy vừa gật đầu nói khiêm nhường "Oui, un peu!" (Vâng, anh nói được một chút). Em nghe giọng anh nói em biết ngay anh cũng là dân trường Pháp nên em cười và nói " Oh, c'est pas vrai hein! Tu ne parles pas un peu! Et ton accent alors? Ça me dit quelque chose!" (Ồ Không phải đâu, anh không nói một chút đâu. Nghe giọng anh em biết liền à!) Anh khen em thông minh, em sướng và cười toét miệng, trông dể thương vô cùng. Hai đứa ngồi nói chuyên rất lâu, em đi lấy thức ăn bắt anh ăn, nói rằng anh sẽ say nếu anh chỉ uống, và em khuyên anh thôi không uống nữa vì em nói em đã đếm số chai và anh đã uống như thế đủ rồi. Em nói em đang học BS về Social Work và hai năm nữa, sau khi tốt nghiệp, em sẽ xin làm việc cho tiểu bang, giúp những người Lào tị nạn đang gặp rất nhiều khó khăn hòa đồng vào xã hội Mỹ. Anh nể em vì em có chí, em cam đảm, sang đất Mỹ mà còn chịu khó đi học. Anh nói:

- Anh phục em lắm! em làm một chuyện phi thường!

Em cười, ôi nụ cười tươi, lẳng ơi là lẳng! Em nói:

- Em làm gì mà anh nói thế?

Nhưng anh biết trong bụng em cũng thấy thinh thích được anh khen. Đàn bà ai không khoái được khen, ngay cả khi họ biết đó chỉ là lời khen miệng. Anh trả lời:

- Em hy sinh cho người khác, em mang hạnh phúc lại cho người ta, em làm người ta bớt khổ, vậy em là một nữ thần!

Em lại cười, em lại sung sướng:

- Cám ơn anh! Anh nói thế vì anh thương em!

Em thấy em nói hố nên em đỏ mặt, trông em càng xinh hơn. Anh liền lợi dụng thời cơ tấn công em. Anh đang cô đơn, đang thèm một người đàn bà.

- Thì tại em đẹp! Anh thấy thương em rồi đó! Em có cho anh thương em không?
- Em không biết nữa!

Thât là một câu trả lời khôn ngoan. Em muốn nói có, nhưng nói sao được? Em vừa mới quen anh hơn nửa tiếng đồng hồ, và em còn chưa biết anh là ai, trước làm gì, có gia đình chưa. Anh nói:

- Anh quên chưa tự giới thiệu. Tên anh là Hoàng, anh mới từ Việtnam đến hai tháng nay. Còn em, anh biết em là người Lào, nhưng em tên gì? Em sang Mỹ được bao lâu rồi?
- Tên em là Bình Chấn, em sang đây đã hơn hai năm rồi. Thế anh sang đây với ai?

Lại một câu hỏi khôn ngoan. Em muốn biết anh đã có vợ con chưa nhưng đâu có hỏi thẳng như thế được?

- Anh đi một mình, Anh đi băng Căm Bốt nên nguy hiểm lắm, không mang gia đình theo được.
- Thế vợ con anh đâu?
- Ở lại Saigon. Còn em, em qua đây với ai?
- Em đi với con em, nó sáu tuổi. Chồng em còn ở Vientiane, chồng em là bác sĩ làm việc cho chính phủ Lào.

À ra thế, em cũng như anh, cô đơn và buồn. Chẳng vì thế mà em ngồi đó nhìn anh uống bia hút thuốc. Tại sao em lại để ý đến anh? Anh nói:

- Bây giờ em biết anh là ai rồi, em có cho anh thương em không?
- Cái đó còn tùy.
- Tùy cái gì?
- Tùy thuộc vào tính nết của anh, em phải xem anh có dễ thương không.
- Tất nhiên là anh dễ thương rồi, ít ra là đối với em.
- Để rồi xem sao?
- Em không tin anh ư?
- Em không biết. Em không chắc.

Qua mấy câu đối đáp, anh thấy em cũng không vừa. Em cứ vừa nói vừa cười chúm chím làm anh ngây ngất. Anh muốn tấn công em:

- Như thế bao giờ anh gặp lại em?
- Khi nào anh muốn, anh cho em biết. Nếu em rảnh hai đứa mình đi chơi.
- Cuối tuần thì em rảnh chứ gì?
- Không hẳn là thế. Em còn con gái em. Em phải tìm được ai trông nó thì mới đi được. Vả lại đôi khi em bận họp với cộng đồng của em.
- À ra thế. Vậy em cho anh số điện thoại đi. Anh sẽ gọi em.

Em cho anh số điện thoại và anh ghi vào cuốn sổ nhỏ mà anh luôn mang theo trong người. Và bỗng nhớ ra cái số ăn mày của anh, anh đâu đã có xe mà đòi đi chơi với em, anh nói:

- Nhưng mà Bình Chấn à, anh không có xe.
- Không sao, em sẽ đến đón anh.
- Em dễ thương quá! Đêm nay anh sẽ không ngủ được và sẽ nằm nghĩ đến em…
- Ồ! Anh đừng nói quá. Em không tin đâu.

Hai đứa ngồi nói chuyện trên trời dưới biển cho đến khi mọi người ra về gần hết. Những người Lào và cả nhiều người Việt, ai về cũng chào Bình Chấn, điều này cho anh biết rằng em rất được mến chuộng trong cộng đồng. Cho đến lúc ấy, Liêm vẫn chưa tới đưa anh về nhà như anh ta đã hứa. Ở ngoài trời rất lạnh và anh lại không biết đường xe buýt về nhà. Hỏi thăm thì cũng ra thôi, nhưng anh ngại quá vì đã chín giờ đêm. Đang bối rối, chưa biết phải làm sao, thì em hỏi:

- Anh Liêm đưa anh về phải không?
- Phải,nhưng anh không thấy hắn đâu. Anh không biết phải làm sao bây giờ.
- Anh đừng lo! Nêú anh ấy không đến, em đưa anh về. Anh ở đâu?
- Merrick. Không biết có phiền em không?
- Merrick thì không xa lắm. Em đi được.

Thế là tối hôm ấy em đưa anh về. Hai bên xa lộ những tuyết là tuyết, trắng xoá như trong những bức tranh vẽ vào mùa Giáng Sinh, thật là một quang cảnh thần tiên nhất là dưới hàng ngàn đèn pha của những chiếc xe. Ánh sáng phản chiếu trên tuyết thật kỳ ảo, thật đẹp mắt. Anh vẫn còn lâng lâng say, và trong chiếc xe nhỏ nhưng ấm cúng của Bình Chấn, anh thèm được gần gũi em, thèm được ôm em hôn em quá chừng mà không biết làm sao. Anh cứ nhìn em chằm chặp, em cứ giả vờ mải lái xe nên không biết, mãi khi về đến nhà anh, em mới quay sang nhìn anh mỉm cười nói:

- Anh về đến nhà rồi nhé. Chúc anh ngủ ngon và có nhiều mộng đẹp.

Anh nhoài người về phía Bình Chấn, nắm cánh tay em kéo lại đòi hôn. Em duỗi ra nói:

- Coi nào. Coi nào. Anh đừng làm thế thì mới còn gặp em.
- Cho anh hôn em trên má vậy. Anh thèm hôn trên má em!
- Không được! anh đi về đi ngủ đi. Em cũng phải về, con em nó chờ.

Nghe thế anh đành ra khỏi xe. Anh cám ơn Bình Chấn, em lái xe ra đi, anh còn đứng đó một lúc nhìn chiếc xe biến mất trong bóng tối của ban đêm.

Anh không gặp Bích Chấn cho đến bốn năm tuần sau. Ba bốn lần anh gọi điện cho em, rủ em đi chơi như đi ăn cơm chiều, đi xi nê, đi phố, em đều nói em bận, em chỉ chịu nói chuyện với anh qua điện thoại. Em kể cho anh nghe đủ thứ chuyện, mẹ em là người Việt sông lâu ở bên Lào, bố em là người Lào làm công chức cao cấp trong chính phủ hoàng gia trước khi cộng sản lên chiếm chính quyền, chồng em đã để cho em và con trốn đi trước rồi sẽ đi sau nhưng không hiểu vì lý do gì không thấy đến trại tị nạn ở Thái lan và cho đến nay em không liên lạc được với anh ấy. Hồi nhỏ em đi học trường bà sơ và lớn lên em học Lycée Francais de Vientiane, em có nhiều bà con ở Pháp nhưng, cũng như anh, em đã đi Mỹ vì em biết ở Mỹ dễ sống hơn. Ôi đủ thứ chuyện anh không muốn nghe nhưng phải nghe. Lúc ấy anh đang cô đơn, đang chán đời, anh chỉ muốn có em bên cạnh đi chơi cho khuây khoả, anh thèm có em để thấy ấm lòng, nhất là vào mùa đông lạnh lẽo, ngồi trong phòng, buồn đời uống rượu mãi rồi đi ngủ không thấy phấn khởi hơn tí nào. Anh là con người trầm lặng, không thích chỗ đông bạn bè, chỉ muốn có một người thân, để thấy mình được gần gủi với một con người và không còn cô quạnh nữa. Anh không thích xem ti vi, cũng không thích xi nê, nhưng sẵn sàng đi để có ai ngồi bên mình, anh thích đọc sách nhưng tâm trí anh vào cái thời điểm đó không tập trung tư tưởng được, anh không cảm thấy an tâm để ngồi yên một chỗ đọc sách.

Thế rồi một hôm, khi anh không còn hứng để gọi cho em nữa, em gọi cho anh. Hôm đó là tối thứ ba, em bảo anh thứ bẩy là sinh nhật của con em, em muốn anh cùng đi ăn tối, và em hỏi anh có bằng lòng không. Anh giả vờ suy nghĩ một lúc khá lâu, rồi mới nói Ô Kê. Em cũng hiểu anh chỉ muốn đi với một mình em thôi và vì thương em mà anh đã chịu đi cho em vui. Nhưng thà gặp em với con em còn hơn là không được gặp, còn hơn là ở nhà uống cognac rẻ tiền rồi đi ngủ. Vì nghĩ thế nên anh cứ nao nức chờ mau cho đến ngày thứ bẩy. Anh không hiểu tại sao thời gian cứ đi chậm lại mỗi khi anh mong đợi một chuyện gì, tại sao thời gian biết anh đang mong, đang chờ để mà phản ứng tiêu cực như thế? Tuy sốt ruột nhưng anh cũng không gọi cho em, anh không muốn Bình Chấn biết là anh náo nức muốn gặp em, đang thèm được bên em. Không biết có béo bở gì không nhưng anh cứ thèm như thế, thèm để rồi nếu bị xua đuổi thì lại tức, lại giận, lại bảo là mình ngu, tưởng bở, tưởng mình ngon.

Nhưng rồi ngày thứ bẩy ấy cũng phải đến. Anh đã tỏ ra là một người thương con nít, anh đã đùa rỡn với Annìe, con em và làm cho Annie thấy vui trong ngày sinh nhật của bé. Anh đã đi mua một con búp bê làm quà sinh nhật cho bé, bé thích lắm vì đâu còn ai khác cho quà bé? Bình Chấn nhìn anh âu yếm khi thấy anh cư xử giống như người cha đối với con gái em, mới gặp lần đầu mà con em đã thương anh, coi anh như người trong gia đình. Em nói với con bằng tiếng anh nhưng khi nói về anh, em dùng tiếng "tonton" là tiếng mà người Pháp dùng trong gia đình để chỉ chú, bác, hay cậu. Trong lòng, anh chẳng muốn làm chú, bác, hay cậu của Annie, anh chỉ muốn là người yêu của mẹ nó. Anh chỉ muốn ôm chặt mẹ nó vào trong lòng mà nói "anh thương em". Nhưng có nó ngồi đấy thì anh còn làm ăn gì được?

Nhưng nếu nói tối hôm ấy anh chẳng ăn được cái giải rút gì cả thì cũng không đúng, Anh đã gây môt ấn tượng tốt về anh trong đầu em, em đã thấy anh dễ thương, anh là một con người tình cảm, anh có nhiều tính tốt, và em có thể yêu anh được. Thế đã không là một chiến thắng sơ khởi hay sao? Anh thấy vui vui khi em cười với anh rất dễ thương, em cám ơn anh đã thân thiện với Annìe, và nhất là đã biết tự chủ, không làm gì bậy trước mặt con em. Anh còn nhớ câu em nói " Merci d'avoir été si gentil avec Annie! Tu es magnifique et tu te conduis très bien ce soir!" (Cám ơn anh đã tử tế với Annie. Anh giỏi lắm, anh đã biết tự chủ) và anh hỏi em với giọng hơi đểu "Alors, tu commences à m'aimer un peu, non?" (Vậy em đã thương anh một tí chút chưa?) nhưng em chỉ cười mà không trả lời. Qua cái cười của em, anh biết em đã siêu lòng, em đã thương anh nhưng em chưa muốn nói ra.

Lần sau đó anh rủ em đi ăn và đi xi nê. Lúc đi ăn em cho Annie đi theo vì Annìe nói muốn đi chơi với "tonton", Ba đứa đi ăn ở Church Fried Chicken gần nhà em. Khi Bình Chấn nói với anh tên tiệm ăn, anh ngớ ngẩn tưởng rằng đi ăn thịt gà quay ở nhà thờ, đầu anh nghĩ "Quái lạ! nhà thờ gì mà cho

ăn gà quay?" nhưng khi đến nơi anh mới vỡ lẽ. Annie vui lắm đi đâu cũng nắm lấy tay anh, anh thấy cũng thương con bé, chắc nó nhớ bố nó lắm. Anh muốn xem em có nhớ chồng em không nên hỏi khéo "Anh thấy Annie có vẻ nhớ bố nó, còn em thì sao?". Em chỉ nhìn anh dò xét và nhún vai, chẳng trả lời. Anh đoán hai người không gắn bó với nhau lắm. Ăn xong thấy còn sớm, anh cho Annie đi ăn kem, con bé cứ thanh kiu "tonton" làm cho mẹ nó sướng, thấy vui trong lòng. Khi đưa con về, em dặn con lên lầu với bà P. là chủ nhà vì em thuê phần dưới của căn nhà đó. Em kể cho anh nghe em đã ở đó gần hai năm, bà chủ nhà chồng chết, ở có một mình nên muốn em ở chung, bà chỉ lấy tiền nhà tượng trưng. Annie và em thường lên chơi trên nhà và con em gọi bà là Grandma. Lâu lâu, Annie vẫn lên ngủ với Grandma, vì bà ấy muốn như thế, và lại tiện cho em vì nhiều khi đi học về tối khuya, mười giờ đêm em mới ra khỏi lớp học.

Sau khi đưa Annie về, hai đứa đi coi phim "Người Đàn bà của Người Trung Úy Pháp" do Meryll Streep đóng, trong đó có scène hai đưa yêu nhau, hai cái chân cứ ngó ngoáy, cọ vào nhau, anh nhìn em thấy em đỏ mặt, đoán chắc em nhớ lại những lúc em làm tình và đang bị kích thích. Anh chỉ nắm tay em cho em thấy có anh bên cạnh, và không nhìn em nữa sợ em mắc cở. Em bằng lòng cho anh nắm tay, quay sang nhìn anh rất nhanh và cười, ôi lẳng ơi là lẳng cái đôi mắt của em!

Anh không nhớ trong phim ấy có bao nhiêu cảnh ái ân nhưng anh biết anh tái tử đó đã say đắm ôm hôm Meryl Streep nhiều lần. Khi hết phim đã là mười một giờ đêm, trời lạnh khiếp khủng vì lúc đó là tháng hai. Anh đi bên em ra xe, cảnh đêm mùa đông sao thấy hiu quạnh, anh bỗng ôm eo em, kéo sát vào anh và giữ em như thế cho đến khi đến nơi đậu xe. Bình Chấn đang tính lấy chìa khóa mở xe thì anh ôm em chặt, nhìn vào mắt em, em vội nhắm mắt lại, anh hôn em lên mắt, lên má, lên môi. Cả người em run lên bần bật trong tay anh, anh chưa được ai run như thế trong vòng tay bao giờ. Em run từng chập một, chỉ hai ba giây mỗi lần, cứ như thế, mắt em cứ nhắm nghiền lại. Anh biết em xúc động, anh biết em đang thèm được có người yêu em ngay lúc ấy. Anh tưởng tượng những đêm nằm một mình, em thấy cô đơn lắm, em ước mơ có một người đàn ông nằm bên em.

Em muốn đưa anh về, anh bảo thôi xa quá, cho anh về nhà em, mai anh còn được đi ăn sáng với Annie, em lườm anh một cái dài. Anh nói "Je te jure, je ne te ferai pas de mal" (anh thề anh sẽ không làm gì em hết), em cười và đồng ý. Hai đứa về đến nhà em, em đưa tay lên môi sụyt một cái, bảo anh đừng gây tiếng động vì cà nhà đang yên ngủ.

Đời anh cũng thay đổi nhờ Bình Chấn. Em đã làm anh quên đi nỗi buồn của kẻ mới ly hương, phải xa gia đình, xa vợ con. Bên em, anh có được một lý lẽ để tranh đấu trong cuộc sống mới, anh hăng hái bước chân vào đời, bên em anh không còn thấy ngại ngùng, anh đã đi khắp nơi với em và thấy rằng

mình cũng hoà hợp được vào xã hội Mỹ dễ dàng. Đêm đêm, anh không còn nhìn trời uống cognac, bây giờ anh không còn uống thứ cognac rẻ tiền, anh không còn thấy mình thảm hại, anh bắt đầu thấy tự hào trở lại. Vì Bình chấn là con người xã hội đi đến đâu em cũng được thương. Anh thường theo em đi đến trường nơi em học, em đã hãnh diện giới thiệu anh với những giáo sư của em, và sau khi nói chuyện với anh, họ nể anh về kiến thức rộng mà anh có, và nhất là về khả năng trí tuệ của anh. Bình Chấn nhiều lần sung sướng bảo anh "Giáo sư X nói rằng anh là một người rất thông minh." Và anh trêu em "Nhưng em yêu anh đâu phải vì thế?" Nhờ có anh, em nhận làm thêm projects cho các foundations, vừa để học hỏi, vừa để kiếm thêm tiền. Tối đến, anh ngồi đánh máy, em nói ý cho anh viết, và anh nói với em anh chỉ hứng viết nếu có em ngồi bên cạnh. Lúc đầu em tưởng anh ỡm ờ, không chịu, sau thấy quả thật anh viết hay hơn, anh có nhiều ý hơn vì em là nguồn cảm hứng cho anh. Anh đã làm việc không biết mệt, có khi cả bốn năm tiếng đồng hồ liên tiếp. Anh uống cognac, nhìn em và đánh máy, thỉnh thoảng lại ôm em sát vào lòng, vuốt ve em một tí cho bớt mệt, hôn em vài cái để lấy thêm sức. Anh vốn làm cái nghề nghiên cứu ở Saigon, nên đọc tài liệu là một phần cuộc sống của anh, và anh viết projects cho em dễ dàng. Em chỉ đi tìm tài liệu và những dữ kiện, anh làm công việc nghiên cứu và viết lách.

Như thế cuộc đời anh càng gắn bó với Bình Chấn. Em bây giờ thấy anh là một phần trong cuộc sống thực tế của em, em càng thương anh, chiều chuộng anh hơn. Và cuộc đời anh từ từ cũng đã lệ thuộc vào em, anh thấy anh không thể sống thiếu em được nữa. Em đã săn sóc anh, lo lắng cho anh, khuyên nhủ anh, em đã đi vào tâm tư anh, đi vào cái cuộc đời tình cảm của anh. Có em, anh đã không còn yếu hèn, anh không còn buồn khổ, anh không còn khóc cho thân phận anh nữa.

.....

Những ngày trước Giáng Sinh, Hoàng được chứng kiến gia đình Hellman chào đón những lễ riêng của người Do Thái gọi là Chanukak và Hanukak. Lần đầu tiên trong đời anh đã tham dự vào những lễ nghi đặc biệt ấy như những buổi đốt nến trên cây đèn có tám nhánh, mỗi nhánh cho một ngày lễ được kêu là lễ ăn mừng ánh sáng (Celebration of Lights). Anh được ăn những món ăn truyền thống của dân tộc Do Thái, những món chỉ ăn vào mùa lễ này tựa như mình ăn bánh chưng, cá thu kho, hành kiệu muối vào những ngày Tết. Ăn những món ăn nhạt nhẽo đó, anh liên tưởng đến hình ảnh người Mỹ họ ăn bánh chưng, bánh tét, chắc họ cũng có cái cảm giác rằng những thứ đó vô vị tương tự.

Hoàng không hiểu có phải người Do Thái không ăn mừng Giáng Sinh hay chỉ riêng gia đình Hellman thôi nhưng anh không thấy không khí vui vẻ của Giáng Sinh trong nhà, không thấy cây thông, không thấy ai nấy tính chuyện

mua quà cáp hay ăn uống giống như trong những gia đình khác. Ngoài những buổi ăn mừng những lễ Do Thái tương đối thầm lặng, anh không thấy Florence và Seymour tỏ vẻ gì là vui mừng hay "phấn khởi hồ hởi" gì hết. Cuộc sống hàng ngày vẫn như thế, chẳng có gì là khác biệt cho lắm. Có khác chăng là vô số những thiệp chúc mừng mà họ đã nhận được từ người trong gia đình hay bạn bè được trưng bầy trên lò sưởi hay mặt bàn khắp nơi trong phòng khách.

.....

Thi và Thảo là hai chị em mà anh đã quen biết từ mười mấy năm trước tại quê nhà. Một tuần trước Giáng Sinh năm đó, Thi gọi điện thoại để cho anh hay em sẽ đến đón anh đi ăn cơm mừng lễ Giáng Sinh tại nhà Thảo. Đến hôm hẹn, Hoàng mặc quần áo sẵn sàng chờ em đến đón. Anh nhìn vào trong gương sửa lại chiếc cravate, tự ngắm mình trong bộ complet mầu xanh đen mà người ta đã đem đến cho anh cách đấy mấy tháng, khi anh mới tới định cư tại Long Island, New York. Thời gian đó anh đã thường đi theo người sponsor đến nhà thờ để được những người trong cộng đồng đem cho quần áo cũ. Nói là quần áo cũ nhưng đó là những quần áo còn rất tốt, nhiều cái còn gần như mới tinh vì chỉ mới được mặc một hai lần. Vì anh tương đối to con nên phần lớn những quấn áo anh nhận được, anh đều mặc vừa, hay chỉ hơi rộng một chút. Anh nhận được như thế có đến cả mấy chục áo chemise, quần tây, áo ấm, áo complet, và cả một áo pardessus xanh đậm rất đẹp, nếu mua chắc cũng tốn nhiều tiền lắm. Từ một xứ nghèo nàn chết đói đến, anh đã nhìn những bộ quần áo đó như là những cái gì mới lạ, vì trong bẩy năm, anh đã không nhìn thấy ai mặc complet, đeo cravate. Không phải anh nhà quê, nhưng đó là vì sau khi Cộng Sản xâm chiếm miền nam, phần nửa quê hương còn tí tự do, dân chủ và văn minh của anh, tất cả mọi người dân đã trở nên quê mùa, thiếu văn minh. Bởi vì khi con người không có đủ ăn thì ai nghĩ đến mặc đẹp, ai nghĩ đến lễ nghi, ai nghĩ đến sang trọng? Nay anh đã ở Mỹ, anh sống lại con người thật của anh, con người văn minh, học cao hiểu rộng, biết ăn diện, biết lễ nghi phép tắc.

Đã bao nhiêu năm anh không biết mừng Giáng sinh là gì nữa. Đối với phần đông mọi người, ngày Giáng Sinh là ngày nghỉ, ngày lễ để ở nhà vui chơi, nhưng đối với anh nó đã là ngày để kiếm tiền nhiều hơn bình thường. Những ngày dài lê thê ở Saigon, anh đã sống bằng lao động chân tay. Anh vốn dĩ sống bằng lao động trí óc, vì xưa kia anh là một giáo sư kiêm luật gia. Trước ngày xẩy ra cái gọi là "cách mạng thành công" anh đâu biết đến lao động? Anh đâu có bao giờ cầm cuốc sẻng hay búa kìm đâu mà bảo anh biết lao động? Tay anh chỉ cầm cục phấn hay cái bút, công việc thể xác nặng nề nhất của anh chỉ là viết lên bảng hay phê lên bài viết của sinh viên. Ấy thế mà sau đó, anh đã trở nên một tay lao động chân chính, biết khuân vác, biết cầm kìm, cầm búa, cầm đục, và thảm hại hơn nữa, biết cong lưng đạp chiếc

xích lô để chở người hay hàng hoá, hay đôi khi cả hai. Và như thế, những ngày Giáng Sinh ai nấy đi chơi nhiều, anh có thêm mối chở và kiếm được có khi gấp đôi gấp ba ngày thường. Tất cả giá trị con người là ở đồng tiền kiếm được. Nói theo Karl Marx, đó là giá trị kinh tế của con người. Và như thế những ông già bà cả hay những ông sư bà vãi, không sản xuất hay đóng góp trong sản xuất không có giá trị gì cả. Vì vậy mà mẹ anh, tuy đã bẩy mươi mấy tuổi vẫn còn phải "tham gia sản xuất" bằng cách trông các cháu, tức là con cái hai vợ chồng anh để hai vợ chồng anh đi sản xuất. Nga, vợ anh đi làm công nhân trong một nhà máy chế tạo dược phẩm dân tộc, còn anh thì đi đạp xích lô. Nói nhà máy chế tạo dược phẩm dân tộc nghe cho nó vui tai, chứ thực ra đó chỉ là nơi chặt băm cây cỏ trước kia chỉ mọc dại trong rừng, không ai biết đến, nay vì không có thuốc hóa học hay thuốc tây thì phải lôi cây cỏ trong rừng ra mà xay rồi viên lại thành cái mà người ta gọi là thuốc tễ, hay băm chặt ra, bỏ vào nồi, đổ nước vào mà bỏ lên bếp củi, hay tệ hơn nữa là bếp mạt cưa, mà đun mà nấu cho nó đặc sền sệt lại, rồi đem đổ vào chai vào lọ, dán nhãn hiệu lên, gọi là thuốc dân tộc. Quả nhiên đó là thuốc dân tộc vì trăm năm trước ông cha ta làm gì có thuốc tây mà dùng? Nay chúng ta lại trở về trăm năm trước, sống cái thời cổ xưa của ông cha ta là thế! Đó là cái ý nghĩa mỉa mai của hai tiếng "cách mạng". Thay vì đổi mới, thì ta đổi trở lại về cái cũ, cái xưa, cái của thời ông cha ta.

Tiếng chuông cửa làm anh giật mình tỉnh mộng. Thi đã đến, em vào chào hỏi và nói chuyện với Florence một lúc. Thi đã quen với lối sống giả tạo bên Mỹ, có lẽ vì em đã đi du học bên này trước đó mấy năm, nên anh thấy em hội nhập xã hội Mỹ dễ dàng. Nhìn cách ăn nói rất tự nhiên của Thi với Florence, anh hiểu rằng em đã quen với lối sống bên đây, em đã hấp thụ được những tập tục của người dân địa phương.

- Xong chưa anh? Mình đi chưa?

Trông Thi vẫn như xưa, vẫn dễ thương tuy không đẹp, vẫn phảng phất cái vẻ xinh xinh của người con gái mà anh có cảm tình cách đấy gần hai chục năm về trước, khi cả hai đứa còn học chung ở Đại Học Sư Phạm Saigon. Hôm đó, ngồi trong xe hơi em lái phom phom, anh thấy sao cuộc đời em đã lại lên hương, và hôm trước khi đến nhà em, thấy salon, tủ lạnh, ti vi, anh đã mơ ước một ngày đẹp trời nào đó, anh cũng có được những thứ ấy! Ôi thấy sao ước mơ của anh lúc ấy tầm thường đến thế?

- Anh đã kiếm được việc làm chưa?
- Tôi đi làm lâu rồi đấy chứ!
- Anh làm sao đi lại vậy?
- Tôi đi xe bus, đôi khi tôi đi bộ.

Em không hỏi anh làm gì. Em dư biết mới sang như anh thì chỉ làm những công việc vặt, bốn năm đồng một giờ là cùng, hỏi ra thêm đau lòng. Anh không biết hồi mới vô Mỹ em làm gì, mà sao mới hai năm em đã xe hơi nhà lầu. Anh không dám hỏi, nhưng anh nghĩ em đã không phải làm những công việc tầm thường như anh đang làm, đi khuân những thùng rau và trái cây cho một tiệm đại hàn và làm cashier cho một siêu thị của người do thái.

- Anh có tính xin đi dạy học không? Ở New York City, có nhiều nơi cần Vietnamese bilingual teacher đó!
- Tôi cũng đã nộp đơn ở Brooklyn và chờ họ kêu.

Em yên lặng không nói gì. Có lẽ em biết anh ghét cái nghề gõ đầu trẻ này từ khi ở Saigon, chẳng vì thế mà anh đã để tám năm đi học luật, để đến lúc gần lấy được bằng tiến sĩ thì miền Nam xụp đổ, làm cho tất cả ước vọng của anh xụp đổ theo. Anh cũng không buồn, vì so với những người khác, anh chưa mất gì nhiều, chỉ mất công chứ không mất của. Vì anh đã chỉ là anh thầy giao quèn thì có của đâu mà mất?

- Tôi có thể xin cho anh một chiếc xe hơi cũ anh đi tạm, anh có muốn không?

Mắt anh sáng lên. Anh như đứa bé mẹ hỏi có cái kẹo không ngon lắm, bé có muốn ăn không. Nhưng tự ái không cho phép anh bộc lộ thẳng cảm xúc của anh vào lúc ấy. Anh giả vờ ngây ngô.

- Tôi chưa có bằng lái, lấy xe về làm gì?
- Thì anh đi xin bằng lái chứ khó gì?

Em nói em sẽ liên lạc với người chủ xe để biết khi nào tiện, anh có thể đến lấy xe về. Anh không hỏi em xe đó là xe gì, còn tốt không, nhưng anh biết em là người khôn ngoan, nếu xe không còn dùng được thì em đã chẳng xin cho anh. Anh cũng lấy làm lạ sao lại có người tốt đến thế, sẵn sàng cho một người không quen biết chiếc xe của mình.

- Sắp đến nhà Thảo chưa?
- Mình gần tới rồi. Chừng năm phút nữa thôi à.

Anh thấy em lái xe vèo vèo, đường thì trơn trượt vì tuyết rớt xuống đóng băng. Hai bên xa lộ tuyết phủ trắng xóa, trông giống như trong những thiệp Giáng Sinh. Đây là lần đầu tiên trong đời anh thấy lạnh như vậy. Ai cũng nói năm nay mùa đông lạnh hơn và có nhiều tuyết hơn mọi năm.

Những buổi sáng sớm tinh mơ, khoảng sáu giờ, anh đã phải ra khỏi nhà, đi trong đêm tối, tuyết lên đến tận mắt cá chân, anh thấy đời anh sao quá vất

vả và thầm tự hỏi bao giờ thì vận đen của anh mới hết, bao giờ anh mới bớt khổ. Nhưng nghĩ cho cùng anh thấy còn sướng hơn hồi anh ở Saigon nhiều vì hai lý do. Thứ nhất anh còn làm ra tiền, tuy không nhiều nhưng đủ tiêu, đủ để có cà phê cho anh uống, và thuốc thơm cho anh hút. Vả lại anh có thể mua chai cognac nhỏ bỏ túi, thỉnh thoảng không có ai xung quanh, lấy ra tu một ngụm cho ấm bụng. Ở Saigon anh phải uống cà phê gạo rang, hút thuốc rê tự quấn lấy, và uống cái thứ đế rẻ tiền làm bằng bã mía. Thứ hai, và đây mới là lý do chính, ở đây anh nhìn thấy ánh sáng nơi cuối đường hầm, anh biết những công việc anh đang làm chỉ là tạm thời. Một mai với quyết tâm tranh đấu của anh, anh sẽ khá hơn, anh cũng sẽ sung sướng như Thi đây, không như ở Saigon, tương lai anh mịt mù, anh đã nghĩ anh sẽ phải đạp xích cho đến khi chết!

- Đến nơi rồi! Anh nghĩ gì mà trông buồn quá vậy!
- Đâu có? Tôi làm sao buồn được khi được ngồi cạnh Thi?
- Thôi đi anh, đừng sạo nữa!

Có lẽ gần hai mươi năm trước, em cũng đã nghĩ anh sạo, anh bông đùa với tình yêu, anh đã không thành thật. Vì vậy mà em không đáp ứng, vì vậy mà em đã làm anh thấkhốn nạn một thời.

- Anh vào đi chứ! Đứng ngoài ấy làm gì cho lạnh?
- Mời anh vô! Lâu quá mới lại gặp anh! Trông anh vẫn như xưa…
- Cám ơn Thảo đã nghĩ đến tôi và cho tôi đến…
- Có gì đâu anh? Anh vô đây đi.

Hai mươi năm rồi anh không có dịp nào được gặp lại người con gái có chiếc răng khểnh cười duyên ơi là duyên! Ngày anh biết em, em mới mười lăm mười sáu, em còn học đệ tứ hay đệ tam Gia Long. Anh đã gọi em là "Cô em gái của Thi". Em còn là đứa con gái nhỏ xinh xinh, thường hay ra ngồi với chị và các bạn của chị ở ngoài vườn, nơi có cây soài, anh đã thấy em chúm chím cười tươi ơi là tươi! Ối cái tuổi còn ngây thơ ấy! cái tuổi còn đang giữa chưa biết và biết yêu đương, cái tuổi mộng mơ đẹp như tiên. Và em đang tìm hiểu, em đang muốn biết, em đang muốn thành người lớn. Anh đã coi em như người em gái, vì tuổi anh hơn em khá nhiều, nhưng em lại không muốn anh là người anh trai, em muốn thương anh. Thế rồi em thương anh thật, làm anh bâng khuâng cũng muốn thương lại. Hơn nhau sáu bẩy tuổi ai bảo là nhiều, ai bảo là không được? Nhưng em còn nhỏ chưa biết gì, yêu đương chưa phải lúc! Thế nào là phải lúc? Con tim nó xúi người ta yêu chứ có phải bộ óc đâu? Le coeur a ses raisons que la raison ne connait point. (Trái tim có những lý lẽ của nó mà lý trí không biết đến). Blaise Pascal đã đã viết ra câu bất hủ này thì phải, anh không còn nhớ? Và anh cũng yêu em, hay nói khác đi, anh cũng muốn yêu em.

Nhưng cuộc đời vốn dĩ nhiều khúc mắc, không phải yêu đương là dễ, muốn yêu thì cứ yêu. Vì Thi đã biết chuyện ấy, và em đã nói với anh "Tôi van xin anh, anh hãy buông tha cho em tôi!" Buông tha? Anh làm gì đâu mà buông tha? Anh có dụ dỗ Thảo đâu? Em thương anh vì em thương anh, anh không hề làm một điều gì trái với lương tâm, và nếu có bắt đầu thương em lại, thì anh cũng đâu có lỗi gì? Thượng đế sinh ra con người có con tim để cảm xúc, để biết thương yêu. Ai cấm được ai thương yêu? Thế lúc anh thương em thì em có cấm anh không? Hay là em đã tàn nhẫn lờ đi, em chỉ thấy vui vui vì có người thương mình, thế thôi? Em hãnh diện có người làm thơ vịnh em, em không nói có, không nói không, em làm cho người ta chết mòn chết mỏi. Và bây giờ em lại cấm đoán, em lại ngăn chặn, em lại dùng tình cảm để làm người ta siêu lòng. Taị sao em lại van xin? Cứ để cho tình yêu nẩy nở, quá lắm thì anh lấy Thảo chứ gì?

Anh không nhớ đêm Noel năm đó anh đã được ăn những gì. Anh cũng không nhớ anh đã nói những gì và ai đã nói với anh những gì. Anh chỉ nhớ rằng anh đã chìm vào quá khứ, anh đã đi trở về những ngày xa xưa, những ngày thần tiên của anh, khi anh sống tận cùng những tình cảm của mình, khi con người anh được sống thật tình chưa bị những hoàn cảnh chi phối, chưa có những gánh nặng đè lên vai, chưa có những trách nhiệm làm cho cuộc đời hết nên thơ. Anh nhớ đến Nguyệt Anh, người em gái mà Thảo đã giới thiệu cho anh để viết thơ cho vui, vì em biết anh đang buồn. Nguyệt Anh học cùng lớp với Thảo và như thế em có thể theo dõi tin tức về anh. Lúc đó, anh còn dư âm của sự cay đắng gây ra bởi sự thể anh thương Thi mà không được thương lại. Thảo biết rõ chuyện ấy và đã cảm thông với nỗi lòng của anh. Em đã muốn anh thôi buồn, thôi khổ. Nguyệt Anh bây giờ ở đâu, em còn nhớ tới những ngày xa xưa êm đềm thơ mộng ấy hay không? Anh nhớ đến lần anh đi ciné ở rạp Lê Lợi, phim chiếu hôm đó, "Một Ngày Như Mọi Ngày", chứa câu truyện tình của một nhà văn anh không còn nhớ tên. Anh đã mê mải xem những cảnh đầy yêu thương, tình tứ, anh mê người đàn bà trong phim, dường như do Ava Gardner đóng vai. Và khi phim hết, khi anh đi ra mắt còn đỏ hoe, thì anh thấy Thảo cũng đã đi coi phim đó. Không biết em có thấy anh không, nhưng anh đã thấy em, tim anh đã đập liên hồi, anh đã đuổi theo nhưng không kịp. Em đã đi đâu mất, đi rồi, để anh buồn, anh cho hai tay vào túi quần đi bộ về nhà, lòng chàn đầy nhớ nhung.

Và anh nhớ đến một lá thư trên giấy học trò em viết cho anh, em trách anh đã thay đổi, anh không còn là anh nữa, không còn là con người yếu đuối nhiều tình cảm mà em đã yêu, nhưng sau đó em lại nói rằng đó chỉ là cái vỏ bề ngoài của anh, bề trong của anh vẫn thế đâu có thay đổi được. Em trích trong thơ em, câu bất hủ mà Saint Exupéry viết trong Le Petit Prince "Cái tôi thấy chỉ là cái vỏ bề ngoài, cái quan trọng tôi không thấy được" nguyên văn em viết bằng nét chữ đẹp, anh còn nhớ đến bây giờ, "Ce que je vois n'est que l'écorce, l'important est invisible". Qua lá thơ đó, anh biết em đã thương

anh từ khi em còn rất nhỏ, khi em mới học đệ tứ, và sau ba năm, khi em viết cho anh lá thơ đó, em vẫn còn thương anh. Từ đó, anh đã bắt đầu yêu em, và nếu không có sự cản trở của Thi thì biết đâu giờ này anh vẫn còn được có em bên anh, anh vẫn được em thương như thuở ấy?

Những gì ai làm vào cái đêm Giáng Sinh năm ấy, anh đã không biết, hay anh nay anh không còn nhớ, anh chỉ nhớ anh được tặng một món quà Noel, một cây pipe và một bao đựng thuốc hút. Những ngày đó, anh còn ngậm pipe vì anh mê cái mùi thơm của thuốc hút khi mới đốt, cũng như anh mê những mối tình thắm thiết lúc ban đầu. Anh không biết ai đã ưu ái với anh, người em hay người chị? Ai đã nghĩ đến anh và cho anh món quà ấy? Nó mang một ý nghĩa đặc biệt đối với anh là vì nó là món quà đầu anh có được nơi đất lạ quê người, nó đã làm ấm lòng anh mỗi khi anh hút thuốc. Cầm cây pipe ấm trong tay, anh mường tượng cây pipe là em, anh ôm em trong lòng, em cũng ấm áp như thế, em cũng cho anh cái cảm giác lâng lâng như khi anh say thuốc, cái cảm giác hơi choáng váng giống như bắt đầu say rượu. Nhưng anh đã được ôm em vào trong lòng bao giờ đâu, anh đã được hôn em đâu mà biết sướng như thế nào? Hay đó chỉ là ảo tưởng của con người đam mê thèm muốn mà không có, không được? Ôi bao nhiêu năm thèm muốn chất chứa thành đồi thành núi. Trong nhưng giấc mơ ban đêm anh đã thực hiện với em những gì anh đã không thực hiện được khi anh thức, anh đã có những gì anh không có được lúc anh tỉnh. Em đã đến với anh vào những lúc anh say, lúc mà tâm trí anh đã bấn loạn, khi mà anh đã như Baudelaire đi vào một thế giới của vô tiềm thức. Những gì nằm trong tiềm thức anh đã thoát khỏi nơi ấy để đến với anh, để anh được trong mê sảng sống trong hạnh phúc, trong cái sung sướng trọn vẹn với mơ ước cùng người em gái anh thương yêu.

Anh nhớ tối hôm ấy, sau khi Thi đưa anh về, trong căn phòng nhỏ trên lầu, có cái của sổ trổ ra mái nhà, anh đã ngồi ngay nơi đó nhìn bầu trời óng ánh sao, ngồi hầu như suốt đêm uống cognac và hút thuốc, anh đã trở về với quá khứ sống lại những ngày thơ mộng xa xưa. Anh đã lại sống lại những lần anh thấy em bé bỏng ngây thơ đứng sau cửa vào vườn nhà ở Chí Hòa, em bảo anh chị Hai đi vắng khi anh lấy cớ đến tìm chị Hai để được thấy em, để được thấy em ngượng ngùng đứng đó, nửa muốn còn nói chuyện với anh, nửa muốn chạy trốn vào trong nhà. Đã bao lần anh đến tìm chị Hai, em có đếm hay không? Bao nhiêu lần chị không có nhà để anh được em ra nói với anh câu ấy, câu "chị Hai không có nhà". Cần chi chị Hai có nhà vì khi đó "tôi đâu còn buồn, còn nhớ chị Hai? Tôi đâu còn đến tìm chị hai, khi mà tôi có 'cô em gái của chị Hai' "?

Anh không biết những gì đã xẩy ra sau đó, sau lần chót anh được gặp em. Thế rồi em lớn lên, em lấy chồng, em đi Mỹ ra sao, anh không biết. Cho đến gần hai mươi năm sau, anh thấy được lại em, thì em đâu còn như trước nữa?

Ngày xưa, có lần em viết cho anh em nói rằng em đã hiểu anh gần bằng chính anh hiểu anh, em muốn lo cho anh như em lo cho chính em, em muốn anh đừng khổ nữa để mắt anh mất vẻ cay đắng đó đi. Không biết khi em thấy lại anh, anh còn đôi mắt cay đắng đó nữa hay không, em còn buồn như xưa nữa không, anh còn cái tâm hồn mà em đã yêu hay không? Có một điều chắc chắn là bên trong cái vỏ anh hùng, anh vẫn còn yếu đuối như xưa, anh vẫn sống bằng tâm hồn, anh vẫn buồn ghê gớm. Ce que tu vois, ce n'est toujours qu'une écorce, l'important est toujours invisible. Anh còn nghe văng vẳng rất xa ai nói câu " ngày nào tôi không yêu anh nữa, tôi vẫn muốn giúp cho anh bớt khổ, bớt buồn, bớt thấy đời cay đắng."

Lúc anh đi ngủ thì sao đã phai, trời đã hơi ửng sáng, và chai cognac đã hết quá phân nửa. Vừa lên nằm trên giường, anh đã thiếp đi lúc nào không hay.

Đến cuối tháng Giêng, anh nhận được giấy của Trường Franklin Roosevelt, một trường trung học thuộc học khu Bronx, nơi anh đã đến nộp đơn xin việc cách đó hai tháng, kêu đến phỏng vấn và bổ túc hồ sơ để chuẩn bị đi dạy. Anh nhớ một buổi sáng thứ hai, dưới một bầu trời u ám, anh đã lấy xe lửa lên New York rồi lấy xe bus đi đến trường, lòng anh tràn đầy lo âu. Anh chưa bao giờ bước chân vào một trường Trung Học trên đất Mỹ, chưa bao giờ nói chuyện với một người thày giáo Mỹ, chưa hề biết tổ chức giáo dục bên Mỹ ra sao. Anh chưa chuẩn bị tư tưởng để làm giáo sư bên xứ này, anh không biết phải dạy ra sao, chưa bao giờ chạm chán với những học sinh ngỗ nghịch mà anh đã từng được nghe một vài người nói đến. Anh nhớ đến phim "Blackboard Jungle" mà anh được xem từ lâu, khi anh còn ở Saigon, cuốn phim tả cảnh anh chàng giáo sư trung học da đen đã bị những học sinh mất dạy gây chuyện làm cho cuộc đời khó sống, nhưng sau cùng cũng đã chiến thắng. Chàng giáo sư trẻ tuổi trong phim, do tài tử nổi tiếng Sydney Poitier diễn vai, đã vượt được những khó khăn của nghề nghiệp, đã trị được những học sinh du đãng trong lớp anh và hoàn thành được xứ mạng nhà giáo của mình.

Rồi anh nhớ đến hai mươi ba năm trước, anh đã gặp phải đôi ba học sinh ngổ ngáo lớp đệ nhị B2, B3 gì đó của anh tại trường Trung Học Sadec, những đứa học sinh không muốn học Pháp Văn mà chỉ muốn tỏ cho các nữ sinh trong lớp rằng mình là những tay anh chị, coi thày không ra gì, không sợ kỷ luật nhà trường, và cũng không coi việc học là quan trọng. Anh nhớ những ngày đầu tiên mới vào nghề, chưa có kinh nghiệm đối phó với những đứa cứng đầu hay phá phách, những đứa con ông cháu cha, bố mẹ là tướng tá trong quân đội hay tỉnh trưởng phó tỉnh trưởng. Chúng đã tưởng chúng là con ông trời, chúng ỷ bố mẹ chúng có quyền thế, chúng muốn làm gì thì làm, không ai ngăn cản được chúng, không ai dám đụng đến chúng hết. Anh nhớ lại những lần chúng chọc phá anh trong lớp, làm anh mất mặt, không

còn dạy dỗ gì được. Đôi khi chúng còn ăn nói sỗ sàng, nói đểu cáng rồi cười lên một cách khả ố, bất kể sự khinh bỉ của các bạn đồng lớp. Nhiều lần anh đả kêu giám thị đưa chúng lên văn phòng, chúng đã bị tổng giám thị khiển trách, đuổi dăm ba ngày không cho đến trường. Trước giờ học chúng đứng tụm ba tụm năm trước cổng trường, đợi anh đến chửi anh, kêu anh bằng "thằng", xưng hô "mày, tao" với anh, nói lớn tiếng để cho mọi người cùng nghe. Những khi đó anh đã giận tím mặt, anh đã cắn môi chịu đựng sự nhục nhã, và anh đã muốn từ bỏ cái nghề bạc bẽo mà anh đã không ưa thích cho lắm.

Thế rồi, cũng giống như anh chàng thầy giáo da đen trong phim vừa kể, một hôm anh nghĩ ra một kế để trừng trị bọn mất dạy đó, để làm cho chúng tởn. chúng thôi không chọc phá anh nữa. Ngày chúng trở lại lớp học của anh, trước khi chúng có thể lại giở trò, anh bèn tiến đến gần tên đầu sỏ, một tên to con béo mập, nghe đâu là con một ông tướng trong sư đoàn trấn đóng tại địa phương. Chúng chưa hiểu anh tính gì và ngạc nhiên khi thấy tự nhiên anh lại tới gần khi chúng chưa gây chuyện gì với anh hết. Anh bèn kêu tên mập ra ngoài hành lang để cho anh nói chuyện. Những tên đồng bọn nhao nhao lên, đòi ra theo, anh nói:

- Các anh cứ để tôi nói chuyện tử tế với anh Huyên, không gì phải rối lên. Rồi nếu anh nào muốn, tôi cũng sẽ nói chuyện riêng với từng người!

Bọn mát dạy tình không chịu, tính làm lớn chuyện, anh lại điềm tĩnh nói với chúng:

- Các anh mới bị kỷ luật, chắc không muốn lại lên gặp ông tổng giám thị thêm một lần nữa. Nếu tôi nói không nghe, tôi báo trước, tôi sẽ lại gọi giám thị đưa các anh lên văn phòng. Có bị thêm kỷ luật thì đừng có trách tôi!

Nghe vậy chúng bèn nguôi đi, không còn làm dữ. Chần chứ một lúc tên học sinh béo mập đầu sỏ đành phải đứng lên đi ra ngoài hành lang với anh. Ra đến ngoài cửa, anh nói với nó:

- Tôi nghe các bạn anh nói anh dọa chặn đường đánh tôi cho tôi biết mặt anh! Tôi cũng nghe nói anh là con một ông lớn ở đây nên anh chẳng sợ gì ai. Có điều tôi muốn cho anh hay là tôi không sợ bị anh đánh và cũng chẳng nể oai quyền của bố anh đâu!

Anh ngừng nói một giây phút để nhìn tên học trò mất dạy xem nó phản ứng ra sao. Anh thấy, xa cách các đồng bọn, nó như con chó cụp đuôi, nó chỉ nhìn xuống đất, không giám nhìn thẳng vào mắt anh. Anh nói tiếp:

- Tôi nói cho anh nghe điều này. Dù anh có thù oán gì tôi đi chăng nữa, tôi cũng không để tâm. Nhưng tôi sẵn sàng chứng minh cho anh hay rằng tôi không sợ anh. Tôi hẹn anh thứ sáu này, 5 giờ chiều, sau khi trường đã tan học, tôi sẽ chờ anh ở chỗ cột cờ đằng kia, giữa sân trường. Anh cứ đến đó gặp tôi, chúng mình sẽ so tài, so sức tay đôi.

Có lẽ nó không tưởng tượng nổi thày nó lại rủ nó đi đánh lộn, lại hẹn nơi hẹn giờ để thử sức với nó cho nên nó vẫn cứ câm như hến, chẳng nói gì.

- Anh có muốn nói gì với tôi không? Nếu không thì chúng ta trở vào lớp học. Lúc nào anh muốn nói chuyện với tôi thì cứ cho tôi hay, nghe chưa? Tôi sẵn sàng nói chuyện với anh bất cứ lúc nào.

Đến ngày thứ sáu định mệnh đó, anh đã ở lại trường không về Saigon như mọi tuần, anh đợi cho học sinh ra về hết, và cứ ngồi trong lớp chấm bài và chờ cho đến 5 giờ như anh đã hẹn với tên mập đầu đảng. Những đồng nghiệp của anh từ từ ra về hết, họ đi qua lớp anh ngạc nhiên khi thấy anh hôm đó xiêng năng ở lại làm việc. Họ đâu có hiểu đâu rằng anh đang hồi hộp chờ đợi biến cố mà anh đã tự tạo ra cho chính mình. Bởi vì nếu tên mập không ngán sự thách đố của anh, nếu nó đến nơi anh hẹn và đụng độ với anh, thì việc gì sẽ xẩy ra, anh không lường trước được. Anh không sợ bị nó đánh anh, vì anh lúc đó to con và lại biết võ, anh có thể đối phó không chỉ với riêng tên mập mà cả bọn mấy đứa, anh không ngán. Nhưng lỡ chuyện đến tai nhà trường, hiệu trường sẽ nói gì với anh, các đồng nghiệp sẽ nghĩ gì về thái độ hung hãn của anh? Lúc đó anh mới bắt đầu thấy anh đã hớ, anh đã để cho hoàn cảnh chi phối hành động, anh đã thiếu suy nghĩ, nói tóm lại anh đã làm bậy, đã phản ứng một cách vô ý thức.

Và như thế, anh đã cứ thấp thỏm nhìn đồng hồ, anh cứ xem giờ, cứ hồi hộp chờ đợi, anh cứ nhìn ra sân nơi cột cờ xem những tên học sinh mất dạy kia có xuất hiện hay không. Thời gian càng lúc càng trôi chậm chạp hơn. Anh cứ mong mau mau đến năm giờ nhưng mãi không thấy nó đến. Anh chẳng còn tâm trí đâu để mà đọc những bài làm của học sinh nữa. Những giòng chữ cứ như mờ đi trước mắt anh, trong đầu óc anh quay cuồng những ý nghĩ đâu đâu, anh không thể tập trung tư tưởng vào một vấn đề nào hết. Và anh cứ chờ, 5 giờ, 5 giờ 15, 5 giờ 30, anh chẳng thấy bóng dáng đứa học trò nào nơi sân trường. Anh bèn thở phào nhẹ nhõm. Phúc đức cho anh bọn học trò mất dạy của anh đã sợ, chúng không đến nơi hẹn. Như thế là anh đã thoát nạn.

Tuần sau khi vào lớp, anh không thấy mặt tên mập đâu cả, anh hỏi học sinh trong lớp, chúng nói thẳng học sinh mất dạy của anh đã xin chuyển sang học lớp khác, không còn học Pháp Văn với anh nữa. Những tên đồng bọn còn lại cũng lần lượt bỏ lớp anh. Anh đã loại trừ được tất cả những đứa lười biếng,

nghịch ngợm, phá quấy, lớp anh đã trở nên nơi lý tưởng cho những học sinh ngoan học. Sau này, những học sinh giỏi khác cũng xin về học với anh và từ đó trở đi anh có tiếng là giáo sư xuất sắc, học sinh của anh có tiếng là chăm học, âu đó cũng là cái số may trời cho.

Ngồi trên chiếc xe buýt to lớn đẹp đẽ, có máy sưởi ấm để đi đến Trường Franklin Roosevelt, nơi anh có hẹn, Hoàng đã để giòng tư tưởng trở về quá khứ, anh đã nghĩ đến chuyện xa xưa, chuyện xẩy ra từ những ngày anh được sống sung sướng, lạc quan, những ngày tươi đẹp nhất trong cuộc đời mình. Nay anh đang đi trên con đường đưa anh đến bao nhiêu xa lạ ngỡ ngàng, anh chẳng biết đâu mà mò. Đến sống nơi đất lạ quê người, anh đâu có thể đem những kinh nghiệm anh đã có từ Việt Nam ra mà áp dụng? Môi trường hoạt động bấy giờ đâu như bên nhà, cách dạy dỗ, chương trình dạy, cách đối xử với học sinh, lề lối làm việc, cái gì cũng khác. Mà anh thì mới chân ướt chân ráo từ nơi xa lạ đến đây, làm sao anh chẳng bỡ ngỡ, làm sao anh chẳng lo lắng? Anh muốn có việc làm để kiếm tiền, anh chẳng có khả năng nào khác hơn là đi dạy học, nên anh đã nộp đơn xin đi làm thày giáo. Nhưng anh đã dạy bên Mỹ ngày nào đâu? Anh có được huấn luyện để đi dạy bên này đâu? Khi nộp đơn anh đâu biết anh sẽ bị phỏng vấn, anh sẽ bị hỏi những câu hỏi mà rất có thể anh không biết sao mà trả lời? Nếu anh biết thì anh đã chuẩn bị, anh đã đi hỏi thăm, và giờ này anh đã sẵn sàng hơn.

Nhưng cái lo cũng chẳng đưa anh đi đến đâu, thời gian trôi qua, chiếc xe buýt đã đưa anh đến cái ngôi trường đồ sộ ba từng lầu, với những tòa nhà rộng thênh thang có mặt tiền sơn mầu gạch đỏ. Anh đã lớ ngớ đi qua cái cánh cổng to lớn để vào tới một nơi rộng có cầu thang đi lên lầu và những hành lang dài bất tận đầy nhóc những học sinh chen chúc nhau đi, đứng, cười, đùa rỡn, ăn nói lớn tiếng, chọc phá lẫn nhau. Lúc đó đang mùa Đông, ngoài trời quá lạnh cho học sinh có thể ra sân chơi nên tất cả đả dồn vào đứng trong hành lang, chờ đến giờ vào lớp. Anh đã như một anh nhà quê ra tỉnh, mặt mũi không giống ai, ngơ ngác đi tìm văn phòng của người giáo sư chủ nhiệm ban Song Ngữ. Anh đã hỏi hai ba đứa học sinh nhưng chẳng đứa nào hiểu anh nói gì nên chẳng đứa nào chỉ được cho anh. Sau cùng một giáo sư Tầu thấy anh lạ mặt, chặn anh lại hỏi anh muốn tìm ai, và sau đó hắn đưa anh lên lầu đến văn phòng nơi anh muốn đến. Anh đã lí nhí cám ơn hắn rồi bước vào căn phòng đó, anh đưa lá thư mời mà anh đã nhận được qua đường bưu điện cho một người thư ký và bà ta chỉ một chiếc ghế bảo anh ngồi chờ.

Anh đã ngồi chờ nửa tiếng đồng hồ trước khi vào gặp người giáo sư đặc trách các chương trình song ngữ Tây Ban Nha, Hoa, và Việt. Trong lúc ngồi không, anh đã đọc những tài liệu nói về các chương trình song ngữ mà trường hiện có. Vì trường có nhiều học sinh người Mễ Tây Cơ và người Hoa nên đa số

những lớp dạy song ngữ dùng tiếng Tây Ban Nha và tiếng Tầu. Nhà trường trong thời gian gần đó có khoảng 30 học sinh tị nạn người Việt nên theo đúng luật pháp, phải mở lớp song ngữ tiếng Việt hoặc phải xử dụng những học liệu bằng hai thứ tiếng Anh và Việt để giúp cho những học sinh ấy hiểu được những bài chúng học. Vì thế trường cần một giáo sư Việt đặc trách việc sưu tầm học liệu song ngữ để cho các giáo sư Mỹ dạy các môn Toán Lý Hoá, Sử Địa, Khoa Học, và ngay cả Anh Ngữ nữa, dùng trong lớp học của họ.

Buổi gặp gỡ giữa anh và Mike Hernandez, người giáo sư chủ nhiệm đã diễn ra trong vòng thân mật. Mike đã vui vẻ tự giới thiệu:

- Tên tôi là Mike Hernandez. Anh cứ gọi tôi là Mike. Tôi phụ trách chương trình song ngữ ở trường này. Còn anh là Hoàng, tôi biết. Mời anh vào đây, chúng ta nói chuyện.
- Cám ơn ông.
- Tôi chắc anh đã đọc tài liệu mà bà thư ký đã đưa cho anh. Chúng ta có ba chục học sinh Việt mới đến nước Mỹ chưa được quá một năm, và có thể còn thêm nhiều em sẽ tới nữa. Các em gặp khó khăn trong việc học vì trở ngại ngôn ngữ và một phần khác vì thiếu sự hướng dẫn của một người Việt trong ban giảng huấn. Chúng tôi đã kiếm từ năm ngoái mà không ra. Nay có ông, chúng tôi rất mừng!
- Tôi hiểu rõ vấn đề đó. Tôi sẽ cố gắng giúp nhà trường nếu được nhận.
- Ông đã được nhận vào làm rồi, mặc dù là chưa chính ngạch. Ở học khu này, ai mới vào cũng phải làm khế ước hai năm, không phải chỉ riêng ông đâu, ông Hoàng!
- Cám ơn ông đã cho tôi biết điều đó.
- Công việc của ông cho đến cuối năm sẽ là sưu tầm học liệu. Năm nay đã quá trễ để xếp lớp cho ông, học sinh ở đâu sẽ ở đó. Sang năm tới, ông sẽ được phân phối lớp dạy.
- Dạ, thưa thế cũng tốt thôi, tôi sẽ có một thời gian để làm quen với lề lối làm việc ở đây, và sẽ tìm hiểu học sinh.
- Để sưu tầm học liệu cho năm nay, và nhất là cho những năm tới, ông phải thăm thư viện nhà trường và nhất là thư viện song ngữ của học khu. Ông phải làm việc với những người trên học khu để thu thập thêm những tài liệu từ những tiểu bang khác, nhất là từ California và Texas, nơi có đông người Việt. Ở đây, không có nhiều học liệu bằng tiếng Việt cho học sinh Việt của chúng ta.
- Vâng, tôi sẽ cố gắng.
- Tôi đã đọc resume của ông. Ông đã đi dạy nhiều năm ở Việt Nam. Kinh nghiệm của ông thật quí báu cho trường chúng tôi. Chúng tôi rất may mắn có được ông…
- Cám ơn Mike, tôi cũng rất sung sướng được làm việc với ông nơi đây.

Sau đó Mike đưa anh lên lầu ba nơi trường có một phòng thư viện song ngữ nhỏ cho anh biết, nơi đây anh thấy rất nhiều sách song ngữ tiếng Tây Ban Nha và tiếng Tầu, nhưng không bao nhiêu tài liệu tiếng Việt. Mike đã để anh ở đó cho anh xem xét để trở về văn phòng làm việc.

- Ông Hoàng, trước khi ông ra về, ông nhớ ghé tôi lấy một số văn bản luật pháp nói về việc thiết lập giáo dục song ngữ cho các học sinh mới đến nước Mỹ. Ông có thể đem về nhà đọc cho biết thêm vai trò của giáo sư song ngữ tại các trường bên Mỹ nói chung, và tại tiểu bang Nữu Ước nói riêng.
- Thế bao giờ tôi bắt đầu làm việc?
- Tôi sẽ gởi giấy tờ lên học khu hôm nay hay ngày mai. Tôi nghĩ cuối tuần ông sẽ nhận được giấy học khu kêu đi làm. Ông sẽ phải trở lên đó để ký hợp đồng làm việc cho đến tháng sáu.

Sau khi Mike đi rồi, Hoàng còn ở lại gần hết buổi sáng trong cái thư viện nhỏ đó xem sách. Sau đó anh ghé văn phòng chào Mike và anh ra về vào đúng giờ học sinh được nghỉ để ăn trưa. Khi đi xuống cầu thang, anh đã bị một đám học sinh đen chạy rỡn với nhau và vô ý đẩy anh té nhào. Anh đau điếng đứng dạy, khập khiễng đi ra cổng trường. Anh ra đến ngoài đường và lúc đang đi trên vỉa hè để đến trạm xe buýt, bổng nhiên anh nghe một tiếng rầm làm cho anh hoảng hồn, không biết chuyện gì đả xẩy ra. Khi hoàn hồn, anh thấy một chiếc bàn học trò đã bị bọn học sinh ném từ trên lầu ba xuống, ngay trúng nóc một chiếc xe hơi đậu bên lề đường, làm mui chiếc xe bẹp rúm. Ngước mắt nhìn lên phiá trên, anh thấy một đám học sinh đen bu nơi một cửa sổ trên cao, nghe răng ra vừa cười vừa la hét điều gì, anh không hiểu rõ.

Ngồi trên xe buýt để trở lại trạm xe lửa Penn Station, anh bối rối không biết có nên nhận chỗ dạy tại trường Roosevelt đó hay không. Tiền lương trả, 13500 đô la một năm thì cũng được nhưng anh phải đi quá xa và mất rất nhiều thì giờ. Hơn nữa trường đó không là trường tốt, học sinh quá mấy dạy, đa số là Mỹ đen hoặc Mễ, làm việc tại đó không phấn khởi tí nào. Anh vốn không thích dạy học, nay lại phải dạy ở một trường tồi tệ, xa nhà, anh chẳng muốn nhận. Tuy nhiên anh sẽ có một tuần để suy nghĩ và quyết định. Trên chuyến xe lửa đưa anh từ Manhattan trở về Merrick, anh cứ phân vân vì tiếc số lương cao mà anh sẽ được lãnh nếu chịu nhận việc.

Sau một tuần suy nghĩ kỹ, anh đã quyết định sẽ không nhận chỗ đi dạy ở Bronx vì anh đã có kế hoạch trong đầu là anh sẽ mua sách về tự học để chuẩn bị thi gia nhập luật sư đoàn. Nếu anh thi đậu được kỳ thi do luật sư đoàn của tiểu bang tổ chức thì anh sẽ có quyền hành nghề luật sư mà không phải đi học lại ở một trường đại học Mỹ. Dân, bạn anh đã đi theo con đường ấy và đã thành công. Dân đã đến Mỹ năm 75, và sau đó đã đi làm công việc

phụ tá cho các luật sư, người Mỹ gọi là parralegal, và trong khi đó học để thi kỳ thi do luật sư đoàn Nữu Ước tổ chức. Đến năm 1980, Dân đã thi đậu và được văn phòng luật sư nơi anh làm việc tăng chức cho anh, và anh đã chính thức là luật sư được tiểu bang công nhận. Như Thế, Dân có thể hành nghề ở bất cứ nơi nào trong tiểu bang Nữu Ước. Hoàng nghĩ nếu Dân đậu được kỳ thi ấy thì anh cũng sẽ đậu được, anh không thể thua kém bạn mình.

Như thế Hoàng đã tự vẽ cho mình con đường anh sẽ đi để tới cái đích mà anh muốn. Anh thấy con đường ấy hợp lý vì anh đã lỡ dành tám năm đi học luật ở Saigon, anh đã có căn bản về luật học, anh lại có tự tin nữa, anh chỉ thiếu cái vốn Anh Văn chuyên môn cần thiết để đọc và hiểu những cuốn sách Luật học của Mỹ. Nhưng anh nghĩ cái vốn Pháp văn của anh sẽ giúp anh hấp thụ nhanh chóng ngôn ngữ pháp lý bằng tiếng Anh cần thiết đó, và anh cũng sẵn sàng dành vài năm để trở thành luật sư giống như Dân. Trong khi tạm thời, anh vẫn sẽ làm những công việc tạm bợ sống qua ngày như anh đang làm.

Từ cuối tháng 12, anh vẫn đến làm thông dịch viên cho cơ quan giúp đỡ người tị nạn ở Hempstead. Anh cũng hy vọng năm tới sau khi Liêm tốt nghiệp kỹ sư điện toán và bỏ chỗ làm ở đấy, anh sẽ được thay thế Liêm làm social worker. Nhưng ở đời mình muốn là một đàng và trời có cho hay không lại là một đàng khác. Có lẽ vì anh không có duyên với ngành Luật nên lần trước anh đã hụt theo con đường ấy và sau khi đầu tư bao nhiêu năm dài, bao nhiêu công sức anh đâu thực hiện được cái giấc mơ là trở thàng giáo sư Luật? Lần này cũng thế, số anh cũng đã không cho phép anh trở thành luật sư của tiểu bang Nữu Ước như anh đã hoạch định.

Tháng Giêng đã qua, tháng Hai đã tới, trời đã vào cuối mùa đông nhưng vẫn còn lạnh khủng khiếp, tuyết vẫn đổ, hàng ngày đi làm anh vẫn thấy tuyết được xe cào sang hai bên đường cao gần đến một thước. Anh đi ngoài trời vẫn mũ và găng tay len, anh vẫn quấn khăn quàng cổ và mặc hai quần, năm bẩy lớp áo. Từ Merrick đến chỗ anh làm việc đi xe buýt chỉ mất chưa tới nửa giờ nhưng nhiều khi anh phải chờ xe cũng thêm cả nửa tiếng nữa.

Một hôm, Hoàng bước từ chiếc xe bus xuống. Trời lạnh như cắt làm hơi thở anh bốc lên như thể anh hút thuốc và đang thở khói ra. Bên vỉa hè tuyết cào tạo nên một bức thành kiên cố và ngay lối đi cũng có một lớp tuyết khoảng vài phân tây, mới đổ xuống đêm qua. Anh cẩn thận bước đi từng bước, mắt nhìn phiá trước, như thể anh đang đi trên con đường rừng bên Kămpuchia, khi anh tìm đường đi đến biên giới Thái chọn tự do. Mới tuần trước, anh không để ý khi bước trên tuyêt đã bị chân người đi dọng xuống thành đá trơn, bị trợt té một cái đau điếng người, may mà không gẫy chân, gẫy tay. Từ bến xe bus đến nơi anh làm việc chỉ khoảng hai trăm mét, nhưng anh đi

cũng phải mất hơn năm phút. Anh đi men bên tường cho chắc ăn, lỡ có trợt chân may ra có thể bám víu vào tường. Không phải vì anh đã già nên đi khó khăn như thế, anh mới bốn mươi, ngày anh rời quê mẹ anh chưa đủ ba mươi chín. Bốn tháng trời ở cái tỉnh nhỏ Hempstead này, anh vẫn chưa quen, chưa quen đi vào mùa đông đã đành, vì anh vốn đến từ một nước nhiệt đới, sinh ra lớn lên trong cái nóng của thành phố Saigon thân yêu, nhưng không quen với cả cái lối sống vội bên Hoa Kỳ. Anh thấy nhiều khó khăn trong việc đáp ứng với hoàn cảnh mới, trong đầu anh cứ thắc mắc rồi ra anh có được cái hạnh phúc mà anh mong đợi từ bao nhiêu năm, kể từ ngày cộng sản tràn vào miền nam, buộc anh anh phải tìm đường ra đi bao nhiêu lần mới thoát.

Hoàng đẩy cánh cửa vào building, đi dọc theo hành lang, rồi quẹo trái, đến khi hết đi được nữa thì bên tay mặt có cánh cửa kính dầy trên có giòng chữ "Adelphi University, Social Services, Indochinese Center". Anh đẩy cửa bước vào. Ngồi ngay đó, để tiếp đón những ai đến xin giúp đỡ, trước một cái bàn lớn, có điện thoại, có đủ loại đơn từ, là Mỹ Linh, người thư ký của văn phòng khá xinh đẹp. Hoàng đã gặp nàng lần đầu tiên khi đến xin kiếm việc, Mỹ Linh chẳng biết chàng là ai nhưng cứ mỉm cười chào hỏi làm anh cũng ngạc nhiên.

Hoàng bỏ nón, cởi đôi găng tay và chiếc áo overcoat, treo lên cái giá ngay gần cửa, xoa hai bàn tay vào nhau cho nóng và thổi phù phù, một cách để cho người khác biết là mình mới ở ngoài kia vào và ở ngoài đó lạnh lắm!

- Hello! How are you today?
- Hello anh!

Hoàng nhìn phải nhìn trái, không thấy ai, cúi đầu xuống ghé sát má Mỹ Linh hôn một cái nhẹ. Mùi nước hoa của em phảng phất làm anh thấy hơi ngây ngất.

- Ứ, cái anh này! Anh lạnh lắm hả anh?
- Lạnh nhưng thấy em là ấm liền à.

Mỹ Linh nguýt Hoàng một cái dài và mỉm cười sung sướng.

- Chưa ai tới hả em?
- Chưa mới có hai đứa mình à.
- Em tới lâu chưa?
- Cũng mới tới chừng mươi phút. Mà thôi anh đi vô trong kia đi! Bà Kerpen tới rồi kia kià!

Hoàng vội đi vào bên trong. Căn phòng nằm ngang đó là căn phòng làm việc rộng năm trên mười thước, nơi ấy có kê bốn bàn bureau cho ba người social worker và anh. Ngoài ghế có banh xe lăn sau mỗi bàn, có hai cái ghế phía

trước cho khách đến xin giúp đỡ ngồi. Ba người social worker làm việc tại văn phòng là Liêm, làm việc với những khách Việt nam, Souvanovong làm việc với người Lào, và Socheung làm việc với người miên. Anh chẳng làm việc với ai cả. Anh không phải là social worker, vì anh đâu có bằng để làm công việc đó? Anh nghe nói phải học mấy semester, lấy được cái bằng A.A. gì đó mới được kêu là social worker. Anh là dân tị nạn mới qua được có ba tháng, xin được cái việc thông ngôn là mừng chết đi rồi, lương có sáu trăm một tháng, làm tháng nào ăn tháng đó. Số anh cũng may, vì hồi ấy có nhiều dân Haiti sang tị nạn ở New York, họ nói tiếng Pháp nên cần người thông dịch Pháp-Anh Anh-Pháp. Tiền lương anh không được bao nhiêu, nhưng còn hơn là không có việc gì làm. Và công việc cũng nhàn hạ và cũng vui, vì anh hay đi với mấy em Mỹ trắng, còn đi học đại học bộ môn công tác xã hội, các em phải đi thực tập. Trong các cuộc đi thực tập như vậy, các em phải thu thập dữ kiện từ những dân tị nạn Haiti đó để về viết bài có tính cách nghiên cứu gọi là field research project hay case study, viết không ra các em đái ra quần, vì sẽ không tốt nghiệp được.

Cái anh thích nhất khi đến văn phòng ở Hempstead, không phải là được gặp tiến sỉ Kerpen, cũng không phải là được đi làm việc với những em Mỹ trắng phơi phới, ngực to bằng hai quả bưởi, ăn mặc sexy, mà là vì anh đã được gặp Mỹ Linh, Anh nghĩ cuộc gặp gỡ này tiền định. Vả lại, anh chẳng là môn sinh của phái Janséniste hay sao? Anh chẳng tin là ông trời đã định sẵn cho mỗi người một số phận, không ai có thể tránh khỏi hay cải cái số tiền định ấy hay sao? Và như thế, anh đã gặp Mỹ Linh, anh đã thấy em dễ thương, xinh đẹp, làm cho lòng anh sao xuyến. Anh thèm Mỹ Linh là của anh, anh muốn thế, nhưng trời không cho, vì anh đã tới quá muộn, nay em đã có chồng và một đứa con nhỏ.

Những ngày làm viêc tại Hempstead sẽ chẳng có gì là lý thú, anh sẽ thấy buồn tẻ lắm nếu không có Liêm và Mỹ Linh để nói chuyện hay đi ăn cơm trưa với nhau. Hơn nữa thái độ lạnh nhạt của viên giám đốc đối với anh đôi khi làm cho anh suy nghĩ. Anh nghĩ rằng tiến sĩ Kerpen không có thiện cảm với anh vì hai nguyên do. Thứ nhất anh đã dại dột ghi trên resume là ở Saigon anh đang chuẩn bị luận án tiến sĩ và thứ hai là anh đả quá thân thiện với những sinh viên đi thực tập và đã giúp đỡ họ quá nhiều. Có lần tiến sĩ Karen gọi Mỹ Linh vào phòng làm việc của bà và hỏi em "Tại sao tôi thấy sinh viên cứ hỏi ông Hoàng mà không hỏi tôi? Có phải ông ấy biết nhiều lắm phải không?" Mỹ Linh đã thật khôn ngoan trả lời "Em nghĩ rằng hiểu biết của ông ấy không thể so sánh được với bà. Sở dĩ sinh viên hay hỏi ông ấy là vì họ có thể lợi dụng được ông ấy, chứ làm sao lợi dụng được bà?" Tiến sĩ Kerpen nghe thế cũng bớt nhột, nhưng trong lòng vẫn căm Hoàng lắm. Sáng sớm hôm sau buổi nói chuyện với tiến sĩ Kerpen, khi chưa có ai đến làm việc ở văn phòng ngoài hai người, Mỹ Linh âu yếm gọi Hoàng lại và nói nhỏ, như thể những bức tường có tai nghe được chuyện hai người:

- Anh lại gần đây em nói anh nghe chuyện này, hơi quan trọng một chút.

Hoàng chưa biết chuyện gì nhưng nghe em bảo lại gần là anh đã thấy đời anh thêm vui. Anh đến sát bên em, ngồi lên tay ghế em ngồi:

- Chuyện gì vậy em? Em chịu làm người yêu anh rồi hả?
- Em không giỡn đâu. Chuyện này serious lắm.
- Bộ chuyện em chịu làm người yêu anh không serious sao?
- Không phải, em không có đùa đâu! Bà Kerpen hỏi em về anh đó!

Vừa nghe thế, Hoàng giật nẩy mình, kéo chiếc ghế bên cạnh lại gần, ngồi kề sát bên em.

- Chuyện gì vậy em? Nói anh nghe đi!
- Anh có muốn nghe không mà bảo em nói?
- Nói đi mà cưng!
- Có cưng thật không đấy?
- Thì em biết rồi còn gì? Cưng nhất đời đó!
- Em không đùa đâu! Hôm qua bà ấy kêu em vào phòng bà…
- Vào làm chi? Bộ bà ấy muốn thương em của anh hả?
- Anh lại đùa nữa rồi! Anh có muốn nghe hay không?
- Thôi anh xin lỗi, anh không đùa nữa, em nói đi!

Mỹ Linh kể câu chuyện đã xẩy ra, xong em nói:

- Bà Kerpen coi bộ không thích anh làm việc ở đây!
- Anh có làm gì đâu mà bà ấy không thích?
- Bà ấy jealous với anh chứ sao?
- Tại bà ấy không được em thương chứ gì?
- Bậy nào! Từ bây giờ trở đi, sinh viên nó hỏi anh, anh phải refer họ cho bà ấy! Đừng có giúp nữa!
- Nhưng họ thương anh, họ cứ hỏi anh thì sao?
- Anh đừng có giỡn nữa! Em nói chuyện serious mà.

Đang nói chuyện thì Liêm đến. Mỹ Linh lanh mắt thấy trước nói:

- Bọn họ tới rồi, thôi anh vào bên trong đó đi!
- Cho anh mi em một cái rồi anh đi!
- Thôi mà! Anh Liêm kia kìa!

Hoàng bèn vội vã đi vào phiá trong. Liêm đi vào, chào hỏi xã giao Hoàng, rồi đi cởi áo pardessus và găng tay , treo sau bureau của mình. Giống như mọi

sáng anh chuẩn bị đi pha cà phê. Trong văn phòng ai cũng uống cà phê, trừ Mỹ Linh. Em nói uống cà phê vào nóng, em mọc mụn đầy mặt. Còn Liêm thì uống cà phê như uống nước lã. Anh không uống đường mà cũng không sữa.

Hoàng ngồi ở bàn, thừ mặt ra, suy nghĩ về chuyện Mỹ Linh vừa nói cho anh biết. Anh vừa bực, vừa e ngại. Anh bực vì tiến sĩ Kerpen đã không hỏi thẳng anh. Anh nghĩ làm xếp mà không hỏi nhân viên trực tiếp là hèn. Anh tính vào hỏi bà cho ra nhẽ nhưng lại sợ đụng chạm đến em, đành phải thôi. Và như thế, anh e ngại không biết còn chuyện gì nữa không. Mẹ kiếp! chưa chi đã có chuyện lộn xộn. Thật cái số mình, nó cứ làm sao ấy! Cả ngày hôm ấy, nhìn tiến sĩ Kerpen anh cứ thấy khó chịu. Anh muốn cửa phòng bà đóng lại cho anh khỏi bị ám ảnh mà đâu có được. Mỗi lần đi qua, anh không khỏi hình dung ra cái mặt bà ấy.

Lúc bốn giờ chiều Tiến sĩ Kerpen nói với Mỹ Linh bà đi họp rồi về luôn nhà. Dolbrin hôm ấy lại không đến văn phòng vì phải đi gặp các chủ hãng xưởng có công ăn việc làm cho dân tị nạn. Bốn giờ rưỡi, ba tên social worker lần lần lỉnh ra về sớm, chỉ còn Mỹ Linh không về được vì phải chờ chồng đến đón. Hoàng ngồi đó, chờ năm phút rồi cũng ra về. Anh mặc cái áo pardessus, đeo đôi găng tay, đội mũ, rồi mở cửa bước ra khỏi văn phòng. Tự nhiên anh có một linh tính báo hiệu cho anh biết một chuyện gì không may sẽ xẩy ra cho anh trong tương lai, anh không biết chuyện gì, nhưng anh đoán là con mụ Kerpen sẽ chơi anh. Ngoài trời gió lạnh làm anh tỉnh hẳn, anh vội đi ra bến xe bus vì trời đã tối, và khu này nhiều mỹ đen. Liêm đã kể cho anh nghe rằng có một lần khi ra xe để trong parking lot, anh đã bị hai tên đen chặn xin anh cái ví và cái đồng hồ. Vì thế Hoàng cũng hơi sợ, anh chẳng có tiền nhiều trong ví, nhưng anh không muốn mất chiếc Seiko 5 automatic, một vật kỷ niệm anh đã mua bên Thái Lan, mua lại của một người bạn đi định cư ở bên Úc.

.....

Thế rồi, như linh tính đã cho anh biết trước đó hai tháng, anh nhận được hung tín vào đúng lúc mùa xuân sắp sang, hoa sắp nở, chim sắp hót trên cành cây, lúc mà winter quarter đã chấm dứt được hơn một tuần. Tiến sĩ Karen gọi anh vào phòng riêng, lịch sự mời anh ngồi, nói Mỹ Linh lấy cho anh tách cà phê, tươi cười cám ơn anh về sự tận tình giúp đỡ sinh viên của trường, rồi nói vòng quanh đôi ba phút trước khi nghiêm mặt đưa cho anh một phong thơ bảo anh đọc. Anh mở phong thơ đọc trong khi bà giả vờ xem xét cái hồ sơ của một người tị nạn để trước mặt. Phong thư mở đầu bằng giòng chữ "Chúng tôi rất lấy làm tiếc phải thông báo cho ông rằng …" và Hoàng liếc nhanh xuống đoạn chót " vì lý do chúng tôi không còn ngân khoản dành cho.. " rồi anh đứng dậy, không buồn bắt cái tay mà tiến sĩ Karen đưa ra, anh đi ra ngoài.

Mỹ Linh đã đoán trước chuyện gì đã xẩy đến và đã nói cho Liêm biết. Khi Hoàng vừa bước đến bureau mình thì Liêm lại nắm tay anh để chia buồn, anh nói "Anh đừng lo, em sẽ tìm cho anh một công việc khác…" Hoàng đâu có nghe rõ những gì người bạn mình nói đâu? Đầu anh đang bận với những ý tưởng liên quan đến tiến sĩ Kerpen, anh đang tức giận vì sự hèn hạ của bà xếp của anh, anh đang khinh bỉ bà, anh nghĩ đến cách trả thù xong lại thôi, bà không xứng đáng để anh chơi lại. Hoàng gom góp chút đỉnh đồ riêng của anh, vào chào Dolbrin và cám ơn Dolbrin về thiện cảm và sự giúp đỡ mà bà đã dành cho anh, anh bắt tay chào Souvanovong và ngạc nhiên thấy mắt nàng rướm lệ, thấy nàng ôm chầm lấy anh, và sau hết anh đến bắt tay Socheung trước khi hướng về chiếc cửa lớn chuẩn bị ra về. Suốt thời gian đó, Mỹ linh đứng ở góc bàn nơi em ngồi, thút thít khóc như một em bé. Anh lại gần em xoa vai em dỗ "Không sao đâu em, anh sẽ kiếm việc khác làm, có khi còn tốt hơn, em đừng buồn, mình sẽ còn bên nhau."

Nhưng định mệnh quá khắt khe với anh. Hơn một tháng anh đi tìm mà không ra được việc lương đủ để anh có thể sống. Thực tế quá phũ phàng, anh không còn lý do gì để ở lai New York, anh phải đi California, nơi có những người bạn anh sẵn sàng giúp đỡ anh kiếm việc tốt. Anh đành phải tính ngày đi Bờ Biển Miền Tây Hoa Kỳ. Thế là anh mua vé máy bay và chuẩn bị hành lý để đi San Francisco.

Chương Bốn

Mùa Xuân tại California

Hoàng quyết định rời Nữu Ước đi San Francisco vào đầu tháng tư năm 1983. Anh đã mua vé máy bay hai tuần trước và sẽ đi chuyến bay sáng thứ bảy lúc 10 giờ. Anh sẽ đến San Francisco lúc 2:20 trưa và sẽ được anh Trương và anh Sang ra đón anh tại Phi trường. Anh đã chuẩn bị kỹ lưỡng chuyến đi này và tin tưởng rằng sẽ không có gì trục trặc. Lần trước, anh đã phải chờ Seymour ba tiếng đồng hồ tại phi trường Kennedy bởi vì cơ quan thiện nguyện lo việc di chuyển cho anh đã không thông báo cho gia đình bảo trợ ngày giờ anh đến Nữu Ước. Anh đã phải nhờ sự giúp đỡ của một nhân viên hãng máy bay United Airlines và ông này đã sốt sắng kêu đến văn phòng của vị Dân Biểu đã can thiệp cho anh vào Mỹ và nhờ vậy mà Seymour mới được thông báo và cấp kíp ra đón anh.

Hoàng cũng đã gọi điện thoại cho Sơn, người chị họ bên vợ, để báo cho chị biết rằng mình sẽ đi San Francisco vào ngày hôm đó. Anh không mong chị ra đón anh bởi vì chị ở San Jose, một thành phố cách San Francisco khoảng 50 dặm. Gia đình chị Sơn đã rời Saigon vào tháng tư năm 1975, vài ngày trước khi chính quyền Saigon xụp đổ. Chồng chị, anh Cương là chỉ huy trưởng một căn cứ hải quân, nên việc ra đi của gia đình chị không có gì khó khăn. Ngày Hoàng đến Mỹ, gia đình chị đã an cư lạc nghiệp, các con chị đã nhập hội vào xã hội mới và đang là những học sinh xuất sắc nhất trường nơi chúng theo học. Hoàng định bụng một khi đã tìm được chỗ tạm trú yên ổn và công ăn việc làm anh sẽ lấy xe đò đi thăm chị Sơn và gia đình.

Và như thế, sáng thứ bẩy hôm ấy anh giã từ gia đình Gellerman để đi tới phi trường Kennedy. Bình, một người bạn, đã đến đón anh lúc tám giờ. Sau khi anh ăn nhanh bữa điểm tâm cuối cùng với Seymour và Florence, anh chào từ biệt hai người. Cả hai đã tiễn anh ra cửa và Florence nói với anh:

- Anh Hoàng, anh nhớ rằng căn nhà này vẫn là căn nhà của anh, gia đình này luôn luôn là gia đình anh. Lúc nào anh muốn trở về thì anh cứ tự tiện. Chúng tôi không thể giữ chân anh lại được nhưng lúc nào anh cũng ở bên lòng chúng tôi. Anh hãy trở về thăm chúng tôi khi nào

thuận tiện với anh. Khi chúng tôi đi California, chúng tôi cũng sẽ tìm cách liên lạc với anh. Chúc anh đi may mắn!

Còn Seymour thì nói:

- Chúng tôi sẽ nhớ đến anh mỗi lần uống Manhattan. Từ nay trở đi nhiệm vụ pha chế Manhattan, anh lại trao trả lại cho tôi. Anh nay đã trở thành vua pha manhattan, tôi chắc không hơn anh được! Thôi anh đi vui vẻ nghe!

Hoàng ôm Florence, và rươm rướm nước mắt, anh nói:

- Cám ơn Florence! Bà thật quá tốt. Tôi sẽ không bao giờ quên ơn bà! Cho đến khi chết, tôi sẽ không quên. Tôi hứa sẽ về thăm bà.

Seymour nói:

- Còn tôi? Anh sẽ quên tôi nhanh chóng phải không? Tôi đùa đấy! Chúng tôi cũng sẽ không quên anh đâu!

Seymour sách chiếc vali lớn của anh ra xe. Ông bỏ nó vào thùng sau xe của Bình rồi xiết chặt tay anh. "Bye!" ông nói, rồi quay sang Bình: "Anh Bình, cám ơn anh đã nhận đưa anh Hoàng ra phi trường!" Florence chỉ đứng đó nhìn anh chui vào xe và cả hai vẫy vẫy tay khi chiếc xe chuyển bánh. Hoàng cũng vẫy lại. Tự dưng anh thấy tim anh se lại và một nỗi buồn nhè nhẹ dâng lên trong lòng. Thế là một giai đoạn trong cuộc đời mới của anh đã trôi qua, một giai đoạn khác lại sắp tiếp nối. Ngày mai sẽ ra sao, trời có sẽ sáng sủa hơn hay không, anh không biết chắc. Anh Trương đã hứa với anh là sẽ có việc làm cho anh ngay khi anh tới San Francisco, nhưng biết thế nào được? Có ai đoán trước được những bất trắc sẽ xẩy ra bao giờ?

- Anh làm cái gì mà thừ người ra như thế?

Hoàng giật mình tỉnh dậy. Anh vừa chìm đắm trong một cơn suy tư mà không hay biết. Anh quay sang nhìn Bình và thấy Bình mỉm cười như muốn chế nhạo anh.

- Anh đi tuốt xa như thế thì có còn nhớ New York hay không? Anh có sẽ quên nơi đây dễ dàng hay không đấy?
- Làm sao quên được? Những kỷ niệm đầu của tôi ở đây mà anh! Ra đi là chết trong lòng một tí, anh còn nhớ câu đó không? Người Mỹ họ có câu nói "I shall return!" Nhưng tôi ra đi rồi, chắc chẳng bao giờ còn trở về Nữu Ước nữa!
- Mai mốt, khi cuộc sống anh bên Cali ổn định rồi, lúc nào anh muốn về mà chẳng được?

- Về chơi dăm ba ngày thì nói làm gì anh Bình? Tôi muốn ở lại đây luôn, vì đất này là đất của những ai có nhiều tham vọng. Tôi ra đi là đã đầu hàng số phận. Đáng lý ra tôi phải ở lại đây, cắn răng chịu đựng một thời gian. Nhưng tôi đã yếu hèn, tôi đã chọn con đường nhung lụa là ra đi.
- Anh đừng nói thế! Anh đi Cali là đúng đấy. Nơi đó có nhiều cơ hội để cho mình thành công hơn. Cali dễ sống hơn nơi đây nhiều…

Hoàng yên lặng không nói gì. Từ ngày đến Mỹ anh chẳng quen biết ai ngoài Bình. Bình đã an ủi anh khi anh buồn, đưa anh đi nơi đây nơi đó, đi ăn cơm, đi xi nê với anh để cho anh khuây khỏa đỡ nhớ nhà. Bình thông cảm với nỗi u sầu của Hoàng vì bẩy năm trước khi Bình mới đến Mỹ anh cũng có những cảm xúc đó, anh cũng nhớ nhà, cũng cảm thấy cô đơn.

Hoàng cảm thấy nao nao khó chịu trong lòng vì anh vẫn còn luyến tiếc cái nơi được coi là sống động nhất nước Mỹ. Nữu Ước chẳng là nơi dành cho những kẻ có tham vọng lớn, những kể muốn thành công vẻ vang, muốn được nổi tiếng hay sao? Và anh đã muốn sống một nơi như thế, anh đã muốn sự thôi thúc của công danh, anh đã muốn được thở cái không khí ganh đua để được kích thích, để bị lôi cuốn theo, để anh có thể thử sức mình xem mình có thể làm đến đâu, đi bao xa. Vì thế, khi phải xa rời Nữu Ước, anh có cảm tưởng như sắp sửa mất đi một cái gì quí báu mà không làm gì được để giữ nó lại. Tình cảm của anh đối với Nữu Ước cũng đã khá sâu đậm.

Nhưng buồn thì buồn, thời gian cũng trôi đi, chẳng bao lâu anh đã tới phi trường Kennedy. Bình không muốn anh bịn rịn nên không chịu đậu xe tại gara tiễn chân anh lên máy bay. Bình thả anh nơi vỉa hè ngay chỗ có cửa đi vào phi trường. Hoàng bắt tay bạn rồi bước tới, anh không quay đầu nhìn Bình, anh không muốn luyến tiếc quá khứ. Từ phút đó trở đi, anh không còn muốn lưu luyến Nữu Ước nữa, vì có lưu luyến cũng vô ích, anh muốn nhìn tới tương lai, tới California, nơi anh sẽ đến.

Chiếc máy bay cất cánh đúng giờ. Hoàng đã ngồi trong ghế của mình suốt chuyến bay. Anh cũng chẳng buồn ăn bưã cơm người tiếp viên dọn cho anh, anh không thấy đói và chỉ uống một ly nước. Tâm hồn anh đang ở trong một trạng thái buâng khuâng. Anh nghĩ đến những ngày sắp tới với một cảm giác nửa vui nửa buồn. Anh đã chần chừ mãi không chịu đi California, một phần vì anh đã sống quen tại Nữu Ước, anh đang có công ăn việc làm, tuy không kiếm được nhiều tiền nhưng chắc ăn. Anh đi San Francisco vì Nga muốn anh về gần gia đình chị Sơn và những người bà con thân thuộc khác. Nàng sợ anh cô đơn khi phải sống một mình ở Nửu Ước, không có ai gần gũi. Hơn nữa, đi San Francisco, anh sẽ được anh Sang và anh Trương là hai thày giáo giới thiệu anh đi dạy học ở một trường trung học. Công việc này sẽ hợp với

khả năng của anh và tương đối ổn định mà lương cũng khá hơn là những việc tay chân mà anh đang làm.

Từ trong thâm tâm, Hoàng không muốn trở lại cái nghề cũ mà anh không thích. Ngày còn ở Saigon, anh đã bỏ cái nghề bạc bẽo đó. Anh đã lăn lộn tại các tỉnh lẻ, đi dạy ở các trường Sadec, Vĩnh Long, Mỹ Tho, trước khi được thuyên chuyển về Saigon. Dạy một trường không đủ sống, anh đã phải đi dạy thêm tại các tư thục, tuần nào cũng dạy bốn năm chục giờ trong khi trên nguyên tắc thày giáo chỉ dạy 16 giờ, còn để thì giờ soạn bài chấm bài, và nghỉ ngơi. Nghề đi dạy coi thế nhưng nhọc nhằn hơn nhiều nghề khác, ai có vào nghề mới thấu hiểu. Sau mười năm làm giáo sư, anh đã quyết định đổi nghề và đã trở thành luật sư. Nhưng chưa vào nghề mới được bao lâu thì Cộng Sản vào, anh đã phải đổi đời đi đạp xích lô sinh sống. Nay Nga lại muốn anh trở về với cái nghề mà anh không ưa tí nào, nhưng hoàn cảnh bó buộc, anh sẽ tạm làm cho đến một ngày đẹp trời nào đó anh lại có thể đổi sang một nghề khác. Âu đó cũng là duyên nợ, anh nghĩ. Vạn bất đắc dĩ, anh phải đi San Francisco. Đâu còn chọn lựa nào khác?

Hoàng đã nghĩ đến quá khứ, đến những ngày tươi đẹp của thời xưa tuy không sung sướng nhưng cũng không đến nổi cực khổ. Anh bỗng thấy hiện ra trong đầu bao nhiêu hình ảnh vui buồn, bao nhiêu bộ mặt của những người thân yêu, những lời nói, những hành động, cả những biến cố đã xẩy ra mà anh đã chứng kiến. Lâu lắm anh không có dịp nào trở về với dĩ vãng vì không có gì thúc đẩy anh moi móc trong tiềm thức những gì chất chứa nơi đó từ bao lâu rồi. Anh thấy tâm tư anh nặng chĩu, lòng anh như bị cào xé, để rồi quá mệt mỏi anh lặng người đi vào giấc ngủ lúc nào không hay.

Hoàng tỉnh giấc khi người nam tiếp viên vỗ vai anh báo cho anh biết phi cơ sắp đáp xuống phi trường San Francisco và bảo anh cho chiếc ghế trở về vị trí thẳng đứng. Anh bồi hồi bấm chiếc nút bên tay ghế và đưa mắt nhìn qua cửa sổ phi cơ. Trời hôm ấy xanh và nhìn xuống dưới anh thấy một vùng lớn rộng nước xanh biếc mà anh đoán là biển, là nước của Thái Bình Dương. Anh biết Cựu Kim Sơn nằm bên biển Thái Bình vì trên con đường định cư, anh đã ghé qua nơi đó khi đến từ Singapore. Anh nghe nói Cựu Kim Sơn là một thành phố đẹp có hạng trên thế giới và khí hậu nơi đó tựa như khí hậu của thành phố Đà Lạt. Anh tự hỏi rồi đây anh có sẽ lập nghiệp nơi đó, hay rồi sẽ tung cánh bay đi nơi khác.

Máy bay đã đáp xuống và đã đậu bên chiếc cầu kín đưa vào phi trường. Hành khách đã lục đục đi xuống, Hoàng từ từ đi theo đám đông đang lũ lượt bước theo những hành lang dài đưa xuống tầng dưới nhà nơi hành khách chờ lấy lại hành lý. Anh chạy đi lấy một chiếc xe đẩy và đặt chiếc vali lớn bằng da mầu vàng lên xe. Anh vừa từ từ đẩy xe ra phiá cửa thì thấy bóng dáng chị Sơn và anh Cương xa xa đang vẫy tay ra hiệu cho anh biết họ đang chờ

đón anh nơi đó. Buổi gặp gỡ thật là cảm động, sau hàng loạt bắt tay, là những lời nói bùi ngùi đầy chân tình. Đã hơn mười năm anh chị em không thấy nhau, và có ai dè có ngày nay? Kẻ đã ra đi và kẻ lỡ ở lại đâu có dễ gì thấy lại được nhau? Ôi thật là may mắn, thật là phúc đức.

- Trông chú vẫn đẹp trai như xưa. Có gầy đi một chút nhưng trông còn trẻ lắm! Sao chú đi đường có mệt lắm không? Có bị say sóng không?
- Cám ơn chị! Em rất mừng được chị và anh ra đón và em cám ơn anh chị nhiều. Nhưng sao anh chị lại đi xa thế cho mệt?
- Bên này lái xe bốn năm chục miles là chuyện thường chú ơi! Không có gì đâu! Chú đến mà không ra đón sao được?

Sau vài phút, nói chuyện với chị Sơn, anh Cương dẫn hai người đàn ông lạ mà Hoàng thấy đứng bên anh từ nãy đến giờ đến gần và giới thiệu với anh:

- Đây là Ông Sang, chú của anh và đây là anh Trương mà chú đã từng nói chuyện qua điện thoại.
- Chào hai anh! Tôi là Hoàng như anh đã nghe biết! Tôi cám ơn hai anh đã có lòng giúp tôi!

Anh Trương mỉm cười và đưa tay ra bắt tay Hoàng:

- Thôi khách sáo làm gì anh Hoàng? Khỏi phải cám ơn! Anh em cả mà! Anh sang đây nhập bọn tụi tôi là vui rồi!

Còn anh Sang chỉ bắt tay Hoàng rồi đứng đó mỉm cười, không nói gì cả. Có thể anh đang nhớ lại ngày anh đến San Francisco, vài năm trước đó? Kỷ niệm đó ai chẳng ghi nhớ trong lòng? Cả bọn đứng nói chuyện một lúc rồi anh Trương lên tiếng hỏi anh Cương và chị Sơn:

- Bây giờ thế nào đây? Anh Hoàng về với bọn tôi hay về với anh chị?
- Chú Hoàng, chú nghĩ sao?
- Em thì sao cũng được. Nhưng có lẽ anh chị để em về với anh Sang và anh Trương, vì các anh ấy còn phải lo chỗ ở cho em! Khi nào tương đối ổn định, em sẽ xuống thăm anh chị. Được không ạ?
- Chú nghĩ thế cũng phải. Thôi chú đi với các anh ấy, anh chị về. Mong sẽ gặp lại chú trong vòng một vài tuần tới.

Hoàng tính đẩy xe đi nhưng anh Trương nhanh nhẩu:

- Đưa đây, tôi đẩy cho anh. Anh mới trên máy bay xuống còn chóng mặt, đi còn chưa vững!
- Cám ơn anh!

- Lại cám ơn nữa! Có gì mà anh cứ cám ơn đi cám ơn lại? Tối nay anh sẽ tạm nghỉ nhà một anh bạn trong nhóm giáo sư ở đây, rồi mai tính nghe anh!
- Giáo sư người Việt mình ở đây có đông không anh?
- Ngoài anh Sang và tôi ra, còn chừng chục người nữa. Rồi anh sẽ gặp hết các anh em đó mà. Cứ từ từ. Chúng tôi phải tìm chỗ ở tạm cho anh trước tiên, rồi sẽ kiếm phòng thuê sau. Thứ hai anh sẽ đến học khu nhận việc. Mọi chuyện, tôi đã lo từ lâu, chỉ chờ ngày anh qua. Sao lâu quá không thấy anh qua vậy? Chắc lại đào giữ chân lại chứ gì?

Anh Trương nhìn Hoàng và cười lên tiếng! Anh nói đùa:

- Đẹp trai như anh chắc nhiều bà mê lắm!
- Anh cứ nói vậy chứ tôi chẳng quen ai hết!
- Anh khỏi giấu tụi tôi. Rồi mọi chuyện cũng sẽ bị phanh phui ra hết! Giấu sao được!

Ba người lên xe, và anh Trương lái đi. Từ phi trường về đến thành phố cũng phải mất hai mươi phút. Cựu Kim Sơn vào mùa Xuân cây cỏ xanh tươi, trên xa lộ anh thấy hoa nở, anh rất ngạc nhiên vì ở Nữu Ước anh ít thấy cây cối trên xa lộ. Khí hậu cũng dễ chịu, vì cái man mát gợi lại cho anh khí hậu của Đalạt, thành phố nghỉ mát bên Việt nam, quê hương xa xôi của anh. Vào đến San Francisco, anh thấy quang cảnh cũng khác không giống Long Island, nơi anh đã sống hơn một năm trời. Nhà cửa ở đây là những phố lầu có lối kiến trúc lạ mắt, anh chưa thấy bao giờ. Sau này anh được biết đó là lối kiến trúc Victorian, giống như bên Anh Quốc. Anh có cảm tưởng đường phố lớn rộng và dài hơn, trông rất đẹp mắt. Chẳng thế mà anh nghe nói Cựu Kim Sơn là một trong những thành phố đẹp nhất thế giới, hàng năm có cả triệu du khách đến viếng thăm. Anh nhớ lại bài ca tên gì anh không biết trong đó người nam ca sĩ cứ hát đi hát lại câu " I left my heart in San Francisco." Tự dưng anh cảm thấy sung sướng sẽ được sống tại thành phố này. Mùa Xuân là mùa hy vọng, anh ước mơ anh sẽ có được một cuộc sống thoải mái hơn nơi đây. Anh tự nhủ "Nếu không có gì bất hạnh xẩy ra, mình sẽ chọn nơi này làm nơi sống nửa phần còn lại của cuộc đời mình."

Chiều hôm đó Hoàng về ở tạm nhà anh Thế, một giáo sư Lý Hoá, trước kia tốt nghiệp trường Nông Lâm Súc Saigon. Thế nhỏ hơn anh cả chục tuổi và mới lấy vợ. Hai vợ chồng trẻ này thuê một căn phòng ở từng dưới một căn nhà và tạm cho anh trú đỡ đêm nay. Anh thấy hơi áy náy, vì căn phòng nhỏ như vậy lấy đâu ra chỗ cho anh nằm? Nhưng anh Trương đã thu xếp như thế thì anh đành chịu. Sáng sớm hôm sau anh Trương đã lại bốc Hoàng đi. Trương đưa anh về nhà mình ăn sáng nghỉ ngơi và đến chiều lại đưa Hoàng đến nhà một giáo sư khác tên Chung. Chung phụ tá cho Trương và cả hai làm việc tại học khu, đặc trách chương trình song ngữ dành cho những học

sinh tị nạn Việt. Chung và vợ đã sang Mỹ từ trước 1975 và hai vợ chồng đã mua nhà riêng, một căn nhà nhỏ ở vùng ngoại ô thành phố. Vợ chồng Chung có hai đứa con nhỏ, đứa lớn là một bé trai năm tuổi, và đứa nhỏ là một bé gái hai tuổi. Diễm, vợ Chung đi làm cho một ngân hàng.

Tối hôm đó, Hoàng ăn cơm với gia đình Chung. Lâu lắm anh không được ngồi cạnh những đứa bé và anh cảm thấy bữa cơm chiều hôm ấy thật êm đềm, thật thú vị. Ăn xong anh ra phòng khách ngồi nói chuyện với Chung. Chung kể lại những ngày anh du học tại Bỉ, những ngày xa xôi đó, anh đã đấu tranh cho hòa bình, anh đã phản chiến. Bao nhiêu buổi họp mặt với những đồng đội, bao nhiêu ngày đi biểu tình đòi ngưng cuộc chiến tranh tại quê nhà, Chung còn nhớ rõ. Khi cuộc chiến chấm dứt vào tháng tư năm 75, anh không trở về Việt Nam sống với Cộng Sản mà lại xin đi tị nạn ở Mỹ. Rồi anh thấy những làn sóng người liều chết bỏ nước ra đi, đi vượt biển, đi vượt biên, đi để chết ngoài biển cả, đi để chết nơi những rừng âm u bên Kămpuchia. Anh không hiểu tại sao nay hòa bình, người ta lại chịu trả cái giá quá đắt như thế để được tự do? Anh hỏi Hoàng câu ấy. Hoàng bảo anh phải về sống ở Việt Nam anh mới vỡ lẽ, anh mới hiểu sự tàn bạo của chế độ Cộng Sản phi nhân phi nghĩa. Nếu anh chỉ đọc lý thuyết của Marx và Lénine, nếu anh chỉ nghe lời tuyên truyền của Cộng Sản thì anh không bao giờ hiểu được sự mâu thuẫn giữa lý thuyết và thực tế. Anh sẽ không hiểu được tại sao hơn một triệu người lại bỏ lại quê hương thân yêu mà ra đi sống nơi đất lạ quê người.

Sáng sớm thứ hai, Trương đến đón Hoàng đưa anh đi ăn phở rồi đưa đến học khu gặp những người có trách nhiệm phỏng vấn và tiếp nhận anh vào làm việc. Trên đường đến học khu, Trương nói:

- Anh cứ yên tâm, tôi đã chuẩn bị mọi việc đâu vào đó. Tôi mới là người chính chịu trách nhiệm về chương trình Song Ngữ Việt. Anh sẽ gặp và ký giấy tờ nhận việc với một vài người khác mà anh sẽ gặp, nhưng đó chỉ là vấn đề hành chánh. Anh đừng lo.
- Tôi sẽ phải gặp những ai, thưa anh?
- Anh sẽ gặp viên giám đốc chương trình song ngữ của học khu và bà phụ tá hành chính của ông ta. Cả hai người đều là người Mỹ gốc tầu. Họ hỏi gì anh, anh cứ mạnh dạn trả lời, không phải e dè.

Tuy Trương nói vậy nhưng trong lòng anh vẫn thấy lo lo. Tiếng Anh của anh chưa vững, kinh nghiệm dạy bên Mỹ anh chưa có, làm sao không lo cho được? "Nhưng thôi kệ, muốn ra sao thì ra." anh tự nhủ.

Trương đậu chiếc xe nơi sân phía sau của tòa nhà nơi anh làm việc rồi bảo Hoàng đi theo anh. Hai người bước lên những bực thang đưa vào tòa nhà bên trong. Đi hết một dãy hành lang dài, anh theo Trương bước vào một căn phòng rộng lớn nơi đây có năm bẩy bàn làm viêc và ngồi sau mỗi bàn là

những nhân viên, Mỹ trắng có, người Á châu có. Đi đến đâu Trương cũng chào hỏi mọi người, vui vẻ cười nói rất thân thiện. Anh đi qua một cánh cửa nhỏ để sang một căn phòng bé hơn bên cạnh. Nơi đây, anh gặp lại Chung và một người Việt khác làm thư ký văn phòng tên Viễn. Trương bảo Hoàng ngồi chơi, chờ anh sang báo cho viên giám đốc và bà phụ tá rằng Hoàng đã sẵn sàng gặp họ.

Khi Hoàng gặp Helen, người phụ tá hành chánh, anh nhận được một tập hồ sơ dày cộm mà anh sẽ phải mang về điền vào, ký tên và nộp lại sau. Rồi Helen đưa anh vào gặp Victor, viên giám đốc. Nghe anh Trương kể lại thì Victor trước kia là tay cận vệ cho người học khu trưởng. Nhờ làm tà lọt giỏi, y được người này ban cho chức giám đốc chương trình Song Ngữ. Y chẳng biết gì về giáo dục, chỉ khôn khéo với cấp trên và trông mong vào cấp dưới để cho việc làm được trôi chảy. Do vậy mà những người biết làm việc như Trương được y trọng vọng và tin cậy. Cái gì anh nói y cũng nghe theo. Trong thời gian hai năm anh làm nơi đây, Trương đã đưa cả chục anh em từ khắp mọi tiểu bang về làm cho học khu. Nhờ anh mà lực lượng giáo sư người Việt ở San Francisco trở nên hùng hậu và các em học sinh Việt ti nạn được các thày cô Việt trông nom giúp đỡ một cách chu đáo và tận tình.

Victor hỏi Hoàng trước kia ở Việt Nam làm gì, học vấn của anh đi đến đâu, tại sao anh lại muốn làm nhà giáo, cái gì thúc đẩy anh đến với học khu. Anh kể cho ông ta nghe mười năm anh lăn lộn đi dạy tại khắp các trường Trung học ở tỉnh lẻ cũng như ở Saigon và năm năm anh làm giảng viên ở đại học. Anh kể lại vụ anh chuẩn bị gần xong luận án tiến sĩ Dân Luật thì Việt Cộng chiếm Saigon. Do đó mà anh phải rời Việtnam đi tị nạn bên Mỹ. Anh đã sống ở Nữu Ước gần hai năm trước khi được anh Trương tuyển mộ vào làm với học khu. Ước nguyện của anh là giúp học khu đáp ứng được nhu cầu giáo dục của các em học sinh tị nạn người Việt.

Hôm đó Hoàng mặc đồ lớn áo sơ mi trắng bốp, đeo cravate đàng hoàng, trông anh lại trí thức như thời xa xưa, lại đạo mạo như một nhà mô phạm chân chính. Nghe anh nói anh là giảng viên đại học Luật ở Saigon Victor cũng thấy nhột, nhất là khi giọng anh nói chững chạc, đầy tự tin. Chỉ có mỗi điều là anh nói tiếng Anh không giống ai, phát âm không đúng theo kiểu Mỹ, làm cho Victor nhiều khi không hiểu anh muốn nói gì, phải đoán chừng hay đôi khi phải hỏi lại. Trước khi chấm dứt buổi gặp gỡ, Victor mỉa mai:

- Ông có nhiều kinh nghiệm giảng dậy cả trung học lẫn đại học, đó là điều không chối cãi được. Ông lại đậu những bằng rất cao như cử nhân, cao học, tiến sĩ, đó là điều tốt. Chúng tôi cần những giáo sư như ông. Tuy nhiên, ông nói tiếng Anh khó hiểu lắm… Không biết điều đó có làm trở ngại cho việc dạy học ở đây hay không…

Nghe đến đây Hoàng cảm thấy mình bị chạm tự ái. Anh nghĩ anh dạy học sinh Việt chứ có dạy học sinh Mỹ đâu mà cần phải nói cho đúng giọng Mỹ. Anh nói cái gì mà chúng chẳng hiểu. Vả lại quan trọng là làm sao giúp cho chúng học hành dễ dàng và mang đến cho chúng một niềm tin. Anh cắt ngang lời nói của Victor:

- Thưa ông tôi biết tôi chưa nói tiếng Anh đúng theo giọng Mỹ để cho ông dễ hiểu. Nhưng ông thử nghĩ nếu ông sang xứ tôi chừng hơn một năm thì ông có nói được tiếng Việt đúng giọng người Việt hay không? Nếu ông gặp lại tôi trong vòng vài ba năm nữa, tôi tin chắc ông sẽ hiểu tôi một cách dễ dàng hơn nhiều.

Victor liền xin lỗi anh. Ông nói ông không cố ý định làm phật lòng anh mà chỉ muốn nói lên một nhận xét tự nhiên. Buổi gặp gỡ chấm dứt. Hoàng trở về văn phòng anh Trương. Vừa thấy anh trở lại Trương hỏi:

- Sao anh gặp Victor vui vẻ chứ?
- Cũng bình thường thôi thưa anh.
- Ngày mai tôi đưa anh đến trường gặp hiệu trưởng. Có thể anh sẽ bắt đầu dạy vào tuần tới.

Sáng hôm sau, Trương đưa anh đến một trường trung học đệ nhất cấp trong thành phố. Anh nói nơi đây có một số học sinh Việt và theo đúng luật của tiểu bang thì trường phải mướn một giáo sư người Việt. Nhưng vì học khu không kiếm ra giáo sư người Việt nên nhà trường đã để môt giáo sư Mỹ tạm thời trám chỗ đó. Nay có anh, nhà trường sẽ phải thâu nhận anh và cho giáo sư người Mỹ kia nghỉ. Nghe thế anh đã tiên đoán rằng sẽ có vấn đề, vì ai chịu nhả miếng ăn giữa chừng đâu? Tên giáo sư Mỹ kia đang có việc làm ngon lành đâu muốn anh đến để rồi phải mất chỗ ngang xương?

Quả nhiên khi Trương và anh vào trường tìm gặp người hiệu trưởng thì y trốn tránh, không cho gặp. Chờ cả tiếng đồng hồ mà không được việc gì, Trương bảo anh vào phòng giáo sư ngồi chơi chờ, anh về học khu tìm biện pháp. Tên hiệu trưởng Mỹ trắng đã coi thường anh, không chịu tiếp vì sợ sẽ bị buộc phải nhận Hoàng. Cả ngày hôm đó, Hoàng đã phải ngồi trong phòng giáo sư chờ đợi cho đến chiều khi Trương đến đón anh về. Anh thấy nản và muốn thôi không đi dạy nữa, nhưng số anh khốn nạn. Anh sẽ còn phải chịu bỉ mặt, anh sẽ còn bực bội, vì thái độ miệt thị của tên hiệu trưởng mất dạy. Anh sẽ căm thù nó và coi nó như đồ bỏ, không thèm chào hỏi nó.

Trương không tìm được cách giải quyết vì xếp của anh là Victor, không hiểu vì lý do gì, cũng không muốn đụng chạm với tên hiệu trưởng da trắng đó. Có thể hắn có bề thế, hắn quen biết lớn trên học khu, chính trị của hắn cao, hắn chẳng coi người Á châu ra gì. Thật là một chuyện bực mình nhưng Trương

cũng chẳng làm gì được. Anh tức lắm nhưng anh biết đang ở xứ người, mình đành phải chịu lép vế. Trương bảo anh ngày nào cũng đến ngồi nơi phòng giáo sư, ngồi suốt ngày, không làm gì nhưng vẫn ăn lương, cho đến khi tên hiệu trưởng phải tính chuyện mới thôi. Sau hai tuần ngồi như vậy, sau khi bị những giáo sư gốc Á Châu trong trường xì xào bàn tán, lên tiếng chỉ trích, tên hiệu trưởng bèn nhượng bộ. Y đành để cho Hoàng dạy hơn một tháng cho đến hết năm học ấy, rồi năm sau y không nhận anh nữa. Trong thời gian hơn một tháng đó anh ăn lương công nhật, đến 15 tháng sáu, trường nghỉ hè, anh không còn công việc làm nữa, anh đã thất nghiệp, anh lại gặp bà cả đọi trở lại.

Mặt khác, Hoàng không biết làm sao tìm được nơi thuê để có chỗ ở của mình hầu khỏi phải ở nhờ nhà bạn. Mới đến San Francisco, anh chẳng quen ai để nhờ giúp đỡ. Trương bảo anh cứ ở tạm nhà Chung nhưng anh thấy bất tiện vì nhà chỉ có hai phòng nhỏ, một cho hai vợ chồng Chung, một cho hai đứa bé. Tối đến anh nằm ngủ trên chiếc ghế dài nơi phòng khách. Anh ngủ đâu cũng được, anh không quản ngại, không đòi hỏi phải nệm êm chăn ấm. Nhưng ở nhờ nhà người khác tức làm phiền chủ nhà, mặc dù hai vợ chồng Chung rất tốt, không tỏ vẻ khó chịu. Anh mong mỏi sớm thuê được một căn phòng riêng nho nhỏ để có thể sống ổn định, không thắc mắc.

Trong thời gian anh ở nhà bạn, sáng ra anh dạy sớm đi ra bến lấy xe buýt đi làm. Chiều ở trường ra anh đi lang thang một lúc rồi mới trở về nhà. Nhiều khi hai vợ chồng Chung vẫn chưa về. Đi làm ra, họ còn đi đón con, đi chợ, hay đi mua những thứ lặt vặt, hay đi chơi, bảy tám giờ tối mới về. Anh cứ ngồi soạn bài dạy cho hôm sau hay xem truyền hình. Những ngày đó sao anh thấy chán đời; ở cái tuổi 40, anh vẫn còn phải sống lang bang, vô gia cư, vô nghề nghiệp, tương lai vẫn còn mịt mờ.

Anh ở với gia đình Chung được tám ngày thì một buổi chiều thứ năm anh Sang ghé lại, đón anh đi. Lên xe rồi, Sang mới nói rằng anh đã tìm được một gia đình quen có thể nhường cho Hoàng một phòng. Anh sẽ dẫn Hoàng đến gặp nói chuyện và nếu mọi chuyện tốt đẹp đến thứ bẩy Hoàng có thể bắt đầu đến ở với họ:

- Gia đình ông bà Đoàn là chỗ tôi quen biết, do đại tá Vinh giới thiệu. Đại tá Vinh là bạn học cùng khoá Nam Định với tôi. Trước 75, ông ấy làm trong Phủ Tổng Thống. Bây giờ ông ta làm việc cho thành phố. Chị Vinh trước đây cũng làm trợ giáo trong học khu mình, do anh Trương đưa vào. Nghe đâu ông bà Đoàn có họ hàng gì với chị Vinh.
- Chắc anh đã nói chuyện với ông bà Đoàn rồi?
- Chưa, tôi chưa gặp họ bao giờ. Nhưng chị Vinh nghe tôi nói chuyện về anh, chị ấy thông cảm và muốn giúp anh. Anh ở đấy, tôi nghĩ, sẽ rất dễ chịu. Gia đình này chỉ có hai đứa con khoảng mươi mười lăm tuổi.

Họ ở một căn nhà rộng lớn, ngay gần trường đại học của thành phố. Nếu anh đi học, sẽ rất tiện. Anh chỉ cần đi bộ, khỏi kiếm chỗ đậu xe.

- Tôi làm gì có xe mà đậu hay khỏi…
- Rồi anh cũng phải mua xe. Ở đây không có xe cũng như què! Chờ xe buýt thì hết thời giờ!

Anh Sang năm ấy chắc cũng đã 50. Trông anh già dặn, rất nghiêm chỉnh. Trước kia, anh làm ở trường Sinh Ngữ Quân Đội và anh đã từng được gởi đi Mỹ tu nghiệp. Dù đã lớn tuổi nhưng anh vẫn chưa lập gia đình, anh sống hòa đồng với anh em và được mọi người kính nể, gọi anh là "người anh cả". Mặc dù anh là chú của Cương, người anh họ của Hoàng, nhưng Hoàng vẫn kêu anh bằng "anh" vì hai người là đồng nghiệp. Do sự móc nối của Nga, vợ anh, với chị Sơn vợ anh Cương mà anh Sang biết anh và giới thiệu anh với Trương. Tất cả mọi người đều biết chuyện Hoàng suýt chết bên Kămpuchia khi vượt biên đường bộ, ai nấy đều muốn gặp anh cho biết mặt.

Chẳng bao lâu sau hai người đến trước một căn nhà hai tầng trông đồ sộ, trong một vùng yên tĩnh dành cho giới trung lưu. Anh Sang nhấn chuông và một đứa con gái chừng 15 tuổi ra mở cửa mời anh vào. Bên trái hành lang là phòng khách lớn. Hoàng theo anh Sang vào ngồi nơi salon chờ đợi. Vài phút sau, chủ nhà, một người đàn ông tuổi chừng 50 ra tiếp khách. Anh Sang tự giới thiệu trước, sau đó giới thiệu Hoàng với người đàn ông chủ nhà. Ông Đoàn nói:

- Thưa anh, anh chị Vinh đã có nói chuyện về hai anh với chúng tôi. Mời hai anh ngồi chơi. Xin lỗi hai anh, nhà tôi còn bận tí chuyện, chút xíu nữa sẽ ra tiếp hai anh.

Vài phút sau, một người đàn bà tuổi chừng 40, vẻ mặt sáng sủa, đeo kính cận, ăn mặc lịch sự đi vào phòng khách. Anh Sang đứng dậy nói:

- Chào chị. Nghe chị Vinh nói chuyện về chị đôi ba lần, nay mới được gặp…
- Xin anh cứ ngồi. Bà cô tôi cũng thường nhắc đến các anh, nhất là anh và anh Trương, nhưng có khi nào được gặp các anh đâu. Thật hân hạnh cho chúng tôi hôm nay được tiếp chuyện anh…
- Thưa chị, chắc chị biết hôm nay chúng tôi đến gặp chị về vụ gì rồi chứ a?
- Thưa vâng. Chuyện ông thầy đây phải không, thưa anh?

Người đàn bà quay sang nhìn Hoàng, ánh mắt sáng, đôi môi chúm lại, như muốn tủm tỉm cười. Bấy giờ đứa bé gái đã bưng nước trà ra. Mẹ nó lấy những chén trà từ trên khay đặt xuống trước mặt khách.

- Mời anh Sang uống chút nước trà! Mời ông thầy!

Quay sang con gái, bà nói:

- Con chào hai ông thầy đi con!
- Chào hai thày! đứa bé gái nói.
- Chào con. Con học trường nào? Anh Sang hỏi.
- Dạ thưa Washington ạ.
- Ở trường con có thầy giáo Việt nào không?
- Dạ thưa có thầy Trần.

Quay sang Hoàng anh Sang nói:

- Anh Khánh, Trần Khánh. Trưa ngày mốt anh sẽ gặp Khánh tại nhà anh Trương.

Và anh nhìn về phiá hai vợ chồng ông Đoàn, anh giải thích:

- Thưa anh chị, trưa thứ bẩy anh em chúng tôi họp tại nhà anh Trương. Nêú anh chị rảnh, xin mời anh chị đến chơi.
- Dạ, thưa cám ơn anh.

Đứa con gái đã đi vào nhà trong. Ngặp ngừng một lúc, người đàn bà nói:

- Về chuyện ông Thầy đây, thưa dưới nhà có ba phòng, nhưng đã có mấy cậu sinh viên thuê. Bây giờ chỉ còn căn phòng bên kia, là phòng ăn, vẫn còn trống vì chúng tôi không dùng phòng ăn. Nếu ông thầy chịu…
- Nếu được xin chị cho tụi tôi qua coi…
- Thưa được, mời anh và ông thày…

Sang và Hoàng bước ra cửa theo bà chủ nhà để sang phiá bên kia hành lang. Bà mở chiếc cửa lớn có ô kính, phía sau có rèm nhung. Căn phòng, khá lớn nhưng trống trơn, nhìn xuống đường. Thật là lý tưởng, Hoàng nghĩ. Phòng gần cửa ra vào, rất tiện cho anh đi về, khỏi phiền đến ai. Lúc buồn, anh có thể ngồi nhìn ra đường mà mơ mộng. Anh Sang cũng gật gù ra vẻ hài lòng. Anh nói:

- Thưa chị, phòng tắm ở đâu?
- Ông thầy sẽ phải xài chung nhà tắm với tụi tôi. Nhà bếp ở ngay bên cạnh đây, có tủ lạnh, ông thầy cứ dùng.

Hoàng nói, giọng đượm vẻ lo lắng:

- Thưa chị, mỗi tháng tôi sẽ gởi anh chị bao nhiêu?

- Ông thầy đưa bao nhiêu cũng được mà. Trong nhà cả. Đâu có sao?
- Xin chị cứ cho biết cho dễ tính… Anh Sang nói.

Ngặp ngừng một chút, người đàn bà quay sang ông chồng:

- Một trăm chắc được há mình há?
- Em tính sao cũng được mà!
- Thôi, ông thày đưa trăm rưỡi một tháng, kể luôn tiền điện, nước, rác.

Hoàng như thở phào ra. Anh tưởng nhà sang như vậy anh sẽ phải trả ba bốn trăm thì tiền đâu mà có?

- Thưa chị tôi có thể dọn vào liền?
- Vâng, bất cứ lúc nào thuận tiện cho anh. Để tôi đưa anh chìa khoá cửa. Anh cứ mở cửa vào, khỏi gọi cửa.

Hoàng cầm chiếc chìa khóa, bỏ vào túi. Anh Sang xin kiếu và hai người ra về. Trên xe anh Sang nhắc Hoàng:

- Ở bên Mỹ ông phải trả tiền nhà vào đầu tháng, và ông phải đóng tiền thế chân thêm một tháng tiền nhà. Vậy thứ bảy, khi dọn tới ông nhớ hỏi bà Đoàn cho chắc ăn.

Nghĩ một lúc anh nói thêm:
- Để từ từ, tôi sẽ kiếm cho ông một cái bàn con và cái ghế. Ông phải lo mua giường mà nằm chứ năm đất coi khổ quá!
- Vâng được, anh khỏi lo. Cám ơn anh đã tìm cho em, chỗ này tốt hết sức!
- Mình may có chị Vinh giúp, nếu không thì mình cũng chưa tìm được nơi nào đâu. Nhà thì nhiều, nhưng biết ai mà hỏi?

Sáng thứ bẩy, Hoàng ăn sáng với gia đình Chung rồi anh cám ơn hai vợ chồng người bạn mới quen:

- Cám ơn anh chị đã có lòng tốt giúp đỡ tôi. Nay tôi đã kiếm được chỗ ở, xin phép anh chị, tôi đi. Tôi thật sung sướng được biết anh chị. Bọn mình sẽ là bạn mãi mãi.

Diễm, vợ Chung trả lời:

- Tụi em cũng rất mừng được gặp anh. Rất tiếc nhà nhỏ, tụi em không có phòng riêng cho anh nên không giữ anh lại lâu hơn. Michael và Judy bắt đầu mến anh rồi đó. Lâu lâu anh ghế lại chơi kẻo chúng nó nhớ.

Chung nói thêm:

- Tụi mình sẽ còn gặp nhau đều. Chúc anh nhiều may mắn và sớm ổn định cuộc sống. Bọn này cũng mong chị và các cháu sớm được qua đây với anh. Có chuyện gì bọn này giúp được anh, xin anh cứ cho bọn này biết.

Hoàng bắt tay Chung và sách chiếc va-li lớn ra đi. Anh lễ mễ leo lên xe buýt. Lát sau anh hì hoạch sách chiếc va-li xuống rồi đi bộ đến căn nhà trọ ở cách đó 500 thước. Đến nơi, anh đang dừng chân nơi thềm nhà để thở cho đỡ mệt thì cánh cửa bỗng mở và Đoàn hiện ra nơi khung cửa. Anh nói:

- Uả, anh đến hồi nào mà không vô nhà? Bộ anh lạc mất chìa khóa rồi hay sao?
- Đâu có, tôi vừa tới. Sách theo cái chiếc vali lớn này mệt quá, tôi đứng nghỉ một chút. Vừa tính vào nhà thì anh ra.

Có tiếng chị vợ ở trong nhà nói vọng ra:

- Mình nói chuyện với ai đó? Chờ em chút xíu em ra liền đây mà!
- Ông thày tới em à. Em có tính đi liền hay ở nhà tiếp chuyện ông thày một lúc đã?

Đoàn nói rồi quay sang Hoàng, anh ta nói thêm:

- Tôi tính đưa bà xã tôi đi chợ.

Hoàng nói:

- Anh chị cứ mặc tôi, ở nhà mà làm chi? Cứ đi chợ, chút xíu về tha hồ nói chuyện. Gấp gáp gì?

Người vợ ở trong nhà bước ra chào Hoàng:

- Chào anh! anh đã ăn sáng gì chưa? Để tôi mời anh ăn sáng nghe!
- Cám ơn chị. Tôi đã ăn sáng nhà người bạn. Anh chị cứ đi chợ đi cho được việc. Lát nữa mình gặp nhau.
- Vậy anh ở nhà nhé! À quên, luôn tiện anh có muốn mua gì hay không?
- Tôi chưa biết mua gì chị à. Thôi, anh chị cứ đi chợ đi!

Vợ chồng Đoàn ra đi, anh đóng của chui vào trong phòng dành cho mình ngồi nghỉ. Chủ nhà đã kê cho anh một cái bàn nhỏ và một cái ghế, biết rằng anh sẽ không có đồ đạc gì mang tới. Trên bàn có chai nước và một cái ly để

sẵn cho anh dùng. "Bà chủ nhà thật chu đáo! Lát nữa mình phải nhớ cám ơn." Hoàng nghĩ trong đầu.

Anh kéo ghế ra ngồi nơi cửa sổ nhìn ra ngoài. Con đường nhỏ vắng tanh, không thấy một bóng dáng người. Có lẽ giờ này ai nấy còn ngủ hay mới thức dậy. Bên Mỹ sau một tuần căng thẳng làm việc ai nấy đều cần nghỉ ngơi cho nên cứ đến cuối tuần là ai nấy ngủ như chết, có người ngủ tới trưa mới thức dậy. Đó là một thói quen bất thường đối với Hoàng vì ở bên nhà không ai biết đến thói đó. Riêng anh đã quen dạy sớm từ bốn năm giờ sáng để đi chạy xích lô, sau này rảnh rỗi, anh vẫn giữ thói quen đó, vẫn thức dậy sớm. Dăm ba tiếng sau khi tỉnh dạy rồi, anh lại ngủ lại được. Những ngày còn ở các trại tị nạn vì không có việc gì làm, lại thêm cái nóng khủng khiếp, anh có thể ngủ bất cứ giờ nào, sáng trưa chiều. Buồn buồn, không biết làm gì là anh lại nằm xuống phản đánh một giấc một hai tiếng đồng hồ, rồi tự dưng lại tỉnh dậy. Sang đến Mỹ, những tháng sau này ở Nữu Ước, anh lo đi kiếm tiền và phải làm hai ba việc, bẩy ngày một tuần, không biết ngày nghỉ là gì, ngày giờ nào anh cũng buồn ngủ. Nay anh làm thày giáo, anh có nhiều thì giờ rảnh rỗi hơn, anh không còn thiếu ngủ nữa.

Ngồi một lúc buồn, Hoàng quyết định đi bộ một vòng cho biết chỗ mình ở. Anh đi quanh khu nhà ở, đi băng qua hai con đường lớn thì thấy một khu thương xá to và đẹp. Khi đến gần anh nhìn thấy biển ghi tên khu này là Stonestown Galleria. Anh chỉ đi bên ngoài, anh thấy có cửa tiệm Merrill's giống như bên Nữu Ước. Anh nghĩ sao nước Mỹ lớn như thế mà có cùng một cửa tiệm khắp nơi. Đi băng qua một sân đậu xe mênh mông, anh đến một khu vực có những tòa nhà cao không có hàng rào. Anh đoán ngay đây là trường đại học thành phố mà anh Sang đã nói với anh hôm trước. Quả nhiên khi đi đến đầu đường anh thấy bảng tên trường: "San Francisco State University." Anh tính đi vào khu trường xem nhưng nghĩ mình đi cũng đã khá xa, phải quành về vì còn phải gặp chủ nhà nói chuyện tiền bạc cho xong. Khi anh về đến nhà thì anh chị Đoàn đi chợ vẫn chưa về.

Anh đi vào phòng khách tính mở truyền hình coi thì gặp bé Luân đang coi. Anh ngồi chơi, hỏi chuyện nó một lúc và khi anh đứng dậy tính trở về phòng mình thì hai vợ chồng Đoàn về. Thấy hai người ôm đồm nhiều túi đồ, anh sách giùm hai túi theo người vợ vào nhà bếp. Đoàn đã trở xuống xe lấy nốt đồ.

Anh nhìn chị Đoàn xếp đồ vào tủ trên tường và tủ lạnh. Khi mở tủ lạnh, chị chỉ vào một ngăn và nói:

- Chút nữã, tôi sẽ dọn sạch ngăn này và sẽ để dành ngăn đó cho ông thầy để đồ. Tôi sẽ dặn ông nhà tôi và các cháu để khỏi xài lầm đồ của ông thầy.

- Cám ơn chị, chị thật chu đáo. Nhưng tôi sẽ chẳng có gì nhiều, chị cứ dành cho tôi một chỗ nhỏ là đủ rồi.
- Không sao. Ông thày cứ giữ nguyên một ngăn cho dễ biết, kẻo lộn mất công lắm! Còn muốn nấu gì, nồi niêu soong chảo thầy cứ xài. Không sao, chúng tôi coi ông thày như người trong nhà.
- Cám ơn anh chị nhiều lắm! Được anh chị giúp đỡ, tôi thấy rất quí.

Anh Đoàn trở lên, đặt những túi đồ chợ trên bàn bếp rồi nói với Hoàng:

- Anh ra phòng ngoài này ngồi chơi. Tội gì mà ngồi trong nhà bếp.

Hoàng đứng dậy đi theo Đoàn ra phòng khách. Thằng Luân thấy bố mẹ về đã tắt truyền hình đi vào phòng nó.

Hai người nhắc lại những ngày còn ở bên nhà. Hoàng kể chuyện gia đình anh đi vượt biển không thoát, bị tù cả đám. Đoàn nói số anh rất may mắn. Sau ngày Việt Cộng tràn vào miền Nam anh vẫn đi buôn thuốc tây như trước, từ Saigon về Mỹ Tho, nơi gia đình anh sinh sống. Gia đình anh chỉ đi vượt biên có một lần là thoát. Anh đã mua ghe, đứng ra chạy bọn cán bộ địa phương nên đã đi được ngon lành. Anh chở theo cả gia đình hai người em vợ và các cháu con người anh ruột. Thêm vào đó là khoảng hai chục người ngoài góp tiền cho anh để được đi theo, toàn là những người anh đã quen biết ở Mỹ Tho. Ghe anh đi có ba ngày là đến Thái Lan, không bị cướp gì hết, thật suông sẻ. Đến Mỹ vào năm 1979, anh đã học nghề sửa xe hơi, vợ anh đã học kế toán. Anh không đi làm cho ga ra mà chỉ sửa xe ở nhà cho khách quen, vì anh đã lớn tuổi không muốn cực. Vợ anh đi làm cho một cửa hàng thương mại nơi trung tâm thành phố. Chị đi làm bằng xe buýt vì tiện đường xe, sáng sớm 7 giờ đã phải ra khỏi nhà, chiều 6 giờ mới về. Con gái anh cũng đi học bằng xe buýt vì trường học ở xa. Anh nói anh thuê căn nhà này của một người quen đã dọn đi miền nam Cali làm ăn. Vì nhà lớn và tiền thuê cao nên anh đã cho ba sinh viên và một đứa cháu trai ở dưới nhà. Họ sống biệt lập, vì dưới nhà có nhà tắm nhà bếp riêng biệt, có lối ra vào riêng ở bên hông nhà. Anh không tính cho ai ở chung trên nhà nhưng vì nể ông cậu vợ là đại tá Vinh, anh chịu để cho Hoàng ở chung. Hoàng nói anh cũng hiểu như vậy và anh hứa sẽ cố giữ gìn, không gây phiền phức cho ai. Khi anh ngỏ ý muốn gởi tiền nhà thì Đoàn nói đã gần đến cuối tháng nên sẽ tính tiền nhà từ đầu tháng tới thôi và bảo Hoàng đưa tiền cho tháng tới và một tháng đặt cọc.

Những ngày tháng đầu tiên tại San Francisco trôi qua khá nhanh chóng. Lần lần Hoàng đã quen với cuộc sống tại gia đình anh Đoàn. Anh đã làm quen với những thanh niên sống ở từng dưới nhà:

- Kiệt, một thanh niên 27 tuổi, là cháu của anh Đoàn, đã đi vượt biên cùng với gia đình anh Đoàn. Kiệt đi học tại City College ban ngày và buổi tối đi làm cho các nhà hàng để sống. Anh đã để dành tiền mua được một chiếc xe hơi cũ. Kiệt thường đưa các bạn trong nhóm đi ăn nhậu hay đi chơi. Cả bọn thường chui vào xe của Kiệt để đi Reno đánh bạc hay đi uống rượu vào tối thứ sáu.
- Loan, bạn của Kiệt tại City College, là một thanh niên 24 tuổi, đã vượt biên một mình, bố mẹ và các em còn ở Việt Nam. Loan cũng đi học ban ngày, ban đêm đi làm nhà hàng củng với Kiệt. Hai đứa thân nhau, làm cái gì cũng làm chung, đi đâu cũng đi với nhau. Kiệt và Loan ở chung một căn phòng rất lớn, nơi mà cả bọn thường tụ họp lại để ngồi chơi, đánh cờ tướng, hay nói chuyện với nhau.
- Xuân khoảng hơn ba mươi là một công tử Hà Nội được học bổng đi du học bên Nhật vào năm 80 và đã lợi dụng cơ hội đó bỏ trốn vào tòa Đại Sứ Mỹ. Anh đã được bốc đi Đức rồi đưa về Mỹ. Anh đã gặp Kiệt tại City College và đã được Kiệt kéo về ở chung nhà. Xuân ở trong một căn phòng riêng không lớn lắm bên cạnh phòng của Kiệt và Loan. Xuân học chương trình điện toán tại một trường tư và có triển vọng trở nên một tay viết chương trình giỏi.
- Và chót hết là Vinh, một sinh viên học tại City College. Anh tuổi chừng hai mươi tám, ba mươi đầu tóc bù xù, để râu, trông rất bí mật, ít nói năng, không thích giao du nhiều với bọn kia. Vinh sống riêng biệt trong một căn phòng nhỏ chỉ vừa để một cái giường và một bàn con. Anh sống biệt lập với bên ngoài, vì cửa vào buồng anh lúc nào cũng đóng kín, lúc anh đi vắng cũng như khi anh có mặt ở nhà. Nhìn ổ khóa móc ở cửa thì biết anh đi vắng. Thiếu cái khoá đó thì biết anh ở nhà. Chỉ họa hoằn mới thấy Vinh sang ngồi chơi với ba người bạn cùng ở từng dưới nhà.

Cứ chiều thứ sáu hay những ngày cuối tuần, Hoàng xuống nhà dưới ngồi chơi với các bạn. Anh thường chơi với Xuân nhiều hơn, vì Xuân tính nết già dặn và có học thức khá. Nghe nói khi Xuân còn ở Hànội, anh là chuyên viên phụ tá cho tên cục trưởng cục dầu hỏa. Xuân thích làm quen với mọi người, và anh đã mần mò làm quen với hầu hết những giáo sư trẻ người Việt trong học khu. Cứ thứ bẩy đến là Xuân đi chơi với họ, riết chuyện gì xẩy ra trong đám giáo sư Việt ở San Francisco, anh đều biết. Hoàng mới đến, không quen biết ai, anh chỉ nghe Xuân kể chuyện là biết về những đồng nghiệp của anh, từ tính nết đến sở thích, khả năng, hay đôi khi cả những chuyện bí mật vợ chồng của họ. Anh không hiểu làm sao mà Xuân lại biết nhiều chi tiết như thế. Có thể vì anh sống lâu dưới chế độ công an trị Hànội, anh có những phương pháp điều tra, tìm hiểu riêng của bọn Cộng Sản.

Hoàng ít khi nào đi ăn, đi chơi với những thanh niên sống ở từng dưới nhà. Bây giờ anh đã bắt đầu trở về với một cuộc sống nghiêm chỉnh, trở về với

con người thật của anh, anh phải nghĩ đến tương lai, không những tương lai của anh mà là cả tương lai của gia đình anh nữa. Anh có nhiệm vụ phải chuẩn bị cho cái ngày gia đình anh sang được đến Mỹ, vì anh đã ra đi chẳng vì vợ con hay sao? Những lúc rảnh rỗi, Hoàng nằm tính toán cho cuộc đời của mình. Anh thấy anh đã mất nửa cuộc đời anh cố gắng xây dựng ở Saigon nhưng anh còn nửa cuộc đời để sống trên đất Mỹ, nửa cuộc đời còn lại đề phấn đấu, để đi tìm những gì mà anh đã mong mỏi mà không có được. Thời thế đã không cho phép anh đi hết con đường mà anh đã tự vạch cho mình khi anh còn ở cái tuổi thanh niên. Con đường đó anh đã đổ mồ hôi nước mắt để cố theo, nhưng nó chẳng đưa anh đến đâu. Nay anh đang đứng ở một ngã ba của cuộc đời, anh lại phải chọn một con đường mà đi: con đường dễ dàng nhưng sẽ không đưa anh đi đến đâu hay con đường gai góc nó sẽ đưa anh đến tận cái đích mà anh muốn.

Anh nhớ ngày anh mới đến Mỹ, anh đã biên thơ cho họ hàng bạn bè hỏi ý kiến. Không ai khuyên anh đi con đường khó khăn và dài hết. Ai cũng nói rằng trên đất Mỹ chẳng cần phải lên cao mới đạt được hạnh phúc vật chất, làm nghề nào cũng kiếm được ra tiền để sống sung sướng, nhà cửa xe hơi đầy đủ. Nhưng anh đã nghĩ anh không chỉ sống cuộc sống vật chất. Anh có những nhu cầu tinh thần, những thôi thúc tiềm tàng bên trong muốn anh làm một cái gì để không xấu hổ với chính mình. Anh tự bảo ngày nào anh còn đủ sức để phấn đấu, đủ nghi lực để tìm con đường vươn lên, đủ ý chí để tiếp tục con đường anh đi dở, đủ can đảm để không đầu hàng, và đủ tự hào để còn muốn là chính anh, thì anh vẫn còn hướng được về tương lai sáng ngời. Bao đêm không ngủ, anh đã tự đo sức mình, tự hỏi xem mình còn ý chí và ước muốn hay không, còn muốn thử lửa nữa hay không. Và nghĩ đến thân phận anh, nghĩ đến thân phận các con anh sau nay, anh đã muốn vùng dậy, anh đã muốn là chính anh, con người đầy nhiệt khí, đủ sức lực để còn đấu tranh. Và sáng ra nhìn mình trong gương, anh tự cảm thấy hãnh diện là mình.

"Chú có thể về đây, kiếm cái job technician dễ dàng, lương cũng dư sống …", "Anh hãy về đây với tôi. Người ta đang cần phụ giáo, lương 10 đồng một giờ ngon lành…", "Nếu anh muốn làm social worker, tôi sẽ giới thiệu anh vào làm với tôi!...", " Cháu về đây với bác. Các anh chị sẽ tìm việc cho cháu làm trong city…" Những lời giúp đỡ, khuyên bảo đó văng vẳng trong tai anh vào những ngày anh thất nghiệp, những ngày khó khăn mở đầu cho một cuộc đời mới. Nhưng anh nghĩ anh còn hơn hai mươi năm nữa để sống, anh có phải đầu tư dăm năm để được cái gì anh đã ước mơ thì cũng đáng cho anh làm. Và như thế anh đã quyết định trở lại con đường anh đã đi dở. Anh quyết định ghi tên đi học lại, tối thiểu lấy cho được cái bằng cao học để dễ ăn dễ nói với bọn Mỹ, dễ kiếm được một công việc ít ra không đến nỗi làm cho anh phải buồn khi nghĩ đến thân phận mình.

Những ngày ở Nữu Ước, anh đã từ chối không xin xỏ bà con, không nhờ vả bạn bè. Anh đã tự kiêu, không muốn phải lệ thuộc vào ai. Anh đã muốn tự mình tranh đầu với cuộc sống mới, dùng bộ óc mình và sức mình để sinh tồn. Những lúc ngã, anh cũng nhiều khi muốn dang tay ra xin cầu cứu nhưng rồi lại rụt tay lại ngay để khỏi tự thấy xấu hổ. Những ngày anh còn nghèo khổ, anh không muốn đi gặp bà con họ hàng vì không anh muốn ai phải thương hại anh, phải nghĩ đến bổn phận giúp đỡ anh. Anh tự nghĩ "mình đã không chết bên Kămpuchia, sao mình có thể chết được nơi đây mà lo?" Và suy nghĩ đó cho anh thêm sức mạnh để tranh đấu chống lại số phận hẩm hiu của anh vào những ngày đó.

Anh đã tưởng đi San Francisco, cuộc đời anh sẽ khá hơn, sẽ gặp nhiều may mắn hơn. Nhưng không phải như thế! Cuộc đời anh vẫn còn khốn nạn, tiểu hạn xấu của anh chưa hết, anh còn phải chịu cực, còn phải đau buồn nhiều. Những tháng đầu, anh còn phải nằm đất, không có giường, không có nệm, không có gối. Một hôm đi đường anh thấy môt chiếc nệm vứt bỏ, anh về nhà nhờ Kiệt lái xe đi chở nó về. Mang về nhà anh mới thấy nó có những vết loang lổ, hôi hám, không lẽ lại đêm đi trả lại nơi cũ? Mà đem đi thì lại nằm đất hay sao? Anh bỗng nẩy ra ý kiến đi mua một bình Clorox về đổ vào chai có vòi xịt, xịt lên nệm rồi đem phơi nắng dăm ba ngày. Thế rồi anh nằm trên cái nệm đó mấy năm trời, cho đến khi anh mua được một cái giường cũ. Một hôm khác, anh đi chơi với Tâm, người học trò cũ, học anh những ngày anh dạy Pháp Văn tại Đại Học Y Dược Thành Phố Saigon khi đó đã đổi tên. Hai thầy trò đi xe buýt lên bến 39, mua cua luộc và mấy chai bia, tìm chỗ kín ngồi uống bia và ăn cua luộc. Những lúc khốn khổ đó, anh thấy sao cuộc đời dễ sướng đến như vậy? Người học trò của anh là bác sĩ tốt nghiệp Y Khoa Saigon, còn anh là giáo sư đại học. Thế mà hoàn cảnh đã đưa đẩy hai thầy trò đi tìm những thú vui quá tầm thường như thế. Lúc về, anh thấy một bọc nylon lớn quần áo vứt ở đầu đường. Hai thầy trò bèn bưng về nhà chị Sơn ở San Jose để dùng nhờ máy giặt máy xấy của chị. Những kinh nghiệm đau thương đó đã làm cho anh trưởng thành hơn, ý thức được hơn ý nghiã của cuộc đời. Trước kia, anh đã nghĩ cứ đi được đến Tây, đến Mỹ là sướng. Thực tế đã bao lần quất vào mặt anh, nay nó lại quất thêm một roi nữa cho anh bật tỉnh dạy.

Những năm tháng đầu tại nhà ông bà Đoàn, anh sống thật giản dị. Những bữa cơm của anh là những gói mì gói hay những khúc bánh mì phết bơ. Họa hoằn lắm mới có bữa cơm thịt kho hay rau sào, vì anh không muốn rắc rối cuộc đời. Trong ngăn tủ lạnh mà bà chủ nhà dành cho anh, chỉ nằm chổng trơ có gói bánh mì sandwich, vài quả trứng, cục bơ, và thỉnh thoảng, thêm cây salami. Sữa tươi thì anh không uống, nước cam tươi thì quá đắt đối với anh, anh không dám mua. Vì thế mà có khi nào trên cái ngăn tủ lạnh đó anh dùng hết chỗ để đâu? Năm này sang năm kia, anh sống cuộc đời tị nạn như

thế, sống cho qua ngày, qua tháng, chẳng có gì là vui sướng. Cuộc sống độc thân là thế đó, là vô nghĩa vô vị.

Những tháng hè năm 1982, anh lê gót đi tìm việc làm vì trường học đóng cửa, anh là nhân viên ngoại ngạch, không những không được ăn lương hè mà không đương nhiên được thâu nhận lại vào tháng 9 khi tựu trường trở lại. Trương biết tình trạng đó vì năm ấy kinh tế suy thoái, nhiều giáo sư chính ngạch còn bị xa thải. Hoàng thấy cuộc đời anh đi vào chỗ bi đát. Anh đọc báo tìm chỗ làm nhưng đâu có nhiều việc khi mà bao nhiêu người, nhất là trong khu vực tư, bị mất việc. Những công việc tay chân tầm thường như bồi bàn, phụ bếp, lao công, cũng tranh giành nhau chứ đừng nói gì đến những việc tốt hơn như bán hàng hay thư ký văn phòng.

Nhưng ông trời vẫn còn thương anh, một hôm anh đi qua một tiệm ăn Pháp sắp khai trương trên đường Sutter, anh thấy bảng ghi tuyển dụng người. Anh vào hỏi thì thấy nhiều loại việc từ hầu bàn, dọn bàn, nấu bếp, phụ bếp cho đến rửa chén. Anh biết hầu bàn phải có kinh nghiệm, phải biết ăn nói bặt thiệp, và phải là Mỹ trắng hay Mỹ đen. Anh là Mít, ai mượn anh làm hầu bàn cho những khách hàng phần lớn là Mỹ da trắng? Vả lại anh đâu có kinh nghiệm, đâu có giấy chứng nhận của chủ cũ? Nhìn hàng dài người chờ tới phiên mình để được phỏng vấn, anh đã thấy nản. Nhưng anh cố nán lại, vì anh hy vọng anh sẽ được chút ưu tiên nhờ ở sự thể anh nói được tiếng Pháp. Quả nhiên khi người chủ nhân Pháp hỏi anh bằng tiếng Anh ba rọi, anh liền nói:

- Tôi nói được tiếng Pháp. Ông không cần dùng tiếng Anh với tôi.

Người chủ nhân, một tay đầu bếp nổi tiếng bên Pháp nhờ cách nấu nướng mới của y tên là Nouvelle Cuisine Française, trố mắt nhìn anh vì không những anh nói được tiếng Pháp mà anh lại còn nói giọng Paris. Y hỏi anh:

- Anh làm sao mà nói được tiếng Pháp?
- Tôi là người Việt tị nạn. Việt Nam trước kia là phần đất của Pháp ở Đông Dương, chắc hẳn ông biết điều đó?

Tay đầu bếp chính (chef) Hubert Keller, một thằng Tây chỉ rành nấu bếp, nghe anh nói Indochine (Đông Dương) hỏi anh:

- Thuộc địa bên Tầu ấy à?

Anh thấy thằng Tây này ngu quá, anh bèn nói:

- Làm gì có thuộc địa Tây bên Tầu? Tao muốn nói "Indochine", không phải "Chine".

- Indochine ở đâu?
- Mày hãy mướn tao đi rồi tao sẽ kể cho mày nghe.
- Mày làm được việc gì?
- Tao có thể nấu bếp.
- Mày đã nấu bếp trong nhà hàng Pháp bao giờ chưa?
- Tao là đầu bếp trong nhà hàng Pháp ở Saigon.

Anh nói dối nhưng có cách. Anh muốn hù nó để có được việc làm. Nó hỏi anh:

- Mày thuộc école (trường phái) nào?

Anh nghĩ "Mẹ kiếp! nấu bếp chứ có phải làm văn nghệ, văn chương đâu mà trường phái?" Anh nói đại:

- Cuisine Coloniale Française (trường phái cơm Pháp thuộc địa)

Nó trố mắt nhìn anh ngạc nhiên. Chắc cả đời, nó chưa nghe đến trường phái đó.

- Mày làm tại tiệm ăn tên gì, ở đâu?

Anh chẳng nhớ tiệm ăn pháp nào nổi tiếng ở Saigon. Những ngày ở quê nhà trước khi Cộng Sản tràn vào, anh thường ngồi ở Brodard hay Givral uống cà phê ăn sáng. Nhưng những nơi đó đâu phải là tiệm ăn Pháp nổi danh? Anh lại nhớ ngày xưa bố anh thường dẫn cả nhà đi ăn ở tiệm Chez Albert trên đường Đinh Tiên Hoàng, tiệm này có một đầu bếp người Việt đứng nấu, anh nói đại:

- Tiệm Chez Albert ở Saigon, trên đường Albert Premier.

Thằng tây Hubert có biết gì về Saigon đâu. Nó nghe anh nói hơi bùi tai, hỏi thêm:

- Món ăn đặc biệt của mày là món gì?
- Poulet au Marengo, Crabe Farci, Boeuf Fondu, Civet de Lapin, Langoustine à la Saigonnaise… và nhiều món exotique khác nữa.
- Như món gì chẳng hạn?
- Jambe de Grenouille beurrées, Andouille grillée, Escargots au Gingembre.

Anh bịa ra những món đó vì anh thường nhậu đùi ếch chiên bơ, dồi nướng, và ốc luộc lá gừng. Anh biết Hubert chẳng có thể kiểm chứng được nên anh cứ phịa ra như thế. Nghe đến đấy, hắn nói:

- Tao cho mày chân phụ bếp vì tiệm ăn này không nấu những món ăn exotique đó. Tiệm này nấu theo Cuisine Moderne. Nếu một thời gian sau mày học được một hai món, tao sẽ cho mày đứng nấu. D'accord?

Thế là anh làm phụ bếp cho nó, suốt ngày chỉ băm tỏi, nấu nước xúp gà, luộc ức gà, gọt artichaux, gọt khoai tây hay cà rốt. Có ngày anh phải gọt hai ba thùng artichaux, bóc rồi băm hàng mấy ký tỏi, chặt bẩy tám chục con gà, bỏ vào cái nồi áp xuất đường kính cả thước để nấu lấy nước xúp.

Một hôm, anh phải khiêng những thùng rau, thùng thịt gà đông lạnh nặng ba bốn chục ki lô từ nhà kho trên lầu xuống nhà bếp. Khi đi xuống cầu thang, anh trượt chân bị trẹo lưng phải nghỉ cả tuần mà không được ăn lương. Hồi đó anh còn ngu ngơ không biết luật lao động Mỹ chứ theo đúng nguyên tắc ra, không những anh phải được trả lương, mà còn phải được chữa trị miễn phí. Cả tuần đó anh đau quá không đứng dạy được, suốt ngày nằm một chỗ trên tấm đệm nhặt được về từ ngoài phố. Anh nghĩ may mà có tấm nệm ăn mày đó chứ nếu phải nằm trên sàn gỗ thì có mà chết cha. Ngày nào Xuân, cũng lên thăm anh, nấu cho anh bát cháo sườn, và bôi dầu cù là vào lưng cho anh. Anh thương Xuân ở chỗ nó tận tình với anh. Trong sự cùng khổ, dễ có sự cảm thông và nhân ái là thế!

Trong khi làm việc, anh hay nói chuyên với Hubert, tên đầu bếp chính. Y hỏi anh trước kia anh học đến đâu, anh nói anh học được tới Brevet Elémentaire là cái bằng Trung Học Phổ Thông Tây. Nhưng vì anh nói đủ thứ chuyện từ lịch sử, địa dư cho đến triết lý, văn chương, chính trị, luật học, y hỏi anh tại sao anh biết nhiều thế, anh trả lời trời cho anh bộ óc thông minh, anh đọc sách, đọc đâu hiểu đó, có thế thôi. Từ đó trở đi nó nể anh hơn. Có một lần Hubert chửi mấy người phụ bếp Tầu; "Sao bọn Tầu nó ngu thế!", anh động lòng nói "Hubert, mày biết không, dân tộc nào cũng có thằng ngu thằng khôn, kể cả dân tộc Pháp. Mày không thể nói vì chúng nó là Tầu chúng nó ngu!" Hubert nhìn anh trợn tròn đôi mắt, nhưng vì anh nói đúng, y cũng chẳng làm gì được anh.

Sáu tháng sau đó, Trương đến tiệm ăn tìm anh kêu anh trở về đi dạy vì học khu cần, anh chào từ biệt Hubert. Y hỏi anh:

- Mày kiếm được việc gì tốt hơn mà mày bỏ tao vậy?
- Có người mời tao đi dạy học ở Trung học.
- Tao đã biết trước là mày đã nói dối tao. Mày không chỉ có bằng Brevet.
- Tao phải nói thế thì mày mới mướn tao chứ. Nói thật thì tao sẽ vẫn còn thất nghiệp. Nhưng dù sao tao cũng cám ơn mày. Không có mày thì tao chết đói sáu tháng trời.

Thế là anh lại phải trở về với cái nghề gõ đầu trẻ mà anh ghét cay ghét đắng. Làm phụ bếp có 8 đồng một giờ mà phải lao động cực khổ, ít ra đi làm thầy giáo cũng bớt lao động tay chân và lương gấp đôi gấp ba. Mà anh lại đang cần tiền để đi học. Anh mới đến ở Cali nên vẫn chưa được coi là California resident. Do đó, đi học, anh sẽ phải trả học phí như là sinh viên từ tiểu bang khác đến. Mà tiền học đâu phải là rẻ, bẩy tám ngàn một năm cộng với tiền sách vở này kia cũng đến mười ngàn. Anh đã chuẩn bị thi GMAT để có thể xin vào học Graduate school of Business. Anh đã đến gặp người dean trường đó và được hướng dẫn làm thủ tục ghi danh học. Tất cả tùy thuộc vào điểm GMAT vì nếu điểm không cao anh sẽ không có cơ may được nhận.

Nhiều bà con bạn bè nghe tin anh xin đi học mà lại chịu bỏ mười ngàn đồng ra một năm, nói rằng anh điên khùng, học làm gì cho phí tiền. Nhưng mặc cho ai nói, anh vẫn quyết tâm theo đuổi con đường anh tính đi. Anh có khả năng trí tuệ, học hành đối với anh không có gì là khó, học tiến sĩ còn được huống hồ cao học. Anh nghĩ sau khi tốt nghiệp, anh sẽ có cơ hội đổi nghề, giã từ cái nghề mà vì hoàn cảnh anh phải tạm làm. Lại có người hỏi anh sao không đi học Luật Mỹ hay thi bar exam để trở thành luật sư. Từ ngày anh rời Nữu Ước, anh đã suy nghĩ nhiều về chuyện hành nghề luật sư tại Cali. Anh nghe nói thi gia nhập luật sư đoàn tại Cali khó, không đi học đàng hoàng ở trường khó mà đậu nổi. Nhiều lần anh đã đến Luật sư đoàn Cali (California Bar Association) hỏi thăm và lấy tài liệu về xem. Anh cũng đã nghĩ đến chuyện thi LSAT để xin vào học tại Hastings School of Law ở ngay tại thành phố này. Anh đã đến đó lấy hồ sơ xin nhập học về. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, anh thấy đâu có thể bỏ ra bốn năm không đi làm mà đi học? Lấy tiền đâu mà sống, chứ đừng nói là đóng tiền học, mua sách vở. Sau cùng anh đành đi học Business cho chắc ăn và nhất là vì anh có thể đến trường vào những buổi chiều tối, ngày anh vẫn có thể đi làm, tối đi học được.

Anh làm phụ bếp như thế cũng gần sáu tháng trời. Cứ bốn giờ rưỡi chiều, anh lấy chuyến xe M đi đến Powell station thì xuống đi bộ chừng chục blocks đến Sutter. Anh làm từ 5 giờ chiều đến 12 giờ đêm. Sau khi tất cả những tên đầu bếp đã đi về, anh vẫn còn phải ở lại don dẹp lau chùi. Khi anh và một số lao công đẩy cửa nhà hàng ra về thì chẳng còn ai khác trong nhà hàng nữa. Ngoài đường cũng vắng tanh chẳng còn mấy người đi bộ trên vỉa hè, xe hơi qua lại cũng ít. Trời thì lạnh mặc dù đang mùa hè hay đầu thu. Anh lủi thủi bước trên con đường Powell, nay đã quá quen thuộc, dọc theo những cửa hàng giờ đó đã đóng cửa từ lâu. Chỉ còn hai ba quán rượu còn mở và trong đó những nàng vũ nữ khoả thân vẫn còn nhẩy múa theo tiếng nhạc xập xình. Lắm khi anh muốn ghé vào uống ly rượu ngắm những bộ ngực bộ mông căng đầy cho bớt thèm thuồng nhưng lại thôi. Vài cô gái mãi dâm già xấu xí đứng trước những quán rượu sán gần lại anh khi anh đi qua mời mọc, anh lắc đầu, cắm cổ đi, anh nghe phiá sau lưng họ nói như muốn trêu chọc "You don't like girls?", anh im lặng chẳng nói gì. Khi leo lên chiếc xe buýt

vắng tanh, chỉ đôi khi có một người hành khách, anh thở phào nhẹ nhõm. Thế là một ngày lại đã trôi qua! Lúc mở cửa vào nhà, thì đã hơn 1 giờ sáng. Anh cởi quần áo nằm xuống cái nệm nay có mùi nước hoa rẻ tiền mà anh mua ở Walgreens về phun lên cho đỡ hôi hám, anh cảm thấy chân tay rã rời. Anh nằm như thế thao thức hàng giờ trước khi chợp được mắt. Sáng ra, khi anh tỉnh dậy thì cả nhà đã đi làm đi học, chẳng còn ai ngoại trừ Đoàn đang lui hui sửa xe trong gara, anh nhìn đồng hồ thì đã chín mười giờ sáng.

……..

Một năm sau khi anh đến San Francisco, anh thấy rằng việc di chuyển bằng xe buýt quá mất thời giờ. Mà thời giờ đối với anh rất quí vì anh vừa phải đi làm vừa phải đi học, làm gì có để nghỉ chứ không nói để mất đi phí phạm. Nếu đi xe chuyên chở công cộng tất nhiên phải đi đến bến, phải chờ nơi đó và phải đi lòng vòng, sang xe có khi đôi ba lần mới đến được nơi mình muốn đến. Vì vậy khi anh nghe một người bạn của Thiết có chiếc xe cũ muốn bán lại hai trăm, anh đã quyết định mua. Mua xe xong anh không có tiền để đóng bảo hiểm xe và như thế một tai họa đã xẩy đến bất ngờ. Một hôm từ chỗ đậu tại Stonestown anh lui xe ra thì vì vô ý không nhìn đằng sau nên anh đụng nhẹ phải một xe khác đi ngang qua. Do xe không có bảo hiểm nên anh bị thưa ra toà xử những vụ kiện nhỏ (small claims court) và tòa bắt anh phải bồi thường 1000 đô la cho chủ xe. Vì anh đang đi làm phụ bếp, tiền lương không bao nhiêu, nên quan tòa cho phép anh trả góp mỗi tháng một trăm. Kinh nghiệm đau thương ấy anh nhớ mãi.

……..

Mùa hè đã trôi qua, mùa thu đã đến, San Francisco không có lá đỏ rợp nền trời, không có lá khô rụng đầy đường, nhưng trời ngày càng xám xịt, và đã trở lạnh. Kể từ ngày Trương đưa anh về dạy tại trường Trung học Mission cuộc đời anh đã êm đềm, bớt sóng gió hơn. Những buổi chiều tối, anh vùi đầu vào những cuốn sách luyện thi GRE và GMAT. Tháng 10 anh sẽ thi và hy vọng điểm anh sẽ đủ cao để được nhận vào San Francisco State University. Anh sẽ là người Việt Nam thứ hai đi học tại Graduate School of Business vì trước anh đã có một thanh niên vào học nơi đây.

Kể từ vài tháng nay, cứ đến cuối tuần là anh lại đến thăm trường, anh vào trong thư viện ngồi đọc những cuốn sách dày cộm, đọc cho quen, cho óc anh tập làm việc trở lại. Bởi vì bao nhiêu năm rồi óc anh đâu có làm việc, anh đâu có cơ hội nào vận dụng tâm trí của anh đâu. Anh không biết trí tuệ anh có cùn nhiều đi hay không nhưng có điều anh biết chắc là lòng tin ở chính anh vẫn còn như xưa, nó sẽ giúp anh vượt qua được bất cứ trở ngại nào. Anh sẽ thành công. Điểm thi của anh sẽ đủ cao để cho anh được nhận vào học,

anh sẽ từ từ đáp ứng lại những đòi hỏi của việc học hành, anh sẽ vươn lên cao và sẽ đứng hàng đầu trong khoá học.

Nhớ lại những ngày đi học Sư Phạm, bố anh đã buộc anh đi theo ngành đó chỉ vì khi đi học được lãnh lương, anh đã đậu vào với hạng 34 trên 35; nhưng với quyết tâm vươn lên, anh đã ra trường hạng 6 hay 7 gì đó anh không còn nhớ rõ. Không phải vì anh thích học văn chương. Chẳng qua đó là cá tính của anh, làm gì thì làm cũng phải thành công, không thể chịu thua kém, không thể để cho thiên hạ chê cười. Chẳng thế mà vị giáo sư thạc sĩ Pháp Pierre Catala khi sang Việt nam thuyết giảng cho lớp Cao Học Tư Pháp đã để ý đến anh, và khen anh là người có quyết tâm và khả năng trí tuệ cao. Chính ông đã giới thiệu anh với Giáo Sư khoa trưởng trường Luật và đề nghị cho anh làm phụ khảo để anh có thể viết luận án tiến sĩ về Dân Luật.

Trời ban cho Hoàng một bộ mã tốt. Trông tướng anh phương phi đạo mạo, người ngoài tiếp xúc với anh kính trọng anh ngay từ phút đầu, thêm vào đó anh cởi mở vui tính, nên dễ gây cảm tình của mọi người. Hoàng là một con người có nhiều tính tốt. Anh rộng lượng bao dung, che chở đàn em, cử xử đàng hoàng đứng đắn, theo đúng nguyên tắc với đàn anh. Anh rất tình cảm, dễ xúc động và thường hay để con tim lấn áp lý trí. Nói chung anh được nhiều người thương mến vì anh là một con người lương thiện, cương trực, nhưng có nhiều nhân tính. Nhưng trời cũng sinh anh ra với đôi tính xấu: anh rất nóng tính, dễ cau có, anh đòi hỏi (exigeant), anh luôn muốn cái tuyệt mỹ nên đối với người thân, như trong gia đình, anh bị coi như là người khó hòa thuận, đối với bạn bè thì khó giao thiệp. Tuy nhiên đối với đồng nghiệp nhờ có khả năng và có tinh thần nhân ái và sẵn sàng giúp đỡ nên tuy anh khó tính nhưng vẫn được mọi người kính trọng và quí mến. Nhưng anh là người vừa năng động vừa sống về nội tâm nên ít sống nhờ vào người khác; anh rất ít ngoại giao, chỉ liên lạc vì công việc, không liên lạc để vui chơi, hoan lạc. Bạn bè anh không nhiều nhưng họ là những người chí thân, anh có thể nhờ vả vào họ khi cần để sống còn. Ngoài ra, anh sống cô độc… Anh vẫn luôn tự coi mình như là một con sói lang thang một mình trên một bãi sa mac mênh mông… Anh vẫn luôn thấy cô đơn trên cõi đời.

Chương Năm

Sống Lại Đời Sinh Viên

Quả nhiên đúng như anh tính toán, điểm GMAT của anh cao, anh được thâu nhận vào chương trình MBA đầu năm 1983 và tháng giêng năm đó anh bắt đầu cuộc đời sinh viên trở lại, ngày đi dạy, chiều tối cắp sách đến trường theo các buổi thuyết giảng.

Ngày ngày anh lấy xe buýt đi làm. Anh thường hay đến trường sớm để dạy kèm một số học sinh không theo kịp các bạn trong lớp. Năm đó, trường có khoảng sáu chục hoc sinh Việt tị nạn, phân nửa là những em không có gia đình, những em này đã vượt biển một mình đến đất Mỹ với tư cách "vị thành niên không có thân nhân đi theo" (unaccompanied minor). Các em này sống với bà con xa hay đôi khi với những người cùng xóm cùng làng, như làng đánh cá ở đảo Phú Quí, miền Trung nước ta. Khi còn ở trại tị nạn, nhiều em đã khai nhỏ tuổi hơn tuổi thật năm ba tuổi để dễ được bốc đi, cho nên khi sang đến Mỹ các em tuy lớn tuổi nhưng vẫn còn đi học trung học. Anh rất thương những học sinh của anh và thường tổ chức đi chơi, đi picnic với các em. Anh đứng ra bảo trợ hội học sinh Việt Nam trong trường và thường họp các em lại để sinh hoạt chung. Tết đến, học sinh Việt tổ chức liên hoan tất niên trong lớp học. dành riêng cho Học Sinh Việt Nam, có ca hát múa và ăn tiệc linh đình, cũng đủ thức ăn Tết như kẹo, bánh, mứt, xôi, bánh chưng, giò chả do cha mẹ các em làm ở nhà và cung cấp. Các em mời từ hiệu trưởng, hiệu phó đến các chủ nhiệm và các giáo sư của các em đến tham dự. Đại diện hội học sinh Việt nam lên chúc các thầy cô theo đúng phong tục của người Việt mình làm cho các thầy cô Mỹ cảm động và mến thương các em hơn. Đến tết Trung Thu, thầy trò đi mua bánh về mừng ngày lễ của dân tộc, giờ cơm ngồi ăn với nhau. Mỗi lần như thế, đều có chụp hình kỷ niệm.

Năm đó còn có thêm thầy Tuấn, là một bác sĩ tốt nghiệp ở Saigon mới qua tị nạn, làm phụ giáo cho anh và giúp các em vừa cố gắng học hành vừa gắn bó với nhau để nương tựa giúp đỡ nhau. Tuấn còn trẻ nên rất hăng hái. Anh xung phong hướng dẫn các em sinh hoạt tập thể và chỉ bảo các em trong việc học hành, không cho các em lơ đãng, và nhất là luôn luôn kiểm soát không để các em sa ngã. Cả Hoàng lẫn Tuấn đều thường xuyên khuyên bảo

các đàn em phải cố gắng học để tốt nghiệp trung học đúng thời hạn và để được nhận vào đại học.

Nhưng chỉ ba năm sau thì số học sinh đó đã lần lượt ra trường, hoặc lên đại học hoặc đi học nghề chuyên môn. Từ những năm 84 trở đi số tị nạn người Việt được tới Mỹ từ các trạm tị nạn không còn đông nữa. Đến năm 1985, chỉ còn một số ít học sinh Việt mà phần lớn chúng đã rành tiếng Anh nên không cần sự chỉ dẫn của giáo sư người Việt nữa. Do đó Hoàng chuyển sang dạy Pháp Văn rồi sau đó, với sự phát triển của bộ môn điện toán tại các trường trung học, anh đã bắt đầu chuyên dạy môn học mới mẻ này. Bao nhiêu vui buồn gắn bó anh với ngôi trường đó. Những ngày anh dạy tại Trường Trung Học Mission, anh sống độc thân vì gia đình anh còn ở lại Saigon, anh sống trong cô đơn, không có một niềm an ủi nào ngoại trừ những em học sinh mà nay anh coi đã thuộc đại gia đình của anh, anh vui buồn với chúng, nhớ chúng khi xa, thương chúng khi gần.

Những ngày cuối tuần anh vùi đầu vào viêc học nên quên bớt nỗi sầu. Sáng thứ bẩy, sáng chủ nhật, anh thường đến ngồi suốt ngày trong thư viện của trường State (tiếng tắt của San Francisco State University), anh phải đi sớm để dành được một trong hàng trăm cái bàn nhỏ sát tường, nơi đó anh có thể ngồi một mình. Những dãy bàn đó có những miếng ván cao đến đỉnh đầu ngăn chia ra thành từng ô nhỏ biệt lập, tuy không có cửa vào vì phiá đối diện với tường để hở, nhưng ngồi đấy vẫn dễ tập trung tư tưởng hơn vì không có ai ở bên cạnh mình. Anh chúa ghét những bàn lớn đặt giữa phòng vì ngồi đó anh sẽ phải chung đụng với năm bẩy sinh viên khác. Nhiều hôm anh phải leo hết lầu này đến lầu kia cứ chui ra chui vào thang máy mới tìm được một chiếc bàn loại biệt lập còn trống để mà ngồi. Như thế anh sẽ ở đó học cho đến khi thư viện đóng cửa vào lúc 10 giờ tối. Đôi khi, anh theo những sinh viên khác lên tuốt trên từng chót của Student Union học tiếp rồi ngủ đêm ngay tại đó. Tối đêm trời lạnh lẽo, anh cùng những đứa bạn leo hàng trăm bực thang lộ thiên để lên đến đỉnh toà nhà, chui cửa sổ vào đó học nữa cho đến một hai giờ sáng để rồi ngủ thiếp đi cho đến ngày hôm sau.

Sau này anh khám phá ra một chỗ ngồi học yên bình hơn nữa: đó là những phòng học trống, không có lớp học vào cuối tuần. Anh cứ đi từng phòng xoay quả đấm mở thử cánh cửa. Nhiều khi cửa khóa, anh đành sang phòng bên, đôi ba khi cửa không khóa, anh mở khẽ cánh cửa, thò đầu vào. Có thể anh sẽ thấy một sinh viên khác đã chiếm nơi đó rồi, anh vội vàng mỉm cười và thốt lên, "Oh Oh! I'm sorry!" để rồi rút lui có trật tự và đi tìm phòng khác, nếu may mắn anh có được căn phòng để làm nơi học cho riêng mình suốt ngày.

Anh đã dồn tất cả tâm trí vào việc học để quên đi nỗi nhớ nhà, nhớ vợ con, quên đi những thôi thúc trong lòng, những thèm muốn mà anh không thể có

được. Vào cái tuổi 40, anh vẩn còn thấy sung sức, vẫn còn có thể tranh đua với những thanh niên tuổi kém anh mươi, mười lăm tuổi. Vả lại những khi quên mình, anh đâu nghĩ anh đã bốn mươi? Anh sống bên cạnh học sinh trung học và giới thanh niên, hòa đồng với họ, làm bạn với họ, làm sao anh chẳng thấy mình còn trẻ? Chỉ những khi nằm chơi vơi trong nỗi buồn, khi anh nghĩ lại đến thân phận anh, anh mới ý thức lại con người thật của mình. Thực tế phũ phàng lúc ấy đưa anh trở về với những cái day dứt của tâm tư, cái đau sót của tâm hồn. Những khi đó, anh đi tìm quên lãng trong ly rượu, bao thuốc, tiếng nhạc, lời ca. Anh đã xuống downtown kiếm mua chục băng cassette của Lệ Thu, Khánh Ly để những khi buồn anh mở khẽ chiếc máy cassette rồi áp tai vào chỗ có ống loa, rồi để tâm hồn trôi đi theo những giòng tư tưởng quay cuồng như điên dại. Khi men rượu khói thuốc đã đưa anh đến một thế giới không tưởng rồi thì tiếng hát Lệ Thu hay Khánh Ly anh vẫn nghe nhưng đâu còn hiểu gì nữa? Anh chỉ cần âm thanh giọng nói quen thuộc dìu anh đi xâu hơn vào cái thế giới của anh, cái thế giới mà anh mong muốn cả đời mà không tìm được. Những giờ phút đau đớn đó rồi cũng trôi đi, anh cuối cùng đầu hàng tình thế, anh gục xuống thiếp đi để khi tỉnh dạy mới thấy mình đã lại vừa sống qua một cơn ác mộng. Bao nhiêu ác mộng anh đã trải qua, anh không đếm, nhưng chắc hẳn nhiều lắm. Những cơn đó đôi khi xẩy đến thường xuyên hơn; đôi khi khác anh sống được yên lành vài ba tháng trời không sao, không bệnh hoạn, không ám ảnh. Con người anh lúc mạnh lúc yếu, tâm hồn anh lúc xa cơ, lúc chiến thắng, anh không kiểm soát được. Anh cứ để cho tim anh đập, hồn anh trôi theo những cảm xúc khi có khi không, khi nhiều khi ít, bỏ mặc chính anh cho hoàn cảnh, cho những chi phối của bên ngoài.

Anh thường đi nghe thuyết giảng vào buổi chiều tối, hôm thì từ 6 giờ đến 9 giờ, hôm thì từ 7 giờ đến 10 giờ. Anh tham lam lấy 9 units và đôi khi 12 units, để rồi phải mệt nhoài, tưởng không kham nổi phải bỏ bớt. Nhưng rồi anh vẫn khư khư giữ, coi đó là một thử thách với chính anh, thử thách với cái ý chí mà xưa kia anh từng tự hào. Anh vui xướng khi nghe các giáo sư khen những lời phát biểu của anh trước lớp. Anh hãnh diện lúc, trước khi trả lại bài viết của anh, vị giáo sư đọc một đoạn văn trong đó và tấm tắc: "Very powerful introduction! Incredible ideas!" Anh tự hào khi bao nhiêu con mắt đổ về phiá anh, vài đôi môi xì xào, "May I have a look at your paper?" Anh biết đôi khi chúng đã ghen tức với anh, bởi vì anh chỉ là một tên Mít tị nạn, nói tiếng Anh khó hiểu, ăn mặc không giống ai. Nhưng anh đã luôn luôn tỏ ra khiêm tốn, thân thiện, ân cần với các bạn và vì thế chẳng bao lâu anh đã kết thân được với nhiều đứa, kể cả Mỹ trắng lẫn Mỹ da vàng.

Trong những lúc học chung nhóm, các bạn thường thúc anh cho ý kiến vì anh ít nói. Anh trả lời, "Ý kiến của tôi các anh chị đã nói ra hết rồi, tôi đâu còn gì để nói?" và anh xin đóng cái vai trò đúc kết, anh có bổn phận thuật lại buổi họp, liệt kê những ý kiến đã được phát biểu. Sau này khi phải làm

chung projects, bạn bè biết tính anh, thường đi tìm kiếm, gom góp tài liệu đưa cho anh để anh nghiên cứu, phân tích hay tổng hợp lại thành bài viết của cả nhóm. Anh nhớ những ngày ở trường Luật Saigon, anh thường đọc những bài phân tích án lệ do những giáo sư thạc sĩ Pháp nổi tiếng đăng trong Journaux Juridiques, rồi anh tóm lược và cho ý kiến. Công việc đó anh đã từng làm quen, nên sang Mỹ anh không thấy khó khăn gì khi phải viết những bài nghiên cứu, phân tích. Các bạn anh thích để cho anh làm cái công việc mà đối với một số, họ thấy khó và không muốn làm. Những năm sau khả năng của anh đã được biết đến, các nhóm học thường muốn mời anh vào nhóm họ, đôi khi anh thấy khó lòng vì đi với nhóm này thì phải bỏ nhóm kia.

Ngoài cuộc sống sinh viên vùi đầu vào sách vở, nay anh đã một phần nào quen với cuộc sống bên Mỹ, anh thấy anh có nhu cầu sống bình thường như trăm ngàn người tị nạn khác. Anh bắt đầu thấy cần gia nhập vào cộng đồng người Việt Nam ở hải ngoại, tìm hiểu và tham gia vào những sinh hoạt chung. Đôi khi đến cuối tuần, anh lấy xe bus Greyhound đi San Jose thăm anh Cương và chị Sơn, hai anh chị họ của anh, và ở lại chơi, ăn uống với gia đình, ngày hôm sau mới lại lấy xe bus trở về. Anh Cương trước kia là sĩ quan hải quân nên anh tham gia đóng góp công lao vào viêc điều hành Gia Đình Hải quân, một tổ chức từ thiện tụ họp những sĩ quan hải quân ly hương. Tổ chức này đã từng bảo trợ cho hàng trăm gia đình hải quân tị nạn mới đến Mỹ và gởi quà về Việt nam giúp đỡ những gia đình hải quân còn kẹt lại. Hội cũng ra báo hàng tháng tên Lướt Sóng để kể lại những chiến công oanh liệt của hải quân Việt nam Cộng Hoà, thông báo những tin tức và ghi lại những sinh hoạt của gia đình hải quân. Vì anh Cương là một trong những tay cột trụ của tổ chức đó tại San Jose, anh thường tổ chức những buổi sinh hoạt cho anh em hội viên tại địa phương. Hoàng chân ướt chân ráo mới đến Cali đôi khi cũng được anh Cương dẫn đi theo tham dự những buổi sinh hoạt đó.

Ngày đó đang có phong trào chống cộng mạnh và nhiều mặt trận quốc gia, và nhiều liên minh mặt trận ra đời. Trong số đó, có Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia của tướng Hoàng Cơ Minh đang được nói đến nhiều nhất. Mặt trận này có những buổi họp hàng tháng để các thành viên sinh hoạt chung và để kết nạp thêm thành viên mới. Những ngày anh còn ở bên nhà, anh đã mơ tưởng đến một ngày các chiến sĩ anh hùng Việt Nam Cộng Hòa vinh quang trở về trong tiếng nhạc chiến thắng, trong bóng cờ vàng phất phới tung bay trở lại trên bầu trời quê mẹ. Anh đã mơ tưởng như thế vì anh đang sống trong một thế giới đen tối, anh đang đau đớn tuyệt vọng. Trong sự tuyệt vọng cùng cực con người, đâu còn lý trí để mà suy luận, để mà phân biệt cái nào phải, cái nào trái? Những năm đó anh cũng như hàng triệu người Việt khác đang sống ở miền Nam đâu còn biết đâu là thực tế, đâu là ảo vọng? Do đó mà họ đã mơ tưởng đến một ngày giải phóng, đến một ngày mà "quân ta

trở về đánh tan giặc thù.” Thậm chí họ còn phù phiếm mơ ước quân Mỹ trở lại, máy bay Mỹ lại oanh tạc ném bom các căn cứ Cộng quân, và hạm đội thứ bẩy lại kiểm soát vùng biển của ta.

Nhưng anh đã sáng mắt ra ngay từ những ngày anh đến được các trại tị nạn. Anh sáng mắt ra vì anh đã thấy ánh sáng của sự thật, bọn cộng sản không còn đó để bịt mắt anh, đe dọa anh, ngăn cản bộ óc của anh làm việc. Anh đã sáng mắt ra khi nhận thức rằng chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt từ lâu, thế giới đã quên cuộc chiến đó rồi, và Mỹ đã oán hận cuộc chiến đó nên không còn muốn nhắc nhở đến nó nữa. Còn những người Việt quốc gia ở hại ngoại, tuy vẫn giầu lòng yêu nước, còn đang phải tranh đấu với cuộc sống, họ đang lo xây dựng lại một cuộc đời mới xa quê hương. Họ có thể buồn vì nhớ nhà, họ có thể hận vì cuộc chiến tranh đã chấm dứt ngoài ý muốn của họ, họ có thể đau đớn vì người bạn Mỹ đồng minh cũ đã bỏ rơi họ, nhưng họ không còn tâm trí đâu để mà nghĩ đến ngày trở về vinh quang.

Mà nói cho cùng làm sao mà có cho được cái ngày trở về vinh quang? Làm sao có lại được chế độ Saigon khi mà mình đã bỏ chạy? Những vị tướng lãnh oai nghiêm ăn to nói lớn đã bỏ trốn từ ngày đầu thì làm sao nghĩ đến một cuộc giải phóng quân sự. “Lịch sử đã xoay vần, quá khứ đã trôi qua, hãy để dĩ vãng nằm yên ổn như là dĩ vãng”, Hoàng tự nghĩ. Nói như thế không phải không có ngày Cộng Sản sẽ tàn, vì lịch sử có kể đâu là tàn bạo hay nhân đạo, là gian hay tà, là đúng hay sai? Lịch sử tàn nhẫn xoay vần và như thế chẳng có cái gì có thể tồn tại mãi. Xấu hay đẹp thì rồi cũng tàn, chế độ chính trị hay hay dở thì rồi cũng biến. Có khác chăng là biến mất hay biến đổi.

Như thế Hoàng cũng đã tò mò đi đến dự một buổi sinh hoạt của mặt trận của tướng Hoàng Cơ Minh. Từ trong đáy lòng anh thấy kính trọng những người có lòng tha thiết với quê hương, những kẻ còn tâm huyết, muốn làm một cái gì đẹp cho tổ quốc, muốn mang hạnh phúc về cho dân tộc. Anh thấy lòng tin của những con người đó còn mạnh, niềm hy vọng còn lớn và anh ước gì anh cũng còn được như họ. Tuy nhiên, mỗi người có một cách suy nghĩ, mỗi người đặt lòng tin vào một hướng, không bó buộc phải là giống nhau. Chế độ tự do là thế. Những ngày sống dưới chế độ độc tài Cộng Sản, nhân dân không có quyền chọn lựa lối suy nghĩ, vì chỉ có thể suy nghĩ một chiều theo bác và đảng, ngoài bác và đảng không còn gì khác để mà tin vào. Vì thế mà không còn niềm tin nữa. Trốn được ra khỏi cái thế giới kìm kẹp đó, cái hạnh phúc lớn nhất của anh là được tự do suy tư. Vì thế mà anh nghĩ rằng đi ngược lại tự do suy tư đó là không được.

Anh đã có một kinh nghiệm không hay liên quan đến lối sinh hoạt chính trị của mặt trận Hoàng Cơ Minh. Sự thể như thế này. Một hôm Trương mời một số thành viên trong mặt trận đến nói chuyện với anh em giáo chức tại ngay nhà anh. Trương tha thiết với việc làm của tướng Minh nên anh muốn tỏ lòng

với Mặt Trận bằng cách kêu anh em đến chơi và ủng hộ tài chính cho mặt trận. Hôm đó, nể Trương nên Hoàng đến. Việc ủng hộ tiền đối với anh không là vấn đề, anh sẵn sàng đóng góp. Nhưng khi các thành viên trình bầy mục đích và phương hướng hoạt dộng của mặt trận và kêu anh em đóng góp ý kiến xây dựng, thì Hoàng đã thành thật nói lên ý nghĩ của anh. Anh nói hai điều: thứ nhất việc làm của Mặt Trận không thể đưa được đến cái mục đích của nó là giải phóng quê hương. Anh đã sống bẩy năm với Cộng Sản, anh hiểu rằng chúng sẽ không bao giờ để mất miếng bip tếch ngon của chúng. Thứ hai, anh nói rằng chẳng phải làm gì thì rồi Cộng Sản cũng tự tiêu. Lý do là vì chẳng có gì tồn tại được mãi mãi. Anh nói theo kinh nghiệm lịch sử, thì các chủ thuyết không tồn tại lâu dài hơn một trăm năm và như vậy thì chỉ chừng năm, mười năm nữa thì Cộng Sản trên thế giới sẽ bắt đầu băng hoại. Anh nói thế làm cho những thanh viên của mặt trận tức giận và bảo anh là Cộng Sản, thế mới thật là buồn cười. Anh, một người căm thù Cộng Sản, chống đối với cả lý thuyết lẫn thực hành của Cộng Sản mà lại bị vu cáo là Cộng Sản. Nhưng cũng chẳng sao, anh tự nói. Chỉ mình mới biết mình là ai.

Hôm đi San Jose tham gia cuộc họp mặt của những người ủng hộ mặt trận của tướng Hoàng Cơ Minh, tình cờ anh gặp lại Khanh, một người bạn xưa. Khanh là em của Khiêm, Giám học trường Trung Học Sadec, nơi anh dạy khi mới vào nghề làm thầy giáo. Hồi đó anh ở chung nhà với Khiêm, Khanh và một số giáo sư khác. Do đó anh và Khiêm rất thân với nhau. Trước khi bị gọi động viên, Khanh đã tốt nghiệp Kỹ sư Nông Lâm Súc, và đã đi dạy một thời gian cùng trường với Khiêm và Hoàng. Do đó mà hai người quen biết nhau. Gặp được lại Khanh, Hoàng rất mừng vì anh đã có dịp nào gặp lại được những bạn cũ từ quê nhà đâu. Khanh cũng rất mừng khi biết anh mới trốn được ra khỏi Việt Nam, vợ con vẫn còn kẹt lại. Hai người rủ nhau về nhà Khanh chơi, tâm sự. Khanh vẫn còn độc thân chưa vợ chưa con. Anh kể lại rằng anh đã đi hồi 75, sang đây ở Colorado, đã đi học lại, lấy được bằng Master về Forestry Engineering và đã đi làm một thời gian cho Parks and Recreation Agency, một tổ chức của chính phủ Liên Bang. Làm công việc nhọc nhằn đó, anh phải nay đây mai đó, sống nơi thiên nhiên, nơi rừng rú, nơi có cây cỏ. Là một người hiền lành, muốn có một cuộc sống bình an, anh thấy công việc làm đó không phù hợp với tính tình mình nên anh di chuyển về San Jose và làm social worker cho Santa Clara County.

Gặp được Khanh anh mới biết tin Khiêm đang ở New Orleans, Louisiana và hai vợ chồng có một đứa con trai nhỏ. Vợ Khiêm, Ánh, cũng là một giáo sư, trước dạy tại Trung Học Sadec. Sau này anh Khiêm về làm chuyên viên cho Hội Đồng Giáo Dục và chị Ánh về làm chánh sự vụ tại Trung Tâm Học Liệu ở Saigon. Khanh biết rằng Hoàng thân với Khiêm, anh mình, nên anh hứa sẽ đưa Hoàng đi thăm hai vợ chồng Khiêm và luôn thể thăm New Orleans, một

thành phố nổi tiếng của Mỹ vì có những ban nhạc Jazz thượng thặng và có ngày hội hóa trang Carnival.

Tháng bẩy năm đó, Hoàng đã cùng với Khanh đi Louisiana thăm hai vợ chồng Khiêm. Thấy gia đình bạn mình đã an cư lạc nghiệp, anh thấy lòng hân hoan. Anh cũng mong mỏi một ngày nào, gia đình anh sang được Mỹ, anh cũng sẽ có được một căn nhà nhỏ, một chiếc xe hơi, như gia đình Khiêm, anh sẽ thấy được đầy đủ hạnh phúc. Tuy nhiên có một điều làm cho lòng anh vương vấn, đó là vì anh được biết sau nhiều năm đã ở Mỹ, Khiêm vẫn không thấy yên tâm, vẫn còn khắc khoải, vẫn không thể hoà đồng vào xã hội mới. Khiêm hay lo lắng vu vơ, không tin tưởng vào chính mình, anh cứ sợ lỡ chuyện này xẩy ra, lỡ chuyện kia xẩy ra. Nhưng mà làm có chuyện gì xẩy ra nữa khi mà anh đã sống tai một nơi luôn luôn có an ninh, không còn gì có thể đe dọa được anh nữa? Hoàng thấy Khiêm không kiểm soát được cảm xúc của mình. Anh đã không còn sống được một cách bình thường nữa. Có thể một cái gì đó đã xẩy ra trong quá khứ vẫn còn đe dọa anh, có thể cái hiện tại đầy khó khăn đã làm cho anh lo lắng.

Khiêm là một người giỏi, làm việc luôn đạt được kết quả, luôn luôn đi đến thành công. Anh mê đọc sách nên kiến thức anh sâu rộng. Anh đã là người đã dùng suy tư nhiều. Ngày Khiêm làm giám học tại Sadec, anh và Hoàng cùng ghi danh học thêm ở trường Luật Saigon và những tuần anh không về Saigon để đến trường Luật thì Hoàng đã thường hay lấy tài liệu ronéo mang về Sadec cho anh. Hai người đều có ý chí lớn, đều muốn mở rộng kiến thức, học hỏi thêm. Là một giáo sư Sử Địa, anh đã viết nhiều sách cho học sinh. Anh đã nói hai câu mà Hoàng cứ nhớ mãi. Câu thứ nhất, khi nói về dân tộc Việt nam qua các diễn biến lịch sử, anh đã hay nhắc lại một câu mà nhà báo kiêm sử gia người Pháp Jean Lacouture viết về con người Việt, "Un peuple de lions conduit par des ânes" (một dân tộc sư tử bị lãnh đạo bởi những con lừa). Trong cái hoàn cảnh nhiễu nhương của thời gian lịch sử đó, những người như anh bị lãnh đạo bởi những kẻ ngu xi dốt nát trong chính phủ Saigon, quả câu nói đó có ý nghĩa. Câu thứ hai, khi Hoàng được thuyên chuyển về Saigon, anh đã mừng cho bạn mình, anh nói "ông sẽ là the right man, at the right place, in the right time." Anh đã khuyên Hoàng về Saigon hãy cố gắng học xong cái cử nhân Luật rồi lấy tiến sĩ. Hoàng đã cố gắng làm như thế nhưng, khốn nạn thay, biến cố năm 75 đã ngăn cản anh đi tới cái đích anh đã định trước đó.

Như thế Hoàng đã ở chơi với hai vợ chồng Khiêm nhiều ngày. Ánh, vợ Khiêm, đã đưa anh đi thăm thành phố New Orleans và anh cứ nhớ mãi hôm anh ngồi bên giòng sông mênh mông Mississipi nhìn những con tàu sặc sỡ chở du khách chạy theo giòng nước. Hôm ấy trời nóng gay gắt, cả trăm độ, anh đã ở trần ngồi hưởng cơn gió mát nhìn cảnh vật và thấy sung sướng làm sao. Từ ngày sang Mỹ, Ánh đã tranh đấu quyết liệt và đã vươn lên nhanh

chóng. Chị là một người đàn bà giỏi, hòa hợp được nhanh chóng vào cái xã hội mới, biết xử dụng tài năng của mình để đi đến thành công. Năm đó, chị đã là một chuyên viên kỹ nghệ họa làm việc cho bộ công chánh của tiểu bang.

.....

Không biết có phải do ngẫu nhiên hay do trời xui khiến, hay vì quả đất tròn những người xa cách nhau hàng bao nhiêu năm rồi cũng có lại cơ hội được gặp lại nhau. Sau khi anh đến ở nhà anh chị Đoàn được vài tuần, anh gặp lại được Chánh, một giáo sư anh đã quen biết tại Trung Học Cao Thắng Saigon. Chánh là cậu của chị Đoàn và ở ngay tại dãy Merced appartments trước trường State, chỉ cách nhà Đoàn có chừng mươi blocks. Khi nghe đến tên anh mà lại là giáo sư trung học, Chánh nhận ra anh liền. Ngày xưa khi còn ở Cao Thắng, anh dạy Pháp Văn và Chánh dạy Động Cơ Nổ dưới xưởng, nhưng vì anh là một tay khoái uống rượu nên anh thường xuống ăn nhậu với những giáo sư thực hành dưới đó, vì vậy mà biết Chánh. Sau này anh mới khám phá ra rằng Nghiệp, em trai của Chánh là một học trò của anh khi anh dạy luyện thi Brevet Élémentaire tại một trường tư thục Pháp ở Saigon. Lạ lùng hơn nữa là Minh Nguyệt, một cựu học sinh ở Sadec của anh từ mười lăm năm trước, cũng nhớ ra anh và đến thăm anh khi nghe Chánh kể lại tin anh đã vượt biên đến Mỹ và hiện đang ở San Francisco.

Vào một buổi chiều thứ bẩy, Chánh đến thăm Hoàng cùng đi với một người con gái mà anh trông rất quen, nhưng không nhận ra được là ai. Anh đang moi óc, cố nhớ xem mình đã gặp em ở đâu thì Chánh nói:

- Anh Hoàng, chắc anh nhớ đây là ai chứ? Làm sao anh quên cho được?

"Mình nghĩ không ra mà hắn lại còn hỏi đểu!" anh tự nhủ.

- Cô này tôi trông quen lắm, xem nào tôi đã gặp ở đâu đây... Để yên cho tôi nhớ lại...

Người con gái cười mỉm. Từ nãy giờ em chỉ chăm chú nhìn anh mà không nói câu nào. Em mặc một chiếc váy rộng, vải mầu xanh da trời có những hoa nhỏ xíu màu tím màu vàng, trông em thật tươi, rất hợp với mùa hè nơi đây.

- Không phải ở Saigon đâu đấy nhé!

"Không ở Saigon thì ở đâu được nhỉ? Tức thật, mình mới bốn mươi, đâu đã già gì mà trí nhớ mình kém thế này?"

- Không thể ở Long Island, không ở Saigon thì ở đâu nhỉ?
- Sadec chứ đâu!
- Sadec... Sadec...tôi nhớ ra rồi! Nguyệt, Minh Nguyệt! Trời ơi! Quả đất tròn! Sao tôi lại có duyên thế này?
- Ô! Thầy nhớ ra em! Tưởng thầy quên em luôn rồi chứ!

Hoàng nhìn Minh Nguyệt, trông em thật duyên dáng, tuy không đẹp nhưng cũng xinh xinh. Em cũng đã trên ba mươi rồi, nhưng trông em còn trẻ lắm,

trẻ hơn là người ở vào cái tuổi đó. Anh nhớ anh đi dạy ở Sadec vào những năm sáu lăm, sáu sáu, sáu bẩy, em là học trò trong lớp Pháp Văn của anh. Em là một trong những học sinh ưu tú. Và em lại dễ thương, luôn luôn quấn qúit bên thầy. Những chủ nhật, anh ở Saigon trở xuống, em thường mang quà đến nhà cho anh. Cam, quít, soài, ổi, và sau này em còn kho thịt, kho cá, nấu canh chua đem đến cho anh ăn. Em nói mẹ em bảo đem biếu thầy.

- Làm sao quên em được? học trò cưng của thầy mà!
- Cưng mà anh suýt quên đấy nhé! Tôi nói chuyện có anh bạn là thầy giáo Pháp Văn ngày xưa, vừa sang đây, Nguyệt hỏi tôi "Có phải thầy Hoàng không?", anh có tưởng tượng được không? Nguyệt nhớ thầy ghê lắm đấy!
- Tôi cũng nhớ em chứ bộ!
- Thôi đi Thầy! Thầy mà nhớ em! Thầy nhớ em sao thầy không nhận ra em liền?
- Tại em thay đổi, em đẹp như vầy làm sao thầy dám nhận?

Em được tôi nịnh, em cười duyên. Tôi biết em sướng lắm, làm đàn bà ai chẳng muốn được nịnh, được khen đẹp?

- Ôi cha! Thầy Hoàng chịu chơi ta!

"Cái Thằng Chánh này! Lúc nào nó cũng phải phá mình!"

- Nguyệt đẹp hơn xưa, tôi phải nói thế chứ nói làm sao bậy giờ?
- Phải rồi! Chứ không phải bây giờ không còn thầy trò nữa, thầy Hoàng tán tỉnh cô em hay sao?
- Anh Chánh, sao anh nói vậy? Kỳ quá à! Em không chịu đâu!

Hoàng thấy em đỏ mặt, nhưng nhìn đôi mắt, anh biết em thích được anh tán tỉnh em. Em có cảm tình với anh từ khi còn ngồi trong lớp học của anh, làm sao anh không biết? Ngày ấy em mới mười sáu mười bẩy, em còn nhỏ, anh đâu dám làm gì? Bây giờ khác. Hoàn cảnh đã khác, em đã khác, em nay là một người đàn bà trưởng thành, em làm chủ thân phận mình, ai ngăn cấm anh yêu em, nếuanh muốn?

- Thôi anh đi thay đồ đi, mình đi ra ngoài ăn cơm. Chúng mình ăn mừng cuộc gặp gỡ này!
- Vậy anh và Nguyệt cho tôi năm phút!

Hoàng lấy chiếc quần tây và chiếc áo sơ mi ngắn tay đi vào buồng tắm. Anh thấy Minh Nguyệt đi một vòng thăm căn phòng của tôi. Hiện giờ tôi chỉ có một cái giường và một cái bàn ọp ẹp do chủ nhà cho mượn. Ngoài ra là cái valise quần áo mà tôi mang từ Merrick sang. Một năm đi làm công việc vặt ở bên ấy, gia phả anh chỉ có thế, một chiếc valise quần áo và một đống sách báo. Trên tường anh đã treo dăm ba posters con gái Mỹ ăn mặc hở hang phơi bầy xác thịt. Gần hai năm anh không có bạn gái, anh chỉ làm bạn với những bức hình xé được trên những tờ Playboy. Cuộc đời anh đã trở thành

đơn giản như thế. Mai mốt, anh cần phải đi mua một cái ti vi cũ, không thể thiếu thứ đó được.

- Nước đá ở trong bình thủy, coca và bia ở dưới gầm giường, ly ở trên bàn, Anh Chánh, anh làm ơn lấy nước cho Nguyệt giùm tôi!
- Được rồi mà thầy! em không khát nước.
- Anh cứ đi thay đồ đi! Mình đi ra ngoài uống! Chánh nói

Hoàng khép cửa buồng tắm và cởi chiếc quần mặc nhà. Trời đã về chiều mà vẫn còn nóng. Đã bao nhiêu tháng anh ở San Francisco, anh chưa từng thấy nóng như vầy. Anh nghe nói ở đây quanh năm mát, không có mấy ngày nóng đến hơn 90 độ. Anh đã quên cái nóng của Saigon, không biết ở đây có nóng hơn không? Giá mà có cái quạt máy lơn lớn! Cái quạt nhỏ xíu anh mua tại Walgreens gần nhà chẳng thấm thía vào đâu! Ban nãy, ở nhà anh đang cởi trần thì nghe tiếng gọi cửa. May mà anh mặc ngay cái áo maillot vào chứ nếu không ở trần mà tiếp đón cô học trò cũ thì không tiện. Anh vừa trở về phòng thì Nguyệt tiến về phiá anh hỏi:

- Thầy ở đây như vầy, bếp núc làm sao?
- Tôi nấu nhờ bếp chủ nhà.
- Như vậy đâu có tiện Thầy?
- Làm sao được Nguyệt? Tiền nhà có trăm bạc, đòi gì nữa em? May mà một anh bạn tìm cho chỗ này chứ nếu không, biết ở đâu? ở khách sạn, rẽ nhất cũng mười lăm đồng một ngày!
- Cứ để từ từ rồi tính! Khi thầy Hoàng có việc tốt thì đi tìm chỗ khác! Thôi mình đi!
- Rất tiếc em không còn ở đây lâu nữa, chứ nếu không em có thể giúp thầy được!
- Uả! em tính đi nơi khác sao?
- Nguyệt sửa soạn move đi L.A. đấy! Lý do Nguyệt sẽ lập gia đình!

Hoàng không biết Chánh và Nguyệt như thế nào với nhau, nhưng dường như hai người thân nhau lắm! Anh thấy Nguyệt coi Chánh như một ông anh trong nhà. Tò mò anh hỏi Chánh:

- Làm sao anh biết Minh Nguyệt vậy anh Chánh?
- Tỉnh này nhỏ, dễ biết nhau lắm! Đâu có bao nhiêu người Việt đâu?
- Em gặp anh ấy trong một buổi sinh hoạt cộng đồng ấy mà!
- Thế à? Như thế không có anh tôi không làm sao gặp được Minh Nguyệt. Tôi không bao giờ đến "sinh hoạt cộng đồng"!
- Không sao! Anh đã gặp Nguyệt rồi. Những người khác, anh không cần gặp!
- Sao anh lại nói vậy anh Chánh? Người ta nghe được người ta buồn anh đó!

Anh thích Chánh ở cái tính nói thẳng, nghĩ sao nói vậy. Anh không ưa những ai hay lắt léo! Tình bạn lâu bền dựa trên tính cương trực. Cần nhất là phải có

sự tin tưởng ở nhau.

Ba người vào ăn một tiệm ăn Việt Nam nhỏ. Ở thành phố này chỉ có thế! Vào những năm đầu thập niên tám mươi, nơi nào có được tiệm ăn Việt và tiệm bán thực phẩm Á châu là quí lắm rồi. Cả bọn ngồi vào một bàn nhỏ. Nhìn quanh, tiệm ăn này trông không hơn gì mấy các tiệm ăn ở Saigon. Cũng sập sệ như vậy. Nhưng có còn hơn không! Chủ nhân, một người đàn bà còn trẻ đang đi vòng quanh lo tiếp khách. Hầu hết hơn chục cái bàn đã có người ngồi. Đông khách như thế này thì phát triển mấy hồi? Một hai năm nữa, tiệm này sẽ khác hẳn, không còn sập sệ như thế này.

- Anh chị uống gì em lấy!
- Em uống gì Nguyệt? Cam tươi vắt soda nghe? Còn anh Hoàng?

Chắc Chánh và Nguyệt thân nhau lắm, Anh biết cả tính em thích uống gì!

- Cho tôi chai Heineken và nước đá! Nóng quá chịu không nổi làm mình khát nước!
- Hai chai Heineken và một ly nước cam tươi soda.

Người bán quán đi rồi, Chánh nhờ Nguyệt chọn món ăn. Anh nói:

- Mình cứ để Nguyệt chọn món ăn cho chắc. Em nấu ăn một cây đấy!
- Tôi biết.

Nguyệt nhìn Hoàng với đôi mắt mơ mộng. Em mỉm cười. Anh thương cái nụ cười ấy ơi là thương! Trông em ngây thơ lạ!

- Làm sao anh biết? Nguyệt đã cho anh ăn bao giờ đâu?
- Thế mà tôi biết mới hay chứ!

Chánh nhìn em với đôi mắt dọ hỏi. Nhưng em không nói gì. Đó là bí mật giữa em và Hoàng! Chuyện ấy từ xưa, lâu lắm rồi, nói ra làm gì? Người đàn bà ra lấy những món gọi ăn. Nguyệt kêu cánh gà chiên bơ, bông cải sào thịt bò, canh chua tôm, và cá kho tộ. Nghe em nói những tên món ăn mà tôi chảy nước miếng. Đã bao lâu rồi anh không được ăn những thứ đó? Chắc ít ra cũng phải là sáu tháng!

Anh ngồi đối diện với Nguyệt nên tha hồ nhìn em. Trông em những nét chính vẫn thế, chỉ có vẻ già dặn hơn. Người vẫn thon thon, nhưng nẩy nở hơn, tất nhiên, vì hồi đó em mới mười sáu, mười bẩy.

- Em trông Thầy vẫn vậy. Chẳng thay đổi gì hết trơn à!
- Em nói vậy chứ, bây giờ thầy đâu được như xưa?
- Thiệt đó mà thầy.

Em nhìn anh, anh nhìn em, bốn con mắt gặp nhau. Em thấy thế, hơi bối rối nhìn đi chỗ khác nhưng em biết anh vẫn chăm chú nhìn em.

- Thầy Hoàng vẫn đẹp trai như xưa, phải không Nguyệt?
- Dạ, trông thầy ốm đi nhưng còn trẻ lắm!
- Không như anh phải không em?
- Anh Chánh cũng ngon lành lắm chứ thua gì ai, đúng không Nguyệt?

Tự nhiên em bị kéo vào cái câu chuyện tế nhị này. Em chẳng biết nói sao, chỉ "dạ". Cơm đã đưa ra, em nói:

- Em order cánh gà cho anh Chánh. Anh ấy thích nhậu món này. Em mong thầy Hoàng cũng ăn được.

Nguyệt nhìn anh xem anh phản ứng thế nào. Em thật khôn ngoan. Em muốn biết xem ý anh ra sao, thích những thứ gì?

- Cánh gà chiên bơ là nhất rồi! Thầy cũng thích món này lắm!
- Vậy mời anh Chánh và thầy ăn cơm!

Hoàng hôm đó được ăn một bữa cơm ngon. Nguyệt nói đủ thứ chuyện từ Sadec đến Saigon đến những gì xẩy ra năm bẩy mươi lăm, đến những cuộc ra đi, đến những khó khăn ngày đầu ở Mỹ. Em sang đây năm bẫy mươi lăm với người mẹ, mẹ em đi làm cho city và đã lập lại gia đình với một người đàn ông Mỹ. Trước khi ra về, Chánh tính trả tiền nhưng Nguyệt dành trả vì em muốn mừng ngày được gặp lại anh. Ra khỏi tiệm, Hoàng nắm tay em cám ơn, em có vẻ xúc động. Chánh đưa anh về nhà.

Một hôm chủ nhật, Nguyệt điện thoại cho anh nói đến đón anh đi chơi. Anh hỏi Chánh có đi không, em hỏi lại "Thầy muốn anh Chánh đi cùng hả?" anh vội nói không. Khi em đến đón anh em mang cho anh một ti vi nhỏ và một máy cassette để nghe nhạc. Em cũng cho anh một ít đồ dùng lặt vặt như bát, đĩa, dao, niã, muỗng, đũa, nồi cơm điện và cả gạo nữa. Anh cám ơn em, em nói bổn phận của trò là phải lo cho thầy chứ và em cười. Em đưa anh đi Sausalito, qua cái cầu Golden Gate dài ơi là dài, chúng tôi đi chơi tại một cái mall có nhiều tượng rất đẹp. Khi ăn cơm trưa tại một nhà hàng bên bờ biển, em kể lại những chuyện xưa. Em nhớ lại thời gian em học anh, em yêu anh thầm lén và khổ sở vì mối tình một chiều. Anh nói anh là thầy giáo dạy em, đâu được phép yêu học trò, em nói em hiểu như thế nên không trách gì anh cả. Em cứ yêu và cứ khổ, trời bắt em thế, em phải chịu. Nghe em kể như vậy thấy mà thương em. Khi sang Mỹ em lấy một người chồng mà em gặp tại trại Pendleton, những sau khi vừa lấy nhau là hai người đã chia tay. Em không cho anh biết tại sao và anh cũng không hỏi.

- Thầy nghe em kể chuyện buồn, thầy có thương em không?
- Nếu Thầy làm được bất cứ gì cho em bớt buồn thì thầy sẽ làm còn chuyện em vừa kể thì thôi đó là quá khứ, thầy chỉ biết khuyên em hãy quên nó đi.

Chiều hôm đó, hai người đi ăn cơm tối ở một nhà hàng Nhật rồi em lái đến một tiệm rượu mua tặng anh một chai rượu trước khi đưa anh về nhà. Sau này Nguyệt còn đến chơi thăm anh một vài lần nữa. Em thường mang thức ăn đến cho anh ăn và ngồi nói chuyện với anh. Sau khi em đi lấy chồng nơi xa, anh không còn bao giờ gặp lại Nguyệt, em đã biến mất khỏi cuộc đời anh, em đã mãi mãi đi vào dĩ vãng. Cho đến giờ này anh cũng không biết em đang ở đâu, có hạnh phúc bên chồng hay không. Tất nhiên lòng anh vẫn

hướng về người học trò ngoan, hiền năm nào và anh cầu mong những gì tốt đẹp nhất đã đến với em và vẫn còn bên em cho tới bây giờ.

……

Thời gian trôi đi anh rồi cũng quên câu chuyện đó, anh lấy việc học làm thú vui, việc chăm sóc cho các em học sinh Việt làm phương cách quên lãng. Vả lại, anh có bao nhiêu học sinh ngoan, chúng thương mến anh, bao quanh anh, tạo cho anh những cảm giác của một mái ấm gia đình. Anh chỉ tiếc anh quá bận việc học nên không dành nhiều thời giờ hơn cho những đàn em, nhưng những ngày lễ anh cũng cố đi chơi với chúng, cuối tuần anh cũng gọi điện thoại hỏi thăm, đôi ba khi anh cũng cố đến dự lễ sinh nhật hay đến thăm cha mẹ các em.

Những tên gắn liền với cuộc đời anh vào những năm khốn cùng ấy, sau này anh vẫn nhớ mãi: Kim Anh đứa bé gái đi Mỹ cùng với đứa em trai để cha mẹ lại bên nhà, trông nó như một con búp bê; Hương Thơ, đứa học sinh ngoan nhất của anh, vẽ bản đồ các nước thật tài tình - cả một phần lớn bức tường trong lớp học của anh treo những bàn đồ do em vẽ, trong đó có một bản đồ lớn của quê hương Việtnam yêu dấu; Stanley Huỳnh, anh chàng học sinh lầm lì ít nói nhưng rất dễ thương; Nguyệt người con gái sớm biết lo lắng giúp đỡ gia đình chăm sóc mẹ em, em đảm trách việc phối hợp sinh hoạt của lớp và tổ chức những cuộc đi chơi; Thành người hoc sinh cưng của thày, em nhiều tình cảm và đã điều hành hội học sinh Việt Nam của trường trong một năm; Đức, anh chàng đến từ đảo Phú Quí cùng với một số em khác, trong đó có Thành; Trương Tiến Hy, anh chàng học sinh cao nhất trong nhóm hay cười, Trương Minh, Giang Minh, Trương Hào ba học sinh Việt gốc Hoa dễ thương nhưng ít nói, Lộc anh chàng thiếu niên sớm vào đời, để rồi gặp rắc rối; Loan cô bé học sinh gốc Hoa xinh xắn và dịu hiền và anh nó, Nghiã, một anh chàng đẹp trai thầm lặng có nụ cười quyến rũ; Kiệt mà anh đặt cho danh hiệu là "Bác sĩ" vì anh có cái tướng của một nhà thông thái nhưng pha trò rất giỏi, các chị em Hồng Ngọc và Hằng, Sandy và Hương, Lisa và Nancy,và bao nhiêu đứa học sinh nữa mà thời gian đã làm cho anh quên tên…

Chẳng những những học sinh Việt thương anh mà học sinh Mễ cũng mến anh. Đến ngày Giáng Sinh, anh nhận được quà cáp của chúng, và rất đặc biệt là một học sinh dâú diếm mang cho anh một chai rượu dân tộc Mễ Tây Cơ. Sau những học sinh Việt, anh rất thương học sinh người Mễ vì nhiếu đứa rất tình cảm biết mang ơn thầy.

Thế rồi năm tháng cứ trôi qua, nhìn đi nhìn lại anh đã sống hai năm tại San Francisco, anh đã học được ba lục cá nguyệt tại trường State. Những lớp căn

bản của chương trình cử nhân mà anh bị bắt phải học vì chúng là những môn học buộc phải có trước khi đi vào học chương trình MBA (prerequisites), anh đã học xong, anh rất hài lòng vì điểm trung bình của anh khá cao trên 3.60: đối với một người chân ướt chân ráo đến tị nạn nước Mỹ vào cái tuổi đã quá trễ để đi học, anh thấy thế là đã thành công, là đáng mừng. Anh nhớ lúc mới đến San Francisco, Trương bảo anh phải đi học một vài lớp Anh Văn ở City College để tập nói, tập viết. Lúc đó anh thấy Trương coi thường anh quá, nhưng không nói gì vì sợ mất lòng người đã giúp anh, kiếm việc cho anh. Trong bụng anh nghĩ, "City College là để cho những ai chưa học đại học bao giờ. Anh đã từng là giáo sư dạy đại học, nay có mang mặt mo cũng không đến học nơi ấy được." Khi anh được nhận vào học thẳng chương trình MBA, anh ghĩ các bà con bạn bè cũng nể anh hơn. Bởi vì nói cho ngay, có chí đi học đã là đáng khen, được nhận vào học tất phải là đáng phục. Đâu phải ai muốn học thì vào học? Phải thi GMAT và điểm phải hơn những người khác cùng xin vào mới được nhận. Nếu anh tuổi trên hai mươi, đã từng học ở Mỹ thì không nói làm gì. Đằng này anh chưa hề đi học một lớp tiếng Anh nào bên Mỹ, ở Saigon anh cũng chẳng bao giờ đến Hội Việt Mỹ, thì tất nhiên đâu có dễ? Chính vì thế mà anh càng tự hào và tự tin.

Việc anh vào học chương trình MBA cũng làm cho những đồng nghiệp người bả xứ của anh tại Trung Học Mission kính trọng anh gấp bội. Những tay có Ph.D như Dr. Miller dạy sử và địa lý coi anh như là một giáo sư ngang hàng và thường đến lớp anh nói chuyện với anh để tỏ sự thân thiện. Nhiều giáo sư kết bạn với anh và mời anh đi ăn uống hoặc đến nhà chơi. Hiệu Trưởng Ramirez tặng anh nhiều bằng tưởng lệ vì công lao của anh đối với trường. Khi đánh giá việc dạy học của anh, ông đã ghi "Outstanding Performance" và khen anh về cả khả năng chuyên môn lẫn lương tâm nghề nghiệp. Đó là những phần thưởng tinh thần quí giá mà anh gặt hái được. Hơn nữa trong vòng hai năm, anh đã lấy được hai giấy phép của tiểu bang California để dạy các môn Khoa Học Xã Hội (Social Sciences) và Pháp Văn. Mặc dù không bị bó buộc, anh đã thi chơi thử tài kỳ thi CBEST, một kỳ thi nổi tiếng là khó đậu liền, và anh đã đậu ngay tức khắc.

Cuộc đời Hoàng dần dần đã trở nên ổn định hơn. Sống trong gia đình ông bà Đoàn lâu, anh đã trở nên gần gũi hơn với hai đứa bé trong nhà. Anh nhớ ngày anh mới đến đó ở, Hoàn, đứa con gái anh chị Đoàn làm hội trưởng hội học sinh Việt ở trường trung học Washington; em đã đứng ra tổ chức một cuộc du ngoạn cho các hội viên bạn của em trong trường. Em đã đi thuê một xe buýt nhỏ hơn hai chục ghế ngồi để làm phương tiện chuyên chở nhưng không tìm được ai lái. Em nhờ anh và anh đã bằng lòng làm tài xế. Nhưng chiếc xe đó, không biết có phải tại tiền mướn rẻ hay không, rất cũ kỹ và bộ ống nhún bị hư sao đó, cứ mỗi lần quẹo, thì cả chiếc xe nghiêng sang một bên như thể nó muốn lật. Chưa bao giờ anh lại cảm thấy hãi hùng đến như thế. Đã vậy, các em lại tổ chức đi đến một cái hồ nước (lake) lớn ở một vùng

núi non hiểm trở, phải lái lên đèo xuống đèo. Ôi! thật là một cuộc du ngoạn nhớ đời đời. Đến khi đưa được các em trở về đến San Francisco yên bình, anh đem trả chiếc xe xong yên ổn anh mới thở phào, hú vía!

Cu Luân, đứa bé tứ hai, cũng hay rủ anh chơi banh hay đi xe đạp xung quanh nhà. Đôi khi nó đem bài ra hỏi anh, nhờ anh chỉ bảo. Chơi với cu Luân anh nhớ đến các con anh vẫn đang còn kẹt lại bên nhà vì Luân cùng tuổi với đứa con trai thứ hai của anh. Ông bà Đoàn cũng thông cảm tình trạng xa gia đình của anh và đôi dịp mời anh ăn cơm chung với cả nhà. Chị Đoàn thỉnh thoảng khi nấu chè hay làm bánh thì cũng chia một ít cho anh. Cái quí hoá là ở tấm lòng chứ vật chất không đáng gì. Sự ân cần của gia đình nơi mình ở trọ mang lại cho anh sự ấm lòng. Anh cảm thấy may mắn đã gặp được sự giúp đỡ của những người tốt, trong hoàn cảnh chung của những kẻ ly hương, biết thông cảm và nâng đỡ nhau. Anh cũng thân thiết với nhóm thanh niên sống ở dưới nhà hơn. Đôi khi chúng rủ anh đi Reno chơi hay đi ăn uống vào cuối tuần và mặc dù anh rất bận, anh cũng đi, lâu lâu chúng tổ chức nấu nướng ăn nhậu và kêu anh tham dự, anh cũng xuống. Khi đó cũng lẩu lươn, cá nướng, bia hộp, ăn uống cho có tí vui, cho quên đi cuộc đời nhọc nhằn.

Đối với các bạn đồng nghiệp người Việt, mối liên lạc cũng đằm thắm. Những ngày đó, anh chị em thỉnh thoảng tụ họp tại nhà Trương ăn uống gặp gỡ nhau. Chị Trương hay đứng ra tổ chức potluck, mỗi người đến chơi mang đến một món ăn, để chung vào với nhau trở thành một bữa tiệc lớn. Lúc đầu anh còn nhà quê, chẳng hiểu potluck là gì. Sau này khi đã hiểu thì anh cũng chẳng có gì để mang đến, nên đến ăn thì cũng đến nhưng anh thấy ngại ngùng làm sao. Từ từ anh quen biết được hết mọi người trong nhóm, những người nhiều tuổi cỡ anh hay hơn, ngoài Trương gồm có các anh Lân, Chí, San, Tân, Khiêm, Chung, Tâm; nhỏ hơn có khoảng năm bẩy cho đến một chục tuổi có Hiền, Liên, Cần, Thế, Toàn. Đặc biệt trong nhóm đực rựa có chen vào một em gái tên Liên. Em là nụ hoa nở trong vườn cho các anh trêu chọc. Em đi du học Mỹ từ những năm 60 và ở lại; em lấy chồng Mỹ nhưng lại nhớ mắm tôm nên thường lui tới chơi với các anh. Trông em không mặn mà cho lắm nhưng em rất đa tình. Vả lại, gia đình em đang trục trặc sao đó nên em cũng buồn, thích đến chơi với các anh để giải sầu. Thấy Hoàng sống độc thân, xa vợ, thiếu tình cảm, em đôi khi lại gần ngồi nói chuyện; anh em bông đùa gán em cho anh. Thấy em bạo dạn, anh cũng tán tỉnh chơi cho vui, những lúc đó anh đã uống vài ly Martell, anh đã say say, đâu còn tỉnh để tự kiểm soát lấy mình? Anh đã thả hồn theo mây khói, để cho cuộc đời thêm chút ý nghĩa, anh cũng đã đùa rởn với em đôi chút, thế thôi. Cuộc đời cần chút kỷ niệm đáng nhớ, anh vẫn còn nhớ những lần gặp gỡ vui vẻ đó, nhưng em thì có còn nhớ hay không?

Trương là một người bạn tốt, trong số những người anh ít gặp trong đời. Trương rất cương trực, ăn nói thẳng thừng, coi tình bạn trên hết. Anh tranh đấu quyền lợi cho các anh em, lo cho anh em có công ăn việc làm chắc chắn, cuộc sống vật chất bảo đảm. Anh đã từng kéo các anh em đang không có việc làm từ nơi xa về San Francisco để dạy các học sinh Việt trong học khu. Các gia đình bạn mới đến, anh đã mở rộng cửa tiếp đón tại ngay nhà mình, để cho những người đó sống những ngày khó khăn dưới sự bảo trợ của anh. Đối vói Hoàng, đấy là một nghĩa cử đẹp, nhưng cá nhân anh, anh không thích được hưởng sự giúp đỡ tương tự. Từ trong thâm tâm, anh không muốn lợi dụng lòng tốt của người khác. Theo anh, chỉ có tình bạn khi có qua có lại mà không lợi dụng, không tham lam. Vì thế, anh và Trương kết bạn để quí mến nhau, trải qua với nhau những giây phút thân tình. Trương cũng như anh thích uống rượu, nhưng có tật uống quá, cho đến khi say mèm, đôi khi đến bất tỉnh. Không phải Hoàng không bao giờ uống cho đến khi say mèm, bất tỉnh. Những ngày anh đạp xích lô ở Saigon, những ngày đau buồn đó, có chiều tối nào anh không say mèm? Đã có lần anh nôn ra mật xanh mật đỏ, nằm bất tỉnh hai ngày như chết. Nhưng anh đã có lý do để mà hành động vô ý thức như thế.

……..

Năm tháng trôi đi, anh đã học xong phần căn bản, học xong những lớp series từ 750 đến 800 trước khi đến những lớp cao hơn series 800. Khi chuyển qua phần Master của chương trình MBA, anh phải chọn ngành. Trong số những ngành trường có hồi đó: kinh doanh quốc tế (international business), quản trị (management); tài chính (finance); kế toán (accounting) và tín học và điện toán (Information and Computer systems), anh đã chọn ngành quản lý điện toán. Anh đã nghĩ rằng điện toán là một ngành mới, do đó sau khi tốt nghiệp, anh sẽ dễ kiếm được việc hơn. Vả lại, anh đã nghe đến việc sử dụng những máy điện toán từ những năm cuối của thập niên 60 tại Saigon và chưa bao giờ có dịp được biết chúng ra sao, sử dụng thế nào. Nay anh sang được Mỹ, anh muốn xử dụng computer, nên anh chọn cái ngành tương đối còn mới mẻ đó.

Mà mới mẻ thật, vì lúc đi thực tập chỉ có những công ty lớn mới bắt đầu chuyển qua dùng máy điện toán đề chứa những hồ sơ tin tức thay cho hồ sơ giấy. Máy điện toán còn là những máy IBM hay clones chưa có hard drive, mỗi lần mở máy phải cho chiếc 5 ½ in floppy disk chứa DOS vào rồi mở cho máy chạy và tất cả những chỉ huy đều phải qua bàn khoá. Lâu lắm sau khi anh đã ra trường thì mới dùng đến con chuột đề bấm những hình nhỏ chứa chỉ huy. Những ngày sinh viên nghèo đói đó, đì đâu anh cũng mang theo một hộp chứa chừng chục floppy disk mà anh đã chép lại của người khác vì anh đâu có tiền để mua bản chính? Anh đã sống thời mà những chương trình dùng để đánh chữ là Wordstar và chương trình để viết spreadsheet là Lotus

1-2-3. Anh đã là một trong những người Việt tị nạn đi tiên phong vào cái ngành học tân tiến đó.

Quả nhiên những người Việt tị nạn đã có đầu óc tiến thủ và họ đã hiểu rằng chỉ có bằng cách đi học computer thì họ mới dễ kiếm sống. Chẳng thế mà đã có phong trào trong giới tị nạn đi học programming và học điều hành những máy điện toán lớn gọi là mainframe. Như thế ngay trong nhà, anh đã thấy chị Đoàn và Xuân đi đến Computer Learning Center, một trường huấn nghiệp tư, để học viết chương trình bằng Assembly language. Sau này Xuân đã đi lảm operator ca đêm - để ngày đi học Master in Computer Science - còn chị Đoàn thì học xong không đi theo chuyên ngành điện toán mà vẫn tiếp tục làm kế toán. Nhưng dù sao kiến thức về điện toán của chị cũng giúp chị sau này nhanh chóng chuyển sang dùng máy điện toán để làm kế toán.

Khi thực tập, anh cũng như bao nhiêu sinh viên khác của trường State phải xếp hàng dài chờ đến phiên mình vào xử dụng máy của nhà trường. Những ngày đó cả trường chỉ có được một computer lab nằm ở từng cuối cùng của toà nhà hành chánh. Một thời gian sau sinh viên muốn vào lab chỉ phải ghi tên đợi đến lượt mình thì đến lab không còn phải đứng chờ ở cửa nữa. Computer lab mở cửa đến 12 giờ đêm. Vào những giờ khuya khuắt, không còn nhiều sinh viên chờ đợi, dễ được đến phiên mình, nên hầu như đêm nào Hoàng cũng ở đó cho đến khi phòng thí nghiệm đóng cửa. Nhưng chỉ một năm sau thì nhà trường mở thêm hai ba Computer labs nửa, một tại Science building, một tại trường anh, và sau đó một trong Art building. Từ đó anh có thể xử dụng máy ngay trong trường anh để thực tập.

Anh nhớ lại lớp điện toán đầu tiên anh học là một lớp dạy viết chương trình bằng Basic do giáo sư Nickerson dạy. Giáo sư Nickerson hồi ấy là một trong những giáo sư chuyên ngành Business tiên phong đi vào lãnh vực điện toán. Nghĩ lại anh thấy lúc ấy ông cũng chưa có kiến thức thâm sâu về viết chương trình nên khi học Basic với ông, sinh viên phải tự học nhiều hơn, ông chỉ đóng vai trò hướng dẫn. Những ngày đầu bước chân vào thế giới điện toán Hoàng thấy chới với, khổ sở vì chỉ một cái chấm cái phết cũng làm cho chương trình ì ra không chịu chạy. Cũng may mà tính anh tỉ mỉ, hay để ý đến những chi tiết – khi còn ở bên nhà, anh chẳng học tư pháp và nghiên cứ những bản án lệ hay sao? – nên từ từ anh hiểu những nguyên tắc căn bản của việc viết chương trình điện toán và mọi chuyện trở nên dễ dàng hơn nhiều. Sau Basic, anh học viết chương trình bằng Dbase, Cobol, Pascal rồi đến những lớp học tổ chức database, quản lý database, nghiên cứu và vẽ hệ thống điện toán. Vì anh thích computer nên anh hăng say đọc sách và nghiên cứu. Vào cái thời gian khai sinh đó, những giáo sư cũng còn đang nghiên cứu cùng với sinh viên cái môn học mới mẻ này nên sinh viên không thể trông chờ ở sự dạy dỗ của thầy được. Họ phải tự học nhiều hơn. Một điều

anh còn nhớ là hồi đó phần lớn sinh viên học điện toán là nam giới chỉ lác đác một hai em gái.

.....

Những thay đổi về cuộc sống nay anh đã quen và thấy bớt vất vả nên Hoàng sống thoải mái hơn và anh có nhiều hy vọng hơn ở tương lai. Anh đã bớt thấy cô đơn và bắt đầu thấy cuộc đời có ý nghĩa. Anh đã có thêm nhiều bạn bè và có nhiều chuyện vui đến với anh, tô điểm cho cuộc sống của anh. Một hôm chiếu thứ sáu, Hoàng đi vào tiệm sách của nhà trường để tìm mua một cuốn sách cho lớp học buổi tối thứ hai. Bây giờ ngồi viết lại tập hồi ký này, anh không còn nhớ rõ đó là cuốn sách nào, nhưng anh chỉ biết lúc đó vào buổi chiều đã gần tới giờ tiệm đóng cửa mà trời thì mưa cuối thu, không to nhưng sụt sùi. Anh gặp Thanh Thủy cũng đi tìm sách. Em không học tại trường State nhưng đến tiệm sách này vì nơi em học không còn sách đó nữa. Anh thấy em cứ đi lòng vòng tìm kiếm, khi thấy anh em hỏi thăm bằng tiếng Anh:

- Tôi mới đến đây lần đầu nên không rành! Anh có biết sách Business ở khu nào không?
- Em không học ở đây ư?
- Không, tôi học ở USF (Đại Học Công Giáo San Francisco University) nhưng anh giúp được tôi không?
- Tất nhiên là được. Tôi cũng học Business mà.
- Vậy sao?
- Em tìm sách loại nào? Accounting? Finance? B.I.S? Management?
- Management.

Anh đưa em đến chỗ trưng bầy sách loại em cần. Anh hỏi em tên cuốn sách và kiếm cùng với em nhưng hai đứa cũng không thấy có. Anh nói:

- Hình như anh có cuốn đó ở nhà. Anh cũng học cuốn ấy hai ba semester trước. Em học MBA phải không?
- Vâng, sao anh biết? Anh hay quá đi!
- Có gì đâu mà hay? Anh cũng học chương trình đó, có thế thôi!
- Anh để lại cho em cuốn sách nghe?
- Ừ, nếu anh tìm ra nó. Em theo anh về nhà, anh ở cách đây chục blocs, không xa lắm.
- Vâng, được.

Mới gặp em, Anh không biết em là người Việt, nhưng anh ngờ ngợ khi nghe giọng em nói tiếng Anh. Người Việt có giọng nói đặc biệt, không giống những người Á châu khác. Anh hỏi:

- Xin lỗi, em có phải là người Việt không vậy?
- Thưa phải, sao anh biết hay quá vậy?

- Nghe giọng em anh đoán chừng đó thôi! Mình nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt nghe?
- Cũng được.

Từ lúc ấy trở đi hai đứa dùng tiếng mẹ đẻ, không còn nói tiếng Anh nữa. Em cho anh biết em tên Thanh Thủy, em sang Mỹ từ năm bẩy mươi lăm cùng với cha mẹ anh em. Ở Saigon em đi dậy Anh Văn sau khi em tốt nghiệp cử nhân ở Đại Học Văn Khoa. Hiện nay ban ngày em làm cho Bank of America ở trung tâm thành phố và tối em đi học ở USF. Thanh Thủy lái xe và hai đứa chưa đầy năm phút đã về đến nhà. Anh mời vào nhà và lấy cho em tách trà nóng vì trời đang mưa và khá lạnh. Anh vô phòng tìm cuốn sách và cũng phải mất đến năm phút mới kiếm được. Anh trở ra đưa cho em, em vui mừng ra mặt.

- May qua nhờ gặp anh mà em có được cuốn sách em đang cần. Từ hai tuần em đi tìm khắp nơi mà không kiếm ra. Không có sách làm sao làm bài?
- Anh cũng nhờ cuốn sách mà quen được em. Anh đang buồn vì chẳng quen biết ai ở đây. Bạn trong lớp chẳng có ai là người Việt cả.
- Thế anh ở San Francisco được bao lâu rồi?
- Mới hơn một năm. Anh trước ở New York.
- New York? Anh ở đó bao lâu vậy?
- Có hơn một năm thôi. Anh đến Mỹ cuối năm tám mươi mốt.
- Vậy mà anh học liền MBA sao?
- Anh cũng liều mạng ấy mà. Lúc đầu cũng gặp khó khăn nhưng nay đã quen rồi.
- Anh hay quá đi! Vậy anh tutor em nghe!
- Anh đâu tài giỏi gì mà tutor Thủy?
- Được mà. Anh giúp em thì em cám ơn anh.
- Cám ơn suông ấy à?
- Chứ anh muốn gì?
- Anh đâu biết anh muốn gì? Em có gì đền bù cho anh nào?
- Thì chúng mình là bạn, anh không chịu sao?
- Cũng được, làm bạn với em là quí lắm rồi!

Thủy mở ví lấy năm chục đưa cho anh.

- Anh cho em gởi anh tiền cuốn sách.
- Tiền này để mình đi ăn mừng hai đứa mình quen nhau tối nay, em chịu không?
- Ồ không được đâu! Em chưa nói với má. Em phải về ăn cơm không má chờ!
- Thì em kêu điện thoại về xin phép đi, điện thoại ở đằng kia kìa!

Anh chỉ em nơi để điện thoại. Em luỡng lự một lúc rồi đứng lên. Anh nghe em kêu về nhà nói xin phép má đi chơi như thể em còn bé bỏng, tuổi mới

mười lăm mười sáu. Anh nghĩ thầm em là con gái nhà lành, đi chơi với em cũng khó và lắm trách nhiệm. Anh đoán em chưa yêu ai bao giờ, em chưa biết mùi của tình yêu, họa chăng có biết đến yêu đương trong sách vở và qua xi nê mà thôi. Nói chuyện với mẹ xong, em tươi cười đi về chỗ ngồi và nói:

- Xong rồi. Má cho em đi chơi. Mình đi chưa anh?
- Em cho anh năm phút nghe? Em vặn tivi lên coi đi!

Anh đi vào phòng thay quần áo cho nó lịch sự. Đi với em út mà ăn mặc xấu xí chính anh cũng mắc cở chứ đừng nói gì đến em. Hai đứa đi ra cửa mới hay trời đã bắt đầu mưa nặng hột, chỉ có một chiếc ô, hai đứa đã phải chúi đầu vào nhau mà đi. Anh có cảm giác như hai người đã quen biết nhau từ lâu rồi chứ không phải mới gặp nhau chiều nay. Anh ôm vai em cho dễ đi và hai đứa cười lên tiếng.

- Thật là vui anh há? Đi chơi với nhau lần đầu mà trời mưa như vầy, thật là một kỷ niệm thích thú!
- Hình ảnh hai đứa mình đi chung một ô chắc buồn cười lắm hả Thủy?
- Thơ mộng ấy chứ anh!
- Ừ! Thơ mộng thật. Người ngoài nhìn, tưởng hai đứa mình yêu nhau!
- Hứ! Anh nói gì kỳ vậy?
- Sao lại kỳ? Mình không thương nhau thì thôi chứ có sao đâu?

Hai đứa đến The Old Clam House, một nhà hàng bán đồ ăn Ý ở đường Bayshore. Nhờ hôm nay trời mưa nên chúng tôi không phải đứng chờ bên ngoài. Trong tiệm, phong cảnh rất ấm cúng, đèn đỏ để sáng lờ mờ, mỗi bàn có một ngọn đèn nhỏ, ghế đệm êm ngồi rất thoải mái. Anh đề nghị với Thanh Thủy hai đứa ngồi bên nhau cho ấm, em chịu liền. Nhìn em tủm tỉm cười tươi, anh thấy em xinh ơi là xinh. Thấy anh ngồi ngắm em, Thủy hơi bẽn lẽn nhưng anh biết em đang sung sướng vì có anh chiêm ngưỡng, em đang thấy hạnh phúc đến với em trong cuộc đời. Em chớp chớp làn mi cong, vờ nhìn xung quanh để tránh ánh mắt của anh. Em có một nét duyên dáng tự nhiên, cái vẻ thùy mị của người con gái Việt, mặc dù em đã sống bên Mỹ khá lâu. Em không phấn son nên giữ được cái vẻ tự nhiên rất dễ thương. Hơn nữa em ăn nói rất nhỏ nhẻ, không mạnh dạn như một số thiếu nữ thời bây giờ.

- Thủy thấy chỗ này được không?
- Đẹp lắm chứ anh.

Khi chọn món ăn, anh ngồi sát bên em và hai đứa xem chung một thực đơn, em ở Mỹ lâu nên rành những món ăn hơn anh, anh để tùy em lựa món ăn nào ngon. Hai đứa ăn tôm cua cá mực sò ngêu, thật là vui vì phải dùng tay vật lộn với vỏ sò vỏ cua, Thủy cười đùa bằng thích, anh cũng phá em cho thêm vui, nói chung bữa ăn thật thú vị, đánh dấu cuộc gặp gở do duyên số của hai đứa. Ăn xong ra về trời vẫn còn mưa lớn, gió thổi lồng lộng, hai đứa

đi sát bên nhau, anh quàng tay ôm eo em, em cũng chẳng nói gì, anh biết em đã có cảm tình với anh. Em đưa anh về, anh thấy lòng mình lâng lâng một nỗi vui vì có em làm ấm lòng và quên đi phần nào nỗi cô đơn. Trước khi xuống xe hai đứa cho nhau số điện thoại để liên lạc, và em hẹn sẽ đến đón anh đi chơi vào cuối tuần tới.

Nhưng rồi em không đến. Anh gọi điện thoại cho em thì có message nói rằng số đó đã bị disconnected. Anh chẳng hiểu tại sao. Anh buồn bơ vơ cả tuần, cứ ngong ngóng xem em có gọi lại hay không nhưng không thấy em gọi lại. Anh tự an ủi, "Thôi thế cũng tốt, dính vào chuyện tình cảm lại thêm suy nghĩ lung tung. Lúc này mình phải chú tâm vào việc học cho xong, vớ vẩn lại thêm chuyện." Tuy tự nói thế nhưng anh vẫn thấy khó chịu sao ấy trong lòng. Anh không hiểu tại sao bỗng nhiên Thanh Thủy lại cắt đứt liên lạc với anh. Anh đâu có làm điều gì sai trái? Thật là chuyện lạ lùng! Nhiều lần anh đến Bank of America ở trên đường Market, ngay ngã tư Vanness vào giờ tan sở với hy vọng thấy em đi làm ra, nhưng số anh không may, anh không một lần gặp lại em. Rồi với thời gian và sự quá bận bịu việc học, anh đã quên em đi, quên đi cái bất ngờ đã đến với anh chỉ có một lần.

.....

Một chuyện bất ngờ nữa xẩy ra vào năm 1984. Người chủ nhà nơi anh đang ở trọ làm ăn không được may mắn nên đã khánh tận, căn nhà bị ngân hàng tịch thu để bán lại. Như thế là cả bọn phải đi nơi khác. Công việc tìm nhà khác để dọn đi, xem nhà đã do anh chị Đoàn lo và quyết định. Chỉ ba tuần sau thì anh chị đã thuê được một căn nhà ba từng ở khu Richmond. Cũng như tại căn nhà cũ, Kiệt, Loan và Xuân chiếm từng chệt. Vinh đã dọn ra, hắn đã kiếm được một người bạn học để ở chung phòng. Hắn ra đi luôn, không bao giờ Hoàng còn thấy lại vì hắn không còn trở về thăm bạn bè cũ nữa. Vinh là một con người bí hiểm, lầm lì, làm gì ít nói cho ai nghe. Vì thế mà hắn đã gây một ấn tượng lạ trong đầu anh, một trong những hình ảnh khó quên mà anh cứ chất chứa trong tâm khảm. Và như khi còn ở căn nhà trước Hoàng lại chiếm căn phòng phiá trước nơi lầu hai có của sổ nhìn xuống đường. Tại căn nhà mới này, chỉ mình anh có phòng ở lầu đó, gia đình anh chị Đoàn chiếm cả ba phòng trên lầu ba.

Chị Đoàn nay có chút cảm tình với anh, chị thương anh phải vừa đi làm vừa đi học nên đề nghị luôn thể nấu cơm cho anh ăn. Như vậy, thật đúng với nghĩa ở trọ. Cảm tình của chị Đoàn dành cho anh thật đáng quí và mặc dù anh đã quen với lối sống tự lập, anh vẫn thích được chị coi anh như một người trong nhà. Nhưng chính tình cảm chị dành cho anh đã gây ra sự hiểu lầm nơi chồng chị. Dường như anh Đoàn không thích vợ mình lo cho một người đàn ông khác và từ khi dọn về nhà mới anh hay gây với vợ, nhiều khi chỉ vì những chuyện nhỏ không đáng kể. Hoàng ý thức chuyện đó và sau vài

tháng, anh quyết định dọn ra, không ở nơi đó nữa. Sau khi anh đi khỏi thì anh nghe Xuân dọn lên ở nơi phòng anh. Vì c ó chuyện buồn xẩy ra, anh đã không trở về thăm gia đình anh chị Đoàn nữa.

Hoàng trở về khu nhà nơi anh ở trước và anh đến thăm hai vợ chồng Bob và Guthrie Bernoit, là người hàng xóm ở ngay bên cạnh căn nhà anh đã ở trước kia. Anh đã hỏi xem họ có thể giúp anh, cho anh ở dưới nhà được không. Thời gian anh ở căn nhà kế đó, anh thường sang chơi bên này, và cả Bob lẫn Guthrie đều rất mến anh vì biết anh đã phải bất đắc dĩ đi sang Mỹ sống để tránh nạn Cộng Sản. Ở Việt nam anh đã là giảng viên đại học, nhưng sang đây với hai bàn tay trắng và chút kiến thức trong đầu, anh đã phải đấu tranh gây lại cuộc đời từ con số không.

Bob là một kỹ sư nguyên tử lực. Ông đã làm hai mươi năm cho một cơ quan nghiên cứu nhà máy điện nguyên tử. Ông đã có vợ trước là người Mỹ làm giáo sư đại học và có hai đứa con với người ấy. Cách đấy sáu năm hai người đã ly dị, và Bob đã bị khủng hoảng tinh thần và xin về hưu non, khi ấy ông mới năm mươi tuổi. Ông đã phải chia tài sản cho người vợ, nhưng anh không hiểu ông đã giàn xếp thế nào mà ông vẫn còn giữ được căn nhà và chiếc xe hơi cũ. Sau khi ly dị ông đã tính làm ăn ở nhà, ông tính làm cố vấn cho các công ty chuyên dựng những kế hoạch phát triển năng lượng, nên ông đã cho sửa phần dưới nhà thành một văn phòng làm việc rất rộng và đẹp, nơi ông tính vùi đầu vào công việc nghiên cứu cho quên buồn. Nhưng chỉ một thời gian ngắn thì ông thấy sống một mình quá cô đơn và vất và. Ông vẫn còn tiền, vẫn còn danh vọng, ông chỉ thiếu bóng một người đàn bà. Thế rồi ông nghĩ ngày nghĩ đêm xem làm sao để có thể tìm cho được một người đàn bà chỉ là một nàng hầu, lo săn sóc cho ông như thể ông là ông chủ, không có quyền đòi hỏi, lúc nào ông vời đến thì ông vời. Ông bèn tính đi sang Tầu kiếm một người đàn bà Trung Hoa về làm vợ, như thế dễ sai dễ bảo, người ấy sẽ lệ thuộc vào ông, và vì là người Á châu nên sẽ hầu hạ ông mà không kêu ca. Nhưng rồi ông lại nghĩ ông muốn người ấy phải hiểu biết khá, phải có văn hóa khá để ở nhà, ông có thể tâm tình, ông có thể nói chuyện, bàn bạc và khi đi ra ngoài, khi có họ hàng hay bạn bè, ông không mắc cở. Thế mới rắc rối, khó khăn cho cuộc đời! Ông lại suy nghĩ nữa, nghĩ mãi không sao tìm được giải pháp nào tốt cho trường hợp của ông.

Thế rồi bỗng một hôm ông đọc báo, tình cờ ông đọc được một chỗ quảng cáo đàn bà con gái ở Âu Châu muốn kiếm chồng bên Mỹ. Trong số đó, đặc biệt có những cô gái xinh đẹp, có học thức cao, nói được tiếng Anh trôi chảy, hiểu biết các nền văn hóa Âu châu và Mỹ châu, nhưng lại tật nguyền. Họ muốn sang Mỹ để được hưởng những phương tiện tân kỳ giúp họ sinh hoạt dễ dàng hơn trong cuộc sống hàng ngày. Mắt ông sáng lên, ông ngồi nghiên cứu từng trường hợp một, nghiên cứu là nghề của ông nên ông phân tích rất chi tiết. Ông nghiên cứu cả chục trường hợp khác nhau và ông thấy kiếm

được một người vừa ý không phải là dễ, vì có người được vẻ này thì không được vẻ khác.

Sau cùng, ông tìm được một người mà ông thấy tạm đáp ứng những đòi hỏi của ông. Đó là một người con gái Thuỵ Điển, ba mươi chín tuổi, xinh đẹp tốt nghiệp đại học về dương cầm, nói được cả tiếng Anh lẫn tiếng Pháp, nhưng mù cả hai mắt từ nhỏ. Ông nghĩ mua một đàn dương cầm cho nàng thì ông mua được, nói được tiếng Pháp thì càng tốt, vì ông cũng có chút máu Pháp, vài người cô bác của ông nói được tiếng Pháp, mù thì không đến nỗi nào, lại tốt là đằng khác vì nàng sẽ không đeo đuổi người khác trẻ đẹp hơn ông. Ngược lại, ít ai bình thường lại muốn lấy một người mù, do đó ông ít sợ bị vợ bỏ một lần nữa.

Ngày anh biết Bob và Guthrie thì hai người đã lấy nhau được năm năm. Hai vợ chồng không có vẻ gì là không có hạnh phúc, nhưng Guthrie cũng không tỏ vẻ vui cho lắm. Đôi khi anh thấy bà ấy cười như gượng gạo, không phải từ thâm tâm. Ngày anh còn ở nhà bên cạnh, đôi khi anh sang bên cửa nhà bà ngồi nói chuyện này kia, và khi Bob không có nhà, hai người dùng tiếng Pháp vì bà nói bà thích nói tiếng Pháp hơn tiếng Anh. Có lẽ vì anh nói được tiếng Pháp nên bà coi anh là người có thể tâm tình và bà tỏ vẻ mến anh hơn. Những lần Hoàng ngồi trước cửa nhà mình nghe những bài hát trữ tình Pháp phát ra từ chiếc cassette của anh, anh thấy bà đứng ở cửa sổ nhìn ra đường nhưng kỳ thực là để cùng nghe với anh. Sau này chính bà nói bà thích những sáng sớm chủ nhật vì anh cứ ra cửa ngồi hàng giờ với cái radio-cassette nghe những băng nhạc Pháp. Bà rất thính tai, chỉ một tiếng động khẽ là bà đã biết và hỏi liền. Anh vừa nhẹ nhàng bước lên thềm cửa nhà bà, là bà ở bên trong đã hỏi ra "Có phải mày đó không Hoàng?", "mày tao" trong tiếng Pháp là những tiếng thân thiện để nói với nhau, bà hơn anh bốn tuổi nhưng hai người coi nhau như là bạn, mặc dù anh coi Bob như người anh lớn vì ông hơn anh đến mười mấy tuổi.

Có lần bà hỏi anh mặt mũi người ngợm anh ra sao, anh chẳng biết nói sao, anh bảo anh là người Á châu nên mũi tẹt, tóc đen, anh cao một thước bẩy, nặng bẩy mươi ký. Bà bèn lại bên anh lấy hai tay sờ đầu, tóc, tai, mũi, mồm, cổ anh làm anh cuống lên không biết phải làm sao. Xong bà nói:

- Mũi mày đâu có tẹt? Mày khá đẹp trai đấy Hoàng à!

Một lần khác bà hỏi anh "Tại sao tao thấy mày buồn thế?" anh nói anh đâu có buồn, bà nói "mày không giấu được tao đâu, tao biết lòng mày ra sao." Làm anh rất ngạc nhiên. Guthrie kể cho anh nghe cuộc đời của bà từ khi còn nhỏ cho đến khi lớn lên, bà khổ tâm thế nào vì bị tật nguyền, vì không giống những đứa con gái khác, lúc nhỏ thì có nhiều bạn và lúc lớn lên khi có tình nhân. Bà bảo đi đến đâu người ta cũng tội nghiệp bà mà ít ai yêu thương bà. Rồi bà quay sang anh đột nhiên hỏi:

- Hoàng à, mày có tội nghiệp tao không? Tao xinh thế này mà tao mù, mày thấy tao có khổ không?

Anh lúng túng chưa biết nói sao thì bà lại nói đỡ cho anh:

- Tao biết mày là người tình cảm, mày hiểu giá trị cũa con tim, mày không thương hại tao đâu!

Rồi bà quay mặt đi, anh thấy hai giọt nước mắt chảy xuống má bà. Anh vội nắm tay bà, anh nói:

- Tao hiểu cái khổ của mày Guthrie à, tao có nhiều cảm tình với mày lắm! Nếu không, tao đâu có ngồi tâm sự với mày?

Bà cố cười và nói:

- Cám ơn mày, tao biết, tao biết!

Bà cũng kể cho anh vì quá thất vọng và không còn muốn sống tại quê nhà nữa nên bà chịu bỏ một trăm dollars để cho công ty bán người đăng báo tìm chồng cho bà. Bà tự coi như một nô lệ được Bob mua đưa về Mỹ. Anh bảo bà đừng nói thế lỡ Bob nghe được thì thêm nhiều chuyện khó khăn cho bà, bà nói:

- Tao chỉ dám nói với mày. Tao buồn nên buột miệng, không dấu kín được lòng, mày thông cảm chớ có nói lại với ai, nghe không Hoàng!

Một lần khác bà nói với anh một câu làm anh ngã ngửa không tin tai mình nữa.

- Tao muốn nói với mày câu này, mày có muốn nghe không, không muốn thì thôi tao không nói.

Anh không hiểu bà muốn hỏi gì nên hỏi lại:

- Câu gì mà có vẻ bí mật thế?
- Tao buồn lắm, Bob chẳng ngó ngàng gì đến tao hết!

Anh không muốn đụng vào vấn đề tế nhị này, anh chỉ là người ngoài cuộc, chẳng may mà dính dấp vào chỉ thêm vấn đề, không ăn cái dải rút gì. May quá đúng lúc đó mấy đứa bạn kêu anh về.

.....

Ngày anh sang xin Bob cho ở căn phòng ở dưới nhà lúc ấy bỏ không, ông nói ông phải hỏi ý kiến Guthrie, và anh nghe thế, anh biết là được rồi, vì bà vốn có cảm tình với anh và luôn luôn muốn giúp anh. Quả nhiên ngày hôm sau khi gặp hai người, họ vui vẻ tiếp chuyện anh và Bob ra một số điều kiện với anh như phải giữ gìn nhà cửa sạch sẽ, không được làm ồn ào, không được có đông bạn bè đến chơi, nhà bếp con ở dưới nhà anh toàn quyền sử dụng nhưng phải giữ cho sạch, có nhà xí ở dưới nhà anh được xử dụng một mình, chỉ có cái là khi đi tắm thì phải lên lầu dùng chung với hai ông bà. Ông hỏi anh những điều kiện như vậy có gì anh thấy quá không, anh nói không. Và

ông nói lúc nào muốn đến ở thì đến, ông không lấy tiền thuê, ông chỉ muốn giúp anh mà thôi. Anh nói anh xin đóng góp mỗi tháng hai trăm trả tiền điện nước này kia, ông bằng lòng. Anh vốn dĩ muốn cho sòng phẳng, không muốn sau này mang nợ quá nhiều, không biết làm sao mà trả.

Chừng một tháng sau thì anh đến ở hẳn bên nhà Bob và Guthrie. Anh thấy cuộc sống của anh thoải mái hơn vì nay anh có một căn phòng rộng lớn với đầy đủ đồ đạc vì căn phòng ấy từ ngày không dùng làm văn phòng làm việc cho Bob nữa thì con gái lớn của ông đã ở đó, nhưng nay cô đã đi làm không còn muốn lệ thuộc vào bố, nhất là không còn muốn sống với người mẹ ghẻ mà cô không ưa. Anh được sống độc lập hoàn toàn vì hai ông bà không bao giờ xuống dưới phòng anh khi anh có mặt ở nhà, mặc dù anh biết lúc anh đi học thì thỉnh thoảng Bob có xuống xem anh giữ gìn căn phòng có sạch sẽ không. Chính Bob một lần đã nói với anh:

- Tao vào coi phòng mày, tao thấy gọn ghẽ và rất sạch sẽ, tao rất hài lòng.

Mỗi tối thứ sáu anh lên ăn cơm với hai người, có khi anh mua đồ ăn Việt nam về ăn, có khi anh nấu nướng ở nhà. Hai ông bà rất thích tính thân thiện của anh và Bob tỏ ra là một người rất vui nhộn, ông hay diễu và hay nói chuyện trời biển, Guthrie trước mặt ông thường dè dặt, anh thấy bà không tự nhiên như một người vợ bình thường, không hiểu có phải vì bà tật nguyền hay không. Nói cho ngay việc anh ở đó tốt đẹp chỉ có vấn đề đi tắm của anh là hơi trở ngại. Anh thường đợi cho hai người đi đâu ra ngoài thì mới lấy quần áo, khăn và xà bông lên trên nhà tắm, kẹt lắm anh mới tắm khi hai người ở nhà.

Cho đến một hôm bà giới thiệu với anh một thanh niên tên John là một tay chơi vĩ cầm, John là người mỹ trắng trông rất thư sinh, hai mươi tám tuổi, hai người mỗi tuần gặp nhau vài ba lần hòa nhạc chơi với nhau, nhiều khi có sự hiện diện của cả Bob lẫn anh, nhiều khi không. Anh không biết giữa hai người có chuyện gì khác xẩy ra ngoài đánh đàn hay không. Sau đó chừng sáu tháng, anh thấy Guthrie vắng nhà cả tuần và Bob có vẻ buồn lắm, anh nghi Guthrie đã cuốn gói ra đi với anh tình nhân trẻ John rồi. Anh tránh không hỏi Bob, nhưng một hôm ông xuống phòng anh và nói với anh ý định của ông là sẽ bán căn nhà và về New Orleans sinh sống với cha mẹ anh em. Khi đó Hoàng đã có xe, anh cũng sắp ra trường, anh cũng không còn nhất thiết phải ở gần trường State. Anh đi làm giáo sư cũng đã hai năm, lương tuy không nhiều nhưng đủ để cho phép anh đi tìm một nơi thích hợp khác để ở. Anh xem báo thấy nhiều nơi chủ ở trên lầu, cho thuê phần dưới nhà, thường là phần trước kia dùng làm gara cho xe hơi, sau này sửa thành phòng để ở. Anh tìm được một căn phòng cũng khá lơn cho thuê 300 đồng một tháng, có nơi nấu cơm và nhà tắm riêng, anh bèn dọn đến. Sau đó chừng một tháng

anh thấy nhà Bob treo biển bán. Từ khi đó trở đi anh không còn dịp nào liên lạc với Bob nữa. Anh không có địa chỉ mới của ông, và anh nghĩ chắc ông đã đi Louisiana rồi.

Chương Sáu

Gia Đình Đoàn Tụ

Những năm đầu của thập niên 80, chính phủ Cộng Sản Hànội chưa mở mắt nhìn vào sự thật. Những tên đầu sỏ trong Trung Ương Đảng vẫn còn mù quáng cho rằng lý thuyết Cộng Sản là nhất trên đời và vẫn còn duy trì một chế độ tàn bạo dựa trên sự khủng bố nhân dân và vì vậy không dám mở cửa cho người ngoại quốc vào làm ăn buôn bán. Khi tiếp tục duy trì một chính sách chính trị ngu xi đần độn cho rằng chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ sẽ đưa hạnh phúc no ấm đến cho nhân dân, chúng đã kéo dài một chính sách kinh tế sai lầm đưa đến cảnh nghèo nàn càng ngày càng khủng khiếp, dân không còn gì để mà sống, nhà nước không còn cách nào để cứu vãn tình hình ngày càng suy thoái vì không có ngoại tệ để nhập cảng hàng hoá tiêu dùng cũng như nhiên liệu và nguyên liệu sản xuất. Vì thế mà cho đến giữa những năm 80, Hànội vẫn chưa thiết lập bang giao với những nước phương Tây và những nước phát triển ở Á Châu. Việt Nam như thế đã tự đặt mình vào trong một tình trạng cô lập vì những nước Cộng Sản đàn anh mà Hà Nội vẫn trông chờ để được sự giúp đỡ thì lại đang trên đà xụp đổ.

Ngày anh trốn khỏi quê mẹ, tình hình vào lúc đó quá đen tối, Hoàng đã tưởng anh sẽ không bao giờ được gặp lại vợ con. Nhưng chỉ vài năm sau thì anh thấy có chút hy vọng vì lác đác có một số ít gia đình bắt đầu được đoàn tụ. Do sự cố gắng làm việc của Chương Trình Ra đi có Trật tự (Orderly Departure Program) đặt tại toà đại sứ Mỹ ở Bangkok và của những cơ quan quốc tế giúp người tị nạn, chính phủ Việtnam đã bắt đầu cho những gia đình được người nhà ở ngoại quốc bảo lãnh ra đi. Đến cuối năm 1984, Hoàng nhận được tin mừng là vợ con anh đã được gọi lên phỏng vấn tại văn phòng ODP ở Saigon và sau đó ít lâu thì được Sở Ngoại Vụ Thành Phố kêu lên làm giấy thông hành. Đến tháng Giêng năm 1985, Sở Di Trú Mỹ gởi thơ báo cho Hoàng biết gia đình anh đã được chấp thuận nhập Hoa Kỳ và sẽ đến vào tháng hai, anh sẽ phải chuẩn bị để tiếp đón gia đình. Vợ anh và con anh vào Mỹ do sự bảo lãnh của anh, do đó anh có trách nhiệm bảo đảm đời sống vật chất cho họ, chính phủ Mỹ sẽ không cung cấp một trợ giúp nào.

Tất nhiên Hoàng đã hiểu điều đó và anh đã chuẩn bị tất cả để đón gia đình sang từ lâu rồi. Trong bốn năm vừa qua, anh đã đi làm và để dành được hơn hai mươi lăm ngàn đồng anh bỏ trong chương mục tiết kiệm tại ngân hàng

Crocker Bank. Sau ba năm dạy học, anh đã được vào chính ngạch và lương anh nay đã hơn 25000 đồng một năm, tạm đủ chi tiêu cho gia đình anh gồm hai vợ chồng và bốn đứa con. Tất nhiên anh đã trù liệu là một thời gian sau thì Nga, vợ anh, cũng sẽ đi tìm việc làm để phụ với anh, do vậy anh chẳng có gì phải lo lắng cả. Anh đã tính toán rất kỹ từ lâu nên cách đó một năm anh đã mua lại một chiếc xe hơi, một chiếc Dodge Challenger mới chạy có 35000 miles. Khi con anh sang, chúng sẽ đi học liền và anh sẽ cần có xe để chở chúng đi học.

Ngày 22 tháng hai, anh đã ra phi trường đón gia đình. Trước đó hơn một tuần Nga và các con anh đã đáp máy bay của Hàng Không Thái Lan đi Bangkok cùng với những gia đình đi xum họp khác. Khi đến Bangkok tất cả được cho ở trong trại tị nạn để làm thủ tục giấy tờ và chờ chuyến bay đi Hoa Kỳ. Cơ quan ICEM trước đó bốn năm đã đưa anh đến Mỹ, bấy giờ đưa gia đình anh đi đoàn tụ với anh. Khi máy bay đến, anh đã ở phi trường hồi hộp chờ đợi. Sau hơn bốn năm xa cách, nay anh mới lại được thấy mặt những người thân yêu. Nhưng anh cảm thấy anh rất may mắn vì bao nhiêu người nộp đơn trước anh cũng đâu đã đón được gia đình sang? Số anh tốt phúc, anh đã được dân biểu Norman Lent ở Nữu Ước giúp đỡ, ông đã viết thư sang cho đại sứ Hoa Kỳ ở Bangkok xin can thiệp với phái đoàn ODP ở Saigon để cho gia đình anh được phỏng vấn sớm. Mặt khác, Nga vợ anh, đã phải chạy chọt cán bộ Cộng Sản, mất rất nhiều tiền mới xin được giấy xuất cảnh. Những ngày đầu tiên đó, ra đi chính thức cực kỳ khó khăn, vì lúc ấy Việt Nam chưa có chính sách cho ra đi nước ngoài để đoàn tụ gia đình. Vài năm sau, việc cho ra đi cởi mở hơn, hàng loạt những người đã xin từ lâu nay được cho đi hết, anh gặp lại bao nhiêu gia đình bạn đã được đi chính thức và đến đất Mỹ ngon lành, khỏi phải vượt biển hay vượt biên gì hết trơn hết trọi.

Như thế anh đã chờ cả tiếng đồng hồ, một phần vì máy bay đến trễ, phần khác vì thủ tục khám xét quá lâu, dân ta ra đi mang theo nhiều đồ lỉnh kỉnh ai cũng hàng năm bẩy valise lớn lại thêm thùng này thùng kia, ôi ra đi là mang theo cả cuộc đời, đâu có để lại một cái gì nơi quê mẹ nữa. Vì ra đi đây là ra đi vĩnh viễn, là một đi không trở lại, là hết tình hết nợ hết duyên với nơi mà mình thương yêu nhất đời. Khi anh thấy con trai lớn anh đẩy chiếc xe chở hành lý, anh giật mình không hiểu sao vợ con anh lại có thể mang theo nhiều đồ đạc đến thế.

Ngày đó đứa con gái lớn của anh đã 17 tuổi, con trai lớn anh đã 16, và hai đứa sau đã 14 và 10 tuổi. Nhìn những đứa con anh nay đã cao lớn, mặt mũi sáng sủa, tươi cười, khác hẳn ngày anh ra đi, chúng gầy gò, đen đủi, hốc hác và nhỏ síu, anh thấy thật sung sướng. Kể từ ngày anh đã thoát chết nơi rừng rú Kămpuchia và sang đến Mỹ, vợ con anh đã không còn sống vô vọng nữa. Họ đã thấy một tia ánh sáng lóe lên trên bầu trời còn đen tối, một tia hy vọng nhỏ nhoi, nhưng cũng đủ để cho họ thấy lại ý nghĩa của cuộc sống,

có lại được niềm tin trong tương lai, và cố gắng chờ đợi. Đứa con trai anh đã bỏ lại nơi biên giới Thái, mặc dù đã trải qua bao kinh nghiệm đau thương, nay trông tuấn tú trong bộ complet xanh xám, sơ mi trắng và cravate màu đỏ. Ai bảo đó là đứa bé đã một mình lặn lội từ biên giới Thái trở về Saigon để rồi đi vào nằm trong khám Chí Hòa sáu tháng trời? Ngày cháu ra tù ghẻ lở gầy gò, mẹ cháu đã tưởng cháu là một thằng ăn mày đi xin cơm ở chợ Thị Nghè. Khi cháu gọi cửa căn nhà của bà nội cháu trên đường Hùng Vương, ngay dưới chân cầu Thị Nghè, mẹ cháu đã tưởng cháu là một đứa bé ăn xin, nàng đem bát cơm ra cửa tính cho thì nghe con mình nói:

- Mẹ ơi, Bé đây mà! Con đã được thả về…

Thật là một cảnh đau lòng! Nàng đã ôm con vào lòng một lúc lâu, nước mắt chảy đầm đìa. Kể từ ngày Cộng Sản cướp nốt Miền Nam thân yêu, những cảnh đau lòng đếm sao cho hết? Con đi tù ra về còn là may, bao nhiêu đứa bé, mươi mười hai tuổi như cháu, bố mẹ gởi đi vượt biên, đã ra đi luôn, ra đi vĩnh viễn khỏi cõi đời? Kể sao cho xiết những cảnh đau lòng mà người dân Miền Nam đã phải chịu từ ngày mất nước? Nhưng nay, đối với gia đình anh, thì những đau buồn khổ sở đã chấm dứt. Qua khứ khốn nạn đã trôi vào dĩ vãng, chỉ còn niềm vui, niềm hy vọng tràn đầy, chỉ còn mơ ước và niềm tin vào tương lai. Lo âu, ưu tư không còn nữa. Cả gia đình anh nay đã là một, nay đã đến được chân trời của hạnh phúc, no ấm, yên bình. Từ ngày mai chỉ còn là một bầu trời xanh ngắt ban ngày và trăm ngàn ngôi sao sáng ban đêm. Vợ con anh đã ra khỏi hẳn con đường hầm tối tăm để đi ra nơi tràn đầy ánh sáng mặt trời.

Như thế hôm ấy, ngoài anh ra còn hai ông bà bác ruột của Nga, vợ chồng chị Sơn, và Tâm, người học trò chí tình của anh. Tâm thông cảm sự hồi hộp chờ đợi của Hoàng, vì cũng như Hoàng anh là một người nhậy cảm, sống nhiều với nội tâm. Chính vì thế mà hai thầy trò dễ hiểu nhau, thương nhau, và gắn bó với nhau. Anh đã bỏ một buổi đi làm để đến đón gia đình của người thầy đã cùng lăn lộn với anh từ bên những trại tị nạn ở Thái Lan. Ai nấy đều vui mừng trong cuộc gặp gở tưởng không bao giờ có lại. Ai cũng cảm thấy sung sướng cho Hoàng và gia đình nay đã xum họp.

- Lạy hai Bác ạ. Cám ơn hai bác ra đón con. Hai bác phải chờ con có lâu lắm không ạ?

"Giọng Nga vẫn thế!" Hoàng nghĩ, mới có bốn năm không gặp nhau, nhưng sao nghe lại giọng nói của vợ mình anh thấy lòng sao xuyến lạ!

- Thì phải đi đón con chứ! Thế mà đã hơn mười năm rồi có được thấy lại con đâu?

Hai bác Ngạn tuy là bác nhưng cũng gần như là bố mẹ nuôi của Nga. Ba nga mất sớm, khi nàng mới 4 tuổi. Sau khi hơn một triệu người bỏ miến Bắc để trốn Cộng Sản lần đầu, di cư vào miền Nam, mẹ Nga cũng vào Saigon với đứa con gái duy nhất lúc ấy mới hơn mười tuổi. Ba năm sau, bà bị bệnh hở van tim, một bệnh nay có thể chữa được dễ dàng bằng giải phẫu nhưng hồi đó là nan y. Bà đau ốm một thời gian rồi qua đời. Sau khi mẹ mất, đã có vài năm Nga về ở với hai bác Ngạn, bố mẹ của chị Sơn. Vì thế mà liên lạc tình cảm của Nga đối bác Ngạn và chị Sơn xa hơn là mối tình cảm họ hàng bác cháu.

- Con đi máy bay lâu thế, có mệt lắm không?
- Thưa cũng không mệt lắm ạ. Chào ông bà đi các con!

Mỗi lời nói của Nga làm cho tim Hoàng đập nhanh hơn. Nàng chưa ngó ngàng gì đến anh hết. Tục lệ người Việtnam là thế! Người chồng, mà mình vắng bóng từ bao nhiêu năm, ở ngay đó nhưng còn phải chào đón các bác, các anh chị, nói dăm ba câu đã. Thèm lắm nhưng đâu có thể nhẩy đến ôm chầm người mà mình nhung nhớ thương yêu? Hoàng cũng thấy nao nao trong lòng, anh thèm muốn vợ anh, thèm ôm, thèm hôn, thèm được cảm thấy nàng run rẩy trong vòng tay mình. Nhưng thèm thì cứ thèm, làm gì được hơn là đứng đó chờ?

- Chị Sơn ơi! Em tưởng không bao giờ còn được gặp lại chị nữa đấy! Nhưng ông Trời còn thương em lắm! Sao chị? Mạnh khoẻ không chị? Chị vẫn đi làm chứ? Các cháu đâu?
- Chúng nó có ở nhà đâu? Đi học ở xa hết. Chúng nó lớn cả rồi, chẳng còn đứa nào ở nhà. Trông Nga vẫn mạnh khỏe, chị mừng lắm!
- Cám ơn chị! Nhưng em gầy đi nhiều, phải không chị?

Sống trong xã hội Cộng Sản có gì ăn mà chẳng gầy đi? Lại thêm bao nhiêu nỗi lo lắng, bao nhiêu điều khổ tâm. Ai là người còn béo ở nước nhà? Không chết đói chết khổ là mừng rồi! Hoàng ngước mắt nhìn vợ mình. So với trước năm 1975, nàng phải xụt đi ít nhất là hai chục ki lô. Lúc xưa nàng tròn chịa, có da có thịt hơn nhiều. Anh nhớ lời nói của các cụ ngày xưa so sánh người đàn bà béo với cái nệm giường. Nghĩ đến đó anh càng thấy khó chịu. Anh chẳng thèm từ lâu rồi hay sao?

- Ừ, tội nghiệp cô em tôi! Sao mà đến nỗi thế?
- Đâu phải mình em đâu? Ai chẳng thế, chị? Chị không tưởng tượng nổi đâu. Khổ nhất là những năm 80-81-82. Em nghĩ chưa bao giờ dân miền Nam từng khổ như thế!

Nói chuyện với Chị Sơn một lúc, rồi Nga quay sang hỏi thăm anh Cương dăm ba câu, rồi mới quay sang nhìn đến anh.

- Anh chờ em có lâu không?
- Hơn bốn năm mà chả lâu sao được?
- Anh đừng ỡm ờ! Em hỏi anh ra đây đón em, anh có phải chờ lâu không?
- Có hai tiếng thôi à!
- Anh ra đây làm gì sớm thế?
- Anh ở nhà cũng chẳng làm được việc gì lại càng thêm thấp thỏm!
- Anh thì lúc nào chẳng thế!

Hoàng đã ôm các con vào lòng để thấy ấm hơn, anh đã hôn các con để hưởng cái sung sướng của giây phút mà anh đã chờ đợi mãi, bây giờ mới đến. Và bấy giờ anh ôm Nga để cho bõ cái nhớ, cái thương, cái thèm thuồng đã chất chứa trong con tim anh, trong hồn anh. Sau một lúc tỉnh lại, Nga quay sang Tâm nói:

- Đây là anh Tâm, phải không? Tôi đã nghe nói nhiều về anh, nay mới được gặp. Cám ơn anh đã đến đón tôi.
- Em mừng cho thày cô được xum họp. Cô đi từ Bangkok tới, chắc mệt lắm?

Chuyện trò nổ như pháo, ai nấy nói cười lên tiếng, ôi có bao nhiêu lời, nói sao cho hết? Họ hàng hỏi nhau về người này người nọ, chị em hỏi nhau về bao nhiêu chuyện đã xẩy ra trong hơn mười năm xa cách. Nhưng rồi cũng phải chia tay, phải hẹn nhau một dịp khác gặp lại nói nhiều hơn, nói rõ hơn, chi tiết hơn. Những câu chuyện của thời khốn nạn đó, nói sao cho hết mà hẹn, có bao nhiêu lời mà đòi kể cho hết?

Anh đưa vợ con ra xe, những người bà con còn cố đi theo để nghe kể thêm dăm ba chuyện buồn nữa, Tâm đi theo để khiêng hộ đồ, sách hộ valises bỏ vào trong xe anh. Chiếc Dodge Challenger không đủ chứa, Tâm phải chở hộ đồ về nhà anh. Bà con họ hàng lên xe ra về San Jose, gia đình anh và Tâm hướng về San Francisco, nơi mà anh đã nhận làm quê hương cho phần còn lại của cuộc đời mình.

Anh về đến nhà trọ và cả nhà chui vô một căn phòng tuy khá lớn nhưng không tiện nghi cho lắm. Căn phòng có trải thảm nên các con anh có thể nằm nghỉ đỡ. Tối nay chúng sẽ trải mền trên sàn nhà mà ngủ và sẽ phải chịu như thế cho đến khi bố mẹ chúng tìm được một căn nhà thuê. Tìm được một căn nhà vừa ý mà hợp túi tiền không phải là dễ. Muốn thuê appartment thì tương đối dễ dàng, nhưng Hoàng muốn ở trong một căn nhà biệt lập để vợ chồng con cái anh có được một cuộc sống riêng tư hơn, vợ anh có tí vườn trồng hoa và các con anh có tí sân mà chơi khi rảnh rỗi. Anh đã đi tìm nhà cả tháng nay nhưng không ra vì những căn nhà lớn thì quá mắc tiền thuê, còn

những nhà nhỏ thì không được đẹp mắt cho lắm hoặc ở những nơi xa xôi không tiện cho anh đi làm và cho các con anh đi học.

Rất may là mấy ngày sau anh nhận được một cú điện thoại của Vivian, một người bạn Tầu cùng học MBA với anh, nàng giới thiệu cho anh một người bà con có căn nhà ở Daly City muốn cho mướn. Nga và anh liền đi đến coi và thấy căn nhà đẹp, ở trong một khu nhà ở yên tĩnh khá sang trọng. Căn nhà có vườn phía trước và có sân khá rộng phía sau, nằm ở chân một dãy núi thấp chạy dài hàng cây số. Sau này các con anh thường leo lên đó đi nhặt củi về đốt lò sưởi vì khi đó cả nhà còn phải tiết kiệm tiền điện và ga. Chủ nhà thấy anh là thầy giáo mà lại là chỗ quen biết với Vivian liền cho anh thuê với một cái giá tương đối phải chăng là 700 đồng một tháng. Tuy 700 không lớn lắm nhưng đó là nửa tháng lương sau khi đã trừ thuế của anh. Anh nghĩ nếu tiết kiệm thì cũng đủ sống không đến nỗi nào, nên anh đã đồng ý thuê và đầu tháng ba, gia đình anh đã dọn đến đó ở.

Khi biết tin gia đình anh đã đến Mỹ, những đồng nghiệp của anh ở Trung Học Mission rất mừng cho anh và họ gởi thiệp chúc anh và gia đình sớm ổn định. Nhiều người mang cho gia đình anh quần áo cũ hay bát điã, nồi niêu vì họ biết anh còn phải để dành tiền, không thể sắm ngay tất cả những đồ dùng cần thiết. Hiệu trưởng và trưởng phòng giáo dục song ngữ của trường đã mở một buổi tiếp tân để chào mừng gia đình anh, và hôm đó tất cả ban giảng huấn đã đến để chia vui với anh và gia đình. Các em học sinh Việt của anh nay không còn lại bao nhiêu, cũng hân hoan ca hát và đến nói chuyện với các con anh. Thật là một niềm hãnh diện cho anh khi được nhà trường đặc biệt tỏ lòng ưu ái và tri ân anh như thế. Hãng Truyền Hình KRON số 4 của địa phương nghe tin gia đình anh đoàn tụ cũng đến thu hình và chiều hôm đó họ còn đến tận nhà anh làm một cuộc phỏng vấn nhỏ với riêng anh. Người Mỹ vào thời đó còn muốn biết tới tình trạng của những người tị nạn như anh đã phải bằng mọi giá bỏ nước ra đi tìm tự do một mình để vợ con ở lại quê nhà. Anh không nghĩ họ quan tâm cho lắm đến số phận của những gia đình phải chia ly nhưng họ cũng tò mò muốn biết cuộc sống ở Việt Nam dưới chế độ khắc nghiệt của Cộng Sản ra thế nào, có lẽ vì vậy mà hãng truyền thông mới gởi người tới hỏi chuyện anh để rồi phát hình và nghe anh kể lại những sự khốn khổ của dân sống ở Miền Nam vào thời đó cũng như những khó khăn to lớn để có thể rời Việt Nam mà đi xum họp với gia đình. Được chính phủ Mỹ nhận cho nhập cư là một chuyện nhưng xin được phép rời Việt Nam lại là chuyện khác. Nếu không có tiền để chạy chọt đút lót thì khó mà có thể đi ra khỏi Việt Nam được.

Ngày tháng trôi qua, con gái lớn của anh đi học ngay tại trường anh dạy, con trai lớn của anh học trường Westmoor High cách nhà hai ba cây số, đứa thứ hai học Benjamin Franklin Middle School và đứa nhỏ nhất học tại Garden

Village Elementary, ngay đầu đường. Nga vợ anh chỉ ở nhà, trông nom dậy dỗ con cái. Nàng chưa quen với cuộc sống mới và chưa biết có thể làm được việc gì kiếm tiền giúp đỡ gia đình. Trong lúc tạm thời, hai đứa con trai lớn của anh đã nhận đi đưa báo vào buổi sáng sớm kiến thêm hai trăm bạc mỗi tháng để tiêu vặt, khỏi phải xin tiền bố. Mỗi buổi sáng, chúng phải dậy từ 5 giờ, chuẩn bị cuốn báo bỏ vào túi nylon, rồi đến 5 giờ 40 sách hai túi vải đầy báo bỏ lên hai xe đạp đem đi giao. Những tháng lạnh, anh thấy tội nghiệp hai đứa con anh, không những phải thức dậy sớm mà còn phải mặc ba bốn áo ấm, găng tay, mũ len che cả đầu lẫn hai tai để đi bỏ báo. Nhưng chúng không bao giờ than, chúng coi đó là một việc phải làm để giúp đỡ cha mẹ nên không nề hà. Vả lại, anh có bắt buộc chúng làm công việc đó đâu. Chúng đã tự ý thức và quyết định làm chuyện ấy. Anh thấy rất hãnh diện về hai đứa con anh khi thấy chúng tự nhận thức bổn phận của mình. Vào mùa lạnh, mỗi chiều tối anh chở hai đứa con lớn đi tìm báo cũ bỏ ngoài đường, đem về cuộn lại, bỏ vào lò sưởi đốt để sưởi ấm nhà. Và như thế, vợ chồng anh đã tiết kiệm từng đồng để có được một số tiền dư, dùng đến khi khẩn cấp.

- Ở bên đây, đàn bà cũng phải đi làm. Không như ở bên nhà. Em phải tính chuyện đi học thêm Anh Văn rồi đi kiếm việc. Một mình anh đi làm, một đồng lương sẽ khó mà khá được.
- Nhưng em mới sang chưa đầy một năm. Anh phải cho em nghỉ vài ba năm cho đỡ mệt đã!

Hồi còn ở Saigon, trước 75, Nga chỉ ở nhà nuôi con. Nàng sinh con liên tiếp nên không bỏ con ở nhà đi làm được. Vả lại, nàng có đi làm cũng chẳng được bao nhiêu, anh đã để vợ mình ở nhà chăm lo cho các con khi chúng còn bé. Sau ngày mất nước, anh mất bao nhiêu chỗ đi dạy tư, nên Nga đã phải đi làm để có thêm đồng lương mà sống lay lứt. Dưới chế độ Cộng Sản, ai cũng phải đi làm, ai cũng phải lao động sản xuất. Lao động sản xuất, nghe thì kêu lắm, kỳ thực ra chỉ lao động mà chẳng sản xuất được bao nhiêu. Bọn Cộng Sản thích những câu đao to búa lớn, mục đích là để tuyên truyền lừa gạt người nghe. Và nói riết, chúng đã lừa gạt được cả chính chúng. Và như thế chúng quả thật tin rằng toàn dân đang lao động sản xuất, đang tiến lên Xã hội Chủ Nghiã, đang làm cho nước giầu dân mạnh. Chúng cứ nhắm mắt tin tưởng như thế, chúng ngu muội đến độ dân chết đói, xã hội suy thoái, nước ngày càng nghèo mà vẫn không hay, bọn cầm đầu Trung Ương Đảng vẫn hô hào "Tiến mau, tiến mạnh, tiến vững chắc lên Xã Hội Chủ Nghĩa!" Chúng đần độn tin rằng Xã hội Chủ Nghĩa sẽ mang lại no ấm hạnh phúc cho dân chúng. Thật là chuyện không tưởng.

- Anh không biết hồi anh đi rồi, em vất vả thế nào. Một mình em phải vừa đi làm vừa trông nom bốn đứa con!
- Anh biết chứ! Nhưng bây giờ em cứ ở nhà hoài, lấy gì mà sống?

- Em đã cực khổ nuôi chúng nó nên người. Anh phải thưởng công em, phải cho em nghỉ mệt bốn năm!
- Nghỉ bốn năm xong thì em già rồi. Còn đi làm cái con khỉ gì nữa? Sống bên này, mình phải tranh thủ thời gian, để khi về hưu rồi tha hồ nghỉ.
- Anh không nghe anh San nói hay sao? "Cứ để cho chị ấy nghỉ bốn năm năm cho khoẻ đã. Bắt chị ấy đi làm sớm làm gì?"
- Anh San nói chơi cho em nghe bùi tai. Em có phải là vợ anh ấy đâu mà anh ấy cần?

Cứ như thế dằng dai mãi, Nga không chịu đi làm. Hoàng bực mình vì anh ý thức rằng hai vợ chồng anh nay chẳng còn nhiều thời gian để xây dựng lại cuộc đời, nếu không cố gắng liền, sau này sẽ phải trả cái giá chua cay. Hiện tại thì không đáng lo nhưng nhìn vào tương lai, khi anh không còn sức đi làm nữa thì hai đứa lấy gì mà sống? Cả cuộc đời, anh đã tranh đấu quá mức, chẳng bao lâu nữa anh sẽ kiệt sức, anh sẽ phải ngưng, anh sẽ không còn kiếm tiền được nữa. Để cho hai vợ chồng có được một cuộc sống no ấm khi về già, cả hai người cần phải đi làm kiếm tiền bấy giờ để để dành cho tương lai.

Nga không nghĩ xa như vậy nên nàng không hiểu, nàng cho rằng anh chỉ muốn hành hạ nàng cho sướng, không muốn cho nàng được yên thân. Hai vợ chồng không hiểu nhau, gây ra xích mích, cãi cọ chỉ vì đồng tiền. Dần dà hạnh phúc gia đình bị ảnh hưởng ngày càng trầm trọng, không khí trong nhà căng thẳng, không còn sự vui tươi, yên bình của những ngày mới xum họp nữa. Chẳng bao lâu sau, cứ hễ nói chuyện với nhau là hai người gây gổ, cãi lộn, chuyện bé xé ra to. Cuộc sống mới trên đất Mỹ là thế đấy. Tiền bạc đã trở nên một vấn đề làm cho nhiều gia đình tan nát, vợ chồng đi đến chỗ xa nhau. Có một lúc Hoàng đã nghĩ đến chuyện bỏ nhà ra đi, anh muốn đi thật xa, đi đến một tiểu bang khác để sống một mình cho riêng anh.

Anh nhớ lại những năm đã qua, khi gia đình anh còn ở bên nhà, anh không bao giờ phải bận tâm, không bao giờ phải cáu kỉnh la hét, không bao giờ phải buồn bực. Anh đã ước mơ ngày có gia đình xum họp, nay có vợ con bên mình anh lại thấy khổ sở, anh không còn được hưởng cái vô tư lự của thời gian trước đó. Đôi khi anh nghĩ đến việc ly dị Nga nhưng nghĩ đi nghĩ lại, ly dị để làm gì, anh đâu cần tiền bạc? Anh chỉ muốn yên thân, đi đâu đó để khỏi thấy mặt Nga, khỏi phải bực mình, nhất là khỏi phải la hét như phát điên phát khùng, anh chỉ việc ra đi, anh đủ sức tự lực cánh sinh. Trời đã gán cho anh cái tình nóng nẩy, anh không tự kìm hãm được, không kiểm soát nổi cơn điên tiết, anh sợ một ngày nào đó anh sẽ đi quá trớn, anh sẽ vũ phu, khi đó sẽ quá trễ, có khi anh sẽ phải ra toà, anh sẽ đi nằm tù vì tội hành hung vợ mình. Trong thâm tâm anh, anh vẫn còn thương Nga nhiều lắm. Anh nhớ lại bao nhiêu vui buồn, ngọt ngào cay đắng mà hai đứa đã phải trải qua cho có được ngày hôm đó. Anh thật khổ sở, không còn biết phải làm sao.

May thay đến đầu năm sau, Nga chịu ghi tên đi học tại City College. Anh muốn vợ anh đi học thẳng trường State, nhưng nàng không đủ tự tin. Nàng nói:

- Đâu phải ai cũng như anh, cũng đi học được liền ở trường State? Em phải đi học vài lớp dễ ở City College cho quen đã.
- Em học như thế thì bao giờ mới xong?
- Bao giờ xong thì xong, gấp gáp gì?
- Em gần 45 tuổi rồi, em sẽ còn dành bao nhiêu năm nữa để đi học? Nếu anh cũng làm như em thì sao có được ngày nay?
- Anh khác, em khác. Đâu phải anh làm gì thì em cũng phải làm theo?
- Anh đâu bảo em phải làm theo anh? Anh có bắt em đi học Master đâu?
- Chuyện của anh anh làm, chuyện của em em làm. Việc gì đến anh cơ chứ?
- Nhưng em là vợ anh. Hai đứa phải chung sức mà gây dựng lại cuộc sống.
- Anh cứ lo phần anh đi và để em lo phần em, được không?

Cứ như thế cãi nhau hoài mà không đi đến đâu cả. Sau cùng, Hoàng phải nhượng bộ. Anh đành để cho Nga muốn làm gì thì làm. Nay hai vợ chồng đã sống ở đất Mỹ tự do, Nga đã biết đến những quyền của người đàn bà, nàng biết rằng anh không còn thể ép buộc nàng làm theo ý anh nữa. Anh phải tập chịu đựng, anh phải tập nhượng bộ. Anh không còn sống trong xã hội Việt Nam, anh không còn là người chồng như khi còn ở Việt Nam nữa. Ý thức được chuyện đó làm cho anh bớt thấy tinh thần căng thẳng, tuy anh vẫn còn ấm ức. Anh thấy sự vô lý của Nga, anh đâu làm điều gì sai trái, anh chỉ muốn hai vợ chồng đồng lòng cố gắng xây dựng tương lai cho vững chắc, khỏi lo phải thiếu thốn lúc về già.

Đến tháng 6 năm 1986, anh tốt nghiệp MBA. Anh đã ra trể một học kỳ vì vợ con sang, anh không còn dồn toàn thời giờ và sức lực vào việc học. Ngày anh trình luận án ra trường, vợ con anh đã đến nghe. Anh đã đứng trên bục, nhìn vợ con mà thấy phấn khởi, anh đã nói hăng xay và đã trả lời suông sẻ tất cả những câu hỏi của ban giám khảo. Vì thế, anh đã được ban giám khảo cho điểm A và khen trước mặt cử tọa, trong đó có gia đình anh. Khóa ấy, anh là một trong hai người tốt nghiệp có luận án được điểm A. Anh đã phải cố gắng để làm gương cho các con anh và quả nhiên chúng đã theo được gót anh dễ dàng. Con gái anh sau một năm học rưỡi đã tốt nghiệp trung học và được nhận vào trường State University của thành phố. Hai năm liền sau đó, hai đứa con trai của anh lần lượt được bằng khen của tổng thống Reagan và được nhận vào U.C. Davis.

Đầu năm 1987, vợ anh bắt đầu đi dạy học tại một trung tâm giáo dục cho con nít (children center) và như thế gia đình anh có thêm được một lợi tức nữa. Tuy anh không hài lòng với đồng lương mà nàng lãnh được, anh vẫn thấy rằng "có còn hơn không". Trong thâm tâm, anh đã muốn nàng đi học thẳng chương trình đào tạo giáo viên tiểu học, vì ở Mỹ không như ở Việtnam, giáo viên tiểu học hay trung học cùng lãnh một mức lương.

Đến cuối năm đó, vợ chồng anh đã quyết định đi tìm một căn nhà để mua, thay vì cứ đi ở thuê. Hai vợ chồng anh một hôm tình cờ đi ngang qua đường Southgate và thấy nơi cửa sổ một căn phố một bảng nhỏ ghi giòng chữ "Nhà do Chủ Nhân tự bán lấy." Anh nghĩ nếu tự mua tự bán thì sẽ bớt đi được tiền hoa hồng trả cho nhân viên địa ốc làm trung gian mua bán, tiết kiệm được một số tiền lớn nên hai vợ chồng anh vào hỏi. Chủ nhân là một cặp vợ chồng già đã về hưu từ vài năm trước, bấy giờ muốn bán nhà để dọn đi Sonoma ở cho ấm áp. Người con gái biết thủ tục bán nhà nên họ không cần chuyên viên địa ốc.

Sau khi đi xem xét kỹ, anh thấy tuy căn nhà chỉ có hai phòng ngủ, một phòng tắm nhưng cả từng dưới nhà còn bỏ không, anh có thể xây thêm 2 phòng ngủ và một phòng tắm nữa mà vẫn còn chỗ cho hai xe đậu, vì thế anh quyết định mua. Anh tự đứng ra thương lượng giá cả, làm giấy tờ vay tiền ngân hàng, tự lo hết mọi thủ tục của người mua nhà ký kết những giấy giao kèo và hợp đồng theo đúng luật pháp. Hai tháng sau, giấy tờ xong xuôi, gia đình anh dọn vào căn nhà mà lần đầu tiên trong đời anh được làm chủ.

Mười năm anh làm việc hùng hục ở Saigon, đi dạy ngày dạy đêm, trường công trường tư, anh chỉ có thể sang được một căn nhà lụp xụp 3 thước bề ngang, 10 thước bề dài trong một con hẻm nhỏ chỉ đủ cho xe gắn máy chạy. Anh đã sống trong cảnh nghèo vì đồng lương thầy giáo anh đã kiếm được có là bao? Mồ hôi nước mắt đổ xuống, nghề "bán cháo phổi" ở một nước chậm tiến lại đang có chiến tranh là thế! Sau đó, Cộng Sản cướp miền Nam, cuộc đời anh còn khốn nạn hơn nữa. Mấy chục lạng vàng chắt chiu vợ chồng anh đã đem nướng hết, một phần cho chủ tầu gian manh, một phần khác cho bọn công an ăn cướp, còn lại bao nhiêu đi vào túi những tên cán bộ bất lương để chạy chọt cho ra khỏi nhà tù hay để sớm có giấy tờ đi xum họp gia đình.

Nay sang đến đất Mỹ, mới đây anh còn làm phụ bếp, thế mà chỉ bốn năm năm sau khi anh đi dạy, anh đã để dành được một số tiền đủ để làm down-payment cho căn nhà mà anh mua. Tất nhiên còn lâu lắm anh mới thực sự làm chủ căn nhà đó, vì anh đã mượn tiền dài hạn 30 năm của ngân hàng nhưng chẳng sao. Ở đất Mỹ này ai cũng làm vậy, có ai có tiền mặt để trả đứt căn nhà mà mình mua? Ngày anh dọn tới căn nhà đó, những người bạn Mỹ ở Trường Mission đã hân hoan mang xe vận tải nhỏ đến dọn và chuyên chở đồ

cho anh. Họ đã vui mừng khi thấy anh đã phần nào thành công trong cuộc đời mới, và anh rất cảm động trước lòng ưu ái của những người bạn da trắng đã không những không kỳ thị mà còn quí trọng anh, giúp anh vì tình bạn.

Vì căn nhà chỉ có hai phòng ngủ mà các con anh nay đã lớn nên anh đã quyết định xây thêm hai phòng nữa ở dưới nhà. Sau khi mua căn nhà, anh không còn tiền để gọi thợ nên anh đã quyết định tự xây lấy. Anh dọ hỏi thủ tục xin giấy phép và cách vẽ hoạ đồ. Anh đã nộp đơn và chỉ trong vòng một tháng anh được giấy phép xây cất. Thời ấy, phần lớn những nhà xung quanh đã xây ở từng dưới mà không xin phép, nhưng anh không muốn sau này bị làm khó dễ, và hơn nữa anh muốn tăng giá trị căn nhà nên anh đã xin thành phố phép xây cất cho hợp pháp. Khi xin phép xây cất như vậy, thanh tra sở xây dựng sẽ đến kiểm soát nhưng anh cũng không ngại chuyện đó.

Việc xây hai căn phòng kéo dài suốt mùa hè. Trong ba tháng trời, anh và hai người con trai lúc đó đã lên đại học, hì hục làm việc ngày đêm. Thật là một công trình vĩ đại, vì anh và các con đã xây cất nhà cửa bao giờ đâu, mỗi lần đi mua vật liệu, ba bố con lại hỏi thăm người bán cách xây như thế nào và về làm đúng như thế. Khi dựng xong sườn nhà, vách chưa đóng, người kiểm soát viên thuộc sở xây dựng thành phố đã đến kiểm tra và ông nói chuyện với anh:

- Trước ở Việtnam, ông đã làm công việc xây nhà rồi phải không?
- Thưa không. Ở Saigon tôi là một luật gia.
- Thế sao ông lại biết xây dựng?
- Tôi cứ hỏi thăm rồi làm thôi, tôi có biết đâu là phải, đâu là trái đâu?
- Vậy mà ông làm khá lắm. Chỉ có một chuyện ông làm sai là nơi làm ổ điện ông không để giây điện dư ra đủ 12 inches. Ông phải làm lại và ngày mốt tôi sẽ trở lại kiểm tra một lần nữa.
- Cám ơn ông thanh tra.

Anh đã phải đào và nối ống cống khi xây nhà tắm và đó là công việc anh thấy khó khăn nhất, nhưng cuối cùng cũng xong. Anh đã phải học cách đặt và hàn các đầu nối ống nước. Anh tưởng đấy là một việc khó làm nhưng anh rất ngạc nhiên khi thấy công việc ấy kỳ thực rất dễ. Trước khi làm trần nhà anh còn phải đặt ống sưởi mà anh đã đặt làm bằng tôn. Tất cả những việc anh lúc đầu tưởng sẽ không làm được, cuối cùng anh đã dùng óc suy luận và giải quyết xong hết. Công việc cuối cùng mà anh đã làm là đặt máy sưởi mới; anh đã chọn mua loại máy tối tân nhất vào thời đó, loại máy có quạt thổi hơi nóng, để thay thế cho máy sưởi xưa đặt từ 1955 vừa to, vừa không có hiệu năng. Những người không biết anh, khi nghe nói anh tự xây phòng ngủ, phòng tắm, không ai tin nhưng anh nghĩ khi muốn thì việc gì ta cũng có thể làm được.

Ngày con anh tốt nghiệp Trung học và được nhận vào UC Davis, cả nhà coi đấy là một chiến công, và để ăn mừng, anh đã quyết định đưa cả nhà đi Canada chơi vào kỳ nghỉ lễ Noel sau đó. Hè năm đó, hai bố con anh bận bịu xây nhà nên không đi chơi lâu được. Anh đã mua lại cho con trai anh một chiếc Toyota Corolla mới đi 15000 miles. Thế là cả nhà chui vào chiếc xe cỏn con đó đi hướng về những tiểu bang phía bắc, Oregon và Washington State. Con anh và anh đã thay phiên nhau lái, lần đi chỉ nghỉ đêm tại Seattle, còn lần về chạy luôn một mạch từ Vancouver về đến nhà.

Sau này nghĩ lại anh thấy anh vẫn còn bản tính nhà nghèo và mới từ Việt Nam qua nên đã vô ý thức khi dùng một chiếc xe nhỏ như vậy mà chở 5 người - cháu gái lớn lo học nên đã ở nhà - đi chơi xa, rủi ro có chuyện gì xẩy ra thì không thể lường được hậu quả. Nhưng khi người ta còn nhà quê thì đó là một cuộc du ngoạn nhớ đời. Đó là lần đầu tiên anh đưa gia đình đi chơi. Trong đầu óc cả nhà, ai cũng đã muốn đi Canada cho biết và luôn tiện được xem luôn thắng cảnh của những tiểu bang phía bắc California. Vợ con anh đã xay mê nhìn những bãi biển mênh mông cát trắng xóa, những cồn cát vĩ đại nơi dân thể thao mang những chiếc moto ba bánh ra chạy.

Trên đường về, lần đầu tiên trong đời anh đã được thấy một cảnh rừng đã bị cháy đen thui. Trên hàng mấy chục miles dọc theo con lộ, anh đã chỉ thấy những thân cây trơ trụi, cháy đen còn đứng thẳng trên một nền trời xám xịt của mùa đông. Tuyết đổ xuống đã tan chưa hết, chỗ đen chỗ trắng, loang lổ. Cảnh đó ôi thê lương làm sao! Một kinh nghiệm nữa anh đã rút ra được từ chuyến đi này là có đi chơi đâu bằng đường bộ thì phải tránh ngày Noel, vì ngày hôm ấy các cửa tiệm ăn đóng cửa, đói bụng đi kiếm nơi ăn thật khó khăn. Đúng đêm Noel, vợ con anh đang ở Seattle, cứ lái xe lòng vòng đi kiếm chỗ nào còn mở cửa để mua thức ăn mà không ra, đành nhịn đói chờ sáng hôm sau đi ăn sáng sớm.

Một năm sau khi Nga đi dạy tại Children Center, chán nghe chồng càu nhàu về việc đi làm lương ít, một hôm Nga cười với anh và nói:

- Hôm nay đi làm về, em đã ghé trường State, gặp counselor để hỏi vụ lấy chứng chỉ đi dạy tiểu học. Semester tới em sẽ đi học lại. Em sẽ lấy ba lớp học buổi tối.
- Em làm như vậy là phải. Đằng nào cũng đi dạy, em dạy ở tiểu học lương sẽ gấp đôi và trong vài năm lương em sẽ tăng gần bằng lương anh.
- Anh nói cho em vui chứ làm sao lương em bằng lương anh được?
- Làm một thời gian thì lương sẽ lên đến bực cuối cùng, đâu còn lên được nữa?
- Em sao lên được tới bực lương đó?

- Thì tại em không chịu làm theo lời anh. Nếu em làm cách đây ba năm thì giờ này lương em đã khá rồi, đâu đến nỗi?
- Thôi mà, tại em dại dột mà!

Hai năm trôi đi, cứ ngày đi làm tối đi học, Nga xong chương trình huấn luyện để trở thành giáo viên và nàng được chuyển lên dạy mẫu giáo tại trường Tiểu Học tại Treasure Island, một hòn đảo nhân tạo nằm dưới chân cầu Golden Gate. Đi làm xa, Nga phải mua xe riêng, một chiếc Honda Accord mới đi có 10 ngàn miles, trông còn như mới tinh. Nàng phải học lái xe, dưới sự chỉ dẫn của anh, rồi được anh đưa đi ra DMV thi lấy bằng lái. Mỗi ngày trong tuần nàng phải lái xe đi sớm về muộn. Giờ này nàng đã quen quen với lối sống ở Mỹ, tuy vất vả nhưng nàng tự hào và hiểu biết nên cũng ít khi than vãn.

Những ngày đó anh đã chuyển sang đi dạy tại một trường trung học khác, anh đã đi khỏi trường Mission nơi anh có bao nhiêu kỷ niệm đẹp với những em học sinh Việt Nam, với những người đồng nghiệp thật tốt và dễ thương như Tom U., Santiago H., Therese S., những người bạn đã từng nâng đỡ anh khi anh mới tới dạy nơi đó, đã từng giúp đỡ anh mỗi khi anh thấy cần, đã khuyến khích anh khi anh xuống tinh thần. Nhưng anh đã xin thuyên chuyển vì các em học sinh Việt Nam đã ra trường hết, chương trình song ngữ Việt đã chấm dứt, viên hiệu trưởng cũ đã được thăng chức về làm ở học khu, người hiệu trưởng mới, một người đàn bà da trắng đã không có cảm tình với anh, bà ta đã lấy căn phòng học cũ của anh, nơi anh có bao kỷ niệm êm đềm, và tống anh vào một só sỉnh dơ dáy. Anh đã cảm thấy bị miệt thị, anh buồn và anh đã ra đi. Nhiều bạn anh đã bảo anh phải phản đối, anh phải như người Mỹ, phải dữ dằn, không được nhu mì. Nhưng những ngày đó, anh còn nhiều tính chất Việt Nam, anh chưa học được thói Mỹ, anh vẫn còn tư tưởng "một điều nhịn là chín điều lành" nên anh đã chọn con đường bất bạo động. Nhưng khác Thánh Ganghi, khác Martin Luther King, anh đã đầu hàng, anh đã không tranh đấu.

Sau này khi đã ở Mỹ lâu, khi thấy bị mình lợi dụng quá, khi thấy mình bị bóc lột, khi thấy mình bị chà đạp, bị lăng mạ, bị khinh thường, anh đã không chịu được, anh thấy cần phải tỏ thái độ, phải tỏ cho kẻ địch biết rằng mình không phải là thằng hèn, rồi muốn ra sao thì ra. Anh vốn là một kẻ tự hào, có tính kiêu hùng, nhưng anh đã sang xứ người, anh đã chịu lép vế, anh đã cố gắng nhịn nhục. Nhưng anh nghĩ, cái gì cũng có hạn. Vả lại, nếu anh nhịn một, kẻ địch sẽ tấn công hai, anh nhịn hai, nó sẽ tấn công bốn. Do vậy mà bộ óc đầy lý trí của anh bảo anh rằng làm như vậy là dại dột, là ngu xuẩn. Chúng nó biết mình là dân Mít dễ đè đầu cưỡi cổ, mới chân ướt châm ráo đến xứ chúng nó, chúng nó bắt nạt. Nhưng nêú chúng thấy một lần mình không để chúng bắt nạt thì chúng sẽ thôi.

Như thế, anh đã một lần thử nghiệm đường lối đối phó với những kẻ đã coi thường anh, kỳ thị anh vì anh là người da vàng, tưởng anh là một đứa hèn nhát chúng có thể bắt nạt dễ dàng. Ngày anh mới đến trường mới, có ba tên da đen dạy môn điện toán. Chúng đã học lõm bõm được một chút về điện toán nhưng chúng tưởng chúng là thiên tài. Kỳ thực chúng ngu, nhưng biết bịp những kẻ không biết điện toán. Chúng dạy học sinh dăm ba thứ láo lếu và cho điểm A cho toàn lớp để lấy lòng học sinh, nhất là học sinh cùng mầu da với chúng. Trong trường lúc đó có hai giáo sư toán, một Mỹ trắng, một Tầu cũng dạy vài lớp điện toán. Họ là những người thông minh, vừa xem sách, vừa học, vừa dạy cho học sinh. Họ giỏi và biết người biết ta. Họ nể anh vì anh có bằng cao học, anh tốt nghiệp trường Mỹ. Họ tử tế với anh, cộng tác với anh, có chuyện gì anh cần họ sẵn sàng giúp đỡ. Nhưng ba tên da đen lại bị tự ti mặc cảm. Chúng dở trò ghen tức, chúng làm khó anh, chúng gây trở ngại không cho anh làm những gì anh muốn làm, anh làm cái gì chúng cũng dí mồm vô, cái gì chúng không hiểu chúng hoạch hoẹ, bắt anh giải thích.

Lúc đầu, anh giải thích cho chúng, chỉ cho chúng, nhưng chúng chậm hiểu, anh không có thời giờ làm thêm cái công việc dạy những thằng ngu, anh bảo chúng ra hỏi hai giáo sư toán. Chúng không chịu, tìm cách phá bỉnh, nói xấu anh với con mẹ hiệu trưởng. Nó gọi anh lên hỏi anh dạy cái gì mà những tên kia là thầy giáo mà cũng không hiểu nổi, anh có dậy theo đúng chương trình hay không. Cuối cùng, nó đểu cáng khuyên anh đừng về trường nó mà làm cách mạng. Anh điên tiết lên, anh trở về phòng họp giáo sư, anh tiến đến một tên da đen trong bọn, tên ngu nhất và mất dạy nhất, anh nói to tiếng cho tất cả mọi người cùng nghe:

- Tao làm cái gì mày mà mày thù tao?
- Tôi có làm gì ông đâu?
- Đứa nào xuống ton hót với bà hiệu trưởng? Đứa nào nói xấu tao? Đứa nào bịa chuyện ra nói rằng tao không dạy đúng chương trình?
- Không phải tôi.
- Không phải mày là ai? Từ ngày tao đặt chân về đây, mày đã gây chuyện với tao nhiều lần. Tao đã nhắm mắt làm ngơ cho đến bây giờ. Tao bảo cho mày biết điều này, nếu mày còn dẫm lên chân tao, tao sẽ dẫm lên đầu mày. Mày biết chưa?

Tên khốn nạn thấy mấy chục đôi mắt nhìn hắn một cách khinh bỉ, hắn xấu hổ, hắn thấy anh quá dữ dằn, hắn lí nhí:

- Ông Hoàng! Xin ông bình tĩnh. Chúng ta có thể nói chuyện.
- Tao không muốn nói chuyện với mày! Mày nghe chưa! Mày chớ có chọc tao nữa, mày hiểu chưa?

Rồi anh hầm hầm đi ra khỏi phòng giáo sư. Hôm sau vừa tới trường, người giáo sư toán người Tầu đến bên anh nói khẽ:

- Hôm qua anh biểu diễn một trò ngọan mục. Cả trường nay biết tiếng anh!
- Tiếng tốt hay xấu?
- Cần gì tốt hay xấu thưa anh? Miễn là người ta nể anh.
- Thế anh có nể tôi không? Anh nói đùa.
- Tất nhiên là có! Anh lớn tuổi hơn tôi, anh có kinh nghiệm, anh tốt với tôi, tôi nể anh là chuyện bình thường.
- Cám ơn anh. Tôi rất may có anh là bạn ở đây. Nếu không tôi sẽ rất cô đơn.
- Anh cứ yên trí đi! Rồi anh sẽ có nhiều bạn tốt nơi đây. Không phải trường này không có những người hiểu lẽ phải, biết người biết ta đâu anh.

Quả nhiên với thời gian, anh không những được học sinh thương mến và kinh trọng, anh còn có được một chục người thân để mà nói chuyện chơi, để mà hỏi han khi cần, để mà giúp đỡ nhau. Như thế, lúc đầu anh đã khổ sở, anh đã nghĩ anh dại dột khi đã bỏ trường Mission nơi có nhiêu đồng nghiệp thân thương xin đi trường khác, nơi đây anh đã bỡ ngỡ không biết phải làm sao. Sáu tháng sau, anh thấy đỡ hơn nhiều, anh đã quen dần với môi trường mới, anh không còn tính đi đâu hết nữa. Mụ hiệu trưởng đen đã điều tra về anh. Nó đã dọ hỏi các học sinh về anh, về cách anh dạy, về cái anh dạy, và về lối đối xử của anh với học sinh. Nó đã biết anh là người thầy đàng hoàng, là người thầy tốt, nói nôm na, là người thầy mà nó cần giữ lại, không thể hất đi. Bởi vì con mụ đó nổi tiếng là khó. Nếu nó không ưa thì dù là người dạy giỏi, nó cũng tìm cách đá đi khỏi trường.

…….

Thời gian cứ trôi qua như thế, các con anh lần lượt ra khỏi trung học và lên đại học ngoại trừ đứa con út, đứa con sanh ra vào ngày 28 tháng tư năm 75, hai ngày trước khi mất nước. Đáng lý ra nó phải sanh hai ba tuần trước, khi đã đủ ngày đủ tháng để sanh. Nhưng nó lì, nó cứ nằm trong bụng mẹ, nó không chịu ra. Trong khi đó thì anh sốt ruột, không dám di tản vì sợ Nga đẻ giữa đường. Cả anh và Nga đã cứ mong mỏi cho nó ra để còn tìm đường đi. Anh đã bảo Nga chích thuốc, nhưng nàng không chịu. Thế là hết đi, ôi âu đó cũng là số phận! Sau này anh thấy anh ngu, vì bao nhiêu người có bầu vẫn cứ đi, đẻ đường, đẻ chợ, cũng đâu có ai chết đâu?

Khi Cộng sản vào miền Nam, thằng bé đó mới vài tuần, ông chú của Nga từ ngoài Bắc vào để đi kinh lý. Ông là bộ trưởng y tế chính phủ Hà Nội, ông vào Nam để đi một vòng thăm thú xem tình hình các cơ sở y tế đã ổn định đến

đâu. Khi đến Saigon, việc đầu tiên là ông đi tìm đứa cháu gái mà khi nó còn bé ông đã từng bồng bế, ông đã từng thương yêu. Khi đó trước 45, ông mới tốt nghiệp bác sĩ Y khoa, ông còn trẻ, ông có nhiều nhiệt tâm, ông đã vào đảng Dân Chủ. Anh chẳng hiểu vì sao sau đó ông lại đi theo Hồ chí Minh, ông lại đi làm cách mạng với cộng sản. Như thế ông đã theo cộng sản hơn hai mươi lăm năm, ông đã được kết nạp đảng, nghe nói ông là ủy viên trung ương Đảng. Nhưng bản chất ông vẫn là người dân chủ, ông không là Cộng sản, vì ông không khát máu, trái lại ông rất từ tâm. Ai cũng bảo ông là người nhân từ, ông chỉ cứu người chứ không giết người.

Ngày ông đến thăm Nga, thấy hai vợ chồng anh sống nheo nhóc trong một căn nhà chật trội, hơi nóng hùn hụt, nơi một ngõ hẻm dơ dáy, sống cùng với giới bình dân như phu xích lô máy hay tài xế xe lam, ông hỏi hai đứa một câu mà chẳng đứa nào có cách trả lời:

- Sao mà chúng bay đến nỗi này?

Ông đã hỏi câu đó vì ông đã thấy bọn nhà giàu ở Saigon sống trong những biệt thự nguy nga, đầy đủ tiện nghi. Bọn đó đã hút máu người dân, đã làm giàu trên lưng trên cổ người dân, đã ăn cắp ăn nảy, đã thối nát, đã phe đảng, đã này nọ, anh nói không hết được lời. Còn anh chỉ là anh thày giáo quèn, sống khốn nạn trong một xã hội thối nát vô trật tư. Anh đang cố gắng vươn lên, anh đang hết sức phấn đấu để thoát khỏi cái giai cấp "vô sản" thì Việt Cộng vào, anh hết cựa quậy. Nhưng dù sao thì xã hội miền Nam cũng còn để cho người dân thở tí tự do, còn cho con người sống! Cách mạng về, cuộc sống của anh đã khốn nạn lại còn khốn nạn hơn.

- Sao mà tụi bay <u>còn ở đây</u>?

Lại thêm một câu hỏi khó trả lời. Nga bèn chỉ thằng bé con mới đẻ mà nói:

- Tất cả là tại thằng này! Giá mà nó ra sớm hơn một hai tuần thì có thể ông vào không thấy mặt chúng con!

Mặt ông buồn rầu, ông bồng thằng nhỏ và vừa nói vừa cười:

- Tất cả là tại thằng cu Giải Phóng này!

Thì đúng tại thằng cu Giải Phóng mà cuộc đời anh khổ sở bẩy năm trời. Sau này, tất cả họ hàng bà con đều gọi thằng bé bằng cái tên mà ông đã đặt cho nó vào cái lúc mà có thể ông đã muốn mỉa mai, ông đã thấy buồn vì ông đã lỡ đi lầm đường, cả cuộc đời ông đã phải hy sinh cho một lý tưởng sai lầm, nhưng không làm gì khác được.

Cái tên vô phúc đặt cho thằng bé đã ảnh hưởng đến cả cuộc đời nó. Nó đã được cuộc "Giải Phóng" của bọn Cộng Sản vô lại giải phóng nó từ nhỏ, nên nó cứng đầu bướng bỉnh, không nghe lời cha mẹ, chỉ thích tự do làm theo ý nó. Nó khác hẳn ba đứa kia. Ba đứa kia ngoan ngoãn bao nhiêu thì nó hư đốn bấy nhiêu. Ba đứa kia chăm chỉ học hành bao nhiêu thì nó lười biếng trốn học bấy nhiêu. Ba đứa kia vâng lời cha mẹ bao nhiêu thì nó cãi cha cãi mẹ bấy nhiêu. Thật là vô phúc cho anh đã sanh ra nó. Nhiều người đổ tội cho anh, vì anh đã bỏ nhà ra đi khi nó còn nhỏ, không có người cha để dạy dỗ nó. Có thể đúng là như thế, có thể là sai. Vì đâu phải chỉ có một mình anh là người trốn đi như vậy, bao nhiêu người cha khác cũng bỏ gia đình ra đi để con cái ở nhà với mẹ mà con cái vẫn ngoan ngoãn vâng lời. Hoàn cảnh chung nhưng có gia đình thế này, có gia đình thế kia. Những lúc cơm không lành canh không ngọt, hai vợ chồng anh đã cãi nhau và đổ tội cho nhau:

- Tại em chiều chuộng nó quá từ khi nhỏ nên nó hư!
- Anh nói lạ nhỉ! Chứ không phải là tại anh trốn tránh nhiệm vụ, bỏ em lại với bốn đứa con nheo nhóc hay sao? Anh trốn đi Mỹ hưởng cái thân anh, bỏ mặc vợ con bây giờ lại nói chướng!
- Hưởng quá! Anh đi làm cu li, nhịn ăn nhịn uống, để dành tiền gởi quà về chứ hưởng cái gì? Còn em ở bên đó, có tiền vào tha hồ mà ăn mà chơi, quên cả bổn phận nuôi con nên người!
- Em ăn chơi cái gì? Anh nói đi! Ăn chơi cái gì? Em vừa đi làm vừa nuôi con, thở không ra hơi, chứ ăn chơi cái gì? Anh đừng có hồ đồ!
- Chứ không phải chúng nó đòi gì là được nấy cho yên thân em hay sao? Bà nói em cứ xỉa tiền cho chúng nó ra chợ, ăn gì thì ăn, mua gì thì mua, chẳng kiểm soát gì hết!
- Anh về đó mà kiểm soát! Khốn nhưng mà bên này còn gái suốt ngày, có muốn về, nó đâu có cho về!
- Em đừng có nói bậy. Gái với gỏng suốt ngày cái gì? Gái mà lại đậu được MBA? Gái mà lại để dành được 25,000 để bảo lãnh cho em sang đây!

Giữa hai vợ chồng anh đã xẩy ra bao nhiêu trận cãi nhau vì cái thằng mệnh danh là cu Giải Phóng đó. Ngày nó sang Mỹ, nó mới mười tuổi. Đi học bên Mỹ nó chỉ học những cái xấu, bao nhiêu cái tốt nó không học. Trước tiên là nó học tính ích kỷ hại nhân. Lối sống Mỹ đã dạy cho nó lối sống cá nhân chủ nghĩa, không cần gì đến bố đến mẹ. Thứ đến, là nó học được tính tự do độc lập. Nó muốn làm gì thì làm, bố mẹ nó không được xiá vô chuyện của nó. Cô giáo ở trường dạy nó thế, nó phải sống độc lập, nó phải tự lập, phải được tự do. Nói gì nó thì nó cãi lại bằng tiếng Mỹ:

- Can't you just leave me alone?
- Leave cái mả mẹ mày. Mày làm bậy, bố mẹ nói mày phải nghe!
- Don't you treat me badly! I will run away! I will not stay in this house!

- Mày có giỏi thì mày đi đi!

Mà nó lại giỏi mới khổ! Năm nó 13 tuổi, nó bắt đầu trốn nhà đi đến các nhà bạn nó ở nhờ. Mẹ nó lại phải đi tìm, phải năn nỉ, phải dúi cho nó tiền, nó mới chịu về. Nó về một hai tháng, nó lại dở trò, lại trốn đi và mẹ nó lại đi đón nó về. Cứ như thế. Ngày ngày nó đến trường gặp bạn để rồi rủ nhau trốn đi chơi, cuối năm không qua được các môn học, ăn toàn F với D. Riết anh không biết phải làm sao.

Năm nó lên trung học đệ nhị cấp, anh đành đưa nó về trường anh để anh dễ trông nom. Nhưng nó vẩn chứng nào tật nấy, vẫn trốn nhà đi chơi với đám bạn ở trường cũ. Khi bọn mất dạy đó lớn lên chúng bắt đầu làm chuyện bậy bạ. Một hôm cả nhóm bị cảnh sát bắt vì tội tính ăn trôm xe hơi, nó bị bỏ tù ba ngày. Khi ra nó tởn một thời gian, đi theo bố đi học được vài tháng yên ổn, rồi lại theo tiếng gọi của băng đảng, lại trốn đi. Rồi một hôm nó hớt hãi về nhà. Nó vừa về đến nhà chừng năm phút thì hai ba xe cảnh sát đến bao vây nhà, vào nhà lục lọi tìm nó. Nó đã nhẩy rào sau trốn đi mất tiêu. Cảnh sát hỏi anh, anh nói anh không biết gì hết. Mà quả thật anh đã không thấy nó về. Nó đã chạy vào nhà nói gì với mẹ nó, mẹ nó dúi cho nó ít tiền rồi nó lại trốn đi. Tất cả chưa đầy năm phút. Khi cảnh sát đến nó đã cao cánh xa bay rồi.

Tối hôm đó trong bữa cơm, anh buồn rầu nói với vợ:

- Anh chẳng biết phải lảm gì nữa bây giờ. Chỉ còn cách là cho nó cho Ông Lee làm con nuôi ông ấy. Ông ấy nói với anh ông ấy muốn giúp mình, ông sẵn sàng nuôi nó một thời gian, dạy dỗ chỉ bảo nó. Ông nói nó sẽ nghe lời ông ta, vì nó thương ông.
- Thôi thì đành làm vậy chứ biết làm gì hơn?
- Em đồng ý thì mình sẽ đến nhà ông nói chuyện với hai vợ chồng ông ấy cho đàng hoàng.
- Vâng, thì thứ bẩy này mình đi. Anh hẹn trước ông ấy đi!

Ông Lee là giáo sư dạy tiếng Nhật ở trường anh. Ông cùng tuổi ngọ với anh nhưng hơn anh một giáp. Anh đã kết nghĩa anh em với ông và ông thích thú nói rằng ông là con ngựa lớn, còn anh là con ngựa bé. Ông sanh ra bên Đài Loan và trong thời gian Nhật đô hộ, ông đi học trường Nhật như anh đã đi học trường Tây. Sau này ông sang Nhật học bậc đại học. Và nếu nói theo kiểu những thằng bạn của anh, kêu anh là ông Tây con, thì anh có thể nói ông là ông Nhật con. Một nửa con người ông là Nhật, ông nói tiếng Nhật như người Nhật, ăn uống theo lối Nhật, cư sử như người Nhật. Ông đã dạy anh làm những món Nhật, ăn cơm Nhật và uống Sake.

Ông không có con trai, chỉ có hai đứa con gái. Đứa con gái nhỏ lại bị tật nguyền, không nói được và suy yếu về tinh thần. Khi con ông đi học ở trường dành cho những kẻ tật nguyền ở Fremont, nó đã quen biết một thanh niên tật nguyền người Việt. Hai đứa thương nhau và đẻ ra được một đứa con. Khi hai đứa lấy nhau, ông mua cho hai vợ chồng nó một căn nhà ba từng. Hai vợ chồng ở hai từng trên, còn từng dưới cùng, ông xây lối đi riêng và cho thuê lấy tiền trả đỡ một phần tiền trả cho ngân hàng. Những ngày nghỉ lễ, anh thường sang Fremont giúp ông sửa sang dọn dẹp, vì hai đứa con tật nguyền của ông không làm được công việc đó. Chính vì vậy mà hai anh em càng thân nhau hơn. Hơn nữa, ông lại là một tay bợm nhậu như anh. Ông tuy lớn tuổi nhưng có thể uống suốt ngày mà không say. Mặc dù anh cũng là một tay rượu có hạng nhưng anh vẫn phải chịu thua ông xa.

- Mỗi chủ nhật tao phải đưa chị mày đi nhà thờ. Tao quen tất cả mọi người trong nhà thờ nên ông mục sư cứ mời tao vào đạo. Lần nào tao cũng phải trốn tránh.
- Anh nói làm sao mà họ buông tha cho anh?
- Tao bảo tao có nhiều tội Chúa không thể tha thứ được nên không thể vô đạo.
- Thế họ có hỏi anh tội gì không?
- Có chứ! Lần nào tao cũng nói tao là bạn ông Lưu Linh, tao uống rượu suốt ngày, mà không sao bỏ được.
- Vậy mà họ nghe anh ư?
- Để chuộc tội, mỗi khi nhà thờ cần tao làm việc gì, tao xung phong ngay.
- Anh mà làm được việc gì cho nhà thờ?
- Ồ, mày không biết đó thôi! Tao có thể nấu cơm cho cả hơn 100 người ăn.

Bà Lee cũng là người Đài Loan, cũng từng đi học trường Nhật như ông. Nhưng bà vẫn giữ hoàn toàn tính chất của một người đàn bà Trung Hoa. Vì bà thích ăn cơm Tầu nên nhiều khi ông thì nấu cơm Nhật ông ăn, bà thì nấu cơm Tầu bà ăn. Nhưng bà là một người đàn bà nội trợ hiền lành, cả đời chỉ ở nhà nuôi con, không đi làm bao giờ. Bà có cái thú đi du lịch mà ông thì không thích nên bà hàng năm vài lần cứ đi du lịch khắp nơi trên thế giới một mình. Những ngày bà đi xa, ông được giải phóng, tha hồ đi ra tiệm ăn nhậu, đôi khi có anh đi theo. Nhưng khác với những người Nhật thứ thiệt, ông không thích gái. Hay là ông chơi lén, anh không biết, thì lại là chuyện khác.

Như thế, anh đã nói với ông ở trường rằng anh đồng ý cho ông đứa con hư hỏng làm con nuôi. Trong giờ nghỉ trưa, ông gọi nó lên nói chuyện, anh chẳng biết ông nói sao mà nó chịu. Thứ bẩy tuần đó, hai vợ chồng anh đưa nó đi đến nói chuyện với ông bà trước mặt nó, rồi để nó ở đó mà ra về. Đến

hôm sau, ông đưa bà đi nhà thờ, chở nó đi theo về nhà anh lấy quần áo, rồi ông nói với anh và Nga là, theo lời xin của nó, ông cho nó sang ở bên Fremont cùng với hai đứa con ông. Anh sợ chuyện đó không xong nên nói:

- Anh cho nó sang đó làm sao anh trông coi kiểm soát nó được?
- Mày cứ để mặc tao xoay sở. Tao làm sao được thì thôi.
- Thế rồi làm sao nó đi học?
- Nó sẽ đi bằng xe Bart (xe lửa hầm). Học hết năm nay, tao cho nó học luôn bên Fremont.

Anh lắc đầu thở dài ngao ngán! Ông Lee chắc đã hành động theo lối Nhật. Ông tin ở lời nói của thằng con anh. Nó đã nói khéo với ông, nó đã hứa cuội mà ông tin. Ông chưa biết nó thế nào. Quả nhiên nó đã lừa ông. Có hôm thì nó đi học, có hôm không đi. Đến giờ trưa ông gọi nó lên tra hỏi, giọng gay gắt:

- Tai sao hôm qua mày trốn học?
- Con đâu trốn học? Con ngủ quên dạy trễ.
- Trễ là mấy giờ?
- 12 giờ trưa.
- 12 giờ trưa? Trời đất quỉ thần ơi! Mày làm gì mà ngủ dữ vậy?
- Đêm hôm trước con phải làm bài, xong con nằm đọc sách suốt đêm.
- Mày hứa với tao làm sao?
- Con hứa con sẽ ngoan, con sẽ đi học đều.
- Mày hứa thì phải giữ lời hứa nghe chưa. Nếu không tao sẽ trả mày về với bố mẹ mày!

Nó sợ bị trả về nhà, vì về nhà nó lại bi la chửi, nó đâu được tự do độc lập nữa? Nhưng chứng nào tật nấy, nó không thể vào khuôn vào phép để trở thành đứa con ngoan được. Ông Lee lần lần vỡ lẽ ra điều đó. Một hôm nó rủ bạn đến nhà chơi, uống bia hay rượu gì đó, hút thuốc lá thế nào để cháy tấm thảm của ông. Thế là ông tởn, ông gọi cho anh xin đầu hàng, trả nó lại cho anh, không còn dám lãnh nó nữa.

Rồi một hôm, Ngân con gái anh đi học Đại Học ở Minnesota về chơi, nói chuyện về một người bạn cũng có một thằng em mất dạy ở nhà kham không nổi. Người bạn đó đã đưa thằng em đi theo sang Minnesota và cho đi học bên ấy. Xa bạn xa bè, thằng bé đó thay tính đổi nết, trở nên ngoan ngoãn, học hành trở lại, sau này lên học đại học luôn ở bên đó. Nghe con gái nói như vậy, Nga nẩy ra ý định đưa thằng Giải Phóng đi theo chị nó sang Minnesota. Nàng nghĩ đưa nó đi nơi khỉ ho cò gáy, một năm sáu tháng lạnh thấu xương, nó sẽ hoàn lương, trở thành đứa con ngoan như các anh chị nó. Cháu Định đứa con trai lớn của anh, tỏ vẻ nghi ngờ quyết định của mẹ nó. Nó nói với mẹ:

- Mẹ ơi! Con rắn độc đập nát đầu cho nó chết nó cũng vẫn là con rắn độc. Không làm sao thay đổi tính nết của thằng Giải Phóng được đâu!

Hoàng cũng nói thêm:

- Các cụ đã nói "Bố mẹ sinh con, trời sinh tính". Tình nó như thế làm sao đổi được mà em mong đợi?
- Nhưng mình là cha là mẹ, cái gì làm được cho con thì mình vẫn cứ phải làm!

Anh cũng đồng ý như vậy. Tội nghiệp cho Nga, nàng đã đẻ ra đứa con không đúng lúc. Cuộc giải phóng dân tộc giả dối bịp bợm đã làm cho bao chục triệu dân Việt điêu đứng. Thằng cu Giải Phóng chỉ làm cho bố mẹ nó khổ, như thế có thấm gì?

Thế rồi hai mẹ con bàn tán việc chị gái đưa em trai đi xa; mẹ dặn con phải trông em, phải thương nó, giúp đỡ nó, khuyên nhủ nó, đừng mắng chửi nó kẻo nó bỏ nhà ra đi luôn, mẹ sẽ mất con. Ngân nói với mẹ nó sẽ chỉ làm một lần này, nếu thằng em không đổi tình đổi nết, cố gắng học hành tử tế, nó sẽ đuổi ra khỏi nhà không nuôi nữa. Thế là mẹ lo thu xếp đồ đạc cho thằng cu Giải Phóng, vali này vali kia. Nga lo lắng chỉ sợ đứa con trời đánh không chết đó mà nó lại ốm đau, không có mẹ ở bên cạnh săn sóc, nàng nói với con gái:

- Nếu có chuyện gì xẩy đến cho em, con phải báo cho mẹ liền nghe con?
- Mẹ sợ cái gì hả mẹ? Nó chết sao được mà mẹ sợ?

Nhưng lòng mẹ cứ đau sót, mẹ cứ lo lắng không sao yên tâm. Lỡ đẻ nó ra, nó có hư đến đâu thì mẹ cũng vẫn phải thương, phải nhớ. Rứt ruột đẻ ra chứ đâu phải từ trên trời rớt xuống như con voi biết bay Dumbo đâu? Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình là thế đó.

.....

Thế là thằng con ra đi với chị nó. Nó hứa này hứa nọ, bởi vì Hoàng nghĩ từ trong thâm tâm, nó cũng muốn phục hồi, nó cũng muốn trở thành người tốt như các anh chị nó. Jean Jacques Rousseau, nhà xã hội học người Pháp ở thế kỷ thứ 18, đã nói "bản chất con người là tốt, chính xả hội đã làm cho nó trờ nên hư đốn". Nêú lời nói đó đúng, nếu áp dụng lời nói đó vào trường hợp thằng con út của anh thì "khi sanh ra, thằng cu Giải Phóng là một đứa bé tốt, ngoan ngoãn hiền lành. Chính cái xã hội Xã Hội Chủ Nghĩa và, sau này, cái xã hội Tư Bản đã làm cho nó hư hỏng." Hoàng cho rằng câu nói của Jean Jacques Rousseau thật chí lý. Anh đổ tội cho cái xã hội mà bọn cộng sản dựng lên ở miền Nam đã làm cho thằng con anh mất dạy. Nếu hỏi anh duyên

cớ nào mà anh dám quả quyết như thế thì anh chỉ vào hàng trăm ngàn hay hàng triệu thanh thiếu niên ở các tỉnh lớn ở Việt Nam đang sống đồi trụy, phạm pháp, xì ke ma túy, trộm cắp đĩ điếm, lường gạt. Đó chẳng là hậu quả của chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa hay sao? Những đảng mafia đỏ tại những nước Sô Viết, những băng đảng chém thuê giết mướn ở những nước trước kia theo chế độ cộng sản, chẳng cho ta thấy điều đó hay sao? Khi thằng con út của anh, thằng cu Giải Phóng, nó đến Mỹ thì nó đã có sẵn mầm mống hư hỏng từ cái xã hội nơi nó lớn lên. Tự do Dân chủ quá lố ở cái xã hội Mỹ chỉ "bồi dưỡng" thêm cho những tật xấu vốn dĩ của nó. Và anh muốn sửa câu nói của các cụ "Cha mẹ sinh con, Trời sinh tính" ra thành "Cha mẹ sinh con, xã hội sinh tính". Và nghĩ đến đây, anh thấy câu "xã hội sinh tính" đúng y boong khi áp dụng vào một số phụ nữ có chồng trước ở Việt nam, sau này sang Mỹ, được nếm mùi tự do, bình đẳng, được hai cuộc giải phóng phụ nử và giải phóng tình dục (lại từ "giải phóng" nữa) soi sáng, chỉ vẽ đường đi nên đòi tự giải phóng khỏi những ông chồng. Bao nhiêu cảnh nhà tan cửa nát vì người đàn bà Việt Nam bỗng thức tỉnh khi đến cái xã hội phóng khoáng này!

Trở về với chuyện thằng cu Giải Phóng con anh, nó sang Minnesota, sáu tháng đầu rơi đúng vào mùa đông, tuyết phủ đầy mặt đất, thời tiết xuống âm 20 độ, nó còn cựa quậy vào đâu được nên nó đành cứ đi học rồi về nhà. Vì hoàn cảnh nó phải ngoan ngoãn. Nhưng khi mùa lạnh chấm dứt thì nó lại khuấy lại. Nay nó đã lớn khôn hơn, nó học được ở những đứa bạn của nó những thói độc địa hơn. Nó thôi không đi học nữa, nay nó chơi với bọn Mỹ trắng, học những thói đua đòi mới. Tiền mẹ nó gởi cho nó ba bốn trăm một tháng chỉ đủ cho nó xài vài bữa, một tuần. Như con người ta ra, muốn có thêm tiền thì nó đi làm; đàng này không, nó không thích đi làm mà muốn có tiền. Thế là nó đến ngân hàng, mở chương mục chi phiếu, bỏ vào đó dăm ba trăm, rồi cứ đi đâu mua gì là lấy chi phiếu ra viết mà trả. Ông con ma mãnh này cứ mở hết chương mục này đến chương mục khác, cứ viết hết chi phiếu này đến chi phiếu khác. Ông còn mua xe hơi trả góp mà đi chơi, ông ghi tên chị ông là người bảo hộ. Khi chi phiếu không tiền bảo chứng của ông lòi ra, tên dealer báo cho chị ông là ông nợ nó 4000 đồng, nó đòi lấy lại xe. Chị ông bấn lên báo cho mẹ hay. Mẹ cuống lên, lén viết cái check 4000 trả cho thằng dealer. Khi vỡ lẽ ra rằng nó nói vì còn thiếu nó 4000, nó lấy lại cái xe, và xe nó đã lấy lại rồi, thì mẹ ông mất mẹ nó 4000 vì thằng dealer điếm không chịu trả lại tấm check.

Vài tháng sau, khi những cửa hàng nơi ông ký chi phiếu trả thấy rằng toàn là không tiền bảo chứng, họ đi báo cảnh sát. Cảnh sát tóm cổ ông, bỏ ông vào tù chờ ngày ra tòa. Từ nhà tù ông gọi điện về cho mẹ ông, mẹ ông cuống lên mua vé máy bay tức tốc đi sang Minnesota để nộp tiền, chuộc ông ra. Mẹ ông sợ ông còn ở Minnesota ông còn làm bậy, bèn nhờ người anh chồng ở Florida cho ông sang bên đó ở. Thế là ông bay đi Florida. Sang bên đó ông

không còn đi học nữa, ông đã 18 tuổi, bác ông bảo ông phải đi làm mà sống. Như thế ông bắt đầu đi làm lăng nhăng sống cho qua ngày. Thời gian ở đó, ông quen một đứa con gái Việt cũng mười tám tuổi, hai đưa bậy bạ với nhau, con bé có bầu mà không chịu phá, thành thử ông có con rơi.

Khi con bé đẻ con ra, một bé trai kháu khỉnh, Nga mua vé máy bay cho hai mẹ con đi San Francisco ra mắt ông bà nội. Đang phơi phới ở cái tuổi 52, bỗng nhiên Hoàng trở thành ông nội, nhưng vì anh vốn thương con nít nên anh cũng không lấy gì làm buồn, anh yêu thằng bé vì nó giống anh như đúc, anh muốn hai đứa kia lấy nhau để cho thằng bé có bố có mẹ, theo đúng luật thiên nhiên. Nhưng anh muốn là một đàng, chúng nó muốn hay không lại là một đàng khác; và chúng nó lại không muốn, thế mới khổ cho thằng bé vô tội. Nga thương thằng cháu quá nên một mặt cố nói với con, cố khuyên nó cưới mẹ thằng bé, một mặt khác liên lạc với cha mẹ con bé kia để xin sang nói chuyện. Hoàng thấy chuyện này không xong được nên không muốn đi Florida gặp mặt gia đinh con bé kia; nhưng Nga cứ năn nỉ mãi nên cuối cùng anh phải đi. Quả nhiên, câu chuyện chẳng đi đến đâu vì thằng con trời đánh của anh cũng như con bé kia, hai đứa cứ khăng khăng không chịu lấy nhau. Thật là một chuyện đau lòng nữa, vì hai vợ chồng anh chỉ thương và tội nghiệp đứa bé cháu nội.

…….

Mười năm trôi qua, thằng cu Giải Phóng nay đã quá 40, nó đã trải qua thêm bao nhiêu cơn giống bão nữa, nhưng nhờ Trời Phật, mọi chuyện cũng qua và anh may mắn được yên bình, số anh còn tốt phúc, không bị tai hoạ lớn. Thằng cháu nội kháu khỉnh đã lớn lên thành một đứa thiêu niên, nó ở với mẹ nó, rất ngoan ngoãn và chăm chỉ học hành. Bà nội vẫn liên lạc điện thoại đều với hai mẹ con, vẫn gởi quà thường xuyên cho cháu, và cứ hè về là lại đi Florida đón cháu về Cali rồi đưa cháu trở lại Florida. Ngày nay nó đã to lớn thành một huấn luyện viên Tennis, vừa kiếm tiền vừa đi học. Nó đã học gần xong chương trình Kỹ Sư tại Đại Học San Antonio Texas. Hoàng thấy nó biết nghĩ, nó không ăn chơi lêu lổng làm bậy như thằng bố nó, biết lo lắng xây dựng tương lai, anh thấy yên lòng.

Và như thế cuộc đời anh nay đã ổn định, cuộc sống nay đã thành thói quen, anh đã trở thành một người Mỹ gốc Việt, không còn là người di tản buồn nữa. Với thời gian trôi đi ngày càng mau, anh thấy tóc anh ngày càng bạc. Chẳng bao lâu các con anh đã lập gia đình, mua nhà ra ở riêng. Thế rôi một đứa cháu nội nữa ra đời, anh thấy hạnh phúc thêm tràn trề. Anh bồng cháu mà thấy vửa vui vừa buồn, vui vì nay anh có thằng bé để mà thương yêu, buồn vì anh nhận thức rằng tuổi xế chiếu đã ngả bóng trên cuộc đời anh, anh sắp đến lúc đi đoong. Không phải anh ham sống mà cũng chẳng phải

anh sợ chết. Tự nhiên anh cứ cảm thấy buồn, một cái buồn vô cớ hay một cái buốn có cớ vô hình, anh không biết.

Lại thêm một đứa cháu nội nữa ra đời, nay anh có hai đứa quấn quít bên anh. Chúng chạy nhẩy, chọc phá anh đến độ lắm lúc anh cũng muốn không có chúng nó bên mình để được yên thân. Ấy thế nhưng khi vắng chúng một hai ngày là anh lại nhớ. Đôi khi con anh nó dở chứng, nó nghĩ anh không cần, nó không đưa các con chúng nó về thăm ông bà nội cả một tuần, hai tuần. Anh nghĩ nó giận gì anh, nó muốn trừng phạt anh, nó làm anh nhớ cháu đến phát đau, phát ốm. Rồi anh lại tự nghĩ, "Cần quái gì con với cháu? Mình bán mẹ nó cái nhà, được ít tiền lời, đi Florida mua một căn nhà nhỏ mà ở cho đến khi chết, khỏi bận tâm lo lắng điều gì!"

Anh vẫn cứ mơ ước đi Florida, đi sống ở vùng Tampa Bay, nơi anh có hai người anh ruột sinh sống yên bình. Những lần anh đi thăm thằng cháu nội lớn, anh ở nhà người anh ruột, anh thấy nhà có cây soài, cây ổi, cây nhãn, cây đu đủ, cây na và những cây gì nữa anh không biết, ôi anh mê mẩn cả người! Sống như vậy thì có khác gì sống ở Saigon? Anh không biết tại sao anh thèm có một cái vườn thật lớn tại Florida để anh cũng trồng đủ loại cây như thế, để cứ đến mùa nhãn thì anh có nhãn ăn, đến mùa soài có soài ăn, đến mùa ổi có ổi ăn. Anh là một người thích cầu kỳ. Chẳng thế mà cứ đến mùa ổi là anh lại điện thoại xuống người chị họ ở San Diego, anh lại nói chuyện này, chuyện nọ, nói nhớ chị, thương chị, khen chị đẹp để rồi chị bỗng nhớ ra, chị bèn thốt lên:

- Ôi chị biết rồi, ông em thương yêu của chị ơi! Lại muốn chị gởi ổi lên chứ gì? Chưa có đâu! phải một hai tuần nữa mới chín, rồi chị sẽ gởi lên cho em!

Và mỗi lần chị gởi một giỏ lớn ổi, có đến hơn mười ki lô, quả to quả nhỏ, qua ruột trắng, quả ruột đỏ, quả chín mềm, quả xanh dòn. Anh để bàn thờ, anh để phòng khách thơm lừng cả nhà. Anh ăn cả mấy tuần mới hết, khi gần hết anh còn cố để lại một hai quả lại cho nhà vẫn còn phảng phất mùi ổi.

Nhưng mơ ước đi Florida thì cứ mơ ước, anh đâu có quyết định được? Nga biết tính anh, nên đã có lần nàng nói:

- Anh lắm mơ ước quá nên khổ vì mơ với ước! Sống yên thân ở đây như thế này là được rồi, còn mơ ước gì nữa? Mà anh đi Florida làm sao được? Còn những đứa cháu nội anh để cho ai? Đi để mà chết vì nhớ với nhung ư?

Cuộc đời có nhiều cái éo le như thế đấy. Nhưng sống là ước mơ, sống là thèm có cái này, thèm được cái kia. Những ngày anh còn trẻ anh mất hết bồ

là vì thế! Anh có em này, nhìn em khác lại ước mơ em là của mình, lại đi tán đi tỉnh. Được em rồi lại mất em là thế! Em bỏ em ra đi, em để anh chơ vơ với cuộc đời, em tàn nhẩn, em ác độc. Nhưng âu đó là tại ai?

Giờ này thì anh không còn cần em nào nữa. Anh đã có Bé Mai, đứa cháu gái nội xinh như con búp bê, xinh quá trời, xinh như chưa bao giờ anh thấy, để anh yêu, anh thương, anh ôm vào lòng anh hôn hít. Trời sinh bé ra cho anh được sung sướng, được hạnh phúc, cho anh hết buồn hết chán. Bé là của riêng anh, anh chụp hàng trăm, hàng ngàn bức hình của Bé để anh ngắm lúc Bé về nhà Bé, để anh chiêm ngưởng cái vẻ xinh đẹp trời phú cho Bé. Những ngày vắng Bé, ôi sao anh thấy vô vị, anh không còn biết làm gì để cho qua ngày. Nhớ nhung gậm nhắm hồn anh vào những ngày đó. Anh nhớ đứa cháu gái như khi anh mới ngoài hai mươi anh nhớ người yêu, những ngày anh đi tỉnh dạy học, anh phải xa em bốn ngày một tuần.

Chương Bảy

Nỗ Lực và Thành Quả

Kể từ ngày Hoàng đến được Mỹ, Hoàng đã phải nỗ lực không ngừng, tranh đấu không biết mệt. Anh đã hiểu rằng anh phải chạy đua với thời gian, vì có khi nào thời gian ngừng trôi để chờ mình bao giờ? Ở vào cái tuổi 40, anh ý thức rằng nửa cuộc đời anh đã qua đi mất rồi, nay lại phải bắt đầu từ con số không. Nhìn lại quá khứ, anh thấy chẳng có gì nhiều để mà tiếc, chỉ tiếc rằng mình đã không ra đi sớm, ra đi từ năm 75, để có thêm bảy năm xây dựng lại cuộc đời. Nhưng nghĩ lại, anh thấy như thế này, còn hơn không, vì nếu số anh khốn nạn anh không may mắn thoát khỏi Việt Nam năm đó, nếu anh đã hèn nhát chịu yên số phận khi bị bắt lại tại biên giới Thái Kămpuchia cùng với đứa con để rồi bị đưa về Chí Hòa nằm nhà tù chung với nó thì không biết sao, cuộc đời anh còn khốn khổ đến biết chừng nào. Giờ này anh sẽ vẫn còn mải miết đạp chiếc xích lô? Hay anh đã còm cõi hom hem nằm một xó xỉnh nào chờ chết? Vợ con anh còn được ở nhờ căn nhà của bà nội tụi nhỏ con anh, hay căn nhà đó đã bị nhà nước lấy lại – vì nó chỉ là một căn nhà thuê của chủ nhân đã di tản từ 1975 nên đã thuộc chủ quyền của Nhà Nước – và giờ này đang ở chui rúc dưới gầm chân cầu thị nghè hay đâu đó một xó chợ, một đầu đường? Nghĩ lại cuộc đời anh vào những ngày tháng ở lại quê mẹ thời khốn khổ, khốn nạn đó anh vẫn còn rùng mình rợn tóc gáy, những hình ảnh gay cấn vẫn còn ám ảnh tâm khảm anh cho đến ngày nay.

Nhưng hết rồi, vĩnh biệt cái quá khứ đen tối đó! Giã từ những kỷ niệm buồn, giờ đây có nhớ chăng là nhớ tới những ngày kể từ lúc bước chân ra đi, tay vẫy từ biệt quê hương yêu quí, quê hương mình biết mình sẽ không còn trở lại, mình sẽ ra đi luôn, để rồi sau này sẽ bỏ cả nắm xương nơi xứ lạ quê người. Những ngày ở trên đất Mỹ, anh đã nghiến răng nghiến lợi, cố gắng, cố gắng hết sức anh, dùng hết những hơi tàn còn sót lại sau bao nhiêu ngày sống bằng sức lao động "vinh quang" dưới chế độ của bọn côn đồ bóc lột giọt máu của nhân dân: chúng không cho ăn mà bắt lao động nặng, chúng ngồi chơi mà chúng bắt người dân sản xuất bằng tay chân, chúng không có máy móc nên chỉ dùng toàn sức con người. Trong những năm tháng dài, Hoàng đã chỉ biết dùng đến sức lao động thể xác, anh đã quên đi rằng anh còn có bộ óc, anh đã không còn dùng đến nó trong bảy năm trời. Trong những năm dài đó, anh đã quên đi chữ nghĩa, anh đã không còn biết đến cuốn sách, tờ báo, anh đã không cầm đến cây bút, anh không coi truyền hình, ciné, anh không được biết gì đến thế giới bên ngoài Việt Nam. Đầu óc anh đã mụ dần, anh đã từ từ trở nên đần độn, ngu xi, mất hết tri thức, mất hết những hiểu biết mà anh đã tích tụ suốt bao nhiêu năm học tập.

Vì vậy mà sang tới vùng đất hứa từ những lúc ban đầu, anh đã phải tự nhắn nhủ lòng mình rằng mình phải tự tin, mình phải cố gắng, mình phải bắt đầu từ từ, phải đi từng bước, phải tính toán cho kỹ, phải có kế hoạch, phải kiên trì, phải nỗ lực, nỗ lực và nỗ lực. Chỉ bằng nộ lực phi thường mới có thể thành công, Hoàng đã mỗi ngày tự nhủ lòng mình như thế. Sáng dạy bước chân khỏi nhà ra đi anh tự nhủ lòng phải quyết tâm cố gắng hết sức mình. Chiều về nhà khi ngồi ăn bát mì gói anh mỉm cười kết toán xem ngày hôm đó anh đã làm được gì và đã đóng góp được tí gì vào chương trình tiến tới tương lai hay không. Từng thành quả nhỏ mang lại cho anh những niềm vui lớn, kết tụ trong tim anh thành niềm tin ở chính mình: anh biết chắc anh sẽ thành công, anh sẽ tiến tới cái đích mà anh mong muốn. Và cứ như thế từng bước từng bước anh tiến tới, anh tích tụ từng thành quả nhỏ này đến thành quả nhỏ kia, anh vui mừng từng nỗi vui bé, hưởng từng nỗi hạnh phúc nhỏ một, để rồi tới một lúc chúng tích lũy lại thành một thành quả to hơn mang đến cho anh một sự vui mừng lớn.

Những thành quả anh gặt hái được trên đất Mỹ không ít.

- Năm 1987 anh đã học xong chương trình Masters of Business Administration.
- Năm 1988 anh đã giựt giải toàn nước Mỹ về môn thi "Viết Đúng Chính Tả và Văn Phạm Pháp Ngữ" (Concours Internationale de Dictée Francaise organisée par Bernard Pivot) tổ chức cho toàn Thế Giới năm 1988. Tại các nước, cơ quan Alliance Française, một cơ quan phổ biến văn hóa giáo dục của Pháp hoạt động trên toàn thế giới, đứng ra cùng với đài truyền hình Pháp Antenne 2 tổ chức kỳ thi này.
- Năm 1989, anh đã được nhận vào dạy bán thời gian tại City College of San Francisco
- và sau đó đến năm 1991, sau khi anh học xong chương trình quản trị học đường tại San Francisco State University và lấy được bằng Masters of Educational Administration, anh được nhận vào làm Giám học tại Trường Phillip and Sala Burton Academic High School, một trường Trung Học khi đó đứng hạng thứ hai tại thành phố San Francisco.

1. Giựt Giải Toàn Nước Mỹ về môn thi "Viết Đúng Chính Tả và Văn Phạm Pháp Ngữ"

Một trong những yếu tố làm cho tiếng Pháp khó học, ngoài việc tập nói cho đúng giọng của người bản xứ - giọng chuẩn nhất là giọng của người dân Paris – là học văn phạm. Tiếng Pháp vốn gốc la tinh nên văn phạm tương đối rắc rối (đặc biệt là cách chia và dùng những thời của động từ sao cho phù hợp với câu văn và dùng các thời cũng như viết cho đúng chính tả sao cho phù hợp với những qui tắc văn phạm) nên nếu viết tiếng Pháp mà không đúng văn phạm thì lòi ngay cái đuôi ra là mình không rành cái ngôn ngữ ấy. Cho nên dễ biết ai giỏi ai chưa giỏi Pháp ngữ khi đọc một bài văn của một người viết. Ngoài ra, cũng như học mọi ngoại ngữ, học Pháp văn phải có trí nhớ tốt để biết nhiều từ ngữ vựng (vocabulaire) và viết đúng những từ ngữ mà mình biết, chưa kể đối với những từ ngữ mà mình chưa biết phải biết

đoán cách viết sao cho đúng khi nghe người ta nói hay đọc – còn nghiã thì phải tra cứu tự điển, tất nhiên.

Hoàng đi học trường Pháp từ nhỏ, tuy nhiên cho tới khi đi thi tú tài thì khả năng viết tiếng Pháp của anh cũng chỉ vào hàng trung bình. Chỉ sau khi bị bó buộc phải đi học tiếng Pháp để trở thành giáo sư ở Đại Học Sư phạm anh mới nỗ lực học và nghiền ngẫm ngôn ngữ này. Bản chất anh là một con người không muốn bị người khác chê cười khi dễ, nên anh đả cố gắng học hỏi, nghiên cứu, đọc sách và viết văn, và từ từ anh cũng đã bắt đầu thích văn chương, thi phú, cái mà suốt những năm Trung Học anh đã bỏ bê, coi thường. Những năm xa xưa đó anh chỉ chúi đầu học những môn Toán và Khoa Học vì anh đã mơ ước trở thành một kỹ sư điện toán. Anh nhớ vào những năm đầu của thập niên 60, những môn khoa học thực dụng (sciences appliquées) bắt đầu phát triển bên Pháp, anh đã ao ước được đi Pháp học trường INSA (Institut National des Sciences Appliquées) ở Lyon là trường dạy khoa học thực dụng đầu tiên được thiết lập ở Pháp - nếu anh nhớ không lầm -. Số Hoàng ăn mày, thi tú tài Hai anh chỉ đậu được với hạng bình thứ - anh đã ngu xuẩn coi thường môn Triết học suốt năm lớp 12 (Terminale) anh không chịu học cái môn hắc búa này, bài làm luôn được dưới 10 điểm trên 20 - vì điểm thi môn này quá kém, kéo điểm trung bình xuống, nên anh không được hạng Bình như anh đã tự tin nghĩ là sẽ đạt được. Thế là đi toi ước mơ xin được cái học bổng đi Pháp học INSA. Trong khi nhiều bạn anh, tuy học kém hơn anh, vẫn đi Pháp du học vì gia đình có tiền cho đi thì trường hợp của anh khốn nạn ở chổ năm đó bố anh mới về hưu trí, ông nói: "tao lấy tiền đâu nuôi mày ăn học ở bên đó?" Thế là giấc mơ du học của Hoàng tan thành mấy khói! Buồn quá anh ức cho cái số phận hẩm hiu của mình, anh quyết định không thèm đi học tiếp bậc đại học, lao đầu vào cuộc sống bụi đời… Bố anh thấy thế bèn nói: "Mai mốt giỏi lắm là mày đi đạp xích lô thôi, con à!"

Ở Đại học Sư Phạm, sinh viên ngoại ngữ được học nhiều nhất về Văn Chương (littérature) nhưng cũng có một vài giờ học về Ngữ học là Văn phạm (Grammaire et Philologie). Làm giáo sư Pháp Văn thì phải viết đúng văn phạm và hiểu biết về ngữ học nên Hoàng đã dành nhiều thì giờ tìm hiểu học hỏi nghiên cứu về Văn phạm và Ngữ pháp của tiếng Pháp, do vậy mà anh rành rõi hai môn này. Một số bạn của anh vì không thích học cái môn rắc rối này nên không hiểu cặn cỗi, họ nể phục sự hiểu biết rành rõi về ngữ học của anh. Anh nhớ vào những năm 63, 64 anh học môn Grammaire et Philologie với giáo sư người Pháp tên George Duplessy, vị giáo sư tự hào mình là chuyên gia về cái ngành chuyên môn hiếm người theo đuổi này vì nó là một ngành hắc búa - nếu tôi không lầm thì Ông Phạm Duy Khiêm cũng là một nhà Văn Phạm Pháp Văn (gramairien) -, ông thích khoe khoang với học trò của ông trong lớp; một hôm, ông nói:

- Je suis le seul Gramairien au Vietnam! (Tôi là nhà văn phạm duy nhất ở Việt Nam!

Một sinh viên trong lớp anh liền giơ tay lên tinh nghịch trả lời:

- Thưa Giáo sư, còn một nhà văn phạm thứ hai nữa!

Ông ngạc nhiên khi nghe được điều này. Tò mò, ông bèn hỏi:

- Anh nói cái gì? Người đó là ai vậy?

Anh sinh viên chỉ Hoàng và trả lời:

- Thưa Giáo sư, ông Hoàng, ngay trong lớp mình đây!

Cả lớp cười ồ! Sở dĩ anh bị trọc phá như vậy là vì anh là học sinh cưng của Giáo Sư Duplessy, điểm học điểm thi của trong lớp về môn học này bao giờ cũng cao.

Viết Chính tả là một trong những môn học không dễ vì yếu tố văn phạm và ngữ học, do đó không phải cứ là người Pháp là viết được đúng chính tả. Ở những trường pháp từ nhỏ (tiểu học) học sinh đã phải học viết chính tả, cô giáo hay thầy giáo đọc những bài văn cho học sinh viết hàng ngày. Tuy nhiên lên tới Trung học thì không còn môn này nữa, cho nên ít học sinh viết được đúng văn phạm và chính tả, mặc dù ở bậc trung học đệ nhất cấp học sinh vẫn còn phải học môn Văn Phạm. Cao hơn ở bậc Trung học thì học sinh đã học Văn Chương (littérature), phải viết những bài văn (essai) nhưng học sinh nào không có căn bản văn phạm sẽ viết sai những câu văn, mặc dù họ có thể có ý tưởng phong phú để viết ra. Viết sai văn phạm không phải là viết tiếng "bồi" vì chỉ những qui tắc văn phạm bậc cao mới sai, còn những qui tắc chính yếu vẫn viết theo đúng. Chính vì ít chú tâm học văn phạm và ngữ vựng nên ngày nay có rất nhiều dân Pháp viết sai chính tả và văn phạm.

Đẻ cổ động việc học viết tiếng Pháp cho đúng ở những nước nói tiếng Pháp (Pays Francophones) lớn như Pháp, Bỉ (Belgique/Belgium), và Gia nã Đại (Canada) từ những năm cuối tập niên 1950 đã có phong trào thi viết chính tả (concours d'orthographe/dictée), lúc đầu chỉ thi trong nước, không thi quốc tế. Riêng ở Pháp phong trào này phát triển ngày càng mạnh vì được sự tiếp tay của những đài truyền hình quốc gia Pháp. Riêng trong những năm 1985 cho tới năm 2005 những cuộc thi viết chính tả mang tên *Dicos d'or* được mở rộng ra tầm thi quốc tế (championnat du monde d'orthographe) nhờ nhà báo Bernard Pivot, một hoạt náo viên làm việc cho đài truyền hình Antenne 2. Bài thi viết dành cho cuộc thi chung kết do chính Bernard Pivot soạn thảo còn những bài cho cuộc thi bán kết thì do nhà ngữ học Micheline Sommant soạn ra. Những cuộc thi bán và chung kết trong nước Pháp cũng như quốc tế Dicos d'Or đều được tổ chức và trình chiếu trên Truyền hình Pháp và được toàn nước Pháp thích thú theo dõi. Khi Hoàng đi Paris thi chung kết cuộc thi toàn thế giới, anh cũng được phỏng vấn trong vòng một hai phút và anh đã xuất hiện trên màn TV Pháp. Khi tới Gap thăm người em trai làm nha sĩ ở đó – sau mười mấy năm không gặp lại nhau - người em anh đã tổ chức một bữa tiệc trong đó có những đồng nghiệp của em anh ăn mừng "chiến công" của Hoàng. Trong buổi tiệc vui vẻ có champagne mở lốp đốp này, nó đã giới thiệu anh và một người bạn đồng nghiệp đã tuyên bố rỡn chơi rằng "thế là anh em họ Trịnh đã tràn vào nước Pháp – Les Trinh envahissent la France" (Hoàng có một người anh và hai người em trai sinh sống trên đất Pháp.)

Muốn tham dự kỳ thi viết chính tả này, ứng viên phải trải qua 3 giai đọan: Trước tiên phải xin tham dự bằng cách trả lời những câu hỏi đăng trên tuần báo Lire bằng cách lựa một trong những câu trả lời cho sẵn (questionnaires à choix multiples) và

sửa những lỗi viết sai trong một bản văn được đưa ra. Nếu khá thì sẽ được chon tham dự cuộc thi bán kết. Kỳ thi bán kết từng vùng thì thí sinh được gọi tới một nơi nào đó để trả lời những câu hỏi cũng bằng cách chọn câu trả lời cho sẵn và viết một bài chính tả chính và một số những bài chính tả nhỏ để phân giải giữa những người có số điểm bằng nhau. Hai giai đọan vừa kể Hoàng đã không tham dự, anh đã không hề biết tới cuộc thi chính tả quốc tế này vì anh ở Mỹ, đang còn tối mặt tối mũi đi làm nuôi gia đình. Trước đó mấy năm vợ con anh còn ở Việt Nam thì anh nhớ nhà, nếu có giờ phút rảnh rang nào thì anh đi lang thang ra bờ biển ngắm trời đất và mơ mộng. Hoặc anh đi lấy xe bus đi xuống vùng Tenderloin của San Francisco kiếm mấy tiệm bán cassette nhạc mua về nghe cho thỏa nỗi nhớ quê hương. Đôi khi anh ghé Trung Tâm Alliance Francaise ở đường Bush đề kiếm báo Pháp xem chơi, mướn tiểu thuyết về đọc, kiếm bạn để giao du, nói tiếng Pháp và đùa rỡn với những dân nói tiếng Pháp hầu quên buồn trong khoảnh khắc. Chính vì hay tới Alliance Francaise mà anh đã quen người giám đốc Trung Tâm này, một giáo sư người Pháp có bằng Thạc sĩ về Sử Địa - giờ anh không còn nhớ tên -, có học thức cao, hiểu biết rộng, và nhất là biết giá trị con người. Ông này thấy anh cũng là một người có học thức, mới tị nạn chính trị ở Mỹ nên dễ hoà hợp thông cảm…

Riêng ở Mỹ, Alliance Francaise tại San Francisco đứng ra tổ chức kỳ thi chung kết cho toàn nước Mỹ. Đúng hôm có kỳ thi ấy, một buổi sáng thứ bẩy, anh đã bận quần jean áo thun chân đi đôi dép Nhật, lệt xệt ghé trung tâm chơi và tình cờ trúng hôm có cuộc thi. Vị giám đốc Alliance Francaise mà anh đã kết thân từ khá lâu lền xúi anh vào thi chơi. Anh đặc biệt được tham dự cuộc thi chung kết ở Mỹ, khỏi qua hai giai đọan đầu... Ông ta biết anh đã từng là giáo sư Trung Học, dạy môn Pháp văn ở Việt Nam và có căn bản về tiếng Pháp. Vừa thấy anh tới vào lúc cuộc thi sắp bắt đầu ông cười cười vui vẻ kể về cuộc thi Dictée do Bernard Pivot tổ chức lần đầu tiên cho tất cả mọi người trên thế giới tranh đua, rồi bảo anh:

- Anh cứ vào thi chơi đi, biết đâu anh giựt giải thì sao?
- Ông có nói đùa không đấy? Tôi làm sao giựt được giải toàn quốc nước Mỹ? Thiếu gì người giỏi hơn tôi nhiều?
- Ấy thế mà rồi anh xem! Tôi ở đây quen biết nhiều người. Tôi thấy anh là một tay cừ về văn phạm! Anh viết dictée số dách, ăn cả người Pháp chính cống!

Bây giờ anh lại nghe viên giám đốc cơ quan Alliance Française nói về cái khả năng văn phạm của anh, anh cảm thấy vui vui trong lòng. Được bốc thơm, anh bèn vào thi thử xem sau bao nhiêu năm không dùng đến ngoại ngữ này, khả năng viết tiếng Pháp của anh có còn như trước hay đã sa sút đi nhiều rồi.

Nói về thi chung kết toàn quốc, được tổ chức tại mỗi quốc gia, thì các thí sinh giựt giải tại mỗi tỉnh - ở Mỹ thì mỗi Tiểu Bang - họp nhau lại vào một ngày mùa Đông để thi cũng tương tự như thi bán kết tức là trả lời những câu hỏi và viết mấy bài chính tả. Tại Mỹ cũng như khắp nơi khác trên thế giới hai cuộc thi bán và chung kết được phân chia ra làm hai loại: loại người lớn tài tử (seniors amateurs) và Loại người lớn chuyên nghiệp (seniors professionnels). Riêng bên Pháp, còn các loại dành cho thiếu niên và thanh niên. Hoàng đã từng là giáo sư dạy Pháp Văn ở trung học, anh tự nghĩ anh là một người trong hạng chuyên nghiệp, không thể thi trong hạng tay

mơ. Chính vì vậy, khi tới Paris thi với những tay cự phách đến từ khắp các quốc gia trên thế giới - kể cả nước Pháp và các quốc gia cựu thuộc địa Pháp, cũng như những nước có dân biết tiếng Pháp rành rõi như Canada, Thụy Sĩ, Bỉ, Lục Xâm Bảo - thì anh đâu còn coi là ngon lành, làm sao địch nổi họ?

Sau khi thi ở Alliance Française ra, anh không về nhà liền, anh còn đi lang bạt kỳ hồ, anh vốn buồn đời hay đi lang thang để quên sầu. Khi anh trở về nhà vào lúc chiều tối thì Nga nói với anh:

- Hồi chiều có giám đốc Alliance Française kêu điện thoại hỏi anh đó. Em nói anh không có nhà!

- Thế ông ta có nói ông muốn cái gì không em?

- Thì ông ấy muốn nói chuyện với anh chứ muốn cái gì?

- Chắc em có hỏi ông ấy tìm anh về vụ gì chứ?

- Em chẳng cần phải hỏi. Ông ta hỏi em có phải là vợ anh không, và sau đó ông ta báo tin anh trúng giải nhất kỳ thi gì đó. Anh được thưởng 1500 đô la và sẽ được đi Paris không mất tiền. Anh cần liên lạc với ông ta để biết thêm chi tiết.

Như thế năm đó anh được đi Paris để tranh tài với những người đã trúng giải tại các nước khác trên thế giới. Năm 1988, vừa tới mảnh đất thần tiên là Đất Mỹ này được có sáu năm, anh đã được bước lên chiếc máy bay Air France đi Paris lần đầu tiên trong đời mà không tốn đồng xu nào. Từ nhỏ, anh đã mơ ước một ngày nào đó anh được đặt chân tới Paris, thủ đô ánh sáng, Paris la ville Lumière như anh thường được nghe nói. Anh từng được coi thoáng trên ciné con đường Champs Elysées, nhà thờ Notre Dame, Dòng sông Seine và những con tàu-ruồi (bâteau-mouche), nhìn trên hình chiếc tháp Eiffel, chiếc Arc de Triomphe, nghe nói tới viện bảo tàng Louvres, vườn Luxembourg, khu Montmartre, và bao nhiêu nơi thần tiên khác nữa… và anh đã thèm, anh đã ước ao, anh đã nghĩ trong đầu rằng một ngày nào đó sau khi đã ổn định công danh, có nơi ăn chỗ ở, có công ăn việc làm chắc chắn thì sẽ mua vé máy bay đưa vợ con anh đi Pháp chơi một chuyến. Thế mà do định mệnh anh đã tham dự cuộc thi tuyển này. Đúng là số trời! Chính định mệnh đã an bài như thế. Định mệnh đã cho anh hưởng cái vinh dự làm kẻ thắng cuộc thi để rồi làm đại biểu cho Hoa Kỳ đi Paris thi cuộc thi quốc tế! Sang tới Paris anh lại còn được lên TV Antenne 2 của Pháp để trả lời một cuộc phòng vấn ngắn, gây ấn tượng cho những bạn bè anh ở Pháp! Anh đã tạo ngạc nhiên cho thiên hạ, người ta không hiểu vì sao mà một anh da vàng mũi tẹt tị nạn ở Mỹ mà lại đại diện cho cả nước Mỹ đi thi cái Concours Mondial d'Orthographe ở Paris. Giá hồi đó anh khiêm nhường thi hạng Amateur thì có rất nhiều cơ mày anh được trúng giải quốc tế và được đi chơi một vòng thế giới không mất tiền (người bác sĩ Mỹ gốc Bỉ đã giựt được giải thưởng này khi củng với anh đi Paris thi.)

Nhưng thế cũng tạm được, anh cũng đã đủ khoái chí, vì anh đã được đi ngao du đất Pháp sớm hơn, anh đã được gặp lại bà con họ hàng và nhất là người anh và hai em của anh sớm hơn dự định. Nếu không có chuyến đi khó ngờ này thì chắc ít nhất cũng phải mươi năm sau anh mới đặt được chân tới đất Pháp. Anh rất thoả mãn với chuyến đi Paris này vì đi tới đâu anh cũng được tiếp đón vui vẻ vì ai cũng đã biết vụ anh đi dự kỳ thi quốc tế viết chính tả Pháp, ai cũng bắt tay anh vồn vã và khen anh, làm cho anh nở mũi một lần trong đời. Ông Bác vợ, người đã từng khuyên anh phải liều mạng bỏ nước ra đi mới cách đó năm năm, người đã trao cho anh một củ Sâm Cao Ly to tổ bố và dặn anh phải nhấm nhấm nó trên tuyến đường đi bộ gian nan dài cả ngàn cây số để có thêm sức mà đi cho tới nơi, đạt cho được cái mục đích là tìm cho ra cái tự do anh mong muốn ao ước, đã cùng với ông em ra tới tận phi trường đón anh. Hai người đã bận manteau và mũ nỉ, đội tuyết rơi lớt phớt và cái lạnh đáng sợ của mùa Đông Paris để tỏ lòng ưu ái đặc biệt của hai bậc trên đáng kính của anh, anh đã rất vui mừng trong lòng và tỏ lòng biết ơn sâu xa. Cả hai ông đã dành nhiều ngày sau đó đưa anh đi ăn, đi chơi, đi thăm thú Paris và cả những lâu đài vùng sông Loire. Lần đầu tiên trong đời anh đã được thấy tận mắt chiếc Arc đe Triomphe, cái Tour Eiffel, đi tản bộ dọc sông Seine - nơi có những sạp bán sách báo cũ làm cho anh nhớ tới những sạp bán sách cũ trên lề đường Lê Lai và Phạm Ngũ lão ở Saigon thời xưa, một thời để thương nhớ mãi mãi suốt đời - và trên con đường lừng danh là Đại Lộ Champs Élysées, đi thăm vườn Luxembourg nổi tiếng đẹp. Anh còn nhớ anh đã được bà mợ thết một bữa ăn tối tại nhà hàng tàu sang nổi tiếng ở Paris, tiệm ăn mang tên "Restaurant Sur Mer" – tên tiệm ăn này anh chỉ nhớ mang máng, giờ không thấy còn ở Paris nữa - một tiệm ăn mà thực khách ngồi ăn trên một hồ nước, sàn nhà làm bằng một lớp kính dầy, dưới nước có những đàn cá bơi lội qua lại. Bà mợ này đã quí hai vợ chồng Hoàng, khi hai đứa mới lấy nhau, còn nghèo rớt mồng tơi, bà đã cho đến ở nhà bà ở Saigon một thời gian khá dài, cho tới khi bà đi Maroc sống với chồng và các con – khi đó ông cậu đang đi làm ở toà đại sứ bên đó. Những ngày ở Paris, chính một tay bà đã làm cơm, những món ăn tuyệt vời, thết ông anh chồng và anh đã được ăn ké, đã cái đời.

Giờ đây, chỉ còn lại ít hình ảnh lu mờ đi nhiều do thời gian 30 năm đã trôi qua kể từ chuyến đi Paris dự thi đó. Anh nhớ hình ảnh của Hilton Hotel nơi anh đã trú ngụ ba hay bốn ngày gì đó, cái khách sạn giờ đây anh thấy cũng bình thường thôi nhưng sao hồi đó Hoàng, như anh nhà quê ra tỉnh, thấy sang quá là sang! Đó là lần đầu tiên trong đời anh đã được tới ở một khách sạn như thế. Nghĩ lại những ngày mới đó thôi, anh đẩy chiếc xích lô vào một ngõ hẻm hay bên một gốc cây me um tùm ở Saigon, kéo chiếc mui xe lên rồi chui và chiếc ghế, nằm ngủ vùi vì đã mệt nhoài sau một ngày "lao động chân chính" và say mèm vì đã "chơi" hai ba xị đế tại một quán nhậu bên vệ đường. Thế mà giờ đây anh đã bẫn bộ đồ "tây" vào ngủ trong Hotel Hilton Paris Opéra, một mình anh một chiếc giường rộng thênh thang, nệm êm chăn ấm, sáng sáng xuống uống cà phê, ăn full breakfast khỏi trả tiền! Lần đầu tiên anh đi thang máy có tên bồi vận bộ đồ uniforme đỏ, mũ đỏ bấm nút mở cửa thang máy cho anh vào. Cho đến giờ đây, anh vẫn còn giữ lại làm kỷ niệm những tờ giấy viết thơ có entête của Hilton Paris và cái hộp đen bé tí ti bên trong có cục xà bông ghi chữ Hilton. Quả đúng anh là một anh nhà quê đi Paris lần đầu trong đời, anh đã chỉ dám mon men ra đường đi bộ quanh quanh cái khách sạn xem con đường Champs Élysées và cái Tour Eiffel, không dám đi xa vì sợ bị lạc không tìm ra đường

về! Nói gì xuống Métro đi chơi khắp cái thành phố ánh sáng cho thỏa cái chí… tò mò!

Thế mà giờ đây thì Hoàng đã chán đi Paris rồi, anh đã tới đó cả chục lần, anh đã được người anh rể vợ, một thổ công của thủ đô ánh sáng, đã sống tại nơi đây từ khi mới 16,17 tuổi, ông này đã được đi du học rất sớm, dẫn đi chơi khắp Paris. Không có nơi nào ở Paris mà ông ta không biết từ gốc gác đến ngọn ngành, đi thăm Paris với ông còn hơn là đi với một guide touristique, ông kể từng chi tiết một từ lịch sử tới những chuyện gì đã xẩy ra tại từng nơi, ai đã ở đó, làm gì tại đó, biến cố gì đã xẩy ra, chuyện tai tiếng gì dính dấp tới từng nơi, v…v… Hoàng nghĩ ông ta có thể viết cả một cuốn sách dầy cộm về Paris được.

……
Giờ đây Hoàng chỉ có một ao ước tầm thường là trở về thăm thành phố thân thương Saigon của anh, bao nhiêu năm qua anh đã lê chân tới những nơi xa lạ, thăm viếng bao nhiêu là thành phố khắp thế giới, những chỗ không gắn bó gì với trái tim tâm hồn anh, anh tới chỉ vì muốn biết một lần, đến mà thờ ơ, vô cảm…

2. Vào làm Giáo Sư Thỉnh Giảng tại City College of San Francisco

Năm 1989, do một tình cờ anh ghé chơi phân khoa Thương Mại tại City College, một đại học cộng đồng của thành phố San Francisco dành cho những người lớn tuổi và những học sinh, sinh viên học hai năm đầu đại học. Người cầm đầu phân khoa này là một người Mỹ gốc Pháp nên khi nghe anh cũng biết tiếng Pháp liền có cảm tình với anh. Sau khi nói chuyện một hồi, anh bỗng nẩy ý hỏi ông có cần người dạy điện toán hay không thì ông nói còn hai lớp Lotus 1-2-3 mới mở thêm ông đang kiếm người dạy, ông hỏi anh có dạy được môn đó không. Khi anh nói anh đã từng dạy Lotus 1-2-3 mấy năm rồi ở Trung Học, ông bèn nhận anh và đưa anh đi gặp vị giáo sư trưởng nhóm để người này cho anh biết thêm chi tiết. Vị giáo sư này rất lịch sự với anh, cho anh biết giờ giấc, nơi dạy, và tên cuốn vẫn sách dùng để dạy hai lớp đó. Ông cũng đưa cho anh chìa khóa để vào các phòng lớp và nói với anh rằng nếu anh cần điều gì thì cứ cho ông hay. Hôm sau anh lên học khu làm hồ sơ giấy tờ nhận việc và hai tuần sau anh bắt đầu đi dạy. Như thế anh đã rất may mắn gặp những người tử tế không những cho anh việc làm thêm vào buổi chiều tối mà lại còn đối sử đàng hoàng, giúp đỡ anh tận tình.

Mặc dù đó chỉ là một đại học cộng đồng, xin dạy tại City College không dễ dàng như người ta tưởng, nhất là tại San Francisco, nơi mà lương trả cho giảng viên đại học cộng đồng cao hơn những nơi khác nhiều. Vào những năm đó, City College chưa có một giáo sư người Việt nào mặc dù số sinh viên Việt Nam ở trường khá đông. Các em đã sinh hoạt tương đối mạnh và đã chính thức lập được cả hội Sinh Viên Việt Nam tại trường và có những buổi họp hàng tháng, tổ chức những buổi văn nghệ, hay ra báo. Sinh viên Việt tại đó đã nổi tiếng là chăm học và họ đã mang lại được danh thơm cho cộng đồng người Việt trong vùng Vịnh. Nhiều sinh viên đã giựt được giải thưởng và học bổng để lên học tiếp tục tại những đại học bốn năm. Anh cũng

hòa đồng với các em vì chúng cũng như anh là dân tị nạn Cộng Sản, mang trong tâm huyết cái hận của những kẻ không chịu được ách độc tài mà phả bỏ nước ra đi.

Đi dạy tại đó đối với anh là thêm một thành quả, nhưng hơi vất vả vì anh vẫn ngày ngày đi dạy ở Trung học và chiều tối, vào những đêm không đi dạy thêm ở City College, thì anh còn phải đi tới San Francisco State học nốt cho xong cái Cao học Quản Trị Học Đường. Cả cuộc đời anh đã quen làm ba bốn việc một lúc, anh đã quen làm việc hùng hục như con trâu, không còn thì giờ thở. Anh đi làm nhiều một mặt để kiếm thêm tiền, mặt khác để thoả mãn tham vọng cá nhân. Anh vẫn thích làm những chuyện khác thường để tự hào, đồng thời để được kính nể: việc đi dạy tại City College đã làm tăng thêm uy tín của anh với những đồng nghiệp tại trường Trung học nơi anh đang làm việc.

Như thế anh đã liên tục đi dạy ở City College trong 12 năm trời. Sau năm năm làm việc cho bộ môn Thương Mãi, anh đã chuyển sang bộ môn Khoa Học Điện Toán để dạy những lớp có tính cách khoa học chuyên môn hơn. Từ việc phụ trách những lớp Điện Toán sơ cấp cho những sinh viên ban Thương Mại, như Lotus 1-2-3 rồi Excel cho những sinh viên học ban kế toán có thể dùng computer để làm và sửa đổi những bản kết toán nhanh chóng, và Wordstar rồi WordPerfect là những chương trình thực dụng (applications) giúp các sinh viên ban thư Ký đánh máy biết cách trình bày và sửa đổi các bản văn nhanh chóng cũng như hoàn chỉnh hơn, anh đã sang dạy những lớp căn bản về điện toán dành cho những sinh viên sau này muốn tiến lên Đại Học cấp hai học tiếp về Khoa học Điện Toán để trở thành kỹ sư: anh dạy các lớp nghiên cứu về DOS, lập chương trình bằng Dbase, và những năm chót anh dạy những lớp căn bản về cách vẽ và thiết lập những hệ thống mạng (network design)…

Trong thời gian dạy học ở City College, and đã nỗ lực tìm phương cách dạy sao cho dễ hiểu và giúp học viên mau chóng thu thập những kiến thức vững chắc nhất về môn họ học. Anh sọan riêng những bài dạy, cho in cours và phát không cho sinh viên, mặc dù nhà trường chỉ định những sách mà họ phải mua mang về nhà học. Chính vì học anh dễ hiểu và học được nhiều nên sinh viên đổ dồn về học lớp của anh. Mặc dù anh có đủ số sinh viên quy định (30 người) rồi những nhiều sinh viên vẫn thêm tên vào danh sách đợi (add list) xem có ai bỏ để chen chân vào. Nhiều sinh viên học các lớp do những giảng viên khác phụ trách thấy khó hiểu cũng bỏ lớp và xin sang lớp anh. Họ nài nỉ quá nên anh vì động lòng cũng nhận thêm cho họ vào nên khóa học nào lớp anh cũng có trên số học viên qui định. Đôi khi còn có sinh viên lớp khác xin anh cho vào ngồi dự thính để học thêm, anh cũng sẵn lòng cho phép. Cuối năm trường thường bắt sinh viên đánh giá sự dạy dỗ của giảng viên xem có tốt hay không, sinh viên có vừa lòng hay không cả về khả năng chuyên môn của người dạy cũng như cung cách tính tình của ông ta đối với học viên. Anh luôn luôn được các sinh viên viết cái gì cũng hoặc suất xắc (Excellent) hay Rất tốt (very good), tệ lắm thì cũng Tốt (Good) hay Đạt nhu cầu (satisfactory). Chính vì được sinh viên quí mến và kính trọng nên anh đã thấy mãn nguyện và tự hào, do đó mà anh càng cố gắng tiếp tục đi dạy thêm tại City College, ngay cả trong những năm anh là Giám Học tại trường Trung Học, ban ngày công việc bề bộn, nặng nhọc quá mức nhưng anh cũng không bỏ đi dạy ban đêm.

Nhưng còn một yếu tố khác làm cho anh cố gắng tiếp tục đi dạy thêm ở City College: đó là lương bổng anh kiếm được thêm. Không phải vì anh ham tiền mà lý do đơn giản là vì gia đình anh sang đất Mỹ này trễ, tuổi anh ngày một cao, anh muốn đến ngày nghỉ hưu không bị thiếu thốn như bố anh ngày xưa, anh muốn sau khi thôi làm việc anh vẫn sống dư dả và nếu có thèm muốn gì thì vẫn có thể có được bằng khả năng của mình khỏi phải nhờ vả tới con cái. Vì thế mà anh biết anh cần phải tích lũy cho ngày sau, anh cần phải để dành tiền, mà muốn có tiền để dành thì phải có tiền dư dả, chứ nếu chỉ kiếm vừa đủ tiêu thì sao có tiền cho ngày mai? Hơn nữa anh được xếp lương ở mức cao nhất nhì tại City College, lý do là vì anh có thêm trên 60 credits ngoài văn bằng MBA nên đã được xếp lương ngang với những giảng viên có PhD. Vì thế - và cũng nhờ có chút thâm niên - tiền lương giờ của anh cao hơng lương trung bình nhiều, thí dụ gấp 2 lần rưỡi lương đứa con trai anh, do bố giới thiệu vào, cùng dạy tại City College với Bố.

Việc đi dạy thêm ở City College có thêm một kết quả tốt cho gia đình anh. Sau khi tích lũy được một số tiền để dành kha khá gia đình anh đã mua thêm một căn nhà nữa ở ngay trong thành phố San Francisco nên có nắng ấm và ít ẩm ướt hơn tốt cho sức khỏe. Năm đó kinh tế gặp khó khăn giá nhà xuống, số người đi mua nhà bớt đi nhiều nên lợi dụng tình trạng này vợ chồng anh quyết định bỏ tiền ra mua nhà thay vì để trong ngân hàng không thấy có lợi. Sau khi đã dọn sang căn nhà mới vợ chồng anh quyết định tạm thời cho thuê căn nhà cũ trong một thời gian, đợi khi giá nhà lên thì sẽ bán đi. Rốt cuộc sau nhiều năm chờ đợi bán không được vì giá nhà ì ạch, khi con trai thứ hai của anh lập gia đình thì anh để hai vợ chồng ở. Trong khi đó thằng con trai lớn sau khi thấy bố mẹ mua được căn nhà mới ở một khu khang trang nên cũng bỏ tiền ra mua một căn ở ngay cách nhà bố mẹ có hai blocks rồi hai vợ chồng dọn ra riêng. Đến khi đứa con trai thứ hai, vốn đi làm ở San Jose, thấy việc di chuyển mỗi ngày phức tạp, quyết định dọn xuống ở dưới đó cho tiện. Nó mua một căn nhà ở San José đúng lúc giá nhà lại hạ, nên hai vợ chồng anh lại phải dọn về ở tại căn nhà cũ để chờ vài năm khi giá nhà lên thì bán – lúc giá nhà trước đó chừng ba bốn năm lên kha khá thì không bán được vì gia đình người con đang ở đó, thế mới rắc rối cuộc đời. Ở đó hơn hai năm không thấy giá nhà nhúc nhích, vợ chồng bèn quyết định dọn trở lại căn nhà mua sau này và cho thuê căn nhà cũ… Nói cho đúng ra thì sự thể này chỉ làm cho anh bực mình thôi chứ cũng không gây thiệt hại gì. Vì cho thuê thì có tiền trả tiền nợ ngân hàng, khỏi bỏ tiền túi. Mãi sau này khi anh đã về hưu trí cả chục năm rồi, hai vợ chồng anh mới giải quyết được căn nhà đó.

……

3. Từ Giáo Sư tiến lên làm Giám Học một trường Trung Học lớn của Thành Phố.

Năm 1988, Hoàng xin thuyên chuyển đến một trường Trung Học kiểu mẫu có mục tiêu đào tạo học sinh và chuẩn bị cho chúng vào những đại học danh tiếng ở California, và ở toàn nước Mỹ. Trường này có tên là Phillip Burton Academic High School nằm tại Bayview Hunters Point, một khu vực có nhiều người da đen, vì chủ đích của trường là giúp đỡ những học sinh da đen không có đủ khả năng để vào

được trường Trung Học Lowell là trường nổi danh hạng nhất trong thành phố. Phillip Burton được thiết lập theo một án lệnh toà, sau khi một học sinh da đen đã kiện học khu là đã kỳ thị học sinh da đen và bắt họ học tai những trường thiết lập cho riêng họ, những trường này không có cơ sở tốt để dạy dỗ họ ở bậc trung học và không dạy dỗ chuẩn bị cho họ lên đại học. Vào thời gian đó, học khu đã thiết lập hai trường trung học kiểu mẫu như vậy, trường thứ hai là Trung Học Raoul Wallenberg nằm gần khu Western Addition, một khu da đen khác. Cả hai trường đều thiết lập theo mô hình của trường nhỏ, sỉ số học sinh không quá 500, với một ban giảng huấn tuyển lựa kỹ lưỡng trong số giáo sư có khả năng đang làm việc cho học khu, và một chương trình học khác biệt nặng hơn chương trình dành cho những trường trung học bình thường.

Án lệnh toà thiết lập trường cũng bắt học khu phải dành cho hai trường những ngân sách đặc biệt để giúp cho hai trường có khả năng tài chánh thực hiện những chương trình học nặng về khoa học và kỹ thuật, những lớp luyện thêm cho những học sinh có sức học còn yếu kém, và những lớp nhỏ, không quá 20 học sinh, tức là bằng phân nửa những lớp học trung học bình thường. Học sinh da đen vốn có năng khiếu thể thao và ca nhạc múa hát nên nhà trường cũng phải dành nhiều tiền thiết lập cho chúng những chương trình thể thao, những lớp dạy nhẩy múa, và những lớp dạy đồng ca hợp xướng. Đối với Hoàng, những chương trình vô tích sự rất tốn tiền đó chỉ đáp ứng nhu cầu bản năng của những học sinh da đen vốn thích chơi hơn thích học. Chúng chơi mà được tín chỉ, được kể như học vì những tín chỉ đó được tính để tốt nghiệp trung học như những tín chỉ gặt hái được khi học những lớp khác như sử ký địa dư, văn học, khoa học tự nhiên ngay cả toán cao cấp hay lý hóa cao cấp cũng chỉ là một tín chỉ.

Mặc dù những trường này cốt ý dành cho những học sinh da đen nhưng vì đó là những trường có chương trình dạy đặc biệt hướng về khoa học kỹ thuật, có ban giảng huấn chọn lọc, nên các cha mẹ học sinh gốc Á châu đưa con đến xin học ngày một đông, số học sinh Tầu và Việt Nam dần dần lên tới gần phân nửa sỉ số học sinh toàn trường. Học sinh Á Châu vốn hiếu học, nay lại ở vào môi trường tốt, có đầy đủ phương tiện để học hỏi, chúng trở nên xuất sắc lạ thường làm cho trường càng nổi tiếng, và các học sinh Á châu càng muốn đến học. Đến độ muốn được vào học, họ phải là những học sinh xuất sắc ở đệ nhất cấp và phải qua một kỳ thi tuyển. Sau này, kết quả là 90% học sinh Burton được nhận vào đại học khi ra trường và một phần lớn những học sinh xuất sắc đó được thu nhận vào những đại học danh tiếng như Harvard, Princeton, Yale, Stanford, UC Berkeley, UCLA, UC Davis… Trường Burton, nơi anh xin thuyên chuyển đến làm việc, lúc đó đứng hạng nhì trong toàn thể những trường trung học trong thành phố San Francisco - chỉ sau trường trung học danh tiếng từ rất lâu Lowell High School.

Hoàng đã xin về cái ổ Mỹ da đen đó chỉ vì anh muốn dùng khả năng chuyên môn về điện toán của anh. Sau khi anh ra trường với cái MBA chuyên ngành về quản tri hê thống điện toán thương mại, anh đã nạp đơn đi xin việc ở nhiều cơ sở kỷ nghệ và thương mại có tiếng trong vùng nhưng không được toại nguyện. Người ta không nhận anh vì khi đó anh đã quá 45 tuổi, quá trễ để bắt đầu một sự nghiệp mới trong khu vực tư nhân. Một lý do nữa là anh đã ở trong ngành giáo dục một thời gian quá lâu, mà khu vực tư nhân không thích tuyển dụng người từ ngành giáo dục. Đối với

họ, nhà giáo là kẻ an phận, không thích thách đố, không có gan làm những chuyện phi thường, họ là những người bảo thủ, không có tinh thần cấp tiến. Sau cùng, một lý do nữa là vì anh là Mít, anh khó có thể chen chân vào những chức vụ lãnh đạo, mà mục đích chương trình MBA là đào tạo huấn luyện những người tốt nghiệp ra để giữ những chức vụ chỉ huy trong những hãng xưởng, những công ty làm ăn buôn bán trên thương trường.

Giá mà anh đã làm cho một công ty rồi và có ít nhiều kinh nghiệm về thương mại hay đang làm việc trong giới tư (private sector) thì anh có thể áp dụng những sự học hỏi trong chương trính MBA để làm lợi cho hãng và tiến thân dễ dàng. Đằng này anh đang ở ngoài nhẩy vào khu vực thương trường, nên khó mà kiếm được một chỗ đứng trong giới chỉ huy (leadership).

Anh đã gửi đi gần một trăm đơn xin việc tới những công ty danh tiếng kèm theo tấm resume trong đó anh đã dại dột khoe khoang những văn bằng to lớn anh đạt được ở Saigon cùng những kinh nghiệm chỉ toàn là trong lãnh vực giáo dục, một sự dại dột mà mãi sau này anh mới nhận thức ra – vì không cơ sở kinh tế nào lại muốn có một nhân viên mới, đã không có kinh nghiệm chuyên ngành lại là một người trí thức khó sai bảo, khó ăn khó nói với -, để rồi không được một hãng nào đáp ứng. Thời đó bằng MBA còn hiếm hoi, những ai tốt nghiệp MBA đều dễ được trọng đãi, ít ai tốt nghiệp xong mà không kiếm được việc tốt lương cao. Ấy vậy mà riêng anh thì bị tẽn tò. thế mới đáng buồn.

Trong một thời gian ngắn anh đã bị xuống tinh thần, anh đã thấy rằng anh đã làm một việc công cốc, chẳng có lợi ích gì cho bản thân mà cũng chẳng lợi ích gì cho công việc xây dựng tương lai cho cả gia đình anh nữa. Là một người Việt Nam chứ không phải là người Mỹ, anh đã không hiểu lối sống ở Hoa Kỳ không hiểu quan niệm của người bản xứ là trên 40 tuổi là ở cái đà đi xuống chứ không còn đi tiến lên nữa (over the hill). Không ai ở cái tuổi của anh mà lại còn đầu tư ba năm đi học MBA trừ phi đã từng có sẵn trong tay một chức vụ chỉ huy trong một công ty rồi - nhiều hãng xưởng thời đó lại sẵn sàng gửi những nhân viên xuất sắc đi học MBA để khi học xong sẽ về giữ những vai trò lãnh đạo hay cao cấp. Cũng có nhiều người đang giữ những vai trò lãnh đạo trong giới thương trường rồi vẫn cố gắng đi học MBA để phê chuẩn (validate) chức vụ giám đốc tổng giám đốc, hay tệ lắm thì cũng là chủ sự phòng của họ - nhưng phần lớn những người này thì chỉ đóng tiền đi học tại những trường tư có những chương trình "MBA đặc biệt" chuyên dành cho họ, họ học lấy lệ, học cho có cái văn bằng MBA, gần như thể học đi mua bằng.

Nói cho cùng, cũng có một vài nơi nhận anh vào những chức vụ tầm thường, lương kém hơn lương anh đang lãnh khi đi dạy học. Gia đình anh mới sang, anh là người chủ chốt đi kiếm tiền để cả nhà sinh sống, anh không thể hy sinh nhận làm những nơi đó với đồng lương ít hơn, mặc dù anh biết bề lâu bề dài làm việc cho họ anh sẽ có triển vọng tiến thân hơn và kiếm được nhiều tiền hơn gấp bội trong tương lai. Đó là cái éo le mà anh gặp phải, và anh không làm được gì khác hơn là tiếp tục cái nghề mà anh ghét cay ghét đắng. Số phận anh đã an bài như thế! Anh chẳng còn bao nhiêu năm nữa để mà còn có thể hy sinh năm bẩy năm, nhẩy vào chấp nhận sự phiêu lưu không có lợi cho gia đình anh. Anh muốn lắm, vì anh không sợ thách đố,

anh thích phiêu lưu, anh có đủ ý chí và nghị lực để mà vượt qua mọi thử thách. Khốn nỗi anh đang có gánh nặng gia đình, vợ con anh đang trông mong vào đồng lương của anh, anh không được phép phiêu lưu, anh không thể nhận sự thử thách để rồi để cho vợ con anh nheo nhóc.

Vì anh không tìm được con đường nào khác hơn là tiếp tục nghề dạy, anh đành kiếm một nơi anh có thể dùng khả năng chuyên môn về điện toán của anh. Hồi đó chỉ có trường kiểu mẫu Burton là đi tiên phong trong việc thiết lập một chương trình điện toán cấp tiến dạy cho học sinh. Ngoài Word processing và Spreadsheet mà đa số các trung học khác cũng dạy, Burton còn dạy Desktop Publishing, Photoshop, và nhất là Basic và Pascal Programming. Vì anh là một trong những giáo sư đầu tiên có bằng cấp dạy khoa điện toán nên anh được thâu nhận về trường liền. Những ngày xa xưa đó, tất cả những ai có khả năng về điện toán đều đi làm bên ngoài, nơi trả lương cao gấp đôi; không ai chịu đi dạy điện toán ở trung học hết. Vài năm sau, kỹ sư và những chuyên viên điện toán tốt nghiệp đại học ra ào ào, kiếm việc bên khu vực tư trở nên gay go, khi đó mới có thêm dăm ba người chịu đi dạy điện toán ở trung học.

Khi anh về trường Burton, ngoài một hai giáo sư bên ban Toán nhẩy ngang sang dạy điện toán, còn có ba tay da đen chẳng có bằng cấp gì dạy môn này – mà anh nghĩ chúng cũng không có được chứng chỉ mà tiểu bang California qui định để đi dạy (teaching credential). Chúng đã được con mẹ hiệu trưởng da đen mánh mung cấu kết với bọn đen dùng những kẽ hở của những qui định mà học khu đưa ra - là nếu không tìm ra được giáp sư có bằng cấp qui định thì có thể tạm thời thu dụng ngững người không có bằng cấp nhưng có khả năng day do những kinh nghiệm nghề nghiệp. Trên danh nghĩa giáo sư, chúng tự coi là người đảm nhiệm công việc dạy dỗ, nhưng kỳ thực chúng chỉ ngồi làm vì ăn lương, dạy láo dạy lếu bới vì chúng có biết gì mà dạy? Đó là một trong những cái bậy bạ của con mẹ hiệu trưởng da đen trường này, một con mẹ nổi tiếng trong học khu là có mồm to vì được hội người da màu –tức da đen- (National Association for the Advancement of Colored People hay NAACP, một tổ chức tranh đấu đòi quyền của người dân da đen được thiết lập từ năm 1909 mà mục đích đưa ra là để bảo vệ những người Mỹ gốc da đen - a civil rights organization in the United States, formed in 1909 as a bi-racial organization to advance justice for African Americans theo wikipedia) đứng sau lưng bênh vực. Không ai trong học khu, kể cả học khu trưởng lẫn những tay có quyền khác trong học khu như giám đốc nhân viên và giám đốc đặc trách ban Trung Học, dám đụng đến nó. Họ sợ đụng vào cả rừng da đen, chúng ào ào lên thì khó mà chống đỡ. Trong gần hai mươi năm con mẹ da đen đó làm hiệu trưởng, nó tác oai tác quái, muốn làm gì thì làm, chẳng coi luật lệ ra cái gì. Chính sách, chỉ thị của học khu đưa xuống nó vứt vào thùng rác. Ngôi trường hoàn toàn thuộc quyền điều hành của nó, nó muốn làm thế nào thì làm, miễn sao vừa lòng bọn liên hội da đen, những phụ huynh da đen, và những học sinh da đen. Tất cả những kẻ khác, nó đều coi như bùn, không cần phải để ý tới, không cần phải làm vừa lòng. Dưới trướng của nó trong trường có vài chục tên da đen khác, cả cái lẫn đực, một bọn nặc nô, ngồi đó để ủng hộ nó và đứng về phe những học sinh da đen, bênh vực quyền lợi của bọn da đen với nhau. Phần còn lại của ban giảng huấn, những giáo sư nhà nghề có tài, một phần lớn là da trắng (bọn này rất khôn khéo, mềm dẻo và biết nhắm mắt quay mặt đi chỗ

khác), một số ít là Tầu, một hai tên Mễ (bọn này chỉ muốn yên thân nên giả mù giả điếc giả câm), và thêm vào đó một số là Phi (bọn này biết nịnh khéo và hay về hùa với con mẹ hiệu trưởng để xí phần, chúng được bọn da đen cho tí cơm thừa canh cặn).

Vì không biết trước những sự thể khốn nạn đó, Hoàng đã xin về nơi đấy. Vả lại, cũng giống như những giáo sư chuyên nghiệp có tài khác, anh chỉ mong có một chỗ để thi thố tài năng. Nơi đó qui tụ những học sinh Á châu ngoan và giỏi mà lại có đầy đủ phương tiện giảng huấn, có chương trình học cao và cấp tiến nên bọn anh chịu nhắm mắt ở lại đó để làm việc theo lý tưởng bất vụ lợi là phục vụ học sinh, tất cả những chuyện khác, bọn anh đều bỏ qua một bên.

Sau này, khi con mẹ hiệu trưởng, vì quyền lợi và tham vọng, chấp nhận ý kiến của tên học khu trưởng người Xì (spanish) tên Rojas ngu xuẩn và bịp bợm gian manh – sau này hắn bị lật mặt nạ, bị tống cổ ra khỏi học khu nhưng ôm được một số tiền lớn mon men sang một học khu khác bên Miền Đông, tiếp tục làm bậy để rồi phải ra tòa rồi đi nằm tù - gia nhập Burton vào với một trường tồi tệ đã bị đóng cửa là trường Woodrow Wilson, một trường tám mươi phần trăm là học sinh da đen, trường tồi tệ nhất thành phố chứa chấp bọn học sinh đen đi học cho lấy lệ, thì Burton từ từ xuống dốc, trở nên cái giỏ rác để chứa những học sinh vừa dốt vừa mất dạy. Tiếng tăm tốt mau chóng mất đi, những học sinh Á châu xuất sắc thôi không còn đến xin học nữa, trường trở nên một nơi cho bọn đen và xì tới học mà thôi. Trước sự xa xút đó bao nhiêu giáo sư giỏi lần lượt kiếm nơi khác mà đi, Burton trở nên một xọt rác lớn với xỉ số hơn 1500 học sinh đần độn, lười biếng và trốn học. Khi đó thì anh cũng đã đi khỏi cái nơi được bọn giáo sư da trắng trong trường đặt tên là "plantation" - đồn điền - để nhớ lại cái nơi tù đầy qui tụ những lao công nô lệ dưới thời thuộc địa.

Anh đã cay đắng và uất ức rút khỏi cái nơi mà anh đã phục vụ học sinh mười năm trời. Anh vẫn còn nhớ lại những năm đó như mới hôm qua đây vì đó những năm chót của cuộc đời đấu tranh của anh. Sau đó anh đã trở thành một anh hùng thấm mệt, anh đã buông xuôi hai tay, không còn tham vọng gì nữa. Anh đã trở thành một con người đầu hàng số phận, không còn nỗ lực tranh đấu. Bắt đầu từ khi đó, thành công hay thất bại đối với anh chẳng còn ý nghiã, anh đã không còn muốn giáp mặt với những thử thách, anh chỉ còn muốn quay lưng đi, lẳng lặng về hưu ở nhà mà cô đơn đi nốt con đường đời trên đấy Mỹ nay không còn dài bao nhiêu nữa.

Cái gì đã đưa một con người khí phách, kiêu hùng đến chỗ trờ thành bạc nhược, chán nản, không còn muốn gì hơn là được yên thân? Tất cả sự biến đổi đó đã đi qua một quá trình đầy đau thương và nhục nhằn; mồ hôi và nước mắt đã chảy, bởi vì làm gì có được sự thành công nếu không có nỗ lực? Và đối với anh, nỗ lực anh đã làm là những nỗ lực mà anh coi là phi thường, vì không phải dễ ai cũng làm được. Anh đã làm việc liên tục, làm việc không ngừng, không biết mệt mỏi, anh đã làm việc hết sức anh, làm việc hơn những con người bình thường. Những ai thấy anh làm việc như điên cuồng đã nói rằng anh thích làm việc, anh say mê làm việc, anh là một kẻ bị chứng bệnh mà người Mỹ gọi là Workaholism tức là bệnh ghiền làm việc. Và quả đúng như thế, trong bao nhiêu năm trời, anh chỉ sống để mà làm việc. Anh không thể ngồi không, anh không thể thiếu làm một việc gì, vì như thế anh sẽ

thấy khó chịu, anh sẽ tức khắc phải tìm một cái gì mà làm. Anh không thấy làm việc là khổ, trái lại anh thấy thú vị khi được làm việc. Nhiều người bảo anh là một thằng điên. Có thể anh không điên, nhưng chắc chắn là anh cuồng, anh cuồng nhiệt, chứ không phải là cuống tâm cuồng trí.

Thằng cu Giải Phóng, thằng con không giống bố ở cái chỉ thích chơi, không thích học hay làm một việc gì, những ngày nó theo bố về học tại trường Burton, cứ đi rêu rao với những đồng nghiệp của anh:

- Ông (Bà) có biết bố tôi không? Bố tôi chỉ thích có một thứ trên đời. Đó là làm việc. Ông ta là một người bất thường!
- Tại sao con lại nói thế?
- Tại vì ông khoái làm việc đã đành, ông lại còn bắt con ông giống như ông! Ông muốn con ông cũng phải làm việc suốt ngày không nghỉ như ông. Ai mà chịu được?

Chẳng thế mà sau khi anh về dạy tại trường mới được vài tháng thì anh lại thấy anh không thể, mỗi chiếu tối, để thời gian trôi đi phí phạm. Anh nghĩ nếu anh không làm quản lý kinh doanh được thì anh phải thử làm quản lý học đường, anh phải ghi tên đi học lấy Master về giáo dục, thử xem anh có thể trở thành được một hiệu trưởng hay hiệu phó ở đất Mỹ này hay không. Nhìn những tên hiệu trưởng bất tài mà anh phải làm dưới quyền, anh cảm thấy tức tối; anh không muốn làm một con sư tử để bị chỉ huy bởi một con lừa.

Nhìn xung quanh anh, trong số gần hai chục người Việt làm giáo chức trong học khu, chưa có ai nghĩ đến việc làm quản trị học đường cả, kể cả một số người sang đây từ trước ngày mất nước. Ở những tỉnh xung quanh cũng không, chỉ có một hai người học để trở thành giáo sư cố vấn (counselor). Anh muốn chứng tỏ cho chính anh rằng anh có khả năng lãnh đạo, có khả năng quyết định, khả năng làm những việc đòi hỏi trách nhiệm, không chỉ phục tùng người ta. Anh cũng muốn chứng tỏ cho các đồng nghiệp Mỹ rằng người Việt cũng không thua kém gì người Mỹ, cũng có thể lên làm hiệu phó hiệu trưởng của một trường trung học. Vì thế anh đã ghi danh đi học trở lại để trở thành một người quản trị học đường (school administrator).

Đối với anh việc học về ngành giáo dục là trò chơi, anh không thấy có gì là khó khăn. Anh đã đậu được MBA trong những hoàn cảnh khó khăn, việc anh lấy MA về giáo dục là việc bỏ. Như thế, sau 18 tháng thì anh xong được bằng cao học giáo dục và có được chứng chỉ của tiểu bang Cali để quản trị học đường.

Những ngày anh đi học chuyên ngành đó, con mụ hiệu trưởng trường anh biết chuyện, nó đã ngắm chừng sẽ để cho anh làm hiệu phó ở ngay trường nó. Nó biết anh là người có khả năng mà lại xiêng năng làm việc, nên nó thấy nơi anh một nhân tố quí giá cho trường nó. Ngay từ lúc anh chưa tốt nghiệp, mỗi khi có công việc gì phức tạp hay khó giải quyết, như tổ chức kỳ thi, tổ chức huấn luyện cho giáo sư, tổng kết hoạt động của trường khi mỗi tam cá nguyệt chấm dứt, vân vân… thì nó lại mời anh lên văn phòng nó, nó nói ngọt để xin anh giúp nó một tay. Đôi khi nó thuê người dạy thế chỗ anh, để anh có thể rảnh tay làm những công việc hành chánh, đôi khi nó trả anh thêm thù lao để anh làm thêm ngoài giờ dạy. Con mụ

khốn nạn đó nó khôn và gian manh, nó biết anh giỏi nên xài anh. Anh biết thế nhưng vẫn nhận vì muốn chứng tỏ cho cả trường hay rằng anh không chỉ là một giáo sư tầm thường, anh khác họ ở chỗ anh làm được những việc mà họ không có khả năng làm. Và như thế, dần dà anh có uy tín với cả con mẹ hiệu trưởng, ban giảng huấn, lẫn toàn thể đám học sinh. Nhưng ở đời không phải mọi chuyện đẹp đều trôi chảy, đều không có vấn đề gây khó khăn trở ngại. Năm đó, ở trường anh còn có hai đứa Mỹ Trắng là thầy giáo dạy môn thể dục thể thao cũng đi học quản trị học đường.

Lúc đầu, anh không hiểu tại sao bên Mỹ một số lớn những người làm quản trị học đường lại xuất thân từ nghề dạy thể thao. Sau này anh nghĩ lại thì thấy cũng dễ hiểu thôi. Sở dĩ như thế là vì học sinh bên Mỹ không như bên mình, chúng đa số là bướng bỉnh, không dễ bảo, nhiều khi còn mất dạy, cãi lại hay chống đối các thầy cô. Chúng không dễ bảo như những học sinh ở Việt Nam hay ở các nước ở Á Châu khác. Để có thể nắm đầu chúng, để có thể kiểm soát chúng, giữ chúng trong khuôn phép, nhà trường Mỹ cần những hiệu trưởng hiệu phó cứng rắn, có uy tín đối với những học sinh ương ngạnh, có thể đối phó hữu hiệu với những thanh thiếu niên năng động, bất phục tùng, và ngựa chứng. Mà giáo sư môn thể thao phần lớn là những kẻ vũ phu, vai u thịt bắp, chỉ biết dùng sức mạnh hay vũ lực để đe dọa, nên họ là những con người lý tưởng để làm cái công việc cai trị học sinh. Hơn nữa, những giáo sư thể dục thể thao lại là những kẻ thích ra oai, thích uy quyền, tuy không có bộ óc thông minh lắm nhưng lại muốn hơn người. Họ được sinh ra để la hét, để chỉ huy và họ có sức mạnh thể xác để ra oai, để dễ bắt những người khác phục tòng họ.

Khi thấy anh cứ được gọi lên để làm những công việc quản lý nhà trường mà chúng lại không được, chúng ghen tức với anh, chúng phá bỉnh, chúng tìm cách gây chuyện với anh, vu oan cho anh chuyện này chuyện nọ. Đôi khi chúng còn ra mặt chống đối, hạch hỏi anh về những việc anh làm. Chúng bới bèo ra bọ, cố gắng tìm một lỗi lầm gì nhỏ xiú của anh để xé ra to, để rêu rao, ám chỉ rằng anh làm hỏng việc, anh không có khả năng, phải dành những công việc ấy cho chúng. Trước sự phá bỉnh đó, anh cứ bình tĩnh, anh cứ làm ngơ, để cho thiên hạ suy xét việc anh làm. "Hữu xạ tự nhiên hương", anh nhớ câu thi luận văn Việt mà anh đã phải viết khi anh thi Tú Tài Pháp. Cứ để mặc cho chuyện đi đến đâu thì đi, anh cứ phớt lờ như ăng lê, và sau một thời gian thấy không đi đến đâu, chúng thay đổi thái độ, tới ve vãn anh, làm thân với anh, muốn anh là bạn, mong anh chỉ bảo thêm. Anh cũng rộng lượng tha thứ cho chúng, anh cũng để cho chúng ve vãn anh, anh chỉ dẫn cho chúng, giúp đỡ chúng học nghề.

Dưới quyền con mụ hiệu trưởng, có một hiệu phó người Tầu tên Hsu, nhưng ông này ỷ thế bọn Tầu, chỉ lo chuyện phòng ốc (building and grounds) chỉ huy những lao công quét dọn sân trường và phòng học. Vì ông là người biết tiếng Trung Hoa nên con mụ hiệu trưởng giao phó cho ông việc tiếp chuyện những phụ huynh Tầu những người không biết rành tiếng Anh. Đôi khi có chuyên phải đối phó với Cha Mẹ học sinh Tầu trực tiếp thì con mụ hiệu trưởng da đen lại nhờ ông làm thông ngôn, ngoài ra ông không làm việc gì khác. Khi nào mưa lụt lội hay mái dột, khi nào cần thay khoá cửa hay thay bóng đèn, khi nào học trò mất dạy vẽ bậy bạ lên tường nhà trường, khi nào cần dùng hệ thống âm thanh trong hội trường, khi nào cần chuẩn bị

nhà trường cho sạch sẽ để tiếp đón quan khách, thì ông dẫn thợ, dẫn phu đi làm các công tác cần thiết. Ông đã làm hiệu phó 15 năm, lăn lộn hết trường lớn đến trường nhỏ, nay ông về đấy, chờ ngày về hưu trí nên không còn hăng hái làm việc nữa. Mỗi ngày ông đến trường, chui vào phòng đóng cửa lại ngồi trong đó làm gì không ai hay, cho đến khi đến giờ về thì ông ra về. Hoàng không hiểu tại sao con mụ hiệu trưởng lại chịu để cho ông yên như thế và ông cũng chẳng tỏ gì vẻ sợ nó cả.

Một hôm con mẹ hiệu trưởng Mỷ đen kêu anh lên văn phòng nó. Anh không biết chuyện gì nhưng anh cũng không lo vì dạo đó nó rất tử tế với anh. Thấy anh, nó cười toe toét kêu tên anh khi nó chào lớn tiếng. Anh đã giúp nó làm nhiều công việc mà nó không muốn làm và không ai trong trường làm được trôi chảy và nhanh chóng. Chẳng phải nó thương yêu gì anh mà chỉ vì nó cần anh giải quyết những công việc của trường mà đáng lý nó phải làm nhưng không kham nổi. Anh nghĩ nó chẳng tài giỏi gì, nó không có khả năng quản trị học đường, nó chỉ có cái mồm nói khéo, nó bịp bợm giỏi, và nó thường dùng đôi mắt phù thủy của nó để làm cho người ta sợ người ta nghe và làm theo nó. Mỗi khi nó đi đến đâu thầy giáo và học trò khiếp viá chết kinh nhưng đằng sau lưng, họ ghét nó như ghét bọ chó, không ai ưa nó cả. Ngày anh về trường, nó đã làm hiệu trưởng được 5 năm, kể từ ngày trường đó ra đời theo sắc lệnh của tòa án. Anh nghe nói những năm đầu, còn mới, nó chưa tác oai tác quái; càng về sau nó càng dở trò khốn nạn, điếm đàng, vì chân đứng của nó đã chắc như bàn vại, không ai có thể bẩy được nó đi nữa.

Khi anh bước chân đến cửa phòng nó, nó thấy anh, nó liền đứng dạy ra đón anh, niềm nở nói:

- Chào ông Hoàng! Sao ông có mạnh khoẻ không?
- Cám ơn bà, tôi cũng vẫn bình thường.
- Công việc giảng dạy của ông vẫn tiến hành tốt chứ?
- Vẫn như thế thưa bà, tôi không thấy có vấn đề gì!
- Tốt! Thế thì rất tốt! Học sinh của ông vẫn thường xuyên báo cáo với tôi về việc học của chúng!
- Chúng có hài lòng không, thưa bà?
- Rất hài lòng! Ông Hoàng à, ông là một giáo sư tốt. Ông là một cái lợi cho nhà trường.
- Cám ơn bà. Tôi cố gắng phục vụ học sinh.
- Nhưng tôi nghĩ ông còn có thể phục vụ nhà trường đắc lực hơn nữa!
- Dạ, bà nói gì tôi không hiểu?
- Tôi muốn nói đến việc dùng khả năng quản lý học đường của ông.
- Thưa khi nào bà cần, tôi vẫn sẵn sàng giúp cơ mà?
- Cám ơn ông, tôi biết ông rất nhiệt tình với nhà trường! Nhưng tôi muốn nói đến việc để ông rời khỏi lớp học hẳn và giao cho ông công việc điều hành giáo dục. Ông thấy sao?
- Bà cho tôi lên làm hiệu phó?
- Tôi đã nghĩ đến chuyện đó. Nhưng bây giờ thì chưa có chỗ hiệu phó cho ông làm! Trường này vẫn còn nhỏ, mới trên 500 học sinh. Trong một hai năm nữa, số học sinh sẽ lên đến bẩy tám trăm, khi đó tôi sẽ xin thêm được một chân hiệu phó nữa, tôi sẽ dành cho ông.

- Tôi cám ơn bà đã nghĩ đến tôi. Đến khi đó, tôi sẽ sẵn sàng nhận chức vụ bà giao cho tôi. Bả khỏi lo!
- Tôi biết ông sẽ giúp tôi. Nhưng không phải vì chuyện mai sau mà hôm nay tôi gọi ông lên để nói chuyện. Tôi gọi ông lên là bởi vì tôi cần đến ông ngay từ bây giờ.
- Bà nói gì, tôi lại không hiểu.
- Ông hãy để cho tôi giải thích. Câu chuyện là như thế này. Tôi muốn từ đầu tuần sau ông xuống làm việc ở dưới đây giúp tôi điều hành công việc hàng ngày của nhà trường. Tôi sẽ để một giáo sư khác dạy các lớp của ông. Ông có chịu như vậy không?
- Nếu bà muốn như thế, thì tôi cũng cố gắng giúp bà. Nhưng thời khóa biểu của tôi vẫn như cũ? Tức là tôi vẫn có giờ soạn bài và giờ nghỉ ăn trưa?
- Ông cứ theo giờ giấc như cũ, không có vấn đề gì hết! Tôi chưa để ông ăn lương hiệu phó được, nhưng nếu ông làm thêm giờ, tôi sẵn sàng trả thù lao thêm cho ông, ông khỏi phải suy nghĩ.
- Vâng thế thì tôi đồng ý làm những công việc bà trao.
- Cám ơn ông Hoàng! Tôi biết thế nào ông cũng sẽ giúp tôi.

Hoàng đâu còn cách nào khác hơn? Anh biết tính con mụ hiệu trưởng của anh. Nếu mà anh không nhận làm theo lời nó đề nghị, nó sẽ tìm cách trả thù, nó sẽ không để cho anh yên. Nhiều người đã từng bị nó làm khốn đốn, đã căm thù nó. Trong cả học khu, nó nổi tiếng là mất dạy điếm đàng, hay chơi người khác và vì nó là da đen nên chẳng ai làm gì được nó hết. Hoàng nay ở vào cái thế chẳng đặng đừng. Anh đang có ý định xin đi làm hành chánh ở một trường khác, nhưng nay sự thể đã ra thế này, nếu anh không làm cho nó, nó sẽ phá bỉnh, nó sẽ tìm cách không để cho anh có thể thực hiện giấc mơ của anh. Bởi vì nó chỉ cần nói xấu anh một vài lời là con đường tiến thân của anh sẽ bị chặn đứng, anh sẽ không làm hiệu trưởng hiệu phó ở đâu được. Anh đang làm dưới quyền nó, nếu ai có hỏi nó về khả năng, tư cách, tính tình của anh mà nó lại nói anh bất tài, lười biếng, vô tổ chức, cứng đầu chẳng hạn thì làm sao mà ai cho anh việc làm?

Như thế trong tám chín tháng trời anh cứ ăn lương thầy giáo mà làm công việc của người hiệu phó. Anh là người thích sự toàn mỹ, làm việc gì cũng phải cho toàn hảo, và anh giải quyết công việc nhanh chóng nên dần dần anh cứ làm thêm việc, cái gì người khác làm hỏng, anh tự động làm lại, việc này kéo việc kia, ai nhờ cái gì anh cũng giúp, cũng làm. Anh để người ta lợi dụng anh mà anh không hay biết, người ta cứ khen anh giỏi, anh cứ khoái chí làm thêm, sau này việc gì cũng đến tay anh, cái gì con mụ đen cũng giao cho anh, thế mới khốn nạn cuộc đời!

Cho đến khi người hiệu phó Tầu bị đứng tim, ông phải vào nhà thương, và sau đó xin nghỉ 6 tháng ở nhà vì bệnh. Con mẹ đen thấy cơ hội thuận tiện, cho anh lên chính thức làm hiệu phó, ăn lương hiệu phó đàng hoàng. Chỉ có điều khác người hiệu phó Tầu kia là anh phải làm công việc anh vẫn thường làm và nay làm thêm cả công việc của ông ta, tức là trông coi gác dan và thợ thuyền. Từ ngày đó trở đi, sáng anh phải đến trường từ sớm, chiều về muộn. Con mụ đen thấy anh lo được hết công chuyện nên không còn phải đến sớm nữa. 10, 11 giờ nó mới sách đít đến trường, đi một vòng trường quan sát, thấy ai thì he lô. Còn anh thì chạy thấy mẹ, lo chết cha, làm chưa hết việc này đã lo đến việc khác. Nay anh đã dính vào cái bẫy

của con mụ đen, anh không thoát được nữa. Nó vớ được anh như thể vớ được món bở, nó biết anh không cựa quậy được với nó, anh đã vào tròng, có bảo anh chết anh cũng phải chết. Bạn anh thấy anh làm hiệu phó tưởng bở, gặp anh cứ nói diễu, gọi anh là "Ông hiệu trưởng" làm anh càng thêm thối ruột.

Anh làm như thế năm năm trời! Từ một trường nhỏ có 700 học sinh, con mụ đen tham tiền, tham danh vọng, nhận xát nhập Burton với một trường khốn nạn là trường Woodrow Wilson, sỉ số học sinh tăng vọt lên 1700 (Học khu trả lương hiệu trưởng theo sỉ số học sinh trong trường), công việc học vụ anh làm tăng lên gấp đôi. Mặc dù vì trường thêm 1000 học sinh nên có thêm một hiệu phó nữa để lo về học sinh vụ, nhưng việc của anh vẫn nhiều gấp bội, anh làm không xuể. Nhiều khi cuối tuần phải vào làm thêm, mà bấy giờ con mụ khốn nạn đen nó giở mặt, nó bảo đó là phần vụ của anh, anh không hề làm việc gì thêm cả, nó không trả tiền phụ trội cho anh. Nếu như người khác, anh cứ ì ra kệ mẹ nó, chẳng xong thì đừng xong, thì anh đâu đến nỗi quá vất vả? Nhưng trời sinh anh ra với cái tính là đã không làm thì thôi mà làm thì phải cho đàng hoàng, cho nên anh cứ phải nỗ lực, anh cứ phải phấn đấu. Con mụ đen thấy anh ngáp chết, nó cũng vẫn tỉnh bơ. Các giáo sư thấy con mụ hiệu trưởng cứ phơi phới, chẳng phải lo làm việc gì, cái gì cũng do anh làm hết, moị chuyện do anh điều hành, đã nói với anh:

- Ông Hoàng à, đúng lý ra ông mới là hiệu trưởng.
- Tại sao anh nói vậy?
- Ông làm hết mọi chuyện ở đây. Con mẹ kia chẳng phải đụng ngón tay vào việc gì. Sao lại bảo nó là hiệu trưởng? Chúng tôi chỉ biết đến ông. Có chuyện gì chúng tôi đến gặp ông, chúng tôi có đến gặp nó đâu?
- Cám ơn anh đã nói tốt cho tôi.
- Ông Hoàng, ông có thể là một hiệu trưởng hữu hiệu hiếm có trong học khu. Sao ông không xin?
- Tôi sẽ nghĩ đến điều anh nói! Cám ơn anh đã dành cho tôi nhiều cảm tình.
- Ông đi trường nào, chúng tôi sẽ đi theo ông. Chúng tôi sẽ ủng hộ ông hết mình.
- Cám ơn anh, nhưng bây giờ còn quá sớm, hãy để khi đó xem sao.

Hoàng cũng đã từng nghĩ đến việc đó. Anh chán cái cảnh công anh làm, để cho con mẹ đen kia nó hưởng. Anh hết muốn làm nô lệ cho nó. Anh muốn độc lập, muốn tự chủ. Nhưng muốn đi được nơi khác thì phải được nó đồng ý, được nó chấp thuận thả anh. Còn nếu nó cứ nói nó cần anh nơi đây thì học khu không thể chấp thuận đơn xin đi nơi khác của anh được. Mà anh biết con mụ khốn nạn đó, nó sẽ không thả anh trừ phi nó kiếm được ai tài giỏi để thay thế anh. Mà việc đó không phải là dễ, vì khó mà tỉm được một người hiệu phó vừa hữu hiệu vừa xiêng năng như anh.

Một hôm, anh lên gặp con mẹ đen để thăm dò tình hình, để xem nó sẽ phản ứng thế nào khi anh nói với nó rằng anh muốn đi nơi khác. Khi anh ló mặt nơi cửa phòng nó, nó đã đoán chừng là có chuyện không hay cho nó, mặt nó nghiêm lại một vài giây đồng hồ, rồi nó lấy lại vẻ tươi cười:

- Chào ông Hoàng! Ông có chuyện gì mà đến gặp tôi đấy? Mời ông vào đây. Mời ông ngồi! Ông cho tôi một hai phút, tôi sẽ tiếp ông liền.

Anh đã biết tỏng con mụ. Nó giả dối, nó bịp bợm, nó chẳng có gì làm cả nhưng nó vẫn bắt anh chờ vài phút, để tỏ vẻ nó cũng đang bận làm việc, không phải đang ngồi chơi. Nhiều khi nó đóng cửa phòng nó lại, nó ngồi ăn hàng giờ trong đó nhưng bên ngoài nó vẫn treo biển ghi là nó bận làm việc, xin đừng phá bỉnh nó. Con mẹ đó nó to như con trâu, nó ăn bằng hai lần người bình thường, bên cạnh phòng làm việc của nó là một căn phòng khác trong đó có đầy đủ tủ lạnh lớn, tủ đựng đồ ăn, bếp lò, lò hâm nóng đủ loại. Để lấy lòng nó những con mẹ giáo sư Phi luôn luôn cung cấp cho nó thức ăn, thức uống mỗi ngày nên cứ hai ba tiếng là nó lại ăn. Anh nghĩ nó ngồi không nên mau đói. Anh làm việc túi bụi, còn thời giờ đâu mà đói hay nghĩ đến ăn. Suốt năm năm anh làm hiệu phó, ít khi nào anh ăn trưa là vì thế.

Anh bèn ngồi đó chờ. Anh nhìn nó giả vờ đọc một bản báo cáo gì đó, rồi chừng năm phút sau nó gỡ kính ra, nhìn anh chăm chú một hồi rồi mới nói:

- Nào Ông Hoàng, ông có chuyện gì? Tôi sẵn sàng nghe ông đây.
- Thưa bà, tôi muốn hỏi ý kiến bà về một việc riêng…
- Việc gì thế? Việc gì mà lại là việc riêng? Ông cứ nói, tôi sẽ giúp ông!
- Thưa bà, thấm thoát tôi đã làm việc với bà được hơn bốn năm rồi, chưa kể thời gian tập việc…

Anh đã muốn nói đến 9 tháng anh làm việc không thêm lương cho con mụ đó, anh đã muốn nhắc nhở nó đến cái thời kỳ nó nói ngọt với anh, đối xử tốt với anh. Sau này nó biết anh đã bị vào tròng rồi, nó không cần đối xử tử tế với anh nữa.

- Hơn bốn năm rồi! Trời ơi! Sao thời gian trôi nhanh thế nhỉ? Nhưng rồi sao? Ông nói tiếp đi.
- Tôi muốn xin bà giúp tôi, cho tôi đi một trường khác.
- Sao vậy ông Hoàng? Ông không thấy hạnh phúc ở đây sao? Tôi không đối xử tốt với ông sao? Sao lại tính đi nơi khác?
- Không phải thế thưa bà. Tôi thấy lúc nào bà cũng đối xử đúng đắn với tôi. Tuy nhiên trường mình bây giờ lớn quá, việc làm nhiều, tôi làm không nổi. Tôi muốn xin đi một trường nho nhỏ…
- Nhưng trường còn cần đến ông mà. Tôi mong ông nghĩ lại đi. Nếu tôi làm được gì để ông bớt vất vả, ông cứ cho tôi hay. Ông đừng tính chuyện đi nơi khác. Hay là ông muốn trở về lớp học như trước kia? Ông là một giáo sư giỏi, chúng tôi vẫn cần ông trong lớp học.

Con mụ đó nó dư biết là anh không muốn trở về lớp học, nó hỏi để u anh. Nó muốn doạ dẫm anh, nó muốn bảo anh rằng nếu anh không chịu tiếp tục làm nô lệ cho nó thì thôi, nhưng chớ có nghĩ đến chuyện đi làm hiệu phó ở một trường khác, đấy chỉ mới nói đến làm hiệu phó thôi, chưa nói đến đi làm hiệu trường. Anh thấy rõ bộ mặt thật của nó từ lâu rồi nhưng anh vẫn ngây thơ, anh vẫn hy vọng nó tốt với anh, nó trả công cho anh, cái công làm đầy tớ cho nó hơn năm năm trời.

- Tôi không có ý định trở về lớp học lúc này, thưa bà! Nếu tôi quyết định như vậy, tôi sẽ nói. Tôi cám ơn bà đã nghĩ đến tôi. Tôi đã chỉ muốn xin bà giúp tôi…

- Ông Hoàng à, ông muốn tôi giúp ông thì ông cũng phải nghĩ đến việc giúp tôi. Chúng ta giúp đỡ lẫn nhau. Ông nên hiểu rằng nếu tôi không giúp ông thì giờ này ông vẫn còn dạy học trong lớp. Chính tôi đã đưa ông lên làm hiệu phó mà!
- Vâng thưa bà, tôi biết và tôi xin nhớ ơn bà. Bây giờ tôi xin kiếu.
- Ông nên về suy nghĩ lại đi! Đừng nghĩ đến việc đi đâu hết nhé ông Hoàng!
- Thưa tôi sẽ suy nghĩ lại.

Hoàng biết đã anh nói chơi chứ còn gì nữa để mà nghĩ với ngợi. Gần sáu năm làm thân trâu cho con mụ đen là đủ rồi. Nếu nó không tử tế với anh thì anh đành chịu, số phận anh nó như thế! Anh quyết định hết năm thì anh sẽ xin nghỉ sabbatical, ăn nửa lương trong vòng một năm. Sau đó khi trở lại, anh sẽ có lý do để xin đi dạy ở trường khác. Anh đâu có thể ở lại cái "nông trại" này mà đứng lớp được? Con mụ đen nó sẽ đì anh đến chết thì mới thôi. Tối nay anh sẽ nói chuyện với Nga. Anh biết nàng sẽ không bằng lòng cho anh nghỉ làm hiệu phó nhưng anh đã quyết định rồi.

Quả nhiên khi nghe anh nói ý định của anh thì nàng kêu lên:

- Đang yên thân yên phận anh không muốn, anh khuấy lên được cái tích sự gì?
- Nhưng anh không còn sức làm việc này nữa!
- Anh phải biết được làm hiệu phó không phải là dễ, vừa được miếng, vừa được tiếng, anh còn muốn gì nữa?
- Anh chẳng cần miếng, mà cũng chẳng cần tiếng! Em muốn anh chết hay sao mà em bắt anh làm tiếp?
- Anh chết làm sao được? Người ta làm công việc của anh đến 70 kia kià! Có chết đâu? Anh chưa tới 60 mà!
- Nhưng anh khác, anh không như người ta. Sao em cứ muốn anh như người ta?

Anh biết khi quyết định xin nghỉ như thế, vợ anh sẽ không vui, nàng sẽ hậm hực, nhưng một thời gian rồi nàng cũng sẽ phải thôi. Anh làm sao mà làm vừa lòng nàng được? Nếu cứ phải nghe theo nàng thì anh sẽ khốn khổ, khốn nạn cuộc đời. Nhiều lúc, anh tự hỏi tại sao anh lại không có được một người vợ thông cảm mình, hiểu rằng mình đã nỗ lực hết sức rồi? Tại sao Nga sống với anh hơn ba mươi năm mà vẫn chưa thấy rằng anh đã dành hết cuộc đời anh cho gia đình rồi, đã đến lúc nàng phải cho anh nghỉ ngơi. Cái máy chạy mãi cũng còn hư, huống hồ con người! Đợi đến lúc anh gục ngã thì quá trễ.

Và như thế, hết năm đó Hoàng xin nghỉ ở nhà một năm và chỉ được ăn nửa lương. Đối với anh lương không là vấn đề đáng quan tâm. Đáng quan tâm hơn là sức khỏe tinh thần của anh. Nó đã sa sút đi nhanh chóng chỉ trong một năm. Cái năm chót của cuộc đời đấu tranh của anh. Nhưng Nga, vợ anh, lại nghĩ khác. Nàng coi anh là cái máy kiếm tiền, nàng không muốn anh ở nhà ăn không ngồi rồi trong khi nàng vẫn phải đi làm. Vì anh không muốn Nga buồn bực nghỉ rằng anh vô trách nhiệm và ích kỷ, anh đã xin đi dạy ở một tư thục ở Burlingame, một tỉnh nhỏ nằm ở miền Nam San Francisco, để kiếm thêm tiền bù vào nửa tháng lương đã mất. Đó là một trường bà Sơ dành riêng cho nữ sinh. Anh đã về đó để làm giáo sư trưởng bộ môn Điện Toán. Những tháng anh làm việc nơi đây rất dễ dàng, công việc tương đối an

nhàn, ai nơi đây cũng đối xử với anh tử tế, ai anh cũng thấy dễ thương, từ học sinh cho tới những đồng nghiệp. Nhờ vậy mà anh lấy lại được sự an bình của tâm hồn, cuộc sống bình thản trở lại với anh. Tuy anh không còn như xưa kia, năng động và đầy nhiệt khí, đầy tham vọng và ước mơ, nhưng anh từ từ thấy khỏe lại, không còn buồn chán thất vọng và đầy lo âu như mới trước đó không lâu. Đồng thời anh vẫn tiếp tục hàng đêm đi dạy tại City College, lợi tức anh thu vào năm ấy còn nhiều hơn là khi anh làm hiệu phó. Do đó Nga không còn cằn nhằn với anh mỗi chiều trong bữa cơm gia đình, anh bớt bực mình và ngưng căm hận anh, nàng để anh sống yên thân hơn. Suy nghĩ lại trên danh nghiã thì là anh xin nghỉ sabbatical một năm để nghỉ ngơi nhưng trên thực tế anh đâu có nghỉ một ngày nào đâu. Vì anh sinh ra cầm tinh con ngựa nên anh vẫn cứ phải chạy, chạy cho đến bao giờ thì anh không biết, hay nói lại cho đúng, anh vẫn chưa biết.

4. Thành quả về Tài Chính và xây dựng Gia Đình

Nói về những cố gắng và thành quả của anh, sau hết, anh muốn kể đến việc anh đã trả đứt được hai căn nhà đã mua. Đối với anh đó cũng là một kỳ công vì khi anh còn ở Việt Nam, anh đã đi làm hơn 10 năm mà không mua nổi một căn nhà nhỏ. Bên đây mới đi làm được có bốn năm anh đã danh dụm được đủ tiền để trả trước (down payment) cho căn nhà đầu tiên và mười năm sau anh lại có đủ để mua căn thứ hai. Mua xong nhà tự tay anh đã chỉnh trang, xây thêm phòng ốc, thay mái nhà, sơn phết tường bên trong bên ngoài, làm đẹp vườn trước vườn sau bằng cách tu chỉnh khu vườn, trồng cây cảnh, trồng hoa, trải sỏi lối đi… Trong nhiều năm trời mặt tiền nhà anh đã được bình chọn là đẹp nhất trong cả khu cư xá gồm mấy trăm nhà trải dài ba bốn blocks mỗi bề chỉ vì có vườn đẹp. Có một hồi cứ sáng ra dạy chuẩn bị đi làm thì anh thấy có một người đàn bà người Âu da trắng trông rất quí phái, dừng chiếc xe Mercedes đen mới tinh trước nhà, bà ta suốt năm bẫy phút ngồi ngắm nhìn khu vườn nhà anh, nơi anh trồng 60 cây hoa hồng đủ mầu sắc, đủ loại đang nở rộ, anh ngạc nhiên quá đỗi. Rồi một hôm tò mò anh bước ra cửa thì người đàn bà ấy vặn kính cửa xe xuống cười nói:

- Tôi mê những cây hồng của ông quá, sáng nào đi làm tôi cũng ghé qua đây để ngắm những bông hoa tuyệt đẹp!

Hoàng hoan hỉ nói:

- Bà có muốn tôi cắt vài bông cho bà mang vào sở làm không?

Bà ta liền cuống quít trả lời:

- Ôi chớ! Ông đừng cắt. Hoa đẹp nên để ngắm chúng trên cành. Tôi đến đây say mê nhìn chúng là thấy hạnh phúc rồi.

Vậy mà cái gì cũng chỉ một thời. Vài năm sau vì bận bịu, mệt mỏi do cuộc sống quá vất vả Hoàng không còn hăng hái chăm sóc cho khu vườn của anh nữa. Giờ đây tuy không đến nỗi hoang tàn xấu xí nhưng nó đã mất ngôi vị là một khu vườn đẹp nhất khu vực… Ôi chẳng qua đó là thế thái nhân tình, cái gì rồi cũng suy tàn, không có gì là vĩnh cửu…

Nhớ lại thời gian còn ở Việt Nam, cả gia đình anh năm người gồm bố mẹ và ba đứa con nhỏ đã phải ở một căn nhà thuê 3 mét bề ngang 10 mét bề dài lớn chưa bằng

một căn phòng bên đây, không có sân, không có nhà tắm, nhà bếp riêng. Các con anh đã sống bao nhiêu năm trời trong căn nhà trật trội trong một cái hẻm hẹp xe hơi không vào được mưa đến thì lụt lội tới gần đầu gối, thiếu không khí, ẩm ướt và nóng như lò lửa vì mái lợp bằng tôn không có lỗ thông hơi, chúng đã sinh ra và lớn lên nơi đó. Chúng đã thấy cuộc đời đầy nhọc nhằn khi sống gian khổ trong một xã hội chưa mở mang, cha chúng chỉ là "anh thầy giáo quèn" lương lãnh chưa đủ nuôi các con cho ra người, làm sao mở mặt mở mày với đời? Sang đến đất Mỹ, cuộc sống của gia đình anh đã thay đổi ngay từ ngày đầu. Các con anh đã được sống ngay trong một căn nhà ba phòng ngủ rộng rãi, có sân to phiá sau nhà để chơi, vợ anh có miếng vườn lớn phiá trước để trồng hoa. Tuy thời gian đầu còn cơ cực nhưng gia đình anh vẫn có đầy đủ cơm thịt cá rau để mà ăn cho no, không khi nào đói, không khi nào phải thèm thuồng. Các con anh có xe hơi đi học và đi chơi, không phải chất cả nhà lên một chiếc scooter Lambretta nhỏ xíu như khi còn ở bên nhà.

Cuốc sống gia đình anh đã thay đổi theo chiều hướng đi lên nhanh chóng. Sau khi mua được căn nhà thứ nhất, vợ chồng anh vẫn tằn tiện, không tiêu hoang phí, nên để dành thêm được chút tiền. Khi các con anh ra khỏi đại học và tự sống lấy, không còn nhờ vả vào đến anh nữa, thì tiền anh làm được dư ra, vợ anh đã muốn sinh sống ngay trong thành phố San Francisco, nàng đã đi xem và đã chọn được một căn nhà khác để mua và đưa gia đình anh về đó ở. Con trai lớn anh cũng đã mua một căn nhà cách đó chưa đầy 300 thước. Chiều chiều, anh đã có thể đi bộ sang thăm hai đứa cháu nội. Đối với anh tất cả những cái đó góp phần mang hạnh phúc đến cho anh và gia đình. Anh coi đó là những thành quả mà anh đã gặt hái được qua những nỗ lực không ngừng mà anh đã biểu hiện suốt hơn 30 năm anh sống trên đất Mỹ; 30 năm, một nửa cuộc đời anh, một nửa cuộc đời sống trên mảnh đất nay anh chọn làm quê hương.

Cố gắng mãi cũng có ngày muốn thôi, chẳng bao lâu anh đã thấy thấm mệt và với tuổi già ập tới, anh thôi không còn hăng say như trước. Đến năm 2002, anh đã 60 tuổi anh bèn ngưng thôi không đi dạy nữa vì anh cảm thấy mệt mỏi và muốn dành thời giờ nghỉ ngơi, viết lách, đi du lịch cho biết đây đó. Anh đã tìm ra một thú vui mới trong đời: viết kể lại cuộc đời anh: anh viết lại câu truyện ra đi tìm tự do của anh và bây giờ đây anh kể lại cuộc tranh đấu của anh trên đất Mỹ. Anh muốn sau này con cháu anh có tài liệu đọc, để hiểu những khó khăn mà cha ông chúng đã phải đối đầu khi ra đi khỏi Việt nam và đến sinh sống trên đất Mỹ. Anh muốn chúng hiểu được giá trị của những nỗ lực mà những người như anh đã làm, những hy sinh mà ông cha chúng đã trải qua để gây dựng một tương lai tươi sáng hơn cho con cháu.